

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận của Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo
và Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ



SỐ
9

VU LAN THẮNG HỘI 2540

Bác Sĩ Nha Khoa TRẦN NGỌC TÂM HƯƠNG, D.D.S.

Hội viên Americal Dental Association
Hội viên Academy Of General Dentistry
Hội viên California Dental Association

- Dùng máy siêu âm (Ultrasonic)
- Khám răng tổng quát và định kỳ
- Lấy gạn máu
- Trị bệnh nướu răng
- Nha khoa phòng ngừa
- Chữa, Nhổ răng cho trẻ em và người lớn
- Nha Khoa Thẩm Mỹ dùng U.V. Light sửa
và làm đẹp các răng cửa hư, xấu hoặc hở
- Tẩy trắng răng (Bleaching)
- Làm đủ loại răng giả (Fixed, Removable Prosthodontic)



VÙNG SAN FERNANDO VALLEY



(818) 708-7280

18554 Sherman Way
Reseda, CA 91335

Roscoe			
Saticoy			
Sherman Way			
Vanowen	Wilbur	Amigo	Reseda

NHA SĨ
TRẦN NGỌC TÂM HƯƠNG

Giờ làm việc:

Thứ Ba - Thứ Sáu: 10AM - 7PM

Thứ Bảy - Chủ Nhật: 9AM - 4PM

NGHỈ THỨ HAI

Nhận BẢO HIỂM, MEDICAL, TRẢ GÓP

Xử dụng máy móc tối tân
và kỹ thuật hiện đại để phòng ngừa bệnh
truyền nhiễm trong khi điều trị.

KHÁM BỆNH THEO HẸN, ĐẶC BIỆT VĂN PHÒNG MỞ CỬA NGÀY CHỦ NHẬT.

Trường hợp khẩn cấp, xin đến thẳng văn phòng.



ERA FIRST STAR REALTY

8700 Warner Ave., Fountain Valley, CA 93708 (Magnolia & Warner)

Xin gọi: (714) 935-4227

Với 14 văn phòng và hơn 522 Agents hân hạnh phục vụ quý đồng hương từ Los Angeles, Orange County và vùng lân cận.

Vùng Anaheim, Yorba Linda, Irvine, Lakeforest, Tustin, Costa Mesa, Long Beach, Los Angeles và vùng lân cận. Xin gọi cho chúng tôi (714) 935-4227



Frank Tuấn Nguyễn, Broker
(714) 935-4227



Dorothy Nguyễn
(310) 424-5328



Lân Lê
Broker Associate
(714) 286-5836



Richard Tuyền Nguyễn
(714) 567-8919



Lân Hoàng
(714) 575-9057



Brian ZDũng Trần
(714) 444-6898



Susan Than
(714) 406-3219



Tân Bùi
(714) 648-2350



Gordon Jung
(714) 664-8168

★ ERA FRIST STAR REALTY lớn nhất và Đứng đầu nước Mỹ với số **BÁN** và **MUA** năm 92, 93, 94 và 95.

★ Tham khảo miễn phí: **BÁN, MUA** và **SANG NHƯỜNG**.

★ Nhà **BÁN** của Quý vị được đăng: L.A. TIME, R.E. ERA và các báo V.N.

★ Cần tuyển Agent: commision cao.



Minh La
(714) 570-9364



John Trung Lương
(714) 565-6847

Để giúp quý vị tìm được căn nhà vừa ý và đúng nhu cầu, thích hợp với khả năng tài chính, ngoài danh sách trên: Xin gọi (714) 935-4227, để biết thêm chi tiết. Cảm Ơn.

WESTMINSTER, GARDEN GROVE, SANTA ANA:

Nhà 1 tầng, 3 hay 4 phòng ngủ.

Giá \$120.000 đến \$140.000 có (160 căn).

\$140.000 đến \$160.000 có (211 căn).

Nhà 2 tầng, 3 hay 4 phòng ngủ:

Giá \$160.000 - \$180.000 có (15 căn)

\$180.000 - \$200.000 có (36 căn)

FOUNTAIN VALLEY - HUNTINGTON BEACH

Nhà 1 tầng, 3 hay 4 phòng ngủ.

Giá \$160.000 - \$180.000 có (23 căn)

\$180.000 - \$200.000 có (82 căn)

Nhà 2 tầng, 3 hay 4 phòng ngủ

Giá \$200.000 - \$250.000 có (49 căn)

\$250.000 - \$300.000 có (88 căn)

LONG BEACH - LAKEWOOD

Nhà mới xây 3PN hay 4PN, 2,5PT, có family room, phòng ăn, bếp rộng.

Giá \$149.000 - \$179.000 có (11 căn).

CONDO, TOWNHOUSE:

Giá \$70.000 đến \$80.000 có (25 căn)

Giá \$80.000 đến \$105.000 có (32 căn)



4PN + 2PT, thảm, sơn mới, đẹp, tường gạch. Giá \$174.900



3PN + 2.75PT, nhà đẹp, bếp mới rộng, central air. Giá \$205.000



Nhà mới 4 tuổi, 3PN + 2PT, family room. Giá \$142.000



Nhà mới 8 tuổi, 2 tầng, đẹp 4PN + 3PT, family room. Giá \$204.000



Nhà 2 tầng, 4PN + 2,5PT, family room, gần \$2000sq. Giá \$199.000



Nhà 3PN + 2PT đẹp, khu lịch sự, family room & dining room. Giá \$189.000

PHỤC VỤ THÂN CHỦ Ở CÁC VÙNG MIỀN NAM CALIFORNIA, LOS ANGELES, ALHAMBRA, MONTEREY PARK, ROSEMEAD, POMONA, GLENDALE, HAWTHORNE, GARDENA, LONG BEACH, RESEDA, VAN NUYS, SIMI VALLEY, VENTURA COUNTY, ORANGE COUNTY, RIVERSIDE, SAN BERNADINO, PALM SPRING VÀ CÁC VÙNG PHỤ CẬN

TỔ HỢP VĂN PHÒNG LUẬT SƯ **RICHARD LENARD & JOHN CANSDALE**

CHUYÊN LO TAI NẠN XE CỘ

Tổng Giám Đốc điều hành : JIMMY HẢI



Luật Sư John Cansdale E.S.Q. - Luật Sư Richard Lenard E.S.Q. - Nữ Luật Sư Marjorie Johnson E.S.Q.
Nữ Luật Sư Kathleen A. Brown E.S.Q. - Luật Sư K. Sean Singh E.S.Q. - Luật Sư Jerry Morgan E.S.Q.

ĐẶC BIỆT: Với sự tín nhiệm của thân chủ ủy thác trong nhiều năm qua

**LỆ PHÍ LUẬT SƯ CHỈ CÓ
11.99 %**

Được ký kết bảo đảm trên giấy ủy quyền, và Luật Sư hành điện cùng ký chung trên tám chi phiếu với thân chủ

Văn phòng lớn nhiều chi nhánh khắp nơi và uy tín đã hiện diện trong cộng đồng VN hơn 10 năm với tổ hợp Luật Sư giàu kinh nghiệm. Sẵn sàng ra tòa tranh cãi để bảo vệ quyền lợi của thân chủ.

* Chính Luật Sư lo hồ sơ từ A đến Z * Tham khảo trực tiếp và gặp thẳng Luật Sư bất cứ lúc nào * Nhân viên đến tận nơi lo thủ tục cho quý vị.
* Đòi bồi thường tối đa và nhanh chóng, không nhận thù lao nếu không được bồi thường.

Sau khi xảy ra tai nạn dù có bảo hiểm hay không, có báo cảnh sát hay không. Xin quý vị gọi ngay cho Jimmy Hải để được lo mọi mặt và giải quyết toàn diện vấn đề.

DIỆN THOẠI MIỄN PHÍ CHO CÁC VÙNG : 1.800-540-6466

DIỆN THOẠI : (818) 881-9724 / (213) 224-0339 / (714) 550-1099 / (310) 320-7344 / (909) 622-3397

KHẨN CẤP BEEPER 24/24: (818) 494-8210 / (714) 208-0967 / (213) 829-7313 / (310) 980-9450 / (909) 680-4535 sẽ gọi lại trong vòng 5 phút

NGOÀI RA LUẬT SƯ CÒN ĐẢM TRÁCH MỌI LÃNH VỰC PHÁP LÝ & TRANH TỤNG CỦA QUÝ VỊ

* Tai nạn trong sở làm.
* Trượt té trong hàng quán, siêu thị.
* Bộ hành bị thương tích.
* Chó cắn.

* Khai phá sản * Ly dị, ly thân.
* Lập di chúc thừa kế.
* Thành lập công ty.
* Uống rượu lái xe.

* Bất cẩn y tế của Bác Sĩ
* Luật di trú.
* Luật địa ốc.
* Trộm cắp, ma túy, hành hung.

ORANGE COUNTY OFFICE
625 City Driver, 4 floor
Orange, CA 92668

RIVERSIDE OFFICE
3620 - 13 th. Riverside CA

**LOS ANGELES
SAN FERNANDO OFFICE**
18541 Sherman Way Suite # 202
Reseda, CA 91335
(Trên lầu Café Lục Huyền Cẩm)

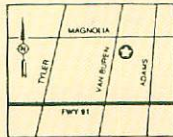
SAN BERNADINO OFFICE
395 D St. San Bernadino, CA

PALM STRING OFFICE
777 Tahquite Canyon # 220
Palm String CA

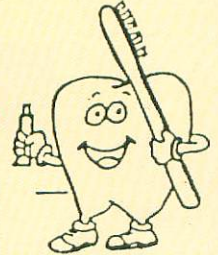
TRUNG TÂM NHA KHOA PACIFIC DENTAL GROUP, INC.

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

Nguyễn Thị Ngọc Liên, D.D.S.



- * Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA.
- * Hội Viên Của A.D.A., C.D.A., O.C.D.S.



ĐỊA ĐIỂM 1

3693 VAN BUREN Blvd.
RIVERSIDE, CA 92503
(909) 785-5858

HÃY GỌI:

1-800 RĂNG TỐT
1-800-726-4868

ĐỊA ĐIỂM 2

16051-D BROOKHURST St.
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
(714) 775-5858 - (góc Edinger)

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, nhổ răng, tiểu giải phẫu.
- * Lấy gân máu.
- * Trị bệnh nướu răng: Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng.
- * Làm răng giả các loại: Dính liền hay tháo rời.

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Ngừa sâu răng và theo dõi trẻ em trong thời kỳ thay răng để tránh răng mọc lệch lạc.

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng sứt mẻ, thưa hay đổi màu bằng Cosmetic Bonding hay Porcelain Veneer.

CHỈNH RĂNG

- * Chữa răng hô, móm, mọc lệch lạc bằng niềng răng.

Giờ mở cửa:

THỨ HAI - THỨ BẢY
10 am -- 6 pm

Điều kiện dễ dàng cho quý vị trả tiền mặt.
Nhận MEDICAL - INSURANCE - VISA
MASTER CARD - CASH

- Nhẹ nhàng - Tận tâm - Kỹ lưỡng.
- Phòng mạch sạch sẽ thoải mái.
- Chữa trị theo kỹ thuật hiện đại nhất.
- Dụng cụ được khử trùng theo tiêu chuẩn OSHA để tránh lây bệnh truyền nhiễm.

ĐẶC BIỆT: Văn phòng chúng tôi có máy điện tử nhỏ RƠI RĂNG để bệnh nhân biết rõ tình trạng của răng và được giải thích hướng dẫn chữa trị chính xác.

All Real Estate Funding

CÔNG TY TÀI TRỢ ĐỊA ỐC CHUYÊN NGHIỆP

19762 Sherman way., Canoga Park, CA 91306

(góc đường Corbin & Sherman Way)

Tel. (818) 347-9798 * Fax. (818) 347-3924

Công Ty Địa Ốc và Tài Trợ

*uy tín và nhiều kinh nghiệm nhất trong vùng San Fernando Valley
và phụ cận. Tận tình giúp quý vị mua bán bất động sản, vay tiền
và mượn tiền từ các ngân hàng hay các nhà đầu tư địa ốc.*

.....

QUÝ VỊ CẦN VAY TIỀN

Mua Nhà * Refinance

.....

Xin Gọi

ALL REAL ESTATE FUNDING

ĐẶC BIỆT

- LỆ PHÍ NHẸ, TIỀN LỜI THẤP
- TIỀN PHÍ TỔN KHI HỒ SƠ HOÀN TẤT SẼ ĐÚNG NHƯ LÚC BAN ĐẦU QUÝ VỊ ĐÃ ĐỒNG Ý.
- NHIỀU CHƯƠNG TRÌNH THÍCH HỢP CHO MỌI HOÀN CẢNH.
- 30 NĂM CỐ ĐỊNH: 7.25%
- 15 NĂM CỐ ĐỊNH: 6.75%



RICHARD MUỐI TRƯƠNG
BROKER / OWNER



MONA MUỐI TRƯƠNG
REAL ESTATE BROKER
SR. LOAN OFFICER

UY TÍN * TẬN TÂM * NHANH CHÓNG * KINH NGHIỆM

Tap Chi
PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI
Cơ quan ngôn luận
 của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo
 và GHPGVNTNHN-HK



Chủ nhiệm:

H.T. Thích Đức Niệm

Chủ bút: Quảng Thành

Phụ tá chủ bút: Tâm Huy

Tổng thư ký: Tâm Quang

Thủ quỹ: Thanh Chánh



Đăng quảng cáo xin liên lạc:

Sư Cô Diệu Tánh

☎ : (818) 893-5317



Ngân chi phiếu xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

9250 Columbus Ave.,

North Hills, CA 91343-USA

☎ : (818) 893-5317



Thư từ và bài đăng báo xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

P.O. BOX 7659

Van Nuys, CA 91409-7659 • USA

☎ : (818) 893-5317

• Bài vở đăng tải trên PGHN không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tòa soạn.

• Bài gửi đăng PGHN xin đánh máy, computer (hoặc gửi floppy disk càng tốt) hay viết tay rõ ràng để đọc để tránh nhầm lẫn về nội dung cũng như hình thức bài gốc.

• Ngoài bút hiệu, xin ghi tên thật và địa chỉ, điện thoại để tòa soạn có thể liên lạc khi cần.

SỐ 9, MÙA VU LAN BÁO HIẾU 2540, THÁNG 09/1996

Mục Lục

Thư kêu gọi của <i>Tòa Soạn PGHN</i>	2
Lá thư chủ nhiệm, <i>HT Thích Đức Niệm</i>	3
Vu Lan Thắng Hội, <i>Thiền Đức</i>	5
Trăng sáng, Lòng Con, <i>thơ Thuyền Ấn</i>	8
Đạo Phật đáp ứng tâm linh con người thời đại, <i>Lý Đại Nguyên</i>	9
Bất chợt, <i>thơ Như Yến</i>	12
Hiện tình Giáo Hội PGVNTN tại quê nhà, <i>H.T. Chánh Lạc</i>	13
Tôi tìm Cái Tôi, <i>thơ Thắng Hoan</i>	18
Sự ứng dụng thực tiễn & Thệ nguyện Giác ngộ, <i>H. Kim Quang</i>	19
An lạc, <i>thơ Duy Nghiệp</i>	21
Pháp Nạn, <i>Nguyễn Tường</i>	22
Tạ Ôn, <i>thơ Hạ Thi Nhân</i>	26
Phật Giáo VN giữa hai ý hệ Công & Cộng, <i>Trần Chung Ngọc</i>	27
Vô thần và Hữu thần, <i>Hoàng Hà Thanh</i>	37
Vu Lan nhớ Mẹ, <i>thơ Diệu Nga; Mẹ, thơ Misa</i>	42
Nhân quả thế gian, <i>Thiện Bửu</i>	43
Địa Ngục có thật, <i>truyện ngắn Nguyễn Hữu Nhật</i>	47
Vu Lan, <i>thơ Từ Phong</i>	58
Cuộc du hành sang Lạp Tát của Tây Tạng, <i>HT Thích Trí Chơn</i>	59
Giọng cười bát ngát, Chợ đời, <i>thơ Phù Du</i>	61
Quan niệm Sử học & Triết học của Duy Thức, <i>Th. Thắng Hoan</i>	62
Cảm Niệm Vu Lan, Ba Thì, <i>thơ Tâm Văn</i>	65
Cửa Thiền Cửa Tịnh, <i>truyện ngắn Huỳnh Trung Chánh</i>	66
Tham thì Thâm, <i>tùy bút Hương Giang Tư Mã</i>	78
Thương Mẹ, <i>thơ Hạ Ái Khanh</i>	80
Phá hủy tư tưởng bốn học thuyết sai lầm... <i>Vân Nguyên dịch</i>	81
Bài Ca Tặng Thầy, <i>thơ Minh Huy</i>	83
Cái Chết có thật đáng sợ không? <i>Thích Tâm Quang dịch</i>	84
Thêm một chút Tinh Tấn, <i>Như Yến</i>	88
Đổi cả thiên thu tiếng Mẹ cười, <i>thơ Trần Trung Đạo</i>	94
Đồng xu Lá bài, <i>truyện ngắn Phạm Thăng</i>	95
Ngồi Thiền, Đi chợ, Chắp Hũu, <i>thơ Hoàng Việt Thi</i>	105
Con đã lớn, <i>truyện ngắn Diệu Nga</i>	106
Thực tại, <i>thơ Vĩnh Hảo</i>	113
Niệm Phật đi em, <i>nhạc và lời của Vô Ngã</i>	114
Tin tức sinh hoạt của <i>Giáo Hội trong và ngoài nước</i>	115
Hình ảnh sinh hoạt	126
Tri ân	128
Thư mục kinh sách PHVQT	129
Quảng cáo	133

Hình bìa: Khói lam chiều trên dòng sông quê hương, tranh Phạm Thăng

THƯ KÊU GỌI CỦA TÒA SOẠN PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

Kính bạch chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni,

Kính thưa quý độc-giả Phật-tử, quý vị văn thi hữu cùng quý thân chủ quảng cáo trên báo Phật-Giáo Hải-Ngoại.

Trước hết, tòa soạn chúng tôi một lần nữa niệm ân thành tình hỗ trợ vật chất và tinh thần quý báu của quý vị trong thời gian qua ; nhờ vậy mà PGHN còn tiếp tục tồn tại đến ngày hôm nay. Tuy nhiên, PGHN cuối cùng lại rơi vào một thông lệ rất bất bênh, đó là : biến thành loại báo biểu vô điều kiện (free). Điều này xét ở khía cạnh lạc quan, chúng ta thấy nó thể hiện được sự cởi mở, khoáng đạt của tinh thần nhà chùa. Nhưng thực tế thì đó lại là một vấn nạn mà nhân viên tòa soạn là những người trực tiếp phải đối đầu.

Với số lượng in mỗi số là 5,000 bản, cộng thêm cước phí để gửi báo biểu đi khắp thế giới (tiền cước phí bằng 1/3 tiền in báo), quả là tòa soạn PGHN thật vô cùng khó khăn. Sự đóng góp của một số Chư Tôn Đức và Phật-tử (được liệt kê mỗi kỳ trong mục TRI-ÂN) cũng như sự ủng hộ của các thân chủ quảng cáo, đã biểu hiện cả nhiệt tình đối với PGHN ; tuy nhiên, so với mức chi ra, hãy còn là con số khiêm nhường có thể nhận thấy rõ.

Vậy, hôm nay PGHN xin có thư này đến toàn thể Chư Tôn Đức và quý độc-giả Phật-tử gần xa, thiết tha kêu gọi sự hỗ trợ tích cực của quý vị để duy trì sự sống còn của tờ báo. Chư Tôn Đức, chư Phật-tử và thân chủ quảng cáo từng ủng hộ tịnh tài cho PGHN, xin hoan hỷ tiếp tục ủng hộ ; quý Phật-tử chưa có cơ hội đóng góp, xin hoan hỷ phát tâm góp phần vào để cứu vớt các chi phí quá lớn của tờ báo. Dĩ nhiên, đây chưa phải là giải pháp hay nhất để giải quyết tình trạng tài chánh bất bênh của tòa soạn, nhưng còn nước thì còn tát. Muôn sự trông cậy vào nhiệt tâm của quý vị. Thành thật tri ân.

Nam-Mô Công-Đức-Lâm Bồ-Tát Ma-Ha-Tát

TÒA - SOẠN PHẬT - GIÁO HẢI - NGOẠI

GÓP PHẦN ỦNG HỘ MUA BÁO DÀI HẠN

(Mỗi năm 3 số nhằm Lễ Phật-Đản, Lễ Vu-Lan và Tết Nguyên-Đán)

- ✈ Độc-giả ở Hoa-Kỳ và Gia-Nã-Đại, gửi báo bằng đường bay (air mail) 15MK một năm.
- ✈ Độc-giả ở các Châu Á, Âu và Úc, gửi báo bằng đường bay (air mail) 20MK một năm.

☺ Ủng hộ vô điều kiện được ghi phương danh ở mục TRI AN của tập san.

☒ Ngân phiếu ủng hộ, hoặc mua báo dài hạn xin để : **PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI**

☒ *Thư từ mua báo hoặc ủng hộ báo* xin gửi về địa chỉ :

PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

9250 Columbus Ave., North Hills, CA 91343 - U.S.A

☎ Điện thoại: **(818) 893-5317**

Lá thư chủ nhiệm

Trong tất cả loại dưỡng tố nuôi lớn con người, tình thương của cha mẹ là chất liệu thiết yếu và cao quý nhất. Thiếu tình thương cao quý này, con người mất đi nguồn sống ngọt ngào, ấm áp và thiêng liêng nhất trên đời.

Tình thương của cha mẹ là chất liệu trọng yếu thường trực phải có trong đời sống, như không khí để hít thở. Nhưng con người đôi khi không quan tâm đến giá trị thù thắng của nó. Hiếu đạo, vì vậy, cần phải được tôn xưng để nhắc nhở kẻ làm con biết trân quý tình thương cao khiết và công lao sanh thành dưỡng dục lớn lao của cha mẹ. Đây chính là ý nghĩa trọng yếu của ngày đại lễ Vu-Lan. Người con Phật ngoài việc nhớ ơn và báo hiếu phụ mẫu còn phải luôn luôn ghi nhớ và báo đáp công ơn đối với Tam-Bảo, tổ quốc và chúng sanh. Nhờ Tam-Bảo mà người con Phật có nơi nương tựa vĩnh cửu để từ đó chuyển hóa nghiệp lực và giải thoát khổ đau. Nhờ tổ quốc mà người công dân được nuôi dưỡng, bảo bọc trong truyền thống văn hóa và đạo đức hướng thiện để trở thành con người ích nước lợi dân. Nhờ chúng sanh mà con người có thể tương quan sinh thành hiện hữu từ đời này qua đời khác trong mối liên hệ nhân duyên cộng tồn.

Mùa Vu-Lan năm nay lại về trên nỗi bi thương khôn xiết của hàng chục ngàn đồng bào Việt-Nam tị nạn tại các trại Đông Nam Á. Họ không được nhân loại đối xử bằng tình thương chân thật mà bằng áp lực cường quyền. Hàng trăm người không tiếc sinh mệnh đã dùng dao mổ bụng, chặt tay, thiêu đốt để phản đối chính sách cưỡng bức hồi hương và bảo vệ lý tưởng tự do của họ. Vậy mà cả thế giới nhân loại đều bịt mắt che tai như không hay biết gì ! Trong nước, quý Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng, Ni và Phật tử thuộc Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, các nhà lãnh đạo các tôn giáo, các vị trí thức văn nghệ sĩ đòi hỏi tự do, nhân quyền cho dân tộc vẫn còn bị giam cầm vô thời hạn. Có tội tình gì ? Họ chỉ vì thương đồng bào ruột thịt lâm than điêu đứng trong thảm cảnh mất nhân quyền mà kêu gọi nhà đương cuộc cộng sản trả lại quyền sống tự do dân chủ cho dân tộc. Vì lẽ sống, hàng trăm ngàn người đã bỏ mình trên

rừng sâu núi thẳm, hoặc dưới lòng đại dương trên đường đi tìm tự do và giá trị làm người đích thực. Xin hãy thấp nén tâm hương cầu nguyện cho tất cả nạn nhân được sớm tiêu trừ nghiệp lực và giải thoát khổ đau.

Trong mùa Vu-Lan, mỗi người con Phật hãy nỗ lực thấp sáng giá trị cao quý của tình thương và của công lao cha mẹ bằng cách thể hiện đời sống hiếu hạnh và lòng vị tha đối với tất cả muôn loài. Đồng thời tinh tấn thực hành hạnh nguyện ban vui cứu khổ để hồi hướng công đức cho cứu huyền thất tổ đa sanh phụ mẫu được tiêu trừ khổ nạn, giải thoát trầm luân. Với tâm nguyện ấy, nơi nào chúng sanh còn bị tiếp xử bằng thù hận, bằng bạo lực, bằng bất công, thì nơi ấy, người con Phật cần phải có mặt để chuyển hóa vô minh, giải thoát khổ đau cho tất cả. Cụ thể là chúng ta bằng tất cả khả năng của mình, xin hãy đóng góp tâm lực và vật lực vào công cuộc hỗ trợ cho các đồng bào đang gặp hoạn nạn tại các trại tỵ nạn và công cuộc vận động cho tự do, tôn giáo, nhân quyền và phục hoạt GHPGVNTN dưới sự lãnh đạo tối cao của Hòa-Thượng Thích-Huyền-Quang và Hòa-Thượng Thích-Quảng-Độ.

Tạp Chí Phật-Giáo Hải-Ngoại số 9 đến tay quý độc giả là nhờ vào sự chiếu cố hỗ trợ quý báu của tất cả chư Tôn Đức Tăng, Ni, Phật tử và quý thân chủ quảng cáo. Ban biên tập PGHN chân thành tri ơn tất cả quý vị và kính mong được sự tiếp tục hỗ trợ quý báu đó để PGHN có thể tồn tại và hoàn thiện hơn nữa, ngõ hầu xứng đáng là món ăn tinh thần của quý vị và đồng hương.

Nhân mùa Vu-Lan Báo-Hiếu Phật Lịch 2540, toàn ban biên tập PGHN kính chúc Chư Tôn Giáo Phẩm, chư Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng, Ni pháp lạc vô biên, chúng sanh dị độ, đồng thời kính chúc quý độc giả, quý Phật tử, quý thân chủ quảng cáo cùng quý đồng bào quốc nội hải ngoại thân tâm thường lạc, vạn sự cát tường. Cầu nguyện anh linh tổ quốc linh thiêng cảnh giác đương quyền cộng sản tỉnh ngộ hồi đầu về với dân tộc để cho một Việt-Nam sớm thoát khỏi thế lực vô minh, toàn dân được sống trong bình đẳng tự do dân chủ no ấm thật sự.

Thích-Đức-Niệm

VU-LAN THẮNG-HỘI

Thiên Đức

Vu-Lan là ngày đặc biệt để tưởng nhớ đến cha mẹ, người đã cho ta đời sống. Vu-Lan là ngày báo đền ân đức sanh thành dưỡng dục của cha mẹ đã tạo dựng cho ta nên người. Vu-Lan còn là ngày tưởng nhớ đến những người thân thương có tương quan giúp đỡ mình trong cuộc sống. Ân đức sanh thành dưỡng dục của mẹ cha thật là sâu dày cao rộng không thể một ngày một lúc mà có thể đền đáp hết được. Tình nghĩa những người thân thương tương quan trong cuộc sống của ta trùng trùng, ân tình chồng chất lớp lớp. Thế nên, người Phật tử có trọn mùa Vu-Lan để đền ơn đáp nghĩa ân đức sanh dưỡng.

Vu-Lan mang ý nghĩa giải thoát nỗi khổ đau thống thiết. Thắng-Hội là pháp hội thù thắng vạn năng không thể nghĩ bàn, do nhiều người cùng chung tấm lòng họp lại mà thành. Vậy Vu-Lan Thắng-Hội có nghĩa là nhiều người hội họp đồng chung dâng trọn tâm thành thanh tịnh hướng về mục đích giải thoát khổ đau cho những người thiếu phước bạc duyên

đang bị đọa đày trong chốn tối tăm thống khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Vu-Lan Thắng-Hội bắt nguồn từ sự tích tôn giả Mục-Kiền-Liên cứu độ mẹ là bà Thanh-Đề. Người sống trên đời ai mà chẳng có mẹ cha. Không có cha mẹ thì làm sao có ta ? Ta ra đời mà thiếu mẹ cha săn sóc vỗ về thì làm sao có thể sống còn và lớn khôn trong êm ấm ? Nhưng chính vì dành trọn cho con được êm ấm mà đôi lúc cha mẹ đã tạo nên những điều lầm lỗi thương tâm ! Vì quá thương con, lo cho con, mà cha mẹ, nhất là mẹ lắm khi đã phải hạ mình chịu nỡ, chịu nhục, luồn cúi, lạy lục nài nỉ van xin, có thể đôi khi làm chuyện dối gạt nữa, để cho con được cứu sống, được an thân, học hành, được có sự nghiệp công danh, được nên thân nên phận. Vì con mà cha mẹ đã phải lặn lội lao đao, tốn hao tâm huyết, tiền bạc, chịu trăm ngàn đắng cay, miễn sao cho con mạnh khỏe lớn khôn nên người, là niềm vui nhất của đời mẹ. Mãi mê lo cho con

mà mẹ quên chính bản thân mình :

Mẹ cho con tất cả

Hết quãng đời tuổi xanh

Cả thương yêu dịu ngọt

Rộng hơn biển trời thanh...

Bao nhiêu năng lực tâm huyết của mẹ đều dồn hết cho việc nuôi con. Đời mẹ dành dụm được gì thì cũng vì để cho con :

Một đời vốn liếng mẹ trao

Mẹ cho tất cả mẹ nào giữ riêng.

Có ai biết được nỗi lo lắng của mẹ, khi con đau ốm ? Có ai cảm thông nỗi đau lòng của mẹ, khi con cãi lẫy chống trả không nghe lời dạy khuyên ? Có ai thấu được nỗi buồn thương âm thầm thổn thức nước mắt chảy ngược về tim trong những chiều hoàng hôn xuống, trong những đêm khuya dài dằng dặc, mẹ lặng lẽ một mình nghĩ nhớ đến con ? Có ai biết được nỗi lòng se thắt như ruột cắt từng đoạn mà miệng vẫn phải gượng cười, khi mẹ đưa con lên xe hoa về nhà chồng, hoặc tiễn chân con ra tận cổng làng đi học xa hoặc đến xứ lạ lập nghiệp, tìm kế sanh nhai :

Trông đôi mắt mẹ rưng rưng lệ

Đôi mắt bây giờ đã héo khô.

Chẳng may gặp lúc gia đình lâm cảnh túng thiếu, mẹ phải đầu tắt mặt tối, buôn tảo bán tần, ngược xuôi chạy lo để sao cho con được no cơm ấm áo, để con không mặc cảm thua

kém chúng bạn. Vì để cho con được an lòng học hành mà mẹ phải dạn dày gió bụi một nắng hai sương, với chiếc thân ốm gầy, áo đầy những miếng chàm vá, tóc đã ngả màu hoa râm tự lúc nào :

Ôi ! Chiếc lưng của mẹ

Đã còm bởi thương đau

Ôi ! Cuộc đời của mẹ

Trăm năm nổi chuyện sầu.

Công lao dạy dỗ của cha, ân đức nuôi dưỡng của mẹ bao la như trời biển không lời nào diễn tả cho hết, không bút mực nào chép cho cùng. Vậy, phận làm con, chúng ta đã có lời nào thật ngọt ngào thống thiết bày tỏ, đã có một cử chỉ nào thật thân tình để biểu lộ lòng biết ơn quý mến kính yêu cha mẹ chưa ?

Sao người ngoài chỉ mới giúp ta đồng tiền bát gạo, cho ta chén nước cọng rau mà ta đã cúi đầu bày tỏ lòng biết ơn. Trên đường đi gặp lúc trời nắng cháy hay mưa to gió lớn, ta chỉ dựa đờ vào gốc cây, hay đụt tạm hiên nhà bên bờ lộ, ta còn biết thương cây, còn có lời bày tỏ lòng biết ơn chủ trọ. Còn cha mẹ đã cho ta vạn triệu lần ân đức sanh thành dưỡng dục cù lao, đã suốt đời trao trọn tình thương dịu ngọt, săn sóc vỗ về chẳng nề hà cực nhọc ngày đêm trải dài năm tháng mà ta chưa có lấy một lời ca ngợi mẹ cha, chưa một lần

hai tay dâng tách trà hay gói quà với lời : Con kính thương mẹ lắm. Tại sao vậy ? Phận làm con nỡ nào không nghĩ đến mẹ cha ! Kinh Đại-Tập, Phật dạy : “*Thế nhược vô Phật, thiện sự phụ mẫu. Sự phụ mẫu, tức thị sự Phật*”. Nghĩa là người sanh ra đời không gặp Phật mà khéo phụng thờ cha mẹ thì như phụng thờ Phật. Kinh Nhấn-Nhục Phật nói : “*Thiện chi cực mạt đại ư hiếu, ác chi cực bất hiếu giả*”. Nghĩa là, hiếu thảo là điều thiện to lớn nhất. Bất hiếu là điều ác to lớn nhất. Không hiếu là thiếu bốn phận làm người, là thiếu nhân cách.

Vậy báo đáp thế nào để trọn đạo hiếu ? - Khi cha mẹ còn sanh tiền thì phải hết lòng phụng dưỡng áo cơm thuốc thang, khuyên cha mẹ tu tâm dưỡng tánh, quy y Tam-Bảo, tin sâu nhân quả luân hồi. Khi cha mẹ qua đời, nên thành tâm cúng dường trai tăng siêu độ, bố thí, ăn chay, niệm Phật, ấn tống kinh để hồi hướng công đức đến cha mẹ.

Thế nên, người có tâm hiếu kính cha mẹ là người có tâm hạnh Phật, hiện đời là người lành thiện, làm cha mẹ an vui, làm đẹp cuộc đời, hiện đời là gương mẫu làng nước, tương lai đạo đức sáng ngời như Mục-Kiền-Liên tôn giả.



Giới Thiệu Sách Mới

☸ **Những Đóng Góp To Lớn Của Các Học Giả Anh Quốc Cho Nền Phật Giáo Âu Mỹ** của Hòa-Thượng Thích-Trí-Chơn mới xuất bản là một tài liệu giá trị mà người Phật tử cần phải đọc để biết tinh thần phụng sự đạo pháp của các học giả trí thức Tây-phương.

☸ **TẾ-ĐIÊN-TẶNG** do Khánh-Vân dịch.

☸ **MƯỜI ĐỆ TỬ LỚN CỦA PHẬT** do Hạnh-Cơ dịch.

☸ **PHẬT PHÁP KHÁI LUẬN** của Ấn-Thuận Đạo-Sư.

☸ **LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA** của Trí-Quang dịch.

☸ **KINH GIẢI-THÂM-MẬT** của Trí-Quang dịch.

☸ **KINH ĐẠI-BI SÁM PHÁP & ĐẠI-BI-TÂM ĐÀ-RA-NI XUẤT TƯỢNG** (hình màu đẹp) của Thích-Thiền-Tâm.

☸ **ĐẠI-BI-TÂM ĐÀ-RA-NI XUẤT TƯỢNG** (hình màu đẹp, loại bỏ túi) của Thích-Thiền-Tâm.

Trên đây là những sách mới giá trị cần nên đọc để thấy mình, biết người và hiểu đạo pháp.

Ngoài ra, còn có những kinh sách giá trị khác cũng được liệt kê trong bản Thư Mục Kinh Sách Phật-Học-Điện Quốc-Tế ở trang 129 của Tạp Chí này.

thơ THUYỀN ÁN

Trăng Sáng

Vừa tỉnh mộng, nhìn ngoài hiên trăng sáng,
Kiếp xưa đâu? Thấp thoáng bóng hình ai
Hiện về đây, hay từ chốn dạ đài.
Ôi dĩ vãng nghìn thu trăng vẫn sáng.

Mộng hay thực, trần gian còn nguyên đó
Tình hay mê, tâm vương bận làm gì
Như người xưa, lòng hẳn muốn ra đi
Vì Đạo nghiệp hiển mình cùng sương gió.

Thoáng một kiếp trăm năm buông hệ lụy
Thênh thang đi nổi theo gót người xưa.
Quên gian truân, quên trọn cả nắng mưa.
Hồn thiêng Đạo thấm sâu vào xương tủy.

Núi hùng vĩ, luyện chí cho hùng vĩ
Đốt lửa lòng thấp sáng Đạo vàng thiêng.
Ngàn muôn đời chánh pháp vững triền miên.
Nhìn trăng sáng vọng trời cao nung chí.

Đừng nao núng, ma quân phải tan vỡ
Hăng say lên đoàn kết chung một lòng
Ánh từ quang tỏa chiếu khắp non sông
Xây Đạo nghiệp mãi sáng ngời muôn thuở.

Bằng Chánh pháp, ta xây dựng Chánh pháp
Đừng giữa nghiêng nỏ lệ bóng ma quân
Kiếp kiếp luôn theo Từ Phụ Năng Nhân
Trượng phu ấy Chí xuất trần siêu thoát.

Làm tại Hoa Kỳ 1996

Lòng Con

Kính dâng Hương Hồn Mẹ

Quê Mẹ xa vời nghe nhớ nhung
Đông về gió lạnh buồn mông lung
Năm xưa ấp ủ con, lòng Mẹ
Tuyết phủ mệnh mang gió bão bùng.

Giá lạnh căm căm băng biển đông
Nhớ thương thương nhớ Mẹ, đau lòng
Nao nao cô quạnh hoang vu quá!
Mẹ chết còn gì nữa ước mong!

Xót xa đau buốt cả tim gan
Trăm lạng nhưng sao lệ vẫn tràn.
Nghìn kiếp muôn đời con nhớ Mẹ
Đêm về thương Mẹ sầu mệnh mang.

Con cố người đi sao vẫn thương
Trời cao biển rộng khó đo lường
Tấm lòng của Mẹ hơn như thế
Vắng Mẹ nghe buồn khắp vạn phương.

Con nhớ năm xưa Ngài Mục Liên
Ước ao cứu Mẹ thoát oan khiên
Thế Tôn dạy thiết Vu Lan hội
Nhờ đức chúng Tăng cứu Mẹ hiển.

Con nguyện cung dâng trọn cuộc đời
Hoằng truyền Chánh pháp khắp nơi.
Như Lai xin độ hương linh Mẹ
Thành Phật siêu thăng sống tuyệt vời.

Làm tại Hoa Kỳ vào mùa Vu Lan 1994
trong dịp di thuyết pháp ở các tiểu bang.

ĐẠO PHẬT ĐÁP ỨNG TÂM LINH CƠN NGƯỜI THỜI ĐẠI

Lý Đại Nguyên

Càng ngày con người càng nhận ra rằng chỉ có cuộc sống tự do mới là cuộc sống đáng sống. Chỉ có xã hội tự do mới huy động được tối đa khả năng đóng góp của con người; con người mới thực sự cảm nhận được rằng xã hội đó là xã hội của mình mà mình phải có trách nhiệm chung xây dựng.

Khi tự do đã trở thành giá trị của cuộc sống thì sự lựa chọn của con người đương nhiên là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm. Tốt hoặc xấu. Thiện hay ác. Con người hoàn toàn phải nhận lấy. Vì con người chính là nguyên nhân hoàn thành nhân cách của mình. Và nhân cách của mỗi người cùng với nhân cách cộng đồng tạo thành bản chất xã hội.

Vậy nói tới xã hội Người thì chính người phải là nguyên nhân của lịch sử xã hội rồi. Ta là Nhân của xã hội mà cũng là Duyên cho người khác. Người khác là Nhân cho chính họ và là Duyên cho ta trong xã hội. Chính mối nhân duyên tương quan giữa người với người tất cả đều tác dụng trên Địa-Cảnh-sống, tạo thành Cách-sống, lối-sống, đi dần vào nếp-sống. Đây là Xã-hội-Cảnh của cộng đồng.

Khi cộng đồng đã hình thành thì lập tức phải có tổ chức và người điều hành tổ chức luật lệ được đặt ra để phân định quyền lợi và nhiệm vụ của dân trong cộng đồng. Mở đầu cho những phân chi đẳng cấp chính trị và giai cấp kinh tế.

Lúc này mỗi người đôi khi cảm thấy mình nhỏ bé trước chuyển động của cộng đồng,

mình trở thành phụ thuộc vào những thế lực đang nắm được ưu thế đẩy cộng đồng đi theo ý hướng mà họ muốn. Lâu dần rồi con người quên hẳn đi rằng mình mới chính là nguyên nhân của chuyển biến lịch sử. Chính sự quên đó mà con người cũng vẫn là nguyên nhân làm chậm nhịp tiến của xã hội, và con người lại là nạn nhân của sự chậm tiến đó.

Hình thái tổ chức đầu tiên của nhân loại ở bất kỳ nơi đâu cũng mang tính cách bộ lạc. Bộ lạc là một tập hợp những gia đình, những gia tộc cùng sống một vùng, cùng cảnh sống, cùng cách sống đi từ tình trạng Phi sản (nhặt, hái, săn, câu) tới Hữu sản: trồng tía, tích lũy, hợp quần sản xuất, ăn đồng chia đều, theo tôn ti tộc hệ.

Các bộ tộc nở lớn, các bộ lạc quần tụ với nhau trên một địa bàn rộng để tiến lên thành Quốc gia. Chế độ Phong kiến thành hình. Những binh biến thống nhất nhà nước, mở rộng giang sơn ngày một trở nên quyết liệt, hầu như chẳng có lịch sử nào của các dân tộc, quốc gia lại không viết lên bằng máu của con người. Khổ đau, hào hùng, thảm bại vinh quang... trộn lẫn với nhau hẳn lên thành những dấu ấn muôn đời của các dân tộc, chạy dài vào dòng Di thức của mỗi người chúng ta hôm nay.

Có ba nền văn minh còn ảnh hưởng tới thế giới chúng ta, đó là 1) Văn minh Ấn Độ, 2) Văn minh Trung Hoa, 3) Văn minh Hy-La. Ba nền văn minh này có những đặc tính rất khác

nhau trong việc lập thể cách lãnh đạo xã hội. Bởi đây các quốc gia ảnh hưởng của mỗi nền văn minh đều cùng chung một tình trạng.

Văn minh Ấn Độ thì đặt Giáo quyền lên trên Thế quyền. Đẳng cấp Tăng lữ đứng trên vua chúa và quyết định đường hướng và thể cách sinh hoạt xã hội. Chính vì vậy mà xã hội ì ạch không tiến.

Văn minh Trung Hoa thì Thế quyền vượt trên Giáo quyền. Vua là con trời, thay trời lãnh đạo xã hội. Tôn giáo đều do Vua, chấp nhận và tấn phong, hoàn toàn trái ngược với văn minh Ấn Độ. Nhưng cũng như văn minh Ấn Độ, xã hội cũng không cất đầu lên được.

Văn minh Hy-La thì vốn đa dạng và trái ngược, xung đột nhiều hơn về cả mọi lãnh vực. Lúc thì Thế quyền vượt lên trên Giáo quyền, khi thì Giáo quyền lấn át Thế quyền. Cuộc trường kỳ tranh chấp quyền hành giữa nhà vua và nhà thờ không thời nào ngưng nghỉ. Yếu thế thì tạm chịu vậy thôi.

Dân chúng vừa là nạn nhân vừa là đối tượng tranh thủ của các thế lực tranh chấp. Từ đó, ý thức con người nhận ra rằng: chính Người Dân mới thật là chủ nhân của xã hội, của quốc gia. Trào lưu Dân chủ thành hình và phát triển cực mạnh, làm sụp đổ chế độ phong kiến.

Các chính quyền non trẻ ra đời, các chế độ dân chủ được thiết lập, nhưng rồi vì yếu kém về tinh thần lẫn tổ chức, nên quyền hành bị lọt vào tay kẻ giàu có. Rồi vì quyền lợi của họ và niềm kiêu hãnh của các nước dân chủ, họ đã biến các nước đó thành các nước Thực Dân, đi đô hộ các nước nhỏ lạc hậu. Lúc này cả nhà thờ lẫn nhà buôn đều cùng hưởng vào việc mở rộng thuộc địa.

Dân chủ là tiếng réo gọi khẩn thiết có hấp lực lớn đối với các nhà trí thức, triết gia, khoa học, xã hội học, văn nghệ sĩ v.v... nhờ vậy mà mọi mặt, văn hóa nghệ thuật, khoa học của Âu Châu thời đó đã nở rộ.

Trong đó Karl Marx đã dùng biện chứng pháp Duy vật biện minh cho luật mâu thuẫn, cho đó là luật của tiến hóa, và đấu tranh giai cấp là luật của tiến bộ xã hội. Đồng thời dựa vào suy luận chủ quan của ông ta và các nhà xã hội học, sử học thời đó đã đưa ra một quan niệm mới về sự tiến triển của lịch sử là nhờ đấu tranh giai cấp; và cho rằng kinh tế quyết định tất cả, đó là Duy vật Sử quan.

Duy vật Sử quan cho rằng nhân loại đi từ chế độ Cộng sản nguyên thủy, Nô lệ, Phong kiến, Tư bản, tiến lên Cộng sản Khoa học theo đường vòng tròn ốc. Quan niệm này được minh chứng bằng những dữ kiện lịch sử hạn hẹp thiếu chính xác ở thời đó. Nhưng dù sao Marx cũng vẫn là người đầu tiên đã đưa ra hướng phải tới của Lịch sử, mặc dầu sai.

Quả thật người đương thời với Marx đã phải lúng túng không biết chống đỡ bằng cách nào. Từ đó ưu thế của tư tưởng Marx như có ma lực cuốn hút không những giới thợ thuyền, mà ngay với giới trí thức Âu châu, dẫn tới việc Chủ nghĩa Cộng Sản làm chủ gần nửa thế giới.

Thực ra sử quan của Marx đã hoàn toàn sai và nguy hiểm ngay từ bước đầu. Coi lịch sử là lẽ tất yếu khách quan mà con người phải tuân phục. Chính ở điểm này mà con người sống dưới chế độ Cộng sản không được coi là người, mất hết tự do và quyền tự chủ.

Trong tiến trình lịch sử nhân loại thì chẳng làm gì kiếm ra chế độ nào là cộng sản ở thời nguyên thủy hết. Thời hoang sơ con người hái trái trên cây, bắt cá dưới suối, đuổi thú trong rừng, thì làm gì có sản xuất mà bảo là Cộng sản. Đích thật thời này phải gọi là Phi sản, tức là không sản xuất, không tích lũy.

Thời Bộ lạc con người theo tôn tộc mà sống, người khỏe, rồi người thông thái được dân bộ lạc tôn lên là Tù trưởng. Có ai bóc lột ai đâu, có ai làm nô lệ cho ai đâu. Thực sự tình trạng nô lệ chỉ xuất hiện dưới thời Phong

kiến lãnh chúa, bắt những kẻ chiến bại về làm nô lệ phục dịch cho mình. Trong dân chúng thì vì nghèo đói phải bán mình cho chủ. Rồi phổ biến đến chỗ tạo ra thị trường buôn bán nô lệ.

Chẳng có chế độ nô lệ nào riêng biệt để chuyển sang Phong kiến hết. Còn chế độ Phong kiến chuyển sang Dân chủ mà Tư bản nắm được ưu thế thì như đã trình bày ở trên. Chính vì thế mà đã chẳng có nước Dân chủ tư bản nào biến thành Cộng sản hết, mà Cộng sản chỉ cướp được chính quyền ở nước Nga Phong kiến và cướp quyền được ở các nước lạc hậu mà thôi.

Thực ra chỗ nào chế độ Cộng sản thành lập được, thì chỗ đó con người hiển nhiên biến thành nô lệ cho Đảng, Đảng biến thành nô lệ cho lãnh tụ. Lãnh tụ còn sống vừa là ông vua vừa là giáo chủ của một hệ thống tư tưởng hận thù bạo lực phi nhân. Lúc chết thì được ướp xác để thờ như một đấng thần linh. Hãy nghe tiếng nói mà chẳng giống tiếng người, cao giọng hô lên rằng: "*Lãnh tụ... anh mình sống mãi trong sự nghiệp chúng ta*" mà thương cho họ.

Nay thì chủ nghĩa Cộng sản đã sụp đổ, chỉ còn một vài nước tuy rằng "Hình thì còn mà chất đã biến từ lâu". Tuy vậy người dân sống trong các chế độ đó vẫn còn chịu khổ chịu nhục, chịu bóc lột cả tinh thần lẫn thực tế để thỏa lòng tham của những kẻ còn duy trì được quyền hành và bạo lực trong tay.

Cộng sản đã thua Tự do, Độc tài lỗi thời trước Dân chủ. Sự giàu mạnh đứng về phía các xã hội tự do Dân chủ. Các nước đang ngày một hoàn thiện luật pháp Dân chủ. Quyền con người được đưa lên làm tiêu chuẩn cho mọi xã hội tiến bộ và là giá trị phải đạt tới của mỗi quốc gia. Tôn trọng Nhân quyền trở thành nghĩa vụ của mỗi chính quyền.

Vậy đã rõ trào lưu đang tới của thời đại đang và sẽ là trào lưu Nhân Chủ Nhân Văn.

Tất cả những thiên kiến Ý thức một chiều cực đoan đều đã bị vượt bỏ để nhường chỗ cho Nhận thức Toàn diện. Con người phát triển toàn diện, sống và làm tốt cho khắp mặt cuộc đời. Con người lấy lại được quyền tự chủ để thực hiện cuộc sống tự do và với trách nhiệm xây dựng xã hội.

Đến đây trào lưu thời đại đã vào được chính dòng phát triển của Đạo Nhân Chủ mà trên hai ngàn năm rưỡi trước, đức Phật đã công bố; chỉ con người mới đủ khả năng thành Phật. *Ta là Phật đã thành, Chúng sinh là Phật sẽ thành.* Đừng tin vào những lời kẻ khác nói, hãy tin vào sự thực chứng của mình. *Con người phải tự thấp xuống mà đi.* Con người là nguyên nhân của những nghiệp quả do mình tạo.

Đạo Phật chẳng bao giờ nhận giáo lý của mình là chân lý tuyệt đối, mà chỉ coi đó là phương tiện giúp con người tự tu, tự chứng, tự đạt tới chân lý. Là Chánh Đạo giúp con người tự làm chủ tâm linh mình, thăng hóa tâm linh mình, để sống an nhiên, sống tốt đẹp và làm tốt đẹp cho thế giới mình sống. Sống như vậy con người lập tức thấy mình hồn nhiên sống trong tiến trình giải thoát sinh không rồi đó.

Hiện nay các Thiện tri thức của thế giới đang có khuynh hướng đi tới đạo Phật để tìm những đáp án tâm linh. Vì càng sống trong cuộc sống khoa học kỹ thuật cao, con người càng thấy rằng: có một cuộc sống khác cũng thực như cuộc sống ta đang sống hàng ngày, đó là cuộc sống tâm linh, mà từ xưa tới nay các tôn giáo nhờ đó mới xuất hiện và phát triển. Cho dù chủ nghĩa Duy vật có mượn tay khoa học để phủ nhận, nhưng đến nay Duy vật đã bị loại bỏ, còn khoa học thực nghiệm thì mặc nhiên công nhận lãnh vực tâm linh là có, nhưng chưa đủ khả năng giải thích.

Đạo Phật không chỉ là một tôn giáo mà còn là một nền Đạo học có tính cách thực nghiệm của Khoa học nữa. Với người dân bình thường

có nhu cầu tín ngưỡng thì Đạo Phật đúng là một tôn giáo có giáo lý, giới luật, đền thờ, tu sĩ, lễ nghi, và do ý nguyện của dân chúng theo đạo của từng nước, từng thời mà các giáo hội được thành lập, nhưng với bản chất hiếu hòa, với giáo lý Từ bi vô chấp, nên các Giáo hội Phật giáo không mua chuộc, không dùng bất cứ thủ đoạn hay áp lực nào để buộc Con người phải vào Đạo. Và cũng không có đầu óc kỳ thị với bất cứ tôn giáo nào. Bất cứ người của tôn giáo nào muốn tìm hiểu Phật giáo thì cửa lúc nào cũng mở rộng, không đòi hỏi họ phải bỏ tôn giáo của họ để vào Đạo Phật.

Mục đích của Đạo Phật là giúp Con người dùng giáo lý của Phật làm phương tiện, tự bản thân mình phải tu chứng lấy, để tự giải thoát cho mình. Phật cũng hiểu thật rõ căn cơ của con người không phải ai, trong nhất thời cũng thành Chánh quả được, nên Phật đã đề nghị với con người nhiều Pháp môn để tùy căn cơ của mỗi người mà tu chứng. Sau này những người tu thường chọn theo ba cách: 1) Tịnh độ tông, 2) Mật tông và 3) Thiền tông.

Đối với đại đa số quần chúng Phật tử thì Đạo Phật làm cho con người nắm vững nguyên lý và tin tưởng vào Luật Nhân Quả. Gieo nhân nào gặt quả đó. Thuyết nhân quả là biện chứng khoa học hiện nay của thời đại, mà lại là sự tin tưởng của những Phật tử thuần thành: "Làm lành cầu Phước". Nhân loại có nhiều người làm lành, lánh ác thì chắc chắn xã hội sẽ tốt, thế giới sẽ hòa, thời đại sẽ tiến, người người an vui hạnh phúc.

Mặt khác, Đạo Phật là một nền Đạo học giúp cho suy tư của con người tìm vào đó để suy nghiệm, ứng dụng trong việc tự tìm tâm linh mình, thấy được những khả năng tâm linh nhằm thăng hoa tâm linh mình thành TÂM-LINH TỪ-BI TRÍ-TUỆ để con người tự chủ, tự tin hoan hỷ làm đẹp cuộc đời. ■

4-8-1996

thơ NHƯ YẾN

Bất chợt

Xuân sang: hoa bướm chợt mừng rỡ,

Chợt bé mỉm cười, ai mếu cho?

Hạ sang: chợt nắng hòa muôn lối,

Chợt bé mừng reo, quả trầu rồi?

Thu sang: chợt lá tràn vườn cũ,

Chợt bé rùng mình, ngọn gió thu?

Đông sang: chợt tháng tàn tịch quả,

Chợt bé hoen mi, năm đã qua?

Chợt tiếng chuông xa: lời nhắc gọi;

Đời đạo, hư chân: bé tỏ chưa?

Bốn mùa, năm tháng: đi rồi đến,

Duyên: đời, duyên: bé, Đạo là duyên!

Nằm, ngồi, đi, đứng: duyên Chánh Niệm!

Chợt tỏ Phật Đà: Niệm là duyên!

Trong biển Chân Tâm, duyên là sóng,

Chợt bé: bọt tan, sóng: lặng không!

Lắng lòng mà nghe: duyên nhấp nhô;

Biển bình yên thương sóng chợt gào.

California, 24 tháng 8, 1996



HIỆN TÌNH GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT TẠI QUÊ NHÀ

Thích Chánh Lạc

Lời người viết: Đây là bài viết để phát biểu trong Đại Lễ Phật Đản 2540 do Hội Cư Sĩ tổ chức ngày 5-5-96 tại khuôn viên Rancho Santiago, Cali. Nhưng vì một vài chương duyên dột xuất ngoại lệ, nên chúng tôi đành phải dùng hình thức sách báo thay thế.

Để bạn đọc dễ dàng nắm bắt vấn đề, chúng tôi tạm chia bài này làm 7 phần để trình bày:

I. Từ ngày CSVN xâm chiếm và bức tử miền Nam (30-4-1975) tới ngày họ lập ra Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (4-11-1981).

II. Từ sau khi thành lập Giáo Hội Nhà Nước tới ngày Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội PGVNTN tác bạch trước kim quan Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu ngày 3-5-92 tại Chùa Linh Mục, Huế.

III. Giáo Hội PGVNTN đòi hỏi CSVN thực hiện những gì? Các đòi hỏi ấy có quá đáng không?

IV. CSVN đã đáp ứng những gì trong 7 điều kể trên?

V. Các Thầy nghĩ sao khi có người cho rằng công cuộc vận động giải trừ Pháp Nạn của quý Thầy, trong và ngoài nước, là hành vi chính trị?

VI. Xin cho biết thời gian và phương pháp đấu tranh giải trừ Quốc Nạn và Pháp Nạn của Phật Giáo?

VII. Kết luận: Xót xa, đau buồn, tủi nhục và cầu nguyện.

*

I. Phật Giáo Việt Nam là một thật thể to lớn đã có mặt trên xứ sở này hơn 2000 năm và rất có công trong việc giữ nước dựng nước.

Đó là pháp lý lịch sử, pháp lý dân tộc, không ai có quyền phủ nhận được. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là hậu duệ lâu đời nhất của Phật Giáo Việt Nam, có tư cách kế thừa lịch đại Tổ Sư quá khứ và cận đại, chư Thánh Tử Đạo, các cư sĩ tiền bối hữu công. Và trên đường hoằng pháp lợi sanh GHPGVNTN đã đưa Phật Giáo Việt Nam từ địa vị một tôn giáo quốc gia lên hàng quốc tế như hôm nay. Do đó không một tổ chức Phật Giáo Thời Đại nào có tư cách đại diện Phật Giáo Việt Nam ở trong và ngoài nước, ngoài Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. (Tuyên Cáo ngày 20-11-93 của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN).

Thế nhưng, từ ngày Cộng Sản nuốt trọn miền Nam, để thực hiện cái chủ trương ma quái, xem tôn giáo là thuốc phiện, là kẻ thù của nhân loại, chúng đã bắt đầu thi hành cái quỷ kế bức hại Phật Giáo bằng các thủ đoạn có tính toán kỹ lưỡng sau đây:

Thoạt đầu, trong ý đồ muốn biến GHPGVNTN thành một bộ phận tay sai, công cụ của chính quyền, CSVN đã dùng những lời lẽ đường mật, vuốt ve, gian trá, như Phạm Văn Đồng khi đến Chùa Ấn Quang đã nói: “Thưa các Hòa Thượng, bây giờ đất nước đã thống nhất, chúng tôi gọi Phật Giáo của chúng ta thì

các Hòa Thượng cũng nên gọi Đảng của chúng ta. Và, câu khẩu hiệu ngàn xưa của Phật Giáo: Vì Dân Tộc và Đạo Pháp, nay cần phải thêm: Dân Tộc, Đạo Pháp và Xã Hội Chủ Nghĩa”. Nhưng viên thuốc độc bọc đường ấy đã không được quý Tôn Đức tiếp nhận. Do đó, CSVN đã thay đổi chiến thuật từ vuốt ve qua mua chuộc, chia rẽ.

Thật vậy, trong bước thứ 2 này CSVN đã tìm cách mua chuộc một số người nhẹ dạ, cầu an, hèn nhát. Những người này trước đây nằm trong hàng ngũ của GHPGVNTN, nhưng vì bầm tính tiêu cực, thiếu ý chí nên đã cam tâm để cho CSVN xử dụng như những con cò mồi, bù nhìn trong mưu đồ phân hóa và phá nát Giáo Hội. Mặc dù CSVN đã dùng đủ trăm phương ngàn kế, nhưng trước sau vẫn chỉ vồn vện lôi kéo được một thiểu số mê mờ, thiếu lương tâm chứ không làm sao lay chuyển nổi những tấm lòng sắt son vì Đạo Pháp và Dân Tộc như: Hòa Thượng Thích Thiện Minh, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ v.v... Vì lẽ đó, CSVN trong bước thứ 3, đã để lộ nanh vuốt của một bầy ác thú qua thủ đoạn dọa nạt và đàn áp, bức tử.

Những lời nói và việc làm tiêu biểu của CSVN trong giai đoạn này là:

Sau khi chiếm và giao Chùa Xá Lợi, Vĩnh Nghiêm cho Phật Giáo Yêu Nước của Hòa Thượng Thiện Hòa (từ chiến khu về), trong phiên họp đầu tiên tại Chùa Xá Lợi, Ủy Ban này đã đạt giấy mời hầu hết các vị trong Hội Đồng Viện Hóa Đạo, Đại diện các quận trong và ngoài thành phố Sài Gòn, yêu cầu gia nhập Ủy Ban Phật Giáo Yêu Nước với lời lẽ đơm mùn hách dịch, dọa nạt: “Nếu vị nào vắng mặt... thì chúng tôi có trách nhiệm báo cáo ngay về cơ quan an ninh...”

Đặc biệt nhất là lời đe dọa của Mai Chí Thọ, Giám Đốc Công An Thành Phố, tới Chùa Ấn Quang, yêu cầu Viện Hóa Đạo dừng phổ

biến các tin liên quan đến vụ tự thiêu tập thể của 12 tu sĩ Chùa Dược Sư, Cần Thơ và các tin đàn áp Phật Giáo khắp nơi, ông nói:

“Có thể các Thầy nói hàng ngàn người nghe, chúng tôi nói không ai nghe, nhưng chúng tôi có súng, có nhà lao, có quân đội. Tất cả chúng tôi đều có trong tay, liệu các Thầy có chống đối được không và chống tới bao giờ?”

Nhưng thái độ đầy hung hăng, kiêu căng, trịch thượng ấy đã đụng phải bức thành ôn hòa, bình tĩnh song kiên cường, sắt đá của Viện Hóa Đạo, nên CSVN đã xử dụng cái bản chất dã man, tàn bạo vốn có của chúng bằng cách:

— Tịch thu và chiếm đoạt tất cả các cơ sở: Chùa Viện, Giáo Dục, Từ Thiện Xã Hội của Giáo Hội PGVNTN từ địa phương tới trung ương.

— Để thi hành lối thống trị bá đạo và để có thể nắm trọn quyền kiểm soát miền Nam mà không gặp một trở ngại nào, ngày 6-4-1977 CSVN đã mở một cuộc hành quân bao vây và lục soát trụ sở Trung Ương của Giáo Hội (Chùa Ấn Quang), bắt giam hầu hết các vị lãnh đạo nòng cốt. Bắt giữ tra tấn và giết chết Hòa Thượng Thích Thiện Minh tại khám Chí Hòa ngày 17-10-1978. Bức tử Hòa Thượng Thích Trí Thủ ngày 01-4-1984 v.v...

II. Sau khi đã cướp đoạt được hết mọi cơ sở, tù đầy, giết hại hết thành phần nhân sự nòng cốt của Giáo Hội Thống Nhất, để lừa bịp dư luận Quốc Tế, dùng gậy ông đập lưng ông, lợi dụng một số phần tử hoạt đầu hầu phá nát Giáo Hội một cách dễ dàng và kín đáo, CSVN đã cho ra đời một quái thai vào ngày 04-11-1981 tại Chùa Quán Sứ, Hà Nội: Đó là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, là Giáo Hội Nhà Nước, Giáo Hội Quốc Doanh, một thứ công cụ tạm thời nằm trong âm mưu tiêu diệt Phật Giáo của CSVN. Thế rồi một mặt họ tìm đủ mọi cách để nâng cao, thổi phồng

vai trò của Giáo Hội Nhà Nước, mặt khác họ thẳng tay kèm kẹp, dập vùi GHPGVNTN.

Thực ra chúng ta cũng không nên vợ đũa cả nắm, vì trong Giáo Hội Nhà Nước có ít nhất là 3 thành phần khác nhau:

(1) Những người mà cả xác lẫn hồn đều nằm trọn vẹn trong Giáo Hội Nhà Nước, dâng hiến cuộc đời cho Đảng Cộng Sản, họ là những kẻ từ chiến khu về, như Thiện Hào, Minh Nguyệt v.v...

(2) Những người tuy xác nằm trong Giáo Hội Nhà Nước, nhưng hồn lại hướng về GHPGVNTN.

(3) Những người xác nằm trong Giáo Hội Nhà Nước nhưng hồn chơi với nơi vô định, vì họ thuộc loại hèn nhát cầu an!

Vì lẽ đó, CSVN đã dùng bàn tay của Mặt Trận Tổ Quốc và Ban Tôn Giáo đi sâu và nằm ngay trong nội bộ GHPGVN, để khống chế chỉ huy hầu biến Giáo Hội ấy thành tay sai đắc lực, trung thành toàn diện.

Nhưng, “đỉnh cao trí tuệ” đã tính toán sai khi họ nghĩ rằng cơ sở không còn, nhân sự không có thì còn gì nữa để hoạt động? Nghĩa là GHPGVNTN đã bị họ chôn sống hết rồi. Không ngờ lời tác bạch của Hòa Thượng Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, trước kim quan cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu vào ngày 03-5-1992 tại Chùa Linh Mục, Huế là xúc tác mâu nhiệm châm ngòi cho sự vùng dậy vì Đạo Pháp và Dân Tộc của tất cả Phật Giáo đồ trong và ngoài nước. Từ đó suy ra chúng ta phải nhìn nhận rằng lời tác bạch của Hòa Thượng Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo là yếu tố chính hình thành Giáo Hội PGVNTN Hải Ngoại tại Hoa Kỳ vào các ngày 25-26 và 27 tháng 9 năm 1992 tại San Jose, California.

Đây là một Giáo Hội có đầy đủ pháp nhân, pháp lý, đại diện toàn quyền và chính thức của Giáo Hội PGVNTN tại quê nhà.

III. Có một số người vì định kiến hẹp hòi,

vì nhẹ dạ dễ tin, vì mù quáng, chỉ thấy giọt mật trên lưỡi kiếm, nên đã vô tình biến thành những kẻ tuyên truyền không công cho tập đoàn CSVN. Những nạn nhân đáng thương này thường bảo: “Các Thầy là vua xuống đường. Không biết GHPGVNTN muốn gì, đòi gì mà thời nào cũng nghe biểu tình, tuyệt thực...?”

Để giải tỏa các thắc mắc trên chúng tôi xin thưa: GHPGVNTN hiện đang yêu cầu Nhà Nước CSVN thực thi các điểm:

1. Minh bạch hóa về cái chết oan ức tức tưởi của Hòa Thượng Thích Thiện Minh, bị tra tấn đến chết trong nhà tù Chí Hòa ngày 17-10-1978.

2. Trả tự do vô điều kiện tất cả Tăng Ni, Tín đồ Phật Giáo, Tu Sĩ, Tín hữu các Giáo phái và những tù nhân lương tâm.

3. Trả lại tất cả cơ sở, từ địa phương đến Trung Ương, của Giáo Hội PGVNTN về cho Giáo Hội.

4. Yêu cầu CSVN để cho GHPGVNTN được sinh hoạt tôn giáo trong pháp luật nhà nước như trước năm 1975.

5. Yêu cầu Nhà Nước CSVN đừng nhúng tay vào, bất cứ dưới hình thức nào, việc khống chế, phân hóa, xúi giục, bôi bẩn và phá hoại với ý đồ biến Phật Giáo thành công cụ phục vụ cho Đảng CSVN.

6. Yêu cầu sửa đổi điều 4 trong bản Hiến Pháp CHXH Chủ Nghĩa Việt Nam, vì điều ấy dành quyền độc tôn, độc tài, độc trị, độc hành, độc ác, độc quyền, độc đoán... cho riêng Đảng CSVN, nên toàn dân không một ai có quyền tham gia việc nước hết.

7. Yêu cầu Đảng CSVN phải thành tâm, công khai sám hối trước Quốc Dân, người còn cũng như kẻ mất, về những hành động tàn ác, vô luân của mình từ trên 65 năm qua.

Xin mọi giới đồng bào và Phật Tử hãy khách quan nhận xét xem các đòi hỏi trên có gì quá đáng không?

IV. Vậy mà từ đầu tới cuối CSVN chưa đáp ứng gì trong 7 điều trên cả. Không những thế, càng ngày họ càng tỏ ra độc tài, tàn bạo hơn đối với chư tôn giáo phẩm thuộc GHPGVNTN, như các Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ; các Thượng Tọa: Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu; các Đại Đức: Thích Hải Tạng, Thích Trí Tự, Thích Trí Lực, Thích Hạnh Đức, Thích Hải Thịnh...; Cư Sĩ Nhật Thường... nhất là tình trạng mà mạng sống như “chỉ mảnh treo chuông” của Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Đại Đức Hải Tạng, đúng như thông cáo báo chí ngày 12-4-1996 của Phòng Thông Tin Phật giáo Quốc Tế Paris.

“Hòa Thượng Thích Huyền Quang, vị lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) bị đưa về quản thúc tại nguyên quán ở chùa Hội Phước, tỉnh Quảng Ngãi, từ năm 1982. Vì tiếp tục đòi hỏi tự do tôn giáo và phục hồi quyền sinh hoạt cho GHPGVNTN, ngày 29-12-1994, công an lại đến bắt đem đi biệt giam trong một căn nhà nhỏ giữa đồng không mông quạnh ở xã Nghĩa Hành, cũng ở trong tỉnh Quảng Ngãi. Một nhà tù, một người tù, bao quanh nhiều công an vây gác...

Ngoài khí hậu khắc nghiệt, đêm ẩm thấp, ngày nắng rát, gió bạo. Bao quanh nhà tù ở xã Nghĩa Hành là những cánh đồng trồng ngũ cốc. Không hiểu vô tình hay cố ý, người ta xịt liên miên đủ loại hóa chất gọi là trừ sâu rầy hay phân hóa học... Những trận gió khô khốc suốt ngày thổi vào căn phòng giam HT Huyền Quang. Tháng này qua tháng khác hơn một năm nay. Vì vậy, sức khỏe Hòa Thượng ngày càng suy giảm. Chứng bệnh áp huyết và yếu tim sẵn có, cộng thêm những luồng hóa chất kịch độc ngấm vào phổi và cơ thể, khiến cho bệnh tình HT Huyền Quang có phần nguy kịch trong hai tháng vừa qua.

Hòa Thượng đã yêu cầu với nhà cầm quyền được trở về chùa Hội Phước nơi bị quản thúc trước kia, để tránh những luồng hóa chất kịch độc Hòa Thượng phải hứng chịu hằng ngày làm suy kiệt thân thể. Nhưng lời yêu cầu chính đáng của một bệnh nhân, được luật pháp bảo hộ qua điều 281, chương 32 về “thủ tục áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh” trong Bộ Luật Tố Tụng hình sự của CHXHCNVN, cho đến nay vẫn không được trả lời hay hứa hẹn gì.”

Và, Thông Cáo Báo Chí, ngày 12-3-1996, của Văn Phòng Lưu Vong Viện Hóa Đạo tại Nha Trang cho biết về Đại Đức Hải Tạng như sau:

“Đại Đức Thích Hải Tạng, nhân viên văn phòng lưu vong Viện Hóa Đạo đã bị bắt giam gần 3 năm qua, bởi một “phiên tòa” của CSVN mới xử tại Huế một cách âm thầm lén lút, không có luật sư biện hộ, không có thân nhân, không có Giáo Hội. Nhà Nước CSVN đã giam Đại Đức Hải Tạng tại Nam Hà rồi chuyển ra giam tại Hà Nội. Đại Đức đa bị giam gần 9 tháng nay trong hầm tối, hầu lung lạc tư tưởng của Thầy, trong khi Thầy đang bị bệnh loét dạ dày nặng nề mà không có thuốc thang chữa bệnh, không những nhất hầm tối mà còn cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, lại bị thẩm cung liên tục. Cho nên sức khỏe của Thầy nay rất nguy kịch.

Với tình trạng này, chắc chắn Đại Đức Hải Tạng sẽ chết ngay trong tù một ngày không xa. Và khi thầy chết đi rồi, tất nhiên Nhà Nước CSVN sẽ nguy biện bằng mọi cách để chạy tội và trốn tránh trách nhiệm như họ đã từng giết phạm nhân trong tù từ trước tới nay, mà Hòa Thượng Thích Thiện Minh là một điển hình cụ thể”.

V. Toàn dân Việt Nam sống dưới ách thống trị bạo tàn của Đảng CSVN đã 21 năm. Và GHPGVNTN sống trong lo âu, khắc khoải, ngột ngạt, áp bức của CSVN cũng không ngăn

hơn bao nhiêu. Nói khác đi là chúng ta đang bị Quốc Nạn lẫn Pháp Nạn. Thế nhưng có người lại cho rằng công cuộc vận động giải trừ Quốc Nạn và Pháp Nạn của GHPGVNTN Hải Ngoại tại Hoa Kỳ, của quý Thầy trong và ngoài nước là hành vi chính trị.

Thâm ý của câu nói là muốn chúng ta trốn tránh trách nhiệm, ai chết mặc ai, mình chỉ lo tu. Nhưng họ quên rằng trước khi là một tu sĩ chúng ta đã là người Việt Nam. Vì thế, theo tôi, đó là sự phát biểu vắng bóng ý thức hoặc sự phán đoán, suy tư của những người đứng xa xa xem nhà người khác chấy. Kỳ thực, việc làm của GHPGVNTN từ trước tới nay chả khác gì một người đang bị kẻ cướp bóp nghẹt cổ, trong tình huống nguy ngập, đương sự chỉ có một trong hai cách phải chọn: một là buông xuôi chịu chết, hai là cố gắng vùng vẫy hay kêu cứu người khác giúp mình gỡ bàn tay ác quỷ ra. Chúng tôi nghĩ rằng đó là hành động tự vệ chánh đáng, bình thường chớ không có gì là chính trị cả, nhất là chính trị hiểu theo nghĩa lưỡng đảo, tranh danh đoạt lợi.

Hơn thế, một người xuất gia khi đã thọ Cụ túc giới (250 giới) làm Thầy Tỷ Khưu, người ấy đã chấp nhận và thệ nguyện lấy Giáo Hội làm nhà, lấy Thầy Tổ, Anh Em trong đạo làm Ông Cha, Chú Bác, Anh Em của mình. Giờ đây, Giáo Hội đang bị CSVN tìm cách tiêu diệt, nghĩa là ngôi nhà Giáo Hội đang bị đốt chấy, Cha Ông, Anh Em hiện bị tù đầy giết hại, bốn phận cấp thiết của tất cả Tăng Ni chúng ta là tìm cách dập tắt lửa dữ, giải cứu Ông Cha... Ai không làm như vậy là trốn tránh trách nhiệm, thiếu bốn phận, là xoay lưng lại với Giáo Hội, nếu không nói là bội nghĩa vong ân, ăn cháo đá bát, uống nước không nhớ nguồn, dù họ có núp dưới chiêu bài gì hoặc viện dẫn bất cứ lý do nào.

VI. Đặc tính căn bản của Đạo Phật là Bi, Trí, Dũng. Bi để cảm thông, bao dung. Trí để nhận diện sự thật. Dũng để ra tay hành động.

Vì thế đối tượng đấu tranh của Phật Giáo là cái nguyên nhân sinh ra những điều bất thiện, bất công, bất nhân, bất nghĩa..., không luận từ đâu đến, tập thể hay cá nhân. Do đó, hễ ngày nào cái căn nguyên để ra những thứ ác xấu nói trên còn tồn tại thì Phật Giáo còn bốn phận phải, bằng phương pháp và tinh thần **VÔ ÚY BÁT BAO ĐỘNG**, đấu tranh, chuyển hóa, cải thiện v.v... để triệt tiêu chúng.

Sự kiên trì, bất khuất của nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, chư Tôn Đức Tăng Ni và Phật Tử trong và ngoài nước đối với CSVN chính là sự thể hiện cái truyền thống cao đẹp ấy của Phật Giáo.

VII. Trong khi đó, chúng ta không thể không xót xa, đau thương và tủi nhục về hành động của một thiểu số trong Đạo ngoài Đời.

Thật vậy, có gì nghịch lý và đau xót, nhục nhã bằng khi chúng ta nhìn thấy một số người Việt tị nạn Cộng Sản vừa ăn tiền welfare vừa take care Cộng Sản ngay trên đất tạm dung này! Thế nhưng điều làm chúng ta xót xa vô vàn và xấu hổ vô tận hơn là khi có một số tu sĩ Phật Giáo đành đoạn xoay lưng lại với Giáo Hội, với Thầy Tổ! Họ nghiêm nhiên đặt quyền lợi **TỔ QUỐC, ĐẠO PHÁP, TÌNH NGHĨA ĐỒNG BÀO** xuống dưới cái lợi cá nhân, dòng họ riêng tư. Họ là những kẻ một chân bước ra ba chân bước vào, cam tâm mượn áo ca sa thờ ma Cộng Sản!...

Trong dịp này tôi xin có đôi lời phụng cáo đến những kẻ đã phản bội, sắp và sẽ phản bội rằng:

“Cộng Sản, nói chung và CSVN, nói riêng chỉ xem chúng ta là bạn, chỉ hòa hợp hòa giải khi chúng ở vào thế yếu, bí lối, tạm thời lợi dụng hoặc muốn đưa chúng ta vào con đường tự hủy. Ngược lại, nghĩa là khi chúng ở vào thế thượng phong thì ngoài Đảng Cộng Sản ra, tất cả đều là con số không, kể cả cha mẹ ruột. Không thể thì Trường Chinh đã không nhốt cha mẹ và cô ruột vào cũi chó để phơi

nắng, cuối cùng cả ba đều chết trong tù vào năm 1956. Sự tráo trở, lật lọng, man trá, lừa đảo... của CSVN đã được chứng minh cụ thể qua các sự kiện lịch sử sau đây:

- Chính phủ Liên Hiệp năm 1946
- Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội
- Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam
- Hiệp Định Paris năm 1973 v.v...

Và gần đây nhất là sự bất nhân, tàn tệ đối với các tôn giáo, hàng triệu quân, dân, chính miền Nam sau ngày 30-4-1975 của Đảng CSVN.

Chúng ta phải khắc cốt, ghi tâm cái bài học đau thương ấy. Đứng Ba Phải, Hàng Hai, Lương Thượng Quân Tử, vì ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.

Nhân mùa Phật Đản 2540, xin gửi đến chư Tôn giáo phẩm Tăng, Ni, đồng hương và Phật tử xa gần khắp nơi lời cầu chúc an lành và kiên trinh đối với Dân Tộc, Đạo Pháp.

Sau hết, chúng ta nên tưởng niệm và cầu nguyện cho tất cả chư Thánh Tử Đạo, Anh Hùng Liệt Sĩ, Đồng bào tử nạn vì lý tưởng Tự Do.

Nguyện cầu Hồng Ân Tam Bảo, Hồn thiêng sông núi Việt Nam gia hộ cho Quốc Nạn và Pháp Nạn sớm giải trừ.

Nguyện cầu cho Đảng CSVN mau thức tỉnh và trở về với đời sống đạo nghĩa, văn hóa của dân tộc Việt Nam. Đừng mãi mê say, tôn thờ chủ thuyết ngoại lai mà chính ngoại nhân đã vứt bỏ, vì tất cả mọi ý thức hệ, chủ nghĩa này nọ chỉ là một thứ tầm gửi tạm thời, còn Dân Tộc, giống nòi mới là cây cổ thụ muôn thuở.

Kính chào và cảm tạ quý vị
Thích Chánh Lạc



thơ THẮNG HOAN

Tôi tìm Cái Tôi

Tôi đi tìm lại Cái Tôi
Không từ duyên khởi giữa đời phù sinh
Dù cho thế giới ba nghìn
Tợ hồ đáy nước ẩn hình trắng sao
Cái Tôi ngoài cổng ra vào
Của muôn loài sống trong rào Huyền Không
Chúng sanh, nghiệp tướng bao trùm
Được mang làm mẫu dung thông sáu Trần (1)
Xây nên bốn Đại (2) hợp quần
Bấy lầy năm Trước (3), ngút ngàn nhiệm ở
Cái Tôi đích thực ở đâu
Tôi đi tìm mãi bên cầu sông mẹ
Lang thang khắp nẻo đường về
Bể dâu mấy chạng, náo nê mấy phen
Bất ngờ cõi tịnh yên nguyên
Hiển bày Chân Ngã an nhiên tuyệt vời
Vui mừng Tôi gặp lại Tôi
Nơi bờ tỉnh lặng, nụ cười thân thương.

New Orleans, ngày 18-6-96

(1) Sáu Trần: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc và Pháp Trần.

(2) Bốn Đại: Đất, Nước, Gió, và Lửa.

(3) Năm Trước: Kiếp trước, Kiến trước, Phiền Não trước, Chúng sanh trước và Mạng trước.

SỰ ỨNG DỤNG THỰC TIỄN VÀ THỆ NGUYỆN GIÁC NGỘ

Tác giả: Thiên sư Mộng Sơn

Dịch giả: Huỳnh Kim Quang

SỰ ỨNG DỤNG THỰC TIỄN

Theo kinh điển Phật giáo, ngay dù người ta có học tập, bao lâu mà họ không đặt sự học tập của họ vào sự thực nghiệm, họ vẫn không khác gì với người vô minh. Điều này cũng đúng thật với những sinh hoạt thế tục; để hiểu những nguyên lý và bàn thảo về chúng thì có thể rất dễ dàng, nhưng sự thi hành thực sự thì không dễ dàng lắm.

Nhiều người học tập chỉ nói suông mà không thực sự thanh tịnh lấy tâm thức của họ. Đây là lý do tại sao họ không đạt được kiến giải của những bậc hiền triết của những cuốn sách mà họ nghiên cứu.

Khi đức Khổng Tử còn sống, ngài dạy những tử đệ của ngài những nguyên lý về lòng nhân, sự công bằng, lễ nghĩa, trí thức, và sự trung thật, và ngài đã dạy cho họ thực nghiệm những nguyên lý này. Khi đức Khổng Tử chứng thực rằng vị này đã học tập lòng nhân, hay vị kia đã học tập sự công bằng, ngài đang đề cập đến những người mà tấm lòng của họ là lòng nhân hay sự công bằng, không phải những người chỉ học tập để nói suông về lòng nhân và sự công bằng nhưng lại không có lòng nhân hay sự công bằng trong tấm lòng của họ.

Tuy nhiên, sau đó những vị đồ đệ của Khổng giáo đã nhận là những bậc thầy của

Khổng giáo ngay khi họ đã học tập những định nghĩa của lòng nhân và sự công bằng mà không tu dưỡng lòng nhân và sự công bằng trong tấm lòng của họ.

Điều tương tự như vậy cũng là sự thật trong Phật giáo. Khi đức Phật còn tại thế, không phải tất cả những đệ tử của Ngài đều là những vị thạc đức thành đạt sự giải thoát một cách tức thì và trở thành tự tại, nhưng ngay cả những vị có khả năng bình thường và yếu kém hơn mà chú tâm đến những lời giáo huấn của đức Phật và thực nghiệm chúng thì cũng thành đạt những ích lợi tùy theo khả năng của họ. Ngay cả sau khi đức Phật nhập diệt, tất cả những vị thực nghiệm giáo pháp một cách thích đáng cũng đạt được một số ích lợi. Họ đạt được những lợi ích bởi vì họ theo Phật giáo chỉ vì sự giải thoát và cứu tế của tất cả chúng sanh, không phải vì địa vị xã hội và lợi dưỡng vật chất.

Vào những lúc sau này, nhiều người, cả Phật tử và Tăng sĩ, theo và học tập Phật giáo vì mục đích danh vọng và quyền lợi vật chất. Chính vì thế, họ đã không thăng tiến được trong việc thanh tịnh và tu dưỡng tự thân thật sự. Họ nghĩ rằng chỉ cần học hỏi những giáo nghĩa của các trường phái khác nhau là đủ rồi. Kết quả, họ học càng nhiều họ càng trở nên kiêu ngạo nhiều hơn.

Do hậu quả của tất cả những điều này,

trong khi mà những kẻ phàm phu chỉ có bản ngã cá nhân thông thường, thì những môn đồ của đạo Phật đã cộng thêm vào đó một bản ngã đạo giáo nữa. Vì thế, ngay cả những học giả uyên bác nổi tiếng cũng có thể không khác gì với hầu hết những kẻ vô lại tồi tệ trong sự biểu thị lối sống thực sự và cung cách hiện hữu của họ.

Giáo nghĩa của Thiền dạy rằng thực nghiệm ít còn tốt hơn là nói nhiều. Do đó, các vị Thiền sư đã khuyên dạy rằng sự hiểu biết thông thái là thứ phụ đối với sự học tập qua sự chứng nghiệm cá nhân.

Tuy nhiên, thời điểm đã đến khi mà ngay cả những Thiền sinh được cho phép việc theo đuổi sự nghiệp văn học đã trở nên rất tự hào về sự uyên bác của họ mà họ không hổ thẹn vì chẳng có một chút kinh nghiệm thực sự nào về sự giác ngộ.

THỆ NGUYỆN GIÁC NGỘ

Trong giáo nghĩa của Phật giáo, những sự phân biệt khác nhau được rút ra trong số những thệ nguyện giác ngộ. Một cách chủ yếu người ta có thể nói rằng có hai loại thệ nguyện giác ngộ: Thệ nguyện hời hợt và thệ nguyện thật sự.

Nhận thức rằng những gì có sanh ắt phải diệt, rằng những gì hưng thịnh tất phải suy tàn, bỏ đi những tham vọng thế tục và chỉ tìm cầu con đường giải thoát, đây gọi là thệ nguyện hời hợt đối với sự giác ngộ. Ngài Long Thọ (Nagarjuna), vị đạo sư Phật giáo vĩ đại đã dạy rằng: *“Quán sát sự vô thường của cuộc đời thì tạm gọi là thệ nguyện giác ngộ.”*

Bởi vì người ta phải thực nghiệm để thể nhập từ sự hời hợt vào đến sự sâu nhiệm, đối với những người không khởi lên được thệ nguyện hời hợt đối với sự giác ngộ thì không thể phát triển thệ nguyện thực sự đối với sự giác ngộ. Đây là lý do tại sao những vị Thiền

sư thường xuyên giảng giải những nguyên lý của sự vô thường cho các môn đệ của họ, ngay dù họ chỉ thẳng vào căn nguyên.

Những người chỉ sợ hãi sự vô thường và từ bỏ các tham vọng thế tục nhưng không phát triển thệ nguyện thực sự đối với sự giác ngộ thì vẫn là những kẻ vô minh.

Thông thường người ta cho rằng thệ nguyện giác ngộ là từ bỏ những tham vọng thế tục và đi vào sống trong một nơi ẩn dật ở núi rừng để thanh tịnh tâm thức với âm ba của thác rừng và những ngọn gió thông. Nhưng điều này không thể gọi là thệ nguyện thực sự đối với sự giác ngộ. Trong Kinh dạy rằng: *“Những ai sống trong sự ẩn dật trong núi rừng và nghĩ rằng họ sống như thế tốt hơn những người khác sẽ không thể đạt được ngay cả sự an lạc, đừng nói đến sự thành Phật.”*

Thệ nguyện thực sự đối với sự giác ngộ là sự phát huy của tâm thức có niềm tin vào sự giác ngộ tối thượng. Vốn sẵn có trong mọi người, sự giác ngộ tối thượng thì miên trường và bất biến. Tin tưởng điều này gọi là thệ nguyện thực sự đối với sự giác ngộ. Kinh dạy rằng: *“Từ giây phút linh cảm đầu tiên của họ, những chúng sanh giác ngộ chỉ tìm cầu sự giác ngộ với sự kiên định không lay chuyển.”*

Ngay dù các ngài tin vào sự giác ngộ vốn có sẵn, nếu các ngài chỉ tin và không có sự cảm thông nội tại nào với nó, điều này vẫn chưa thật sự là thệ nguyện thực sự đối với sự giác ngộ.

Sự thành tín mà biểu thị thệ nguyện thực sự thì không phải được đặt trong một giáo điều hay trong một đối tượng ngoại tại; thực chất, đó là sự định hướng đã được đề cập trong kinh văn như là việc tìm cầu sự giác ngộ. Điều này có nghĩa là vượt qua những trạng thái thế tục không còn sự cố chấp nào; nó cũng có nghĩa là vượt qua những trạng thái tâm linh không đặt chúng ở vị thế chung quyết hay tuyệt đối.

Tiến trình này chỉ có thể được bảo tồn với một ý thức nội tại về sự siêu việt của giác ngộ lên trên những mục tiêu thấp kém hơn, gắn liền với một ý thức nội tại về nội thể của sự giác ngộ này trong tâm thức. Sự hợp nhất phong phú này của ý thức nội tại gọi là thệ nguyện thực sự đối với sự giác ngộ.

Thệ nguyện đối với sự giác ngộ mà chỉ ở trong lãnh địa của chánh tín, không có sự cảm thông nội tại này, chính là những gì mà kinh điển đề cập đến khi nói rằng: “Thệ nguyện giác ngộ này khởi lên và diệt đi, thì vô thường; nó không phải là thực thể thường hằng và bất diệt của giác ngộ.”

Thệ nguyện giác ngộ là một tài sản có sẵn trong tâm thức của mọi người được đề cập đến trong kinh văn như sau: “Trong sự giác ngộ tối thượng không có sự thoái bộ quá khứ, không có sự thoái bộ hiện tại, không có sự thoái bộ tương lai.”

Kinh Đại Nhật dạy rằng: “Sự giác ngộ là gì? Nó là sự liễu ngộ chính tâm thức của các ngài như thật nó là vậy.” Một bản chú giải nói rằng: “Nếu chính tâm thức là giác ngộ thì tại sao con người không trở thành giác ngộ? Bởi vì họ không liễu giải tâm thức như nó thật sự là. Nếu họ liễu giải tâm thức như nó thật sự là, họ sẽ trở nên tỉnh thức thật sự ngay trong chính giây phút của thệ nguyện đầu tiên của họ.”

Nếu những người không ở trong sự cảm ứng với bốn tâm giác ngộ xem sự hiến dâng kiên trì đối với sự thực nghiệm đạo giáo là bằng chứng của sự kiên quyết của thệ nguyện giác ngộ và năng lực trong việc thực nghiệm, họ chắc chắn sẽ trở nên ám ảnh bởi vì niềm tự phụ của họ. Và rồi lại nữa, cũng có sự lo ngại rằng nếu sự quyết tâm này suy yếu đi và họ bị xao lãng bởi những hoàn cảnh thế tục, rồi họ sẽ không thành đạt được sự cứu tế. Sự giác ngộ sẵn có như thế ngày càng trở nên bế tắc và tăm tối bởi niềm tự phụ và sự sợ hãi

này.

Khi những hành giả sơ cơ bước vào tâm trạng như thế, nếu họ nhận thức rằng các ý tưởng sai lầm này đã khởi lên bởi vì chúng chưa ở trong sự hài hòa với con đường siêu việt, và nếu họ gạt bỏ tất cả sang một bên chỉ nhìn thẳng vào tâm thức của họ, cuối cùng họ sẽ đạt được sự hòa hài.

Trong kinh dạy rằng: “Nếu con người tìm cầu giác ngộ, họ không có giác ngộ. Hình dung giác ngộ trong một vài hình thái nào đó là trở thành xa cách với giác ngộ.”

(Bài này được trích từ trong tác phẩm *Những Mộng Đam Về Phật Giáo Thiên Tông* sắp xuất bản trong nay mai của Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới. Đây là những lời dạy tâm huyết của Đại Thiên Sư Mộng Sơn (Musō), là quốc sư của 7 vị Hoàng Đế Nhật Bản. Tác phẩm do Huỳnh Kim Quang chuyển dịch).

thơ DUY NGHIỆP

An Lạc

Vào thiên tâm thức mở toang
Vào trong mê vọng ngõ ngang phân vân.
Vào trong cõi định chân tâm
Chiều sâu tiềm thức hiện dần trong ta.
Vào trong an lạc không xa
Chúng sinh vạn loại bến bờ tình thương.
Vào trong kiếp sống vô thường
Thấy mình giả tạm vấn vương mơ hồ.

PHÁP NẠN

Nguyễn Tường

Cũng như Quốc Nạn, Pháp Nạn nghĩa là Đạo Phật Việt đang bị bạo sát bởi tập đoàn Đảng Trị Cộng Sản Tàn Độc Việt Nam, không những trên lý thuyết mà bằng cả thực hành, không phải chỉ hời hợt mà cả một kế sách độc thâm, với lý do rất giản đơn chung: “Đạo Phật dạy con người biết đúng để làm, thấy sai để sửa” và riêng: “Đạo Phật còn thì Dân tộc còn”. Và cũng do đó, chúng ta tin tưởng rằng Đảng Cộng Sản tuy cướp được quê hương nhưng không cướp được Tổ Quốc Việt Nam, cũng như Đảng Cộng Sản Trung Hoa tuy cướp được lãnh thổ Tây Tạng nhưng không bao giờ cướp được lẽ phải của người Tây Tạng.

1/ Tại sao người Cộng Sản cần tiêu diệt Đạo Phật?

Tây Tạng là một xứ sở có khí hậu khắc nghiệt quanh năm nằm sát bên Trung Quốc. Nơi đó không có Tư Bản chủ nghĩa, không có Đế Quốc chủ nghĩa và mọi người đều đang vui sống yên bình. Nhưng, năm mươi năm trước, Cộng Sản Trung Quốc đã xâm lăng tàn sát trên một phần sáu tổng số dân để cướp giết quê hương Tây Tạng.

Cái gì gọi là Đảng Cộng Sản?

Thì ra đó là một tổ chức lừa đảo và cướp giết qui mô!

Cái gì gọi là Duy Vật Xã Hội Chủ Nghĩa?

Thì ra một thứ chủ nghĩa tàn độc và man trá chủ trương “Chuyên chính luật rừng mạnh được yếu thua!”

Họ cướp nước Tây Tạng không phải đó là tụ điểm thương mại hay chính trị. Họ cướp

nước Tây Tạng cũng không phải vì lý do “tiêu diệt tôn giáo” như thời khoa học chưa tiến bộ. Khi khoa học tiến bộ thì những “ru ngủ” của tôn giáo không còn giá trị để cần tiêu diệt.

Họ cướp nước Tây Tạng vì nơi đó Đạo Phật chính là Quốc giáo.

Bởi Đạo Phật trên hết và trước hết là con đường đấu tranh chống tất cả những chủ thuyết phi nhân, con đường Hiện Chánh Pháp tà diệt sạch ma tâm và thú tánh.

Bởi Đạo Phật không hề ru ngủ loài người trong mê tín và cuồng tín giáo điều mà ngược lại, đánh thức nhân tính của loài người, đưa con người trở về địa vị của nó mà xóa đi mọi tàn độc bất công trên xã hội.

Đảng Cộng Sản nếu muốn tồn tại thì bằng mọi cách phải tiêu diệt Đạo Phật. Và do đó, Tây Tạng phải bị tiêu diệt vì Đạo Phật đang bên cạnh Họ.

Hơn ai hết, bạo quyền Hà Nội nhận thức rõ điều này.

Họ thường nhắc đến Phật Giáo Lý Trần mỗi khi nói về lịch sử dựng nước và giữ nước. Họ thường ca ngợi sự hy sinh của Đạo Phật Việt Nam anh dũng chống lại chế độ độc tài Ngô Đình Diệm năm 1963. Càng ca ngợi bao nhiêu thì Họ càng hiểu rõ Đạo Phật là đạo của sự thật, dám nói lên sự thật, đã, đang và sẽ đứng lên đòi sự thật cho công bằng dân Việt mà không lùi bước trước những chính sách tàn độc phi nhân.

Và hơn ai hết, Họ tự biết rõ bản thân Đảng là một Đảng Cướp trá hình.

Họ cần phải tiêu diệt Đạo Phật.

2/ Bảo Quyền Hà Nội tiêu diệt Đạo Phật Việt Nam bằng cách nào?

Sau năm 1963, Đạo Phật Việt Nam được thống nhất dưới danh xưng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, là một hình thức tự phát bởi nhu cầu đa số quần chúng Việt Nam với mục đích bảo vệ và xây dựng dân tộc và đạo pháp, là một tổ chức được hình thành sau bao hy sinh máu xương của các tông phái Đạo Phật Việt Nam dưới thời Ngô Đình Diệm, là một tổ chức độc nhất đại diện cho Đạo Phật Việt Nam được tất cả Phật Giáo đồ cũng như đa số quần chúng Việt Nam công nhận. Vì thế, muốn tiêu diệt Đạo Phật Việt Nam thì cần phải tiêu diệt Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Nhưng, đại đa số dân Việt lại tin ngưỡng Đạo Phật, nếu vừa cướp xong chính quyền mà tiêu diệt ngay thì phản ứng của quần chúng sẽ vô cùng mãnh liệt mà hậu quả là kinh nghiệm của 1963. Họ không dại gì làm vậy.

Hay nhất là tiêu diệt Đạo Phật bằng 2 cách là ngắn và dài hạn.

Vì ngắn hạn, Họ đã không ngần ngại tù đày và sát hại các vị lãnh đạo tài đức và sáng suốt nhất của GHPGVNTN theo kế hoạch “chặt đầu”.

Vì dài hạn, Họ đã không dám ban hành một sắc luật trực tiếp khai tử GHPGVNTN mà thành lập một tổ chức thừa sai gọi là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam để gián tiếp vô hiệu hóa GHPGVNTN, tiếng nói trung thực của người dân Việt, theo kế hoạch “phân hóa” và “diệt sạch”.

Nhưng qua dòng lịch sử, Đạo Phật và Dân Tộc như hình với bóng. Hơn thế nữa, Đạo Phật không hề mang đến một ô danh hủ bại nào mà ngược lại, những lúc Đạo Phật hưng thịnh nhất là những lúc đất nước xán lạn huy hoàng nhất. Hay nói cách khác, không có Đạo Phật thì không có Việt Nam. Nếu đã tự xưng mình là người Việt Nam mà chối bỏ Đạo Phật Việt

Nam thì không khác gì chối bỏ những diễm son lịch sử, chối bỏ tinh hoa của nền văn minh và văn hóa Việt Nam, chối bỏ công lao giữ nước của dân tộc Việt Nam, cũng có nghĩa phản bội tổ tiên giống nòi Lạc Việt.

Đến đây, chúng ta không còn nghi ngờ gì nữa về thể tính của Đảng Cộng Sản là gì!

Nhưng có người nói rằng, Đảng Cộng Sản Việt Nam không hề đàn áp Phật Giáo. Họ có thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, có vận động trùng tu nhiều tự viện di tích, có mở các trường Phật Học và có cho dân chúng đi chùa lễ Phật.

Khoan nói đến vấn đề Tự Do.

“Cá chậu chim lồng” tuy có ăn có uống nhưng vẫn là “cá chậu chim lồng”, hướng gì đã bị nhốt trong lồng mà đói ăn thiếu uống! Người dân Việt Nam hiện tại có Tự Do chăng? Điều chúng ta muốn nói là Đảng Cộng Sản Việt Nam tiêu diệt Đạo Phật ra sao mà chúng ta gọi là Pháp Nạn?

Họ có chấp nhận Đạo Phật hay không, có ra sức tận tình tiêu diệt Đạo Phật hay không thì tự Họ biết và chúng ta thấy biết!

Vì tự biết mình là những kẻ phản bội giống nòi nên Họ đã để sẵn bản án tử hình cho Đạo Phật Việt Nam khi GHPGVNTN ra Thông Điệp Xuân Quý Dậu 1993 kêu gọi toàn thể dân chúng 2 miền Nam Bắc hãy từ bỏ những chủ thuyết phi nhân phi dân tộc.

Rồi, vừa cưỡng chiếm xong được miền Nam thì lần lượt các vị Thầy lãnh đạo sáng suốt nhất của Đạo Phật Việt Nam cũng như các tinh hoa ưu tú nhất của Đạo Phật Việt Nam bị Họ thủ tiêu, tù đày và quản thúc mãi cho đến bây giờ và không biết đến bao giờ chỉ vì tội dám thay quần chúng mà nói lên sự thật sai lầm của Đảng, đòi hỏi sự Tự Do và Công Bằng cho xã hội Việt Nam.

Nếu tổ chức mang tên Giáo Hội Việt Nam do Họ dàn dựng vào cuối năm 1981 là Đạo Phật thì sao không thấy ai trong tổ chức ấy

nói ra sự thật về hiện trạng của Dân Tộc và Đạo Pháp hay chỉ biết khúm núm cúi đầu vâng theo lời Đảng nói rằng “Yêu nước tức yêu Xã Hội Chủ Nghĩa”?

Tổ chức ấy chỉ là một hình thức ngụy trang Đạo Phật mà không phải là Đạo Phật của Dân Tộc Việt.

Bởi Đạo Phật muôn đời là con đường Hiền Chánh Pháp Tà mà qua lịch sử, Đức Phật Thích Ca đã từng phá hủy mọi tư tưởng băng hoại của nhân loại mà trong đó có cả chủ nghĩa Duy Vật điển hình qua sự phá hủy tư tưởng của Phú Lan Na Ca Diếp Luận Sư.

Họ có cho mở các trường Phật Học nhưng Họ có dám dạy rõ về lịch sử Đức Phật chăng hay đặt nặng vấn đề đào tạo những cán bộ có chút ít ngôn ngữ của Đạo Phật để tuyên truyền cho Chủ Nghĩa Bá Quyền?

Họ cho tín đồ đi chùa lễ Phật nhưng có dám để các tự viện tự do giảng dạy giáo lý chính thống của Phật Đà, có dám để những buổi lễ Quy Y Tam Bảo được đọc câu “*Đệ Tử Quy Y Tăng thể đời đời kiếp kiếp không quy y Bàn Đẳng Ác Tà*”?

Họ khuyến khích Tăng Ni và Phật Tử tu hành nhưng phải tu theo đường lối Đảng, phải hành theo chủ thuyết phi nhân, phải Thiền lim dim con mắt đừng nhìn thấy những cơ khổ lầm than của nhân dân, những gian tà của hàng thống trị...

Tổ chức Phật Giáo Thừa Sai ấy đương nhiên không phải là Đạo Phật. Họ sử dụng tổ chức ấy như công cụ vừa dối lừa quần chúng như ngón đòn cố hữu từ khi Đảng Cộng Sản Quốc Tế mới khai sanh: “Cho loài người ăn những chiếc bánh vẽ của Thiên Đường”, vừa “ngu dần hóa Phật Tử Việt Nam” để Phật Giáo ngày càng bị “mê tín hóa” mà bị đào thải khỏi xã hội. Nhưng độc ác hơn cả là ngang nhiên hủy bỏ GHPGVNTN, Đạo Phật của quần chúng đã dày gian khổ lắm hy sinh cho Dân Tộc và Đạo Pháp.

Biết bao Tăng Ni tín đồ Đạo Phật từng bị “bỏ bao bố liệng xuống sông” để hình thành GHPGVNTN!

Biết bao Thanh Niên, Sinh Viên, Gia Đình Phật Tử bị thảm sát dưới xe tăng và súng đạn để bảo vệ tiền thân GHPGVNTN!

Biết bao bồ tát tự thiêu thân chuyển hóa tâm linh những kẻ độc tài để GHPGVNTN được tồn tại đến hôm nay!

Lịch sử của GHPGVNTN được viết ra bằng tất cả sự hy sinh của Thầy Tổ, bạn hữu cũng như máu và nước mắt của tất cả chúng ta. Vậy mà giờ đây lại thêm một lần dày xéo để người Phật Tử Việt Nam phải xót đau mà thấy mình đang trong Pháp Nạn.

(Mãi đến bây giờ vẫn còn có kẻ chưa tỉnh cơn mơ, tưởng rằng thỏa hiệp với Cộng Sản là có thể cứu Dân cứu Đạo. **Phải thấy rằng, ngày nào Đảng Cộng Sản Việt Nam còn tồn tại thì ngày ấy Dân Tộc và Đạo Pháp vẫn mang đầy ách nạn tai ương.**

Mãi đến bây giờ vẫn còn có kẻ ở nước ngoài về, không kể những người trang sức lòe loẹt vàng vòng to bản, vì hiện tại, dân chúng Saigon nhìn họ cười thầm tội nghiệp như thấy những chàng bộ đội vào Nam sau 1975 với túi xách và cái đài lủng lẳng... Có hiện tượng đáng nói là, một số Việt Kiều đi đâu cũng khoe ra những văn bằng tiến sĩ, cử nhân rồi vênh váo ta đây là số một, xứng đáng để cầm đầu công ty này, cơ sở nọ; đi khắp các chỗ ăn chơi, các nơi du lịch để gọi là tham khảo, rồi tuyên bố: “Việt Nam bây giờ quá tự do!” Tự Do là gì? Họ hoàn toàn không chút ý thức Tự Do! Ngay khi vừa bước xuống phi trường Tân Sơn Nhất, họ có cần xòe tiền để khỏi bị quan thuế kiểm soát tự do mấy cái va li... Không biết trong túi họ còn có chứng chỉ Đảng hay chăng, không biết đầu óc họ còn đang mơ ngủ với chủ thuyết Duy Vật “chết rồi là hết sao không tận tình hưởng thụ” của Tây Phương nhưng thật sự họ là những công cụ rất tốt cho

Đảng Cộng Sản Việt Nam để có thêm một số tuyên truyền: “bọn xấu ở nước ngoài đang đánh phá chế độ để về nước giành quyền chứ chẳng tốt lành gì”, “bọn họ mà cầm quyền thì xã hội càng thối nát hơn bây giờ nữa”...).

3/ Liệu họ có tiêu diệt được Đạo Phật hay chẳng?

Cuộc đại hội tại Ấn Độ giữa đức Đạt Lai Lạt Ma cùng thành phần chính phủ lưu vong Tây Tạng cách đây trên 40 năm, khi mà Cộng Sản Trung Hoa vừa thôn tính xong Tây Tạng, thế giới nghĩ rằng đó là một cuộc đại hội để tìm biện pháp cấp thời đấu tranh chống Cộng. Nhưng thật ra đại hội ấy lại chú trọng vào điểm “làm thế nào để thế giới hiểu được Đạo Phật”. Và từ đó, ánh sáng chân lý lan rộng để các nước Tây Phương tỉnh thức mà ủng hộ cho cuộc vận động đòi lại một Tây Tạng Tự Do trong Hòa Bình Thế Giới.

Dẫu tàn độc đến đâu, sức mạnh cũng không tiêu diệt được lẽ phải.

Cộng Sản Trung Hoa không thể tiêu diệt được Tây Tạng.

Cộng Sản Việt Nam không thể tiêu diệt được Đạo Phật Việt Nam.

Tưởng rằng thủ tiêu và tù đầy các vị lãnh đạo tài đức của GHPGVNTN thì tiêu diệt được Đạo Phật nhưng họ có ngờ đâu, Đạo Phật là lẽ phải của quần chúng Việt Nam. Họ tàn sát vừa xong vị này thì có vị khác tiếp nối.

Tưởng rằng GHPGVNTN bị cầm tù thì lập trường và đường hướng phụng sự Dân Tộc và Đạo Pháp của Đạo Phật Việt Nam không còn ai tiếp nối, nhưng có ngờ đâu GHPGVNTN Hải Ngoại lại ra đời như kẻ kế thừa.

Tưởng rằng danh xưng GHPGVNTN bị triệt hạ là không còn ai nhớ đến Đạo Phật truyền thống Việt Nam nhưng có ngờ đâu, chỉ cần có cơ hội là quần chúng đứng lên cùng Đạo Phật Việt Nam đòi quyền sống tự do nên hơn bốn chục ngàn người tụ tập tại thành phố Huế trong ngày biến động cuối tháng Năm,

1993.

Tưởng rằng dàn dựng một Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam làm công cụ để tiêu diệt Đạo Phật nhưng có ngờ đâu, Đạo Phật lại trong lòng quần chúng. Chủ trương dùng Đạo Phật hình thức để tiêu diệt Đạo Phật lại khiến quần chúng càng ngày tập nập đến chùa, mà càng đến chùa thì quần chúng càng đang biểu lộ sự chống đối đường hướng Đảng, chống đối “bốn phận tiêu diệt tôn giáo của người Cộng Sản”.

Tưởng rằng chỉ độc nhất một cơ quan ngôn luận ra đời song hành với Giáo Hội Thừa Sai là tờ Giác Ngộ để có thể phổ biến và hướng dẫn quần chúng theo đường lối Đảng nhưng không ngờ ngày lại càng có nhiều bài viết thâm sâu kín đáo phá hủy tư tưởng chủ nghĩa Duy Vật Mác Lê vượt ngoài tầm kiểm soát của các cán bộ Đảng chủ biên.

Tưởng rằng mở thật nhiều các trường Phật Học để sản xuất thật nhiều cán bộ “tôn giáo vận”, ngờ đâu trong số các giảng sư lại có nhiều vị Đại Thiên Sư âm thầm lặng lẽ chịu đựng mọi nguyên rủa và tủi nhục kể để kiên trì nuôi dưỡng và truyền dạy giáo lý Hiển Chánh Pháp Tà cho hàng hậu học nên nhiều Đảng viên đã tín ngưỡng vào Đạo Phật và ly khai Đảng.

Thật tế là bằng chứng.

Cho dẫu vừa âm mưu phân hóa vừa độc tàn đày đọa cách nào đi nữa thì Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng không thể nào tiêu diệt được Đạo Phật Việt Nam, không thể nào tiêu diệt được lẽ phải của Dân Tộc Việt Nam, không thể nào tiêu diệt được chân lý của loài người.

Lẽ phải đang liên lý và kết tụ trong lòng dân tộc.

Sự liên lý của dòng nước nhỏ soi mòn đá lớn.

Sự kết tụ của nhiều dòng nước cuốn phăng đi tảng đá bên ghềnh.

Từ đó, giải trừ Pháp Nạn cũng tức giải trừ Quốc Nạn.

Từ đó, Phật tử chúng ta cần tu niệm Tam Bảo một cách thành khẩn và sáng suốt như ý thức cơ bản vững chắc toàn diện cho công cuộc giải trừ Pháp Nạn và Quốc Nạn.

Niệm Phật là con người tròn đầy trọn vẹn Hiến Chánh Pháp Tà qua lịch sử.

Niệm Pháp là phương tiện hiển bày chân lý Hiến Chánh Pháp Tà.

Niệm Tăng là các bậc Thánh nhân, là đội quân hùng mạnh diệt sạch giặc Ma vương, là những chiến sĩ tiên phong cứu mang sứ mệnh Hiến Chánh Pháp Tà.

Có niệm như thế mỗi ngày, tác động như thế mỗi ngày trong tư tưởng, chúng ta mới thật xứng đáng là người Phật tử, chúng ta mới không hổ thẹn với tiền nhân, chúng ta mới đủ Hùng Lực chuyển Nghiệp Lực thành Nguyên Lực mà giải thể Đảng Cộng Sản Việt Nam mang lại sự Hòa Bình, An Lạc và Thịnh Vượng thật sự cho Dân Tộc.

Không như thế, chúng ta chỉ là những phế nhân. ■

Sàigòn 13 tháng 4 năm 1996.

Tạ ơn những người con của biển
Đạp sóng trùng dương mộng hải hồ
Bốn cõi tung hoành trên chiến hạm
Còi tàu cập bến tiếng tung hô.
Tạ ơn những thiên thần mũ đỏ
Súng thép ghì tay giữ biên cương
Sau buổi hành quân về xóm nhỏ
Dăm cô thôn nữ đón ven đường.
Tạ ơn mái tóc dài buông xõa
Áo trắng điểm trang chiu má hồng
Em tôi xinh đẹp thơ ngây quá
Hò hẹn cùng ai - chừa lấy chồng.

Hạ Thi Nhân 1996

thơ HẠ THI NHÂN

Tạ Ôn

(Viết cho quê hương tôi, đồng bào tôi,
và các chiến sĩ QLVNCH)

Tạ ơn trời đất vô vi lượng
Hóa kiếp nhân sinh giữa cõi trần
Tạ ơn phụ mẫu ban xương máu
Cho cả linh hồn chữ nghĩa nhân.
Tạ ơn sông núi Nam hùng vĩ
Bắc bộ kinh đô giống Lạc Hồng
Trung du, sơn cước miền châu thổ
Nam phần màu mỡ mạch Cửu Long.
Tạ ơn thóc gạo miền quê ngoại
Nuôi lớn khôn tôi tuổi trưởng thành
Sông nước phù sa bồi đắp mãi
Hàng dừa gội bóng quả dừa xanh.
Tạ ơn người nông phu vất vả
Cực nhọc hai mùa lúa trở bông
Tay lấm chân bùn dẫu kể xá
Sớm nắng chiều mưa giữa cánh đồng.
Tạ ơn thảm cỏ nhung xanh biếc
Thơm tóc trẻ thơ buổi đến trường
Rộn rã ngoài hiên đàn chim sáo
Mở vẫn em học tiếng quê hương.
Tạ ơn công đức thầy dạy dỗ
Em bước vào đời mệnh số chung
Bạn bè dăm đứa ngồi trường Luật
Dăm đứa đi vào nghiệp kiếm cung.
Tạ ơn những chàng trai Phù Đổng
Lướt gió tung mây cánh đại bàng
Anh bay cao giữa vùng trời rộng
Chí tang bồng quân sử vẻ vang.

←

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM GIỮA HAI Ý HỆ CÔNG & CỘNG

TRẦN CHUNG NGỌC

Căn bản thì giáo thuyết Ki-Tô Giáo trong vài thế kỷ đầu, ít ra là của một tông phái Ki Tô, không đối nghịch với Phật Giáo; và ý hệ Cộng Sản của Marx-Engels, một chủ thuyết nhân bản, về phương diện tôn giáo, không chống đối Phật Giáo, nhưng thật là trở trêu, trong lịch sử Việt Nam cận đại, Phật Giáo bị rơi vào một hoàn cảnh khác nghiệt trong gong kim Công & Cộng (Công Giáo (CG) & Cộng Sản (CS)). Lý do? Bởi vì, kể từ khi Đại Đế Constantine theo Ki Tô Giáo, lập Ki-Tô Giáo làm Quốc Giáo từ giữa thế kỷ 4, liên kết thế quyền với thần quyền làm nền tảng cho sự phát triển Ki Tô Giáo sau này, thì Ki-Tô-Giáo đã suy thoái, tụt hậu và trở thành một giáo hội Gia-Tô La Mã, mượn danh thần thánh, tự ban cho mình những thần quyền ngụy tạo để phục vụ cho những tham vọng thế tục của giới giáo sĩ; và bởi vì, ý hệ Marx-Engels đã "tiến bộ" vượt mức khi được mang ra áp dụng một cách Mác-xít hơn Mác ở Đông phương. Cả hai ý hệ trên đều truyền bá vào Đông phương bằng con đường bạo lực, CG thì hoặc làm đạo quân tiền phong cho thực dân hoặc theo gót thực dân, CS thì áp dụng chính sách đấu tranh giai cấp, đàn áp tôn giáo, bắt kể đến lịch sử, đạo đức truyền thống, văn hóa dân tộc của các quốc gia địa phương.

Nghiên cứu về hai ý hệ Công và Cộng, người ta thấy có những sự giống nhau lạ kỳ giữa bản chất và đặc tính của CG và CS. Vì CG được coi như là một chủ lực tinh thần ở Âu Châu trong gần 2000 năm qua, và tư duy Marx cũng phát xuất từ thời đại kỹ nghệ ở Âu Châu cho nên nhiều người đã coi CG và CS là hai anh em cùng mẹ. Được sinh ra trong những bối cảnh lịch sử khác nhau và ở thời điểm khác nhau, hai anh em này đã trở thành địch thủ của nhau về tư tưởng: ĐộcThần cực đoan đối với Vô Thần cực đoan. Nhưng vì cùng do một nguồn gốc văn hóa tạo ra nên những điểm căn bản vẫn giống nhau, và sự đối nghịch chẳng qua chỉ là tranh giành nhau về một địa vị độc tôn hoang tưởng: hoặc "Đỏ", hoặc "Đen", không chấp nhận bất cứ màu sắc nào khác trên cái thế giới thiên sai vạn biệt này.. Vài tài liệu sau đây cho chúng ta thấy sự giống nhau của hai ý hệ này.

Paul Blanshard, tác giả cuốn sách nổi tiếng "Sự Tự Do của Mỹ và Quyền Lực Gia Tô" ("American Freedom

and Catholic Power", The Beacon Press, Boston, 1950), đã viết cuốn tiếp theo "Cộng Sản, Dân Chủ, và Quyền Lực Gia Tô" ("Communism, Democracy, and Catholic Power", The Beacon Press, Boston, 1952), trong đó tác giả phân tích và trình bày đầy đủ chi tiết về những sự giống nhau lạ kỳ giữa hai tổ chức Công và Cộng trên hoàn cầu, mà điển hình là điện Kremlin và Tòa Thánh Vatican, trong những chương sau đây:

- Cấu trúc quyền lực;
 - Những mưu chước để tạo sự tôn sùng một cách thần thánh;
 - Phương cách kiểm soát tư tưởng;
 - Đối với giáo dục công cộng;
 - Kỷ luật và sùng tín;
 - Mánh lới bóp méo sự thật;
 - Chiến lược thâm nhập
- (The Structure of Power; The Devices of Deification; Thought Control; Versus the Public School; Discipline and Devotion; The Management of Truth; The Strategy of Penetration)

Linh Mục Leonardo Boff, một trong những nhà Thần Học Giải Phóng sáng danh nhất ở Ba Tây, cũng đưa ra những điểm so sánh giữa điện Kremlin và Vatican. Trong cuốn "Giáo Hội: Ân Sủng và Quyền Lực" ("Church: Charism and Power", Crossroad, New York, 1986), LM Leonardo Boff đã chỉ trích cái cấu trúc độc đoán của Vatican và đưa ra vấn đề nhân quyền ngay trong nội bộ giáo hội (Chương 4: "Sự Vi Phạm Nhân Quyền Trong Giáo Hội" (The Violation of Human Rights in the Church)). LM Boff đã viết một đoạn dài để so sánh từng điểm một giữa kiểu cai trị của điện Kremlin và Vatican, so sánh Giáo Hoàng với Tổng Thư Ký đảng CS, cơ quan hành chánh trung ương La Mã với Bộ Chính Trị của Liên Bang Xô Viết v...v... Chúng ta hãy đọc đoạn sau đây về tổ chức quyền lực của Giáo Hội Gia Tô La Mã (CG) để thấy rằng tổ chức này không khác gì với tổ chức quyền lực của CS (trg. 40-41):

"Cấu trúc quyền lực trong giáo hội ngày nay là lấy từ những mô thức của nhiều thế kỷ trước, và có hai mô thức đặc biệt đáng được nói tới: kinh nghiệm về quyền lực La Mã, và cấu trúc phong kiến... Tuy nhiên, quyền lực La Mã phong kiến trong giáo hội ngày nay là một trong những nguồn xung đột chính với sự thức tỉnh của tâm thức con người về vấn đề nhân quyền.

Đặc tính của quyền lực phong kiến La Mã là, thứ nhất, một hệ thống bao cấp với những cấp riêng biệt; thứ nhì, bản chất hệ thống này là phục vụ cá nhân. Người nào ở trong địa vị quyền hành thì ở đó suốt đời; ý muốn của họ là luật lệ trong cấp của họ nhưng luôn

luôn bị ràng buộc bởi sự tuân phục cấp trên. Thứ ba, đó là một hệ thống thiêng liêng mệnh mông. Nói cách khác, tính hợp pháp của hệ thống này không do từ dưới mà là từ trên, từ ý muốn của Thần Ki Tô (Christian God). Trong hệ thống này, người nào càng ở cấp cao bao nhiêu thì càng gần Thần bấy nhiêu và càng được Thần chia xẻ cho nhiều Thần quyền bấy nhiêu. Tuân phục cấp trên có nghĩa là tuân phục Thần, do đó sự tuân phục là một giáo luật. Thứ tư, chế độ quyền lực này bất khả xâm phạm và không cho phép một sự chỉ trích nội bộ nào. Chỉ có cấp trên mới có quyền chỉ trích. Một thách thức của cấp dưới được coi như tương đương với một cuộc cách mạng trong vũ trụ. Do đó, bất cứ ý kiến đề nghị thay đổi nào cũng được coi như là một hình thức đả phá Thần, tác giả của hệ thống và của cấu trúc quyền lực thiêng liêng."

(The power structure in the Church today is indebted to centuries-old patterns, and two patterns are worth noting in particular: the experience with Roman power and the feudal structure...The Roman and feudal style of power in the Church today, however, constitutes one of the principal sources of conflict with the rising consciousness of human rights.

The Roman and feudal style of authority is characterized, first, by a hierarchy with distinct "orders"; second, this hierarchy is personal in nature. The one in power is such for life; his will is law within his own "order" but always linked by obedience to the superior "order." Third, it is a sacred and cosmic hierarchy. In other words, its legitimacy comes not from below but from above, from the will of God. The higher someone is in this hierarchy the closer one is to God and so has greater share in God's divine power. To obey one's superior is to obey God, making obedience a religious act. Fourth, this style of authority is untouchable and not subject to any internal criticism. Criticism from within any of the orders is only possible from a higher authority. A questioning from below would be equal to a revolution in the universe. Thus, any thought of transformation is the same as an attack on God who is the author of both the order and structure of sacred power.)

Lẽ dĩ nhiên, với những lời cáo buộc dựa vào sự thực như trên, Vatican không còn cách gì hơn là đưa ra những biện pháp để bịt miệng LM Boff. (Xin đọc "The Silencing of Leonardo Boff" của Harvey Cox)

Trong cuốn "*Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm, và Mặt Trận Giải Phóng*", nxb Văn Nghệ, Cali., 1992, tác giả lão thành Hồ Sĩ Khuê cũng đưa ra những nhận định

tương tự và giải thích tường tận hơn về sự kiện CS rập theo khuôn tổ chức của Ki Tô giáo như sau, trang xii-xiii:

"Lénine thuộc quý tộc nên biết giá trị quyền lực, xuất phát từ đạo Cơ Đốc chính thống Nga, nên hiểu sức mạnh Thần quyền tôn giáo. Ông tục hóa thần bản Do Thái - Ki Tô (Judeo-Christian), rồi chuyển sang chính trị mà tôn-giáo-hóa lập thuyết kinh tế chính trị của Marx, tổng hợp thành học thuyết Mác-Lê. Biến một học thuyết xã hội kinh tế thành ra một ý hệ cầm quyền....chuyển thần quyền từ tôn giáo vào chính trị, để cai trị toàn năng như giáo quyền Thiên Chúa, khi cướp được chính quyền nhà nước.

Các nguyên lý Do Thái - Ki Tô tục hóa, mang áp dụng trong phạm vi chính trị, quan trọng hơn cả như sau:

Quyền chính mang bản chất thần quyền, biến thành một thủ tục giáo. Đặc điểm thần bản Do Thái - Ki Tô, bi quan về con người, nguyên lai siêu hình, tục hóa thành quan điểm xã hội: Người là lang sói đối với người. Cho nên mọi người đều có tội, phải thú tội để chuộc tội (tự phê bình). "Tội tổ tông" tục hóa thành "Tội bóc lột". "Cứu rỗi" lên nước Chúa tục hóa thành "Cải tạo" lên Xã Hội Chủ Nghĩa. "Thờ phụng Chúa" tục hóa thành "Trung thành với Đảng". "Sống thánh thiện" để sáng danh Chúa khắp nơi, tục hóa thành "Giữ lập trường" để xây dựng Xã Hội Chủ Nghĩa.

Thần hóa Đảng, Thánh hóa Nhà Nước, cấu trúc trung ương vận hành như một Giáo hội. Đảng và Nhà Nước thể thiên hành đạo, như Giáo Hoàng và các vị Hồng Y. Đường lối chính sách là giáo điều, quyền chính thuộc loại giáo quyền không phê phán được. Toàn bộ quyền lực các cấp đều bất khả kháng. Người lãnh đạo hóa thành "thần linh".

Chúa trời chỉ một, Đảng không thể hai.

Phép "rửa tội" tín đồ, tục hóa thành "kết nạp" đảng viên.

Ai người ngoại đạo, không được Chúa ân sủng. Ai không phải là đảng viên, không được liệt vào thành phần vô sản, không có qui chế công dân, không có tư cách chính trị để được tham chính cầm quyền.

Giáo hữu tín đồ phân biệt với người ngoại đạo. Cán bộ đảng viên phân biệt với quần chúng nhân dân..."

Và trong cuốn "*Sự Mê Tín Sau Cùng*" ("The Final Superstition", Prometheus Books, New York, 1994), Joseph L.Daleiden cũng đưa ra sự so sánh như sau, trg. 70:

"Căn nguyên sự thù ghét của Giáo hội đối với CS là Giáo hội ý thức được rằng CS thực ra là một địch thủ

tôn giáo Thật là khôi hài khi hai tổ chức, CG và CS, lại quá giống nhau:

- Cả hai đều độc đoán;
- Cả hai đều có những giáo thuyết và sách giáo quy (4 kinh CS là Marx, Engels, Lenin, và Mao);
- Tòa Án Thánh(The Holy Office, hậu thân của Tòa Án Xử Dị Giáo) cùng có một vai trò như đảng CS trong việc tìm cách củng cố các tín lý;
- cả hai đều khai trừ những người chống đối, bất đồng ý kiến;
- khi có quyền lực, cả hai đều dùng đến giết chóc để hiệu lực hóa sự thống trị của mình (Giáo hội vẫn còn đe dọa sự hủy diệt tinh thần)

Ở Ba Lan, người ta lo rằng, với sự sụp đổ của CS và những cố gắng của Giáo hội để tái lập quyền lực truyền thống, những người Ba Lan đang ở trong nguy cơ bị đổi từ sự thống trị của "Đỏ" sang sự thống trị của "Đen" (các Linh Mục) (Kết quả cuộc bầu phiếu ở Ba Lan ngày 19 tháng 11 năm 1995 vừa qua, một cựu đảng viên CS là Aleksander Kwasniewski đã đánh bại Walesa, con cò của Giáo hội Gia Tô La Mã, đã chứng tỏ là dân Ba-Lan thực sự sợ "Đen" hơn "Đỏ". TCN)

(The root of the Church's antipathy toward Communism is its realization that Communism is, in effect, a rival religion. It is ironic that the two organizations, Catholicism and Communism, are so much alike:

- both are totalitarian;
- both have doctrines and canonical texts (the four Communist evangelists are Marx, Engels, Lenin, and Mao);
- the Holy Office plays the same role as the Communist party in seeking to reinforce the dogmas of faith;
- both excommunicate dissenters; and,
- when in power, both enforce their rule under pain of death. (The Church still threatens spiritual death.)

In Poland, concern is rising that with the fall of Communism and the Church's efforts to reestablish its traditional authority, Poles are in danger of exchanging the rule of the "Reds" with the rule of the "Blacks" (referring to the priests)).

Tuy có những sự giống nhau kỳ lạ giữa hai ý hệ kể trên, nhưng thực tế cho thấy rằng "cậu em út" CS còn thua xa "ông anh cả" CG trên nhiều phương diện, nhất là về những thủ đoạn biến tín đồ thành những người cuồng tín phi dân tộc, sẵn sàng phản bội dân tộc vì một niềm tin huyền hoặc, không thể kiểm chứng, ngược với sự thực, phản khoa học. Chính vì không thoát được cái tính

thần quốc gia (Cuộc tranh chấp biên giới Nga-Hoa, Tito ở Nam Tư, cuộc chiến năm 1979 ở biên giới Bắc Việt giữa Việt Nam và Trung Hoa), không chịu lệ thuộc một sự chỉ đạo quốc tế, mà khối CS chỉ tồn tại có chưa đầy 100 năm đã phải dẹp tiệm hoặc, như ở Việt Nam, phải thay đổi tận gốc rễ để phù hợp với thời đại mới, trong khi CG vẫn giữ được bản sắc chuyên chính cố hữu từ gần 2000 năm nay, vẫn duy trì được hệ thống quyền lực giả tạo thế gian trên khối tín đồ kém hiểu biết, những người đã được nhồi vào đầu óc từ khi còn nhỏ là những quyền lực thế gian này đích thực là thần quyền. Sự thất bại của chủ thuyết CS là do CS chỉ đặt nặng vấn đề giải quyết sự việc trên bình diện vật chất mà quên mất bình diện tinh thần, không như các tôn giáo Tây phương, biết khai thác lòng mê tín dị đoan của lớp người ít hiểu biết, những người yếu kém về tinh thần, những người không thể tự mình bước trên trường đời, cần phải bám víu vào một thần quyền ảo tưởng. Kính lão đắc thọ, sau đây tôi sẽ trình bày sơ lược về "ông anh cả" CG trước, rồi tôi sẽ luận đến "cậu em út" CS sau. Hiển nhiên trong một bài báo tôi không thể đi vào chi tiết của vấn đề mà chỉ có thể đưa ra những nét chính.

Nghiên cứu về lịch sử Ki-Tô Giáo chúng ta thấy rằng, trong mấy thế kỷ đầu, tôn giáo này có một phái theo chủ thuyết tự chúng, đạt giải thoát qua kiến thức và sự hiểu biết sâu xa về thực tại, cùng kinh nghiệm tu chứng bản thân. Đó là Phái Ngộ Thuyết Ki-Tô (Gnostic Christianity). Tên này lấy từ gốc Hi Lạp, Gnosis, có nghĩa là kiến thức. Những người trong môn phái này đã chê trách "những người tự xưng là Giám Mục và Trợ Tế, làm như họ đã được Thần ban quyền cho..." và gọi những người tự xưng một cách tráo tráo này là "những con kênh không có nước." (The Christian sect known as the Gnostics chided those who "call themselves bishops and also deacons, as if they had received their authority from God..." and called those who made such audacious claims "waterless canals." , (Joseph L. Daleiden, Sđd, trg. 52)). Nhưng môn phái này bị giáo hội tự phong là Chính Thống Ki Tô (nghĩa là Gia Tô La Mã Giáo cho tới thế kỷ 16), kết án là dị giáo và khi liên kết, nắm được quyền lực thế gian, tìm cách tiêu diệt, đốt tất cả những sách vở, tài liệu chứa những tư tưởng nhân bản của phái này. Những hành động tàn bạo này được phát triển mạnh ở thế kỷ thứ 4, khi đại đế Constantine theo Ki Tô Giáo (Ki Tô Giáo là Christianity, nhưng chúng ta nên nhớ rằng, trước công cuộc Cải Cách vào thế kỷ 16, Ki Tô Giáo như là một thiết chế đồng nghĩa với Giáo hội Gia Tô và Giáo Hoàng là người cai quản Giáo hội này, cho nên mọi việc xấu ác của Ki Tô Giáo từ lúc bắt

đầu cho tội công cuộc Cải Cách là trách nhiệm, trực tiếp hay gián tiếp, của Giáo Hoàng Triều (As we review the history of Christianity, bear in mind that prior to the Reformation, Christianity as an institution was synonymous with the Catholic Church, and the pope was in charge of that church. Therefore, all the evils of Christianity from its inception to the Reformation were directly or indirectly the responsibility of the papacy. (Joseph L. Daleiden, sdd., trg. 52)) và lập Ki Tô Giáo làm quốc giáo thì tôn giáo này nắm được địa vị và quyền hành tuyệt đối trên thế gian. Và từ đó đạo Gia Tô đã phát triển lên đến "đỉnh cao trí tuệ của loài người", kết quả là đưa Âu Châu vào 1000 năm đen tối, từ thế kỷ 5 đến thế kỷ 15, được gọi là thời đại đen tối (Dark Ages), vì đó là "thời đại của sự man rợ và đen tối trí thức" (The ages of barbarism and intellectual darkness; (Grolier Electronic Publishing 1995)), gây ra những cuộc Thánh Chiến tàn bạo nhất, rồi tới những tòa hình án xử dị giáo với những hình cụ ác độc dã man nhất trong lịch sử nhân loại, gây khủng bố chết chóc cho nhiều triệu người ở khắp Âu Châu trong 600 năm, kéo dài cho tới giữa thế kỷ 19. Chúng ta hãy đọc vài đoạn nhỏ trong cuốn "Những dối trá và huyền thoại trong Thánh Kinh" ("Deceptions and Myths of the Bible", LLOYD M. Graham, Bell Publishing Co., New York, 1979) để có một nhận định rõ ràng về bản chất và sự phát triển của Ki Tô Giáo:

"Theo các nhà thần học Ki Tô thì, thật ra, sự đe dọa lớn lao của phái Ngộ Thuyết là họ từ chối không chịu đứng ngoài Ki Tô Giáo. Phái này bám chặt vào tín ngưỡng Ki Tô như những con ký sinh trùng, hút ra từ đó tinh chất và cùng lúc lại tước bỏ đặc tính và sinh khí của tín ngưỡng này. Đây là một thí dụ về sự đảo ngược cùng xuyên tạc sự kiện sau này: Ki Tô giáo mới chính là ký sinh trùng rút tía tinh chất từ phái Ngộ Thuyết, chứ không phải là ngược lại. Và thay vì từ chối không chịu đứng ngoài Ki Tô Giáo thì Phái Ngộ Thuyết đã từ chối không chịu ở lại trong Ki Tô Giáo khi tôn giáo này trở thành đời bại." (Trg. 284).

(According to the Christian theologians, the great menace, in fact of Gnosticism, was its refusal to remain outside of Christianity. It fastened itself as a parasite upon the Christianity faith, drawing substance from it and at the same time robbing it of its individual character and vitality. This is a sample of the later inversion and perversion of facts: Christianity was the parasite drawing its substance from Gnosticism, not vice versa. And instead of refusing to remain outside of Christianity, Gnosticism refused to remain in it, after its perversion.)

"Và Thánh Augustine (một vị Thánh được coi như là cha đẻ của nền thần học Ki Tô Giáo vào cuối thế kỷ 4

sang đầu thế kỷ 5, và là bậc "Thánh" chủ trương dùng võ lực để tiêu diệt những người theo "dị giáo". TCN) *phán rằng: "Những kẻ thù như vậy, ta thật ghét chúng thậm tệ: Ôi hãy giết chúng đi bằng lưỡi kiếm của người." Và ai là những "kẻ thù" đó? Những kẻ vô thần, ngoại đạo, phá hủy chân lý? Nhất định không phải, đó là những kẻ gìn giữ chân lý, những người theo phái Ngộ Thuyết đáng ghét này. Ở đây chúng ta cần nhắc lại lời của Frances Swiney: "Có thể nói không sai là những sử liệu đen tối nhất, đẫm máu nhất mà lịch sử cho chúng ta thấy là những sự tấn công của giáo hội chính thống vào những nhà huyền nhiệm Ngộ Thuyết." Ôi thật vậy, để tạo lập một tôn giáo (Ki Tô Giáo), ngu si không không đủ, người ta còn phải sử dụng đến sự bất lương, sự tàn ác và cả chiến tranh nữa."* (Trg. 446)

(And St. Augustine on his religion: "The enemies thereof, I hate vehemently: O that thou wouldst slay them with thy two-edged sword." And who were these "enemies"? Atheists, infidels, destroyers of the truth? No indeed, the keepers of the truth, those abhorrent Gnostics. Here we should recall the words of Frances Swiney: "It may be truly said that the blackest and bloodiest records that history can show us are the attacks of the Orthodox Church upon the Gnostic mystics." Oh yes, it takes more than ignorance to found a religion (Christianity); it takes dishonesty, cruelty and war as well.)

"Với sự khởi đầu như vậy, chúng ta có thể hiểu rõ hơn các cuộc Thánh Chiến, cuộc tàn sát trong đêm Thánh Bartholomew, và các tòa hình án xử dị giáo." (With such a beginning, the Crusades, St. Bartholomew, and the Inquisition become more understandable)

Có hai sự kiện về sự hình thành và phát triển của Gia Tô Giáo trên hoàn cầu. Theo Gia Tô La Mã Giáo thì tôn giáo này rất tôn sùng Thánh Phê Rô (Peter) vì Giáo hội được thành lập bởi Peter, theo như lời Chúa trong Thánh Kinh. Và sự phát triển của Gia Tô La Mã Giáo lên địa vị độc tôn ở Âu Châu bắt đầu từ khi Đại Đế Constantine theo Gia Tô Giáo trong thế kỷ 4. Một câu hỏi được đặt ra là, tại sao để truyền bá cái đạo mà Giáo hội Gia Tô luôn luôn tự đề cao là cao quý và đầy tình thương của Chúa mà Giáo hội lại phạm phải không biết bao nhiêu là tội ác trên thế gian, gây ra không biết bao nhiêu cảnh xương máu cho nhân loại như lịch sử đã chứng minh? Các học giả ngày nay đã tìm ra câu trả lời:

Thứ nhất, Gia Tô giáo đã được xây dựng trên tinh thần của Thánh Phê Rô, mà Phê Rô lại là con người lật lọng, phản bội Chúa, đã hứa theo Chúa đến cùng nhưng khi

Chúa bị bắt thì lại phủ nhận tới ba lần là biết Chúa, và chính Chúa Giê Su đã gọi Phê Rô là Satan. Thật vậy, theo Mathew 16:23 thì Giê-Su bảo Peter như sau: *"Hãy ra đằng sau ta, Satan! Người là một sự ô nhục đối với Ta, vì người không để ý đến việc của Thần (God) mà chỉ để ý đến việc của con người."* (But he turned and said to Peter: "Get behind Me, Satan! You are an offence to me, for you are not mindful of the things of God, but the things of man".) Cho nên Lloyd M. Graham đã luận rằng:

"Vậy thì, nếu Giáo Hội Gia Tô được xây dựng bởi Peter, thì Giáo hội đã được xây dựng bởi Satan - một sự kiện mà chúng ta đã nghi ngờ như vậy từ lâu."

(Vì chỉ có Satan mới có thể gây ra những tội ác mà Giáo hội đã phạm phải trong gần 2000 năm nay. TCN)
(Thus if the Catholic Church is founded on Peter, it is founded on Satan - a fact we have long suspected. Sdd., trg. 438)

Thứ nhì, nhờ có Đại đế Constantine mà Giáo hội Gia Tô phát triển. Nhưng Constantine là người như thế nào? Chúng ta hãy đọc đoạn sau đây:

"Trong gần 2000 năm Ki Tô Giáo chỉ tìm cách cứu rỗi chúng ta thay vì văn minh hóa chúng ta và kết quả là một thế kỷ tàn bạo, một thời đại gây nên 250 triệu người KiTô chết trong các cuộc chiến tranh KiTô. (Xin đọc trang 463).. (Chúa kể đến vô số người ngoại đạo bị tín đồ Ki Tô giết. trong chính sách thực dân hoặc mở mang nước Chúa.TCN)

Đó là Ki Tô Giáo, một tôn giáo đặt nền tảng trên một sự lừa gạt gian trá, được thành lập bởi những "kẻ điên" và được củng cố bởi một tên sát nhân - Đại đế Constantine. Nếu chúng ta có thể tin vào lịch sử, thì hắn đã đích tay giết hai người anh em rể của mình, và sai người giết vợ, giết con là Crispus và hai người cháu, giết những địch thủ chính trị, ném người ngoại đạo xuống giếng, và làm cho nhiều ngàn người chết trên chiến trường, không thể đếm xuể.

...Và nay Ki Tô Giáo đã được thiết lập vững chắc, chúng ta thấy gì? Thiên đường trên hạ giới? Trái lại, một sự suy thoái về đạo đức và trí thức chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại."

(For nearly two thousand years Christianity has been trying to save us instead of civilizing us and it has ended in a century of savagery, an era in which two hundred and fifty million Christians died in Christian wars. (See p. 463)..

Such is Christianity, a religion based on a fraud, founded by "fools" and confirmed by an assassin - Constantine the Great. If we can believe history, he killed with his own hands two of his brothers-in-law, had

his wife, his son Crispus and two nephews murdered, bled to death his political rivals, threw the unbelieving into a well, and caused uncounted thousands to die on the field of battle.

...And now (The Dark Ages. TCN) that Christianity is firmly established, what do we find? "The kingdom of heaven on earth"? On the contrary, a moral and intellectual degradation unparalleled in human history. (Lloyd M. Graham, Sdd., trg. 454))

Với lịch sử thành lập và phát triển như vậy và xét đến bản chất của Gia Tô La Mã Giáo thì chúng ta không lấy làm lạ khi tôn giáo này, trong trường chính trị quốc tế, đã luôn luôn có những thủ đoạn lá mặt lá trái, khi thì ve vuốt CS, khi thì liên minh với tư bản để đánh CS, khi thì ký thỏa ước với Hitler, với Mussolini rồi khi Đức Quốc Xã và Phát-Xít Ý bại trận thì lại lên tiếng kết án, khi thì vận động đưa Ngô Đình Diệm về Việt Nam rồi sau lại thỏa hiệp với Hồ Chí Minh để đổi lấy sự dễ dãi của CS đối với CG v...v... Chúng ta cũng không lấy làm lạ khi tôn giáo này có thể đào tạo ra được những mẫu người hoặc độc tài và tàn nhẫn độc ác như Franco (Tây Ba Nha), Palevich (Nam Tư), Ngô Đình Diệm (Nam Việt Nam), hoặc phản quốc như Pétain (Pháp), Trần Lạc (dẫn 5000 giáo dân giúp Pháp tấn công chiến khu Ba Đình của Đình Công Tráng), Nguyễn Bá Tòng (đọc diễn văn cảm ơn chính phủ Pháp và bày tỏ lòng trung thành của "con dân Việt Nam" đối với Mẫu quốc), Hoàng Quỳnh (với khẩu hiệu "Thà mất nước không thà mất Chúa") v...v...

Về nước Tây Ba Nha dưới chế độ Franco, Adrian Pigott đã viết trong cuốn *"Vatican: Kẻ thù của Tự Do"* ("Freedom's Foe: The Vatican", The Pioneer Press, London, 1962), trg. 10, như sau:

"Cái nước khốn khổ này đã bị đặt dưới quyền thống trị của Vatican kể từ năm 1939 khi kẻ thoán vị, Franco, hạ bệ chính phủ có khuynh hướng tự do người dân đã bầu lên. Ngày nay những người dân Tây Ba Nha không may mắn đã bị đưa xuống hàng có đời sống thấp kém nhất ở Tây Âu, và phải chịu đựng những biện pháp trái đạo đức như sau:

Không có tự do báo chí hay tự do ngôn luận.

Không có bầu cử dân chủ.

Không cho những người phi-Gia-Tô giữ những chức vụ trong chính quyền.

Không cho phép tôn giáo công cộng nào khác hoạt động ngoài Gia Tô La Mã.

Cho giới Linh Mục những đặc quyền rộng rãi. Giáo dục do giáo hội đảm trách - và rất kém"

(That unhappy country has been literally under the domination ever since 1939 when the usurper, Franco, deposed the elected liberal government. Today the unlucky Spaniards have been reduced to the lowest living standards in Western Europe, and suffer such iniquities as:

No Freedom of Press or Speech.

No democratic elections.

Government employment denied to non-Romanists.

No public religion allowed - except the Romanists.

Extensive privileges for the clergy.

Education largely in church hands - and very poor.)

Những người sống ở miền Nam Việt Nam dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa của Ngô Đình Diệm hẳn sẽ thấy chế độ Diệm cũng có cùng những sắc thái và tính chất như trên, trừ điểm cuối là tuy giáo hội Gia Tô Việt Nam chưa nắm được trong tay nền giáo dục ở Nam Việt Nam nhưng cũng đã manh nha phát triển qua các trường trung học và đại học do các Linh Mục Gia Tô cầm đầu, với chương trình giảng dạy xuyên tạc lịch sử, nhục mạ cuộc kháng chiến chống Pháp của toàn dân, xuyên tạc và bôi nhọ Phật Giáo, với sự cộng tác của một số trí thức Gia Tô thiếu lương tâm nghề nghiệp. Điển hình là những người gọi là trí thức này đã khai thác một vài câu về hoặc trường hợp cá nhân trong Phật Giáo để xuyên tạc và hạ thấp Phật Giáo (Xin đọc bài "*Một Vấn Đề Văn Hóa*" của Việt Thắng trong *Giao Điểm* số 23, tháng 6/1996, trg. 29-32), hoặc cấm không cho giảng dạy cuốn "*Lịch Sử Thế Giới*" của học giả Nguyễn Hiến Lê chỉ vì trong cuốn này tác giả đã nhắc đến thuyết Tiến Hóa và trình bày vài sự thực về một số Giáo hoàng trong thời Trung Cổ. Nếu ai còn nghi ngờ điều trên, tôi xin mời họ hãy đọc các phụ lục trong cuốn "*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*" của Đỗ Mậu, đặc biệt là 100 lời phê phán về con người và chế độ Diệm của 100 nhân sĩ, chính trị gia, học giả, tướng lãnh v...v... để thấy rằng chính sách của Diệm với sự cộng tác của các trí thức Cần Lao chẳng qua chỉ là chính sách thu nhỏ của Giáo hội Gia Tô La Mã với mưu đồ thống trị thế giới bằng ý hệ Gia Tô La Mã. Do đó, chúng ta có thể nói rằng, những âm mưu chống phá Phật Giáo ở Việt Nam trước đây, và nay còn tiếp tục ở hải ngoại, không phải là vì một vài cá nhân làm sai ý Chúa, mà là nằm trong chính sách và chiến lược của Giáo Hội Gia Tô La Mã, bắt nguồn từ một niềm tin huyền hoặc vào giáo lý Gia Tô, và phản ánh những đặc tính cố hữu, bản chất độc tôn, bất khoan nhượng và

tàn độc của Gia Tô Giáo như đã kể sơ lược trong lịch sử hình thành và phát triển của tôn giáo này ở trên.

Bây giờ tôi xin chuyển sang "cậu em út" CS. Nếu sự đàn áp Phật Giáo ở miền Nam của Ngô Đình Diệm bắt nguồn từ giáo lý và tín ngưỡng Gia Tô, thì chính sách khắc nghiệt của CS VN đối với Phật Giáo là do sự áp dụng sai lầm ý hệ Marx-Engels một cách "bào hoàng hơn vua". Thật vậy, tuy luận về tôn giáo Marx có viết "Tôn Giáo là thuốc phiện của dân chúng", nhưng tôn giáo đây không phải là Phật Giáo vì Marx không biết gì và không hiểu gì về Phật Giáo hay các tôn giáo Đông phương. Tôn Giáo mà Marx nói tới là các tôn giáo Tây phương cùng thờ một vị Thần sáng tạo (God Creator) như Gia Tô La Mã, Chính Thống Giáo, Tin Lành. Marx chống đối tôn giáo là vì qua những kinh nghiệm lịch sử ở Âu Châu Marx thấy giới lãnh đạo tôn giáo đã luôn luôn liên kết với các chính quyền và tư bản để tích tụ của cải thế gian, bóc lột giới công nhân vô sản, qua thủ đoạn lợi dụng lòng mê tín của lớp người ít học, lừa dối họ, khuyến họ an phận, bảo đó là ý Chúa, và hứa hẹn cùng họ một đời sống vĩnh cửu bên Chúa trên thiên đường. Thật vậy, chúng ta hãy đọc đoạn sau đây trong cuốn "*Tiếng Kêu Than của Người Dân*" (Cry of the People", Penny Lernoux, Penguin Books, New York, 1992, Trg. 16) để thấy rằng nhận xét của Marx coi tôn giáo Tây phương như là thuốc phiện không hẳn là vô căn cứ:

"Ngay từ lúc đầu, xã hội Mỹ - LaTinh được kiến trúc giống như một Kim Tự Tháp, với vài người Âu Châu đến định cư và hưởng mọi quyền lợi của đế quốc, và quần chúng thổ dân, da đen, giai cấp thấp, không có một quyền nào. Cái tháp này tồn tại được là vì khối nhân dân ở dưới đáy được nhắc nhở rằng họ ngu si, lười biếng, và thấp kém. Những nhà truyền giáo (GiaTô Giáo, TCN) ngoại quốc góp phần nhồi vào đầu óc dân bản xứ ý tưởng là họ nên an phận nghèo khổ và ngu si vì đó là ý muốn của Chúa. Như Tổng Giám Mục ở Lima đã bảo các thổ dân rằng: "Nghèo khổ là con đường chắc chắn nhất đi tới hạnh phúc." (Được sống đời đời bên Chúa trên thiên đường. TCN)"

(From the very beginning, Latin-American society was constructed like a pyramid, with a few Europeans settlers enjoying all the privileges of empire and a mass of Indians, blacks, and haf-casters having no rights at all. The pyramid survived because the mass at the bottom was repeatedly told that it was stupid, lazy, and inferior. Foreign missionaries helped drum these ideas into the natives' head by claiming that it was God's will that they should be poor and ignorant. As the

Archbishop of Lima told his Indians, "Poverty is the most certain road to felicity.")

Trong khi đó thì giới lãnh đạo Gia Tô Giáo sống như thế nào? Chúng ta chỉ cần nhìn vào số của cải tích tụ của Giáo hội với tài sản lên tới hàng ngàn tỷ đô-la trong khi đa số giáo dân trong các nước ở Nam Mỹ, Phi Châu và Á Châu vẫn sống trong nghèo khổ, và chỉ cần nhìn vào lối sống của các Hồng y, Tổng Giám Mục, Giám Mục, Linh Mục được con chiên phục dịch như thế nào và số sệt tuân phục ra sao là chúng ta có thể tưởng tượng được mức đạo đức giả của Giáo hội như thế nào, và chính sách lừa dối, ru ngủ của họ tàn nhẫn nhưng lại thành công như thế nào.

Nhiều nhà thần học Gia Tô cũng đã nghiên cứu về ý chí chống tôn giáo của Marx, và phần sau đây là tóm tắt sự phân tích của Linh mục John Courtney Murray, một nhà Thần Học Gia Tô nổi danh thuộc hiệp hội Giê-Su (S.J. = Society of Jesus), trong cuốn "*Vấn đề về Thần*" ("The Problem of God", Yale University Press, New Haven & London, 1964, Trg. 108-113):

Thứ nhất, chủ thuyết vô thần của Marx không xuất phát từ thế giới các tư tưởng mà từ thế giới của sự kiện - sự kiện xã hội về sự nghèo khổ của con người. Đó là một sự bức tức vô thần để chống lại tình trạng lịch sử của con người trong thời đại kỹ nghệ. Ở đáy sâu của ý chí vô thần mà cội nguồn là vấn đề xấu ác, tiềm ẩn một ý tưởng đạo đức tuyệt đối. Theo ý tưởng này thì không những sự xấu ác không có quyền hiện hữu mà còn không thể tha thứ được. Đây là một nguyên lý tuyệt đối mà Thần trong Thánh Kinh không thừa nhận tính quyết định của nó trong nhiệm vụ cai trị thế giới của Thần. Thần xét xử sự xấu ác là xấu ác nhưng không coi đó như là không thể tha thứ được. Điều này trở thành tội án của Thần. Theo Marx, là Thần theo đúng nghĩa Thần thì không được tha thứ sự xấu ác. Vì Thần trong Thánh Kinh khoan nhượng sự xấu ác, nên đó không phải là Thần. Nhân danh Thần Marx đã loại bỏ Thần. Đây là dạng tinh khiết nhất và nồng nhiệt nhất của chủ thuyết Vô Thần khi con người bác bỏ Thần nhân danh chính đặc tính đạo đức của một Thần.

Thứ nhì, từ sự bức tức của Marx trước sự nghèo khổ của con người đã nảy ra lòng mong muốn được tự do. Theo Marx, cái tự do chân thực của con người là khả năng thay đổi thiên nhiên, biến đổi con người và xã hội, xây dựng một thế giới mới, khai trương một lịch sử mới. Cái khả năng này đến với con người khi con người nhận ra được những điều cần thiết trong duy vật biện chứng sử quan. Nhận ra rồi, con người sẽ trở thành chủ nhân của lịch sử, đó là cái tự do cụ thể của con người. Đây

cũng chính là cái tự do của Thần Sáng Tạo, quyền năng thực sự trên quá trình lịch sử. Từ cái tự do này, con người Cách Mạng sẽ làm cho lịch sử có ý nghĩa, nghĩa là tạo đường hướng mới để đạt tới một thế giới không có sự nghèo khổ.

Thứ ba, theo Marx thì Thần (God) là kẻ thù tội đing của tự do. Sự hiểu biết về Thần theo nghĩa trong Thánh Kinh là căn nguyên chính yếu để làm cho con người tự xa lia chính mình. Con người tin vào một vị Thần toàn trí, toàn năng là rơi vào trong vòng giam hãm của một ảo tưởng. Theo Marx, Thần là một ảo tưởng, là sáng tạo của con người, là sự khao khát của những người bị áp bức. Vì sự thoải mái của chính mình, con người bày đặt ra một thiên đường với ảo tưởng là có một quyền năng làm chủ lịch sử, có khả năng cứu vớt con người ra khỏi cảnh nghèo khổ, và dẫn lịch sử đến một thiên đường ở ngoài lịch sử. Nhưng đây chỉ là dự phóng của chính con người. Cho nên, cái dự phóng ảo tưởng này, và niềm tin vào ảo tưởng này thật là tai hại. Đó chính là sự xa lia của con người với chính mình. Vì tin vào một vị Thần, con người trở thành xa lạ với bản ngã chân thực của chính mình, bị tê liệt trong những khả năng cần thiết của chính mình. Và con người bị biến thành bất lực trong nhiệm vụ lịch sử, nghĩa là biến đổi bản chất và xếp đặt lại những gánh nặng đang đè mình xuống hàng nô lệ trong những hoàn cảnh nghèo khổ đặc thù của xã hội tư bản cũng như trong xã hội phong kiến trước đây.

Cho nên, cái gốc niềm tin về Thần cần phải đánh bật ra khỏi con người cách mạng. Hơn nữa, sự dẹp bỏ vai trò của Thần phải được thực hiện một cách toàn diện, trong đời sống riêng tư cũng như trong đời sống công cộng. Marx và những người kế thừa ông không bị lừa dối bởi cái luận cứ trống rỗng: tôn giáo là vấn đề thuần túy riêng tư. Họ rất sáng suốt nhận ra rằng tôn giáo, ngay cả trong dạng tín ngưỡng riêng tư, cũng là vấn đề công cộng nhất trong những vấn đề công cộng. Cho nên, trong xã hội lý tưởng của Marx, không ai được phép nói rằng, ngay cả nghĩ trong thâm tâm, "Thần hiện hữu, đang sống động trong hiện tại." Đối với đảng xã hội cách mạng vô sản, tôn giáo không phải là một vấn đề riêng tư mà là vấn đề thuộc về ý hệ, do đó là một vấn đề của đảng, và do đó là một vấn đề công cộng. Vì vậy, chống tôn giáo là trung tâm điểm của cuộc chiến ý hệ giữa tôn giáo và cộng sản.

Thứ tư, huyền thoại về "*Thần đã chết*" (God is dead) là điểm chính yếu trong lý tưởng cách mạng. Nhưng thực ra đây lại không phải là một huyền thoại. Nói cho đúng, dưới cái dạng văn chương của huyền thoại này, tiềm ẩn một sự kiện khoa học. Sự kiện này là con người cách mạng đã hiểu được một cách khoa học về lịch sử.

Con người đã khám phá ra ý nghĩa của lịch sử, nghĩa là chính lịch sử đã tạo ra bản chất con người chứ không phải là Thần. Sự khám phá này đưa tới sự kiện "Thần đã chết". Khi con người biết được chính mình qua lịch sử, hiểu được rằng mình chính là tạo phẩm của lịch sử chứ không phải là của Thần thì Thần đã chết, ra khỏi lịch sử, để lại con người làm chủ lịch sử.

Thứ năm, con người cách mạng không làm gì hơn là tìm cách giải quyết sự xấu ác. Họ hiểu rằng không có một giải pháp nào có thể chấp nhận trừ phi nó có tính cách thực tế, thực sự giải thoát con người khỏi sự xấu ác. Trong Thánh Kinh, Thần dung dưỡng sự xấu ác và dùng nó để bào chữa cho công lý của Thần. Con người cách mạng cũng vậy, cho phép dùng những phương tiện xấu ác để đạt những mục đích tốt. Chỉ khác là, những mục đích này có thể thực hiện được ngay trên trái đất. Và như vậy, con người cách mạng đã làm nhiệm vụ "Thế Thiên hành đạo."

Qua mấy điểm phân tích của Linh Mục Murray về luận cứ chống tôn giáo của Marx, chúng ta thấy rằng cái tôn giáo mà Marx muốn chống là cái tôn giáo độc Thần trong các xã hội tư bản, phong kiến, cái tôn giáo đã liên kết với thế quyền và tư bản để bóc lột dân vô sản qua sách lược lừa dối, dụ dỗ, ru ngủ, hứa hẹn những điều không tưởng, cái tôn giáo trong đó giới giáo sĩ được hưởng những đặc quyền vật chất, ngự trị trên sự quy lụy của đa số giáo dân sống trong nghèo khổ, chứ không phải là các tôn giáo Đông phương như Phật Giáo, Khổng Giáo, Lão Giáo mà Marx không hiểu gì và không hề có kinh nghiệm gì về những tôn giáo này. Thật vậy, Marx chủ trương đánh bật vị "Thần trong Thánh Kinh" ra khỏi đầu óc con người. Vị Thần này không hề có trong đầu óc Phật tử. Cho nên, phải nói rằng, chính sách khắc nghiệt của CS đối với Phật Giáo ở Việt Nam là một chính sách sai lầm, không những nó đi ra ngoài chủ thuyết của Marx mà còn làm giảm tiềm năng của một lực lượng dân tộc đã từng đóng góp những phần quan trọng trong những công cuộc xây dựng và bảo vệ nước trong nhiều giai đoạn lịch sử, cũng như đã góp phần phát huy và gìn giữ nền văn hóa dân tộc như sử sách đã ghi chép. Hay là CS cho rằng trong Phật Giáo cũng có một vị "Thần Phật Giáo" cần phải đánh bật ra khỏi đầu óc Phật tử chăng? Nhưng trong Phật Giáo, nếu có một vị "Thần Sáng Tạo" thì vị Thần đó là cái Không, cái Không Không, rốt ráo là Không, cái Không của Diệu Hữu, cho nên đánh vào cái Không thì chỉ hổng hụt. Vị Thần này, hay Phật tánh, có trong mọi chúng sinh, lẽ dĩ nhiên trong đó có cả những người CS. Cho nên, chỉ cần người CS phá bỏ được bức màn sân hận giai cấp, đổ kỹ tôn giáo,

buông dao xuống, là mặt trời sẽ lộ dạng trong tâm thức của mình. Người CS cũng nên đọc lại Marx để mà thay đổi chính sách đối với Phật Giáo. Marx chỉ nhìn thấy mặt xấu của tôn giáo mà không nhìn thấy cái mặt tốt của tôn giáo, dù là tôn giáo Tây phương. Marx không nhìn thấy cái nguồn cảm hứng tôn giáo để "trở thành tốt" của những tín đồ Ki Tô giáo, và không biết phân biệt giữa Giáo hội và quần chúng tín đồ. Cho nên, tới những thập niên 1950-60, các lý thuyết gia CS mới bắt đầu nhìn thấy điều trên và tham gia phong trào đối thoại giữa CS và Ki Tô Giáo, và các nhà Thần học Ki Tô cũng đã phải nhìn lại chính tôn giáo của mình qua tư tưởng Marx, tuy kết quả không được bao nhiêu vì cả CS lẫn Ki Tô Giáo đều vẫn chấp chặt vào một số định kiến, nhất là về phía Gia Tô La Mã Giáo. Sự liên minh của Vatican với tư bản Mỹ dưới thời Reagan để khuyến đảo chế độ CS ở Ba Lan là một bằng chứng cụ thể. (Xin đọc bài "*Liên Minh Thánh*" của Trần Văn Kha trong tờ "*Đông Dương Thời Báo*", Houston, Texas, số 43, ngày 15/6/1996).

Trong những năm gần đây, ở bên nhà đã có nhiều dấu hiệu đáng khích lệ là chính quyền đã nhận ra cái chính sách sai lầm đối với Phật Giáo và đang từ từ sửa sai một cách thâm lặng, với chiều hướng xây dựng một xã hội chủ nghĩa mang đặc tính Việt Nam. Đó là cái phúc cho dân tộc, vì đặc tính Việt Nam chính là những tinh thần Phật Giáo như tinh thần từ bi và khoan dung; tinh thần Tam Giáo đồng nguyên; tinh thần hòa hợp dân tộc, xóa bỏ hận thù để cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp cho Việt Nam; tinh thần yêu nước, bảo vệ chủ quyền, ngăn chặn sự xâm lược văn hóa của ngoại bang; tinh thần độc lập, không chịu lệ thuộc hay chịu áp lực của ngoại bang và những kẻ theo gót ngoại bang dưới bất cứ hình thức nào, vật chất cũng như tinh thần; và tinh thần khai phóng, mở mang dân trí. Người dân thường nhìn chính quyền qua các hành động cụ thể. Nếu ngày xưa chính quyền đã có can đảm thừa nhận chính sách sai lầm về cải cách ruộng đất, sửa sai định chỉ những sai lầm và đền bù cho những nạn nhân, thì tại sao ngày nay chính quyền không thể chính thức công nhận sự sai lầm trong chính sách đối với Phật Giáo, sửa sai và đình chỉ chính sách này, cụ thể hóa bằng cách thả tự do cho các bậc tu hành như Huyền Quang, Quảng Độ, Trí Siêu v...v..., tu sửa chùa chiền, và khuyến khích người dân chấn hưng Phật Giáo. Như vậy, vừa được tiếng về chính trị, vừa chứng tỏ cho dân chúng thấy là chính quyền có tự tin, nắm vững tình hình, và thành thật trong đường lối xây dựng một xã hội chủ nghĩa mang đặc tính Việt Nam. Xét cho cùng, các bậc tu hành này không phải là những chuyên viên xách động mà chỉ là những người có lòng từ bi, cảm thấy đau xót trước cảnh khổ cực của dân chúng,

nhưng có thể không nắm vững tình thế, không xét đến những khúc mắc của lịch sử, và có thể bị ảnh hưởng của vài "cậu ấm" hữu danh vô thực ở hải ngoại, cho nên không thể nói là họ có tội đối với quốc dân, đáng tội phải giam giữ..

Đúng trong sức ép của hai ý hệ và những hành động đối nghịch của Công và Cộng, thái độ của Phật Giáo nên ra sao? Trong phần kết luận này tôi xin bày tỏ vài ý kiến cá nhân, tuyệt đối không phải là tiếng nói của Phật Giáo hay của bất cứ tổ chức, hội đoàn nào.

Trước hết, Phật Giáo không có kẻ thù, không coi ai là kẻ thù. Phật giáo luôn luôn nhìn chúng sinh bằng đôi mắt từ ái (Từ nhân thị chúng sinh), thương xót những người vì vô minh mà gây tác hại cho quần chúng. Phật giáo chống vô minh nhưng không chống người bị mù vô minh che phủ. Đối tượng của Phật Giáo là chúng sinh, là con người, cho nên Phật Giáo dùng hạnh từ bi và vận dụng trí tuệ để chuyển hóa con người chứ không phá hủy con người. Phật Giáo quan niệm vô minh và những sự xấu ác là những bệnh của con người, và những hành động của Phật Giáo, qua những phương tiện hòa bình, bác ái, và mở mang trí tuệ, chỉ là để trực các bệnh tật ra khỏi con người chứ không giết người để dứt bệnh. Đôi khi, cực chẳng đã Phật Giáo phải dùng đến những hành động có vẻ cực đoan nhưng trong những hành động này phần thiệt thòi vẫn về Phật Giáo. Bồ Tát Thích Quảng Đức tự thiêu, để lại một chút thư kêu gọi sự thức tỉnh lương tâm của chính quyền Ngô Đình Diệm chứ không kêu gọi lật đổ hay giết Ngô Đình Diệm. Nữ Phật tử Nhất Chi Mai tự thiêu trước hình tượng của Quan Thế Âm Bồ Tát và Đức Mẹ Maria để kêu gọi sự hòa hợp tôn giáo, chứ không phải để xách động Phật tử chống CG. Những hành động có vẻ cực đoan trên, chịu thiệt thòi cho chính bản thân, chỉ nhắm vào tác dụng thức tỉnh, chuyển hóa chứ không có mục đích tiêu diệt. Cho nên người CS phải thấy rằng cái mằm mống, ý đồ, mưu toan, và các hành động công khai hay ngầm ngầm nhằm tiêu diệt CS cho đến người cuối cùng, nằm ở nơi khác, trong ý hệ khác, chứ không nằm trong khối Phật Giáo.

Thứ đến, Phật Giáo không có ý đồ truy cầu hay tranh giành quyền bính, danh lợi. Lịch sử đã chứng minh như vậy: Hòa Thượng Quảng Trí, anh của Hoàng Hậu Chương Phụng, tử bỏ chức cao, lộc trọng, về tu nơi núi cao rừng thẳm; Vua Trần Thái Tông, bỏ ngai vàng như bỏ đôi dép rách; Vạn Hạnh Thiền Sư tham gia chánh sự nhưng không tham gia chánh quyền; Tuệ Trung Thượng Sĩ, anh của Hoàng Hậu đương thời, thời bình thì tu ở Chùa, thời chiến thì khoác chiến bào chống xâm lăng,

đuổi xong ngoại xâm rồi lại trở về Chùa sống thung dung tự tại; Vua Trần Nhân Tông cũng bỏ ngai báu, xuất gia làm Trúc Lâm đầu đà. Phật giáo ý thức được rằng, như Lord Acton đã nói: *"Mọi quyền lực đều đưa tới đời bại, quyền lực tuyệt đối đời bại một cách tuyệt đối"* (All powers tend to corrupt, Absolute power corrupts absolutely). Nếu có một vài cá nhân trong Phật Giáo đi vào con đường truy cầu danh lợi hay quyền lực thì điều này không có nghĩa là Phật Giáo có cùng một chủ trương như vậy, và thực sự những cá nhân đó không bao giờ có thể tạo được uy tín hay uy quyền để bắt cả khối Phật Giáo phải ủng hộ họ trong những mục đích nằm ngoài giáo lý của Phật Giáo. Chẳng cần kể đến các bậc xuất gia tu hành nghiêm chỉnh, ngay cả cư sĩ Phật Giáo cũng có nhiều người không màng danh lợi hay quyền lực vì ý thức được đó chỉ là những ràng buộc thế gian.

Sau cùng, Phật giáo không bao giờ chấp chặt ý kiến, tư tưởng của mình, cho đó là chân lý chân thật duy nhất, và dùng những thủ đoạn phi đạo đức để củng cố, lừa dối con người, vơ nhặt tin đồn. Chánh kiến, chánh tư duy, tinh tiến để mở mang trí tuệ, tuyệt đối không phải là những hứa hẹn hoang tưởng để lừa dối, ru ngủ con người mà là để thúc đẩy con người tiến bộ, giải quyết hợp lý những vấn đề trong xã hội. Cho nên, Phật Giáo luôn luôn mở rộng vòng tay và tâm thức để đối thoại với các ý hệ khác. Phật Giáo hiểu rằng, như nhà Thần học Hans Kung đã nói, *"Không thể có hòa bình trên thế giới nếu không có hòa bình giữa các tôn giáo, và không thể có hòa bình giữa các tôn giáo nếu không có sự đối thoại giữa các tôn giáo"* (There is no peace in the world if there is no peace between religions, and there is no peace between religions if there is no dialogue between religions). Nhưng khuôn mẫu đối thoại mà Phật Giáo mong muốn là một sự đối thoại nghiêm chỉnh, trí thức, dưới ánh sáng của khoa học, của luận lý (logic). Còn như đối thoại kiểu *"Cha nhà thờ, tha hồ nói, Phật tử chỉ có quyền tha hồ nghe"* (Mượn ý của Giới Tử), hay đối thoại với họng súng kề bên thì đó không phải là đối thoại mà là độc thoại.

Tôi thiết nghĩ, tuy trong thời cận đại Phật Giáo bị ép giữa hai luồng ý hệ xa lạ với tuyệt đại đa số dân Việt Nam, và Phật Giáo đã chịu đựng không biết bao nhiêu là đắng cay, bạc đãi, bắt công, nhưng Phật Giáo sẽ không bao giờ nuôi thù hận, vì sân hận là một trong ba độc mà người Phật tử phải đoạn diệt. Phật giáo chỉ khao khát được sống thanh bình với đất nước trong công bằng, bác ái với sự hòa hợp tôn giáo, hòa hợp dân tộc. Những sự hòa hợp này nằm trong tay của những người CG và CS, còn bản chất của Phật Giáo vốn đã là hòa hợp rồi. Đối

với người CS, nếu thấy một vài cá nhân trong Phật Giáo, hay giả danh Phật Giáo, tranh đấu cho nhân quyền bằng cách vi phạm nhân quyền, thí dụ như xâm nhập bất hợp pháp vào chùa của người khác, chống Cộng ồn ào một cách vô lối, không chấp nhận đối thoại, không tôn trọng quyền tự do của người khác, thì cũng đừng nên tổng quát hóa vấn đề mà cho đó là đường lối của Phật Giáo. Thực ra mấy người này không hiểu thế nào là nhân quyền, là tự do dân chủ, và thường muốn nổi tiếng bằng cách "dựng lên một hình nộm rồi quật ngã nó xuống." Ý thức về nhân quyền, tự do, dân chủ của họ là chỉ có họ mới có quyền hiện diện trên cái xứ tự do này, còn CS (cái hình nộm mà họ dựng lên) hay bất cứ ai khác không theo đường lối của họ, thường là hẹp hòi và quá khích, đều không có quyền hiện diện trên cái đất nước đã dung chứa họ chính vì tự do và nhân quyền.

Đối với một số người CG quá khích, tôi xin họ hãy chấm dứt những âm mưu chống phá Phật Giáo, ngầm hay công khai, xuyên tạc, bóp méo lịch sử và chụp mũ. Trong tinh thần đối thoại thẳng thắn, Phật tử chúng tôi sẵn sàng thảo luận về những sai trái của Phật Giáo, nếu có. Chúng tôi cũng sẵn sàng thảo luận về kinh điển, giáo lý, lịch sử Phật giáo trong tư thế là một trong những tôn giáo lớn của thế giới, là tôn giáo của đa số người dân Việt Nam, và đón nhận mọi ý kiến xây dựng để đưa tới chánh kiến, đến sự hòa hợp tôn giáo. Quý vị không nên nuôi ảo vọng là có thể "tiêu diệt Phật Giáo ma quỷ" như quý vị đã tuyên thệ khi gia nhập đảng Cần Lao Gia Tô để mở mang nước Chúa. Tinh thần Phật Giáo đã thấm vào lòng dân tộc Việt Nam như nước thấm vào lòng đất (Nhận định của GS. Trần Quốc Vương), cho nên chỉ có một cách có thể tiêu diệt cái nước đã thấm vào lòng đất này là đào xới lên, đem bán cả đất lẫn nước. Hiển nhiên, đây là một điều hoang tưởng. Dân tộc Việt Nam như một biển cả, các luồng văn hoá, ý hệ du nhập Việt Nam chẳng qua chỉ là những con sông lớn, nhỏ, từ các nguồn khác nhau, chảy vào biển và sẽ hòa đồng với biển. Đó là lẽ thuận của luật thiên nhiên. Ý hệ CG chỉ là một con sông nhỏ mà lại cứ muốn biển cả phải biến chất mặn, tinh khiết của biển để hòa đồng vào dòng nước nhỏ vốn đã không được tinh khiết như lịch sử đã chứng minh, như vậy làm sao có thể được? (Ý của Doãn Quốc Sỹ). Tôi cũng xin những người CG hãy truyền đạo bằng những phương cách hợp với tinh thương của Chúa để làm "*vinh danh Thiên Chúa trên Trời*"; những hành động trái với tinh thương của Chúa, bất kể với mục đích gì, đều không thể làm vinh danh Chúa mà trái lại, còn làm nhơ danh Chúa.. Tôi còn nhớ, ngày xưa tôi có đọc một cuốn truyện chống Cộng của một tác giả Ý mà tôi đã quên mất tên. Đó là cuốn "*Thế Giới Nhỏ của Don Camillo*"

(The Little World of Don Camillo). Nội dung câu chuyện xoay quanh hai nhân vật: Peppone, đảng viên Cộng Sản, Thị Trưởng của một Thành Phố, và Cha Don Camillo, cai quản một giáo xứ trong nước Ý. Hai người này thường chống đối nhau về đủ mọi chuyện nhưng bao giờ Don Camillo cũng thắng vì có Chúa Jesus giúp. Đặc biệt là Cha Don Camillo có khả năng nói chuyện được với Chúa Jesus hàng ngày. Đây là một chuyện vui nói lên nhiều khía cạnh của tình người, dù người đó là CS hay CG. Có một đoạn đặc biệt mà tôi còn nhớ như sau:

Peppone sinh ra một người con, đặt tên con là Lenin và muốn Cha Don Camillo rửa tội cho nó, nhưng Cha Camillo từ chối. Tối đến, Cha Camillo giải thích với Chúa là : không rửa tội cho đứa trẻ tên là Lenin vì muốn bảo vệ "*Thanh danh Thiên Đường của Chúa.*" (...trying to protect the reputation of Heaven). Chúa Kitô giận giữ quát: "*Chuyện danh tiếng ở trên Thiên Đường là chuyện của Ta, không phải là chuyện của người.*" ("The reputation of Heaven is my business, none of yours," shouted Christ angrily). Đoạn chuyện ý nhị trên cho thấy, ngay một chuyện nhỏ nhoi là từ chối rửa tội cho một đứa nhỏ, dù đứa nhỏ đó là con của một đảng viên CS, đã trái với tinh thương của Chúa rồi, huống chi là những chuyện giết người, cưỡng bức người vào đạo, dùng bả vật chất để dụ người vào đạo, âm mưu chống phá tôn giáo khác, hay những hành động dựa vào quyền thế và bạo lực, ngược lại với tinh thương của Chúa, mà lại hi vọng để "vinh danh Thiên Chúa trên Trời" thì thật là chuyện hi vọng hảo huyền, không tưởng.

Những người CG và CS hãy tự kiểm điểm lại thành tích của mình, xem mình đã làm những gì mang phúc lợi thực sự tới dân tộc, đã làm những gì có hại cho dân tộc, để mà hoạch định một đường hướng thực sự giúp dân giúp nước, đặt nước Chúa, nước Mác v..v.. ra đằng sau nước Việt. Chỉ có như vậy, con người Việt Nam mới có thể hòa hợp thực sự, theo tinh thần vô chấp của Phật Giáo, cùng nhau xây dựng và gìn giữ đất nước, không vì những nhân hiệu vô thường như CG, CS để mà tìm cách chống đối, tiêu diệt lẫn nhau vì những ý hệ xa lạ với truyền thống, phong tục và văn hóa Việt Nam.

Trong Phật Giáo có câu: "Buông dao đồ tể là thành Phật, Quay đầu trở lại là thấy bờ"; những chân lý này không bao giờ thay đổi và sẽ còn tồn tại đến ngày tận thế, nghĩa là ngày vũ trụ có thể co nhỏ lại thành một dị điểm (singularity) vô cùng nóng, vô cùng đặc (Big Crunch) để bắt đầu một chu trình vũ trụ mới bằng một Bích-Bang (Big Bang).

VÔ THẦN VÀ HỮU THẦN

Hoàng Hà Thanh

Cách đây vài tháng quý vị độc giả đã đọc một bài nói về sự du nhập của Phật Giáo vào Hoa Kỳ. Đây là một trong số nhiều bài đề cập đến sự phát triển Phật Giáo tại Tây Phương: Hoa Kỳ, Anh Quốc, Đức Quốc, Nga, Tiệp Khắc, v.v. Hoà Thượng Thích Mật Thể, trong cuốn Việt Nam Phật Giáo Sử Lược, đã nói muốn hiểu rõ Phật Giáo Việt Nam, phải hiểu rõ lịch sử du nhập và phát triển trước. Cũng trong chiều hướng của lời chỉ dạy này, chúng tôi giới thiệu lịch sử du nhập và phát triển Phật Giáo tại Tây Phương, rồi sau đó sẽ viết những bài về Phật Giáo tại Tây Phương để đóng góp một phần nhỏ bé nào đó vào việc tìm hiểu Phật Giáo tại các nước bạn, ngoài Trung Hoa và Ấn Độ mà phần nhiều độc giả đã quen thuộc.

Đáng lý bài này sẽ là một bài viết về Phật Giáo tại Anh Quốc, như chúng tôi đã hứa viết bài với Hòa Thượng Viện Trưởng Phật Học Viện Quốc Tế từ lâu, nhưng chúng tôi xin hứa "trả nợ" độc giả những bài đó trong nhiều số báo kế tiếp, để viết một bài về **Vô Thần và Hữu Thần** theo lời đề nghị của một số Phật tử thân hữu, đồng thời hy vọng giúp một vài ý kiến cho những đạo hữu chưa có dịp quen biết.

Một số câu hỏi đã được các thân hữu đặt ra cho chúng tôi như: Vô thần là gì? Hữu thần là gì? Phật Giáo là vô thần hay hữu thần? Có phải những người vô thần là xấu xa, tội lỗi không? Có phải những người hữu thần là đạo đức, hiền lành không?

Thánh kinh nói vào Ngày Phán Xét Sau

Cùng (Last Judgement Day), Chúa sẽ trở lại thế gian một lần nữa, mang người chết và người sống ra xét xử. Ai tin có Chúa sẽ được lên thiên đàng, còn ai không tin có Chúa sẽ bị đày đọa xuống địa ngục đời đời kiếp kiếp. Và rất nhiều câu hỏi tương tự.

Chúng tôi đã dùng mở kiến thức thô thiển để trả lời những câu hỏi trên. Sau đó, các thân hữu đề nghị nên viết một bài để chia sẻ với một số bạn khác. Vì trang báo chỉ có hạn cho một bài viết, chúng tôi tạm tóm lược những điểm chính sau đây:

Thuyết hữu thần là gì? Theo nghĩa thông thường người hữu thần là người tin có một Thượng Đế (theo cựu ước) là tạo vật chủ của vũ trụ; hay bất cứ ai tin có một hay nhiều thượng đế hiện hữu. Chữ này được dùng lần đầu tiên vào thập niên 1670-1680 tại Anh Quốc (theo Random House Dictionary). Chủ thuyết quan niệm chỉ tin có một thượng đế gọi là thuyết độc thần (monotheism), chủ thuyết quan niệm tin có nhiều thượng đế gọi là thuyết đa thần (polytheism). Do Thái Giáo (judaism), Kitô Giáo (christianity) và Mô Ha Mết Giáo, hay thường gọi là Hồi Giáo (mohammedanism) theo chủ thuyết độc thần, vì chỉ tin có một Thượng Đế nói trong cựu ước. Người theo Ấn Độ Giáo (Hinduism) tin có nhiều thần, thượng đế, theo chủ thuyết đa thần.

Thuyết Vô Thần là gì? Người theo thuyết vô thần là người không tin có sự hiện hữu của một hay nhiều thần hay thượng đế hay một đấng siêu nhân nào cả. Thuyết Vô Thần đã

có từ thời Xenophanes (570 - 470 trước Tây Lịch), cách đây hơn 2,000 năm. Xenophanes đã bác bỏ lòng mê tín của một số người cho rằng mặt trăng là một vị thần. Ông bảo mặt trăng chỉ là một cục đá mà thôi.

Căn cứ vào cuốn Catholicism of the Catholic Church của tòa thánh Vatican, ấn bản 1995, Kitô Giáo La Mã (Roman Catholic) quan niệm người vô thần như sau :

a/ Vì chối bỏ sự hiện hữu của Thượng Đế, việc theo chủ thuyết vô thần là một tội;

b/ Thuyết vô thần thường dựa vào quan niệm sai lầm về sự tự lập của con người, qua sự từ khước bất cứ một sự lệ thuộc nào vào Thượng Đế. Tuy nhiên, thừa nhận có Thượng Đế không chống lại nhân phẩm của con người; \

c/ Con người có tội khi sùng bái thần linh hay tôn thờ cái gì khác với Thượng Đế, bất kể là thần thánh nào, cha mẹ, tổ tiên, quyền lực, v.v. Nói rõ hơn thờ phượng ông bà, tổ tiên là vô thần;

d/ Chủ thuyết vô thần là một trong những trở ngại trầm trọng nhất trong thời đại chúng ta;

e/ Vào ngày Phán Xét Sau Cùng, Chúa Giêsu Kitô, nhân danh Cha, sẽ tái xuất thế gian để phán xét kẻ sống và người đã chết. Loài người được phân chia ra làm hai loại, như cừu (trừu) và dê. Đàn cừu đứng bên tay phải, đàn dê đứng bên tay trái. Đàn cừu, tin có Chúa, sẽ được Chúa ban ân sủng và đưa về nước Chúa; còn đàn dê, những kẻ vô thần, hay những kẻ không tin có Chúa hay đầy tội lỗi sẽ chịu hình phạt vĩnh cửu bị đày đọa xuống hỏa ngục đời đời kiếp kiếp.

Vì thế Chúa kêu gọi con người hãy mau mau rửa tội để được cứu rỗi. Công lý của Chúa sẽ được sáng tỏ. Lòng yêu thương của Chúa mạnh hơn sự chết.

Đọc tới những điều này ai cũng thấy lạnh gáy.

Đạo Phật xuất phát từ Ấn Độ, nơi có hàng ngàn ông thần, bà thánh. Những ông thần, bà thánh đó chẳng giúp ích gì cho con đường giải thoát của con người. Vì thế Đức Phật đi tìm cái "tâm" của con người. Tất cả mọi thứ đều do cái "tâm" mà ra. Đức Phật là một vị thầy chỉ dạy cho ta con đường đi từ triền phược đến giải thoát; đưa ta từ bóng tối ra ánh sáng; đưa ta từ mê lầm đến chân lý; đưa ta từ khổ đau đến hạnh phúc. Đức Phật không công ta trên vai, mà Ngài chỉ dạy cho ta cách tu luyện. Ta tự hành động theo cái "tâm" trong sáng của ta, không nương tựa, van xin ai để được giác ngộ. Ta không lệ thuộc Ngài, xin xỏ Ngài để có phước, để được giác ngộ. Muốn được giác ngộ thì phải có "tâm" trong sáng. Muốn có tâm trong sáng ta phải có trí tuệ. Khi đã có trí tuệ thì không thể tin vào một đấng thần linh nào giúp ta giác ngộ được.

Trước mặt Ngài, các sinh vật dê, cừu, trâu bò, cây cỏ, gạch đá v.v. đều là chúng sinh, không phân biệt. Trước mặt Ngài một người ăn mày hay một vị vua quan không có sự khác biệt. Trong mỗi chúng ta đã có sẵn Phật tính. Ngài chỉ dạy cho ta phát khởi, phát triển và nuôi dưỡng Phật tính đó. Người ăn mày biết tu luyện sẽ thành Bồ Tát, thành Phật. Còn vị vua quan không tu luyện vẫn chỉ lẩn quẩn tại bến mê. Ta tự ban cho ta phần thưởng, ta cũng tự gánh lấy những hình phạt do ác nghiệp gây ra. Đức Phật không phạt ai cả. Đức Phật hiện hữu trong không gian và thời gian. Không có ngày nào là ngày cuối cùng Đức Phật trở lại thế gian. Tới đây ta thấy cái triết lý cao thâm, vi diệu của Ngài hoàn toàn khác với tín lý của Kitô Giáo La Mã. Ngài không phải là tạo vật chủ của vũ trụ. Vũ trụ này do nhân duyên tạo thành. Ngài không phải là một ông thần, ông thánh, hay một Thượng Đế. Ngài chỉ là một bậc Đại Sư với lòng từ bi phổ cập trong tất cả các pháp. Vũ trụ quan của Phật Giáo và Kitô Giáo hoàn toàn khác nhau.

Một bệnh nhân trên giường bệnh cần gì ? Cần viên thuốc hay để lành bệnh hay bệnh nhân muốn biết ai làm ra viên thuốc, viên thuốc đó do đâu mà có, ai tạo ra vũ trụ, Đức Phật có quyền lực gì v.v.? Đức Phật là một vị thầy thuốc mang cho nhân loại những viên thuốc quý để chữa lành bệnh. Lời dạy của Đức Phật là những viên thần dược đưa bệnh nhân từ khổ đau đến hạnh phúc. Vậy Đạo Phật không phải là vô thần, chẳng phải là hữu thần, mà là siêu thần, vì Đạo Phật đứng trên cái quan niệm vô thần và hữu thần.

Phật tử thờ Đức Phật, thờ Quán Thế Âm Bồ Tát, thờ chư Phật và các Bồ Tát. Đạo Phật cho phép Phật tử thờ phượng cha mẹ, tổ tiên để tỏ lòng hiếu thảo. Ngài Mục Kiền Liên được Phật tử tôn vinh như một gương sáng, đặc biệt vào mùa Vu Lan Báo Hiếu. Trong khi đó, tín đồ Kitô Giáo chỉ được phép thờ Thượng Đế dưới ba ngôi (ngôi Cha, Con và Thánh Thần) và bị cấm chỉ thờ phượng cha mẹ, tổ tiên, ông bà, hay tổ tiên giống nòi.

Cuộc Tranh Luận Về Vô Thần và Hữu Thần

Ngày 24 tháng Ba, 1988 tại University of Mississippi. Có một cuộc tranh luận nảy lửa giữa giáo sư J.P. Moreland, đại diện cho phe theo thuyết độc thần, và giáo sư Kai Nielson, đại diện cho phe theo thuyết vô thần về đề tài "Thượng Đế Hiện Hữu Không?" (Does God Exist?)

Giáo sư J.P. Moreland (phe hữu thần), tốt nghiệp Chứng Viện Thần Học Dallas (Dallas Theological Seminary), đậu cao học triết học tại University of California at Riverside, đậu tiến sĩ triết học tại University of Southern California, đã dạy triết học tại Liberty University ở Virginia, dạy triết học tôn giáo tại Talbot School of Theology, Biola University ở California, đã viết rất nhiều sách về triết

học và thần học.

Giáo sư Kai Nielson, đại diện phe vô thần, đậu tiến sĩ triết học tại Duke University, đã viết trên 400 bài khảo luận và 20 cuốn sách, chủ bút tờ Canadian Journal of Philosophy, hiện là giáo sư và khoa trưởng phân khoa triết tại University of Calgary. Giáo sư Antony Flew và giáo sư Kai Nielson được coi là hai nhà triết học hiện đại hàng đầu của phái vô thần.

Ngoài hai giáo sư trên còn có sự tham dự của 6 vị giáo sư tiến sĩ khác nữa : William Craig (thuộc đại học Trinity Evangelical Divinity School, Westmont College); Antony Flew (thuộc đại học King's College, University of Keele, University of Reading, Anh Quốc); Peter Kreeft (thuộc Boston đại học College, Villanova University); Louis Pojman (thuộc đại học Notre Dame University, University of Texas at Dallas, University of Mississippi); Keith Parsons (thuộc đại học Berry College); và Dallas Willard (thuộc đại học University of Southern California, UCLA, University of Colorado, University of Wisconsin).

Những bài tham luận, câu hỏi và trả lời từ phía tham dự viên trong cuộc tranh luận này được giáo sư William D. Watkins in thành một cuốn sách với đề tựa DOES GOD EXIST ? The Debate Between Theists & Atheists, Prometheus Books xuất bản, 1993, 320 trang, giá gần \$30.00. Vì phạm vi bài viết, chúng tôi không thể tóm lược những đề tài tranh luận thuộc lãnh vực triết học, mà chúng tôi sẽ mổ xẻ trong một bài viết khác.

Tại sao có sự tranh cãi giữa nhóm hữu thần và vô thần ? Vì tư tưởng Thượng Đế đã chế ngự vòm trời tư tưởng Tây Phương trong một thời gian dài. Thánh kinh được coi là một chân lý cùng tột, bất cứ tư tưởng nào, ngay cả thực nghiệm khoa học, khác với thánh kinh là sai. Ai không tin có Thượng Đế là sai lầm, xấu

xa, tội lỗi. Con người tin có Thượng Đế và vị Thượng Đế này được các triết gia, thần học gia mặc cho quần áo đủ màu. Con người chỉ là tội đồ của Chúa. Thượng Đế quá toàn thiện, con người không còn một chỗ nào đứng. Chỉ cần tin và trao cả linh hồn lẫn thể xác cho Thượng Đế, thế là Thượng Đế làm hết. Quan niệm Thượng Đế đã xuất phát từ bộ lạc người Do Thái đã lâu, hình như quan niệm này mất đi tính cách phổ cập trong thế giới hiện đại khi khoa sinh học, thiên văn học, khoa học thiên nhiên v.v. phát triển, trí tuệ con người cũng phát triển. Liệu những phép lạ hay vũ trụ quan tìm thấy trong thánh kinh có còn mang một ý nghĩa gì nữa không ?

Trong khi đó Phật Giáo quan niệm khác. Con người đóng vai chủ động trong việc tu hành. Phật pháp là những khuôn vàng thước ngọc. Giác ngộ được hay không do chính mình, Đức Phật chỉ là một vị Thầy dẫn đường. Thờ Phật là biểu lộ một sự tôn kính đối với vị giáo chủ, một đại sư. Có người đốt tượng Phật bằng gỗ để tìm xá lợi. Nếu ta cố tu luyện cũng sẽ có ngày thành Phật. Ngược lại, Thượng Đế là toàn năng, toàn trí, ở khắp mọi nơi, con người vẫn mãi mãi ở hàng tội đồ dù tu luyện tới mức nào đi chăng nữa, chỉ tin Chúa để được ân sủng.

Đức tin đều thấy trong cả hai tôn giáo. Nhưng đức tin trong Đạo Phật khác hẳn đức tin trong Kitô Giáo. Tin vào Phật, Pháp, tựa vào Tăng, chứ không phải tin Đức Phật là tạo vật chủ của vũ trụ, không phải tin Đức Phật có thể cõng mình trên lưng để bơi từ bên mê sang bờ đại giác. Đức Phật không ban ân sủng, không trừng phạt ai, chỉ có lòng từ bi. Tin vào lời dạy của Ngài là chân thật. Tạo vật chủ của vũ trụ không giữ một vai trò gì trong tiến trình tu luyện để được giải thoát. Nhưng, Kitô Giáo bắt buộc tín đồ phải tin thì mới hiểu nổi tín lý, phải hiểu tín lý để có đức tin. Hình như Kitô Giáo không chú trọng đến trí tuệ của

tín đồ, không giống như Đức Phật luôn luôn dạy tín đồ của Ngài phải phá vỡ mây u minh thì mới nhìn thấy chân lý, cả Thế đế lẫn Thánh đế.

Chiến Tranh do Vô Thần

Một người bạn trao cho tôi một cuốn sách đạo do một vị linh mục cao niên dòng Chúa Cứu Thế viết. Trong phần nói về chiến tranh, linh mục tác giả kết luận là chiến tranh trên thế gian này do bọn vô thần gây ra cả, và cái xã hội vô thần này phải "nuốt" cái hậu quả đó.

Mở lại những trang sử Âu Châu, Thập Tự Giá được thành lập do lệnh của giáo hoàng. Trong gần 300 năm Thập Tự Quân tham dự hết cuộc chém giết này đến cuộc chém giết khác. Tòa án dị giáo, đặc biệt tại Tây Ban Nha, đã giết hại biết bao nhiêu người nói những gì khác với thánh kinh. Kể cả nhà thiên văn Galileo cũng bị mang ra tòa án dị giáo, sau đó bị giam cầm vì đưa ra giả thuyết trái đất không đứng yên một chỗ mà quay chung quanh mặt trời. Tòa thánh Vatican dạy tín đồ là trái đất phẳng, trên trời là thiên đàng, dưới mặt đất là địa ngục, và trái đất đứng yên, mặt trời quay quanh trái đất. Trái đất là trung tâm của vũ trụ, tòa thánh Vatican đặt tại trung tâm trái đất.

Những đoàn quân Kitô Giáo La Mã đã tàn sát người theo giáo phái Tin Lành tại Âu Châu. Mới đây phe Hồi Giáo chia súng vào ngực hành quyết 3 linh mục Kitô Giáo La Mã tại Algeria (1 người Bỉ, 2 người Pháp), mới đây nữa 7 linh mục người Pháp bị người Hồi Giáo cắt cổ vì người Kitô Giáo La Mã đã giúp quân nhân lật đổ chính phủ hợp pháp Hồi Giáo tại Algeria. Tại Bosnia, 3 phe Hồi Giáo, Kitô Giáo La Mã, Kitô Giáo Chính Thống chém giết nhau. Đàn ông bị giết, đàn bà bị hãm hiếp để những thế hệ sau không còn con

cháu của giáo phái thù nghịch nữa.

Gần đây nhất, tại Ái Nhĩ Lan, tín đồ Tin Lành tuân hành kỷ niệm một trang sử tàn sát người Tin Lành của người Kitô Giáo La Mã trong thế kỷ 17. Người theo Kitô Giáo La Mã không cho tuân hành qua khu vực của họ. Cuộc xô sát xảy ra, trên 100 cảnh sát phải can thiệp, trên 100 người bị thương, nhà cửa, xe cộ bị đốt cháy. Báo Los Angeles Times ngày 15 tháng 7, trên trang nhất loan tin 1 khách sạn ở Ái Nhĩ Lan bị đặt bom, 7 người chết, người ta nghi ngờ người Tin Lành trả thù cuộc ngăn cấm tuân hành vừa qua của người Kitô Giáo La Mã.

Trở lại Ấn Độ nhiều thế kỷ trước đây, khi Hồi Giáo xâm lăng Ấn Độ, họ dùng gươm giáo giết những người Phật Giáo từ chối bỏ Đạo Phật để theo đạo Hồi. Phật Giáo hầu như bị tiêu diệt tại Ấn Độ. Nhưng rất may, Phật Giáo đã truyền sang Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn Nhật Bản, Tây Tạng, Thái Lan, Miến Điện v.v. trước đó.

Linh mục tác giả cuốn sách quên rằng tất cả những hành động chiến tranh đã được ghi chép rõ ràng trong sử sách đó chắc chắn không do Phật Giáo gây ra. Phật Giáo được coi như đạo vô thần, mà chiến tranh toàn do tín đồ của Thượng Đế gây ra. Nếu linh mục tác giả bắt cái xã hội vô thần phải "nuốt" những cuộc chiến đó, thì quả thật oan uổng cho họ quá.

Ngày 14 tháng 11, 1994, trên tờ Los Angeles Times, đăng một bản tin nói rằng giáo hoàng kêu gọi tín đồ của ông phải sám hối về những tội lỗi trong quá khứ để trước khi có thể bước vào thế kỷ 21. Trong chuyến thăm viếng Đức Quốc vừa qua, giáo hoàng John Paul II phải thú nhận số giáo dân giảm với tỷ lệ 150,000 tín đồ một năm và phải đóng 9% của lợi tức cho nhà thờ. Trong khi đó những nhà nghiên cứu Phật Giáo, nhất là tông phái Tây Tạng và Thiền tông gia tăng một cách rất

nhanh tại Tây Phương.

* * *

Bây giờ độc giả đã thấy một phần nào lý do tại sao chúng tôi viết bài này và lý do tại sao có những cuộc tranh cãi nảy lửa về "Thượng Đế hiện hữu không?" giữa những giáo sư danh tiếng tại Đại Học Mississippi tại Hoa Kỳ ngày 24 tháng 3, 1988. Cộng Sản là vô thần vì họ chỉ muốn người dân tôn thờ các nhà lãnh tụ của họ. Phật Giáo cũng bị xếp vào hạng vô thần vì không tin có Thượng Đế. Trong cuốn Crossing the Threshold of Hope, trang 43, tác giả là giáo hoàng John Paul II đã tuyên bố Đức Phật sai lầm vì chối bỏ sự sáng tạo của Thượng Đế. Nói khác hơn Đức Phật là người vô thần. Theo tín lý, người vô thần sẽ bị một hình phạt rất nặng nề vào Ngày Phán Xét Sau Cùng, như đã nói ở phần đầu. Đây là lời phát biểu thiếu thận trọng, thiếu hiểu biết về Phật Giáo và mang tính chất tín lý chủ quan của giáo hội La Mã.

Sau 25 thế kỷ, Bát Chánh Đạo vẫn là con đường tu hành tốt nhất. Tám đại lộ đạo này không cần có Thượng Đế. Nếu nói Phật Giáo là vô thần không đúng, Phật Giáo là hữu thần cũng không đúng, mà Phật Giáo là siêu thần, vì giáo lý của Đức Phật đứng vượt lên trên ý niệm Thượng Đế hay bất cứ thần thánh nào.. Từ nhiều thế hệ, Tây Phương chưa có một nhận thức đúng đắn về Phật Giáo. ■

Tháng 7, 1996



thơ

Vu Lan Nhớ Mẹ

thương tặng các em K. Trí, K. Tâm
và Bích Thủy

Giọt lệ thành thơ khóc mẹ hiền,
Chiều nay mây xám, ánh trăng nghiêng
Con thơ nhớ mẹ, lòng chua xót
Đốt nén tâm hương, gửi tận miền...

Thương mẹ chiều nay gió lạnh lùng
Một mình xa lạ cõi mông lung,
Nghĩa trang cô quạnh, sương thay khói,
Tiếng dế đêm thâu khóc náo nùng.

Thương mẹ cơn đau quá bạo hành,
Vô thường chợt đến, mẹ đi nhanh,
Đón đau phận trẻ, lòng tê tái
Hiếu tử chưa tròn câu báo ân.

Thương mẹ cuộc đời lắm khổ đau,
Long đong phận bạc, bởi vì đâu?
Tuổi xanh sớm chịu nhiều cay đắng,
Mái tóc pha sương chưa hết sầu!

Nhớ những ngày xưa bên mẹ yêu
Bếp hồng đỏ rực, bữa cơm chiều
Vui nhìn đàn trẻ ăn hau háu
Hạnh phúc bừng lên mắt mẹ hiền.

Nhớ những chiều mưa, sau bữa cơm,
Mẹ vui câu chuyện, tiếng cười giòn.
Êm đềm quên cả đời mưa gió
Mái ấm tình nghèo, đâu héo hon.

Nhớ mãi đôi tay của mẹ hiền
Tươm tất trong ngoài, khéo chỉ kim.
Đền khuya một bóng, canh tàn lụn
Bao nhiêu tà áo, bấy nhiêu tình!

Nhớ mẹ đạo tràng vẫn tới lui,
Một lòng tin kính, chẳng cầu vui.
Minh sư khai thị, Thiên tâm mở,
Xem mấy vần thơ luống ngậm ngùi...

Mẹ ơi, khi lòng đã tịnh thanh,
Lui tới, lại qua, chẳng nhọc nhằn.
Bường tay xả bỏ tình mê luyến,
Cực lạc quê nhà, mẹ bước nhanh.

Mong mẹ từ đây hết tử sinh,
Nương đài sen thắm, phá vô minh.
"Hoa Khai Kiến Phật" càng tu tiến,
Trở lại Ta Bà khéo độ sinh.

DIỆU NGÀ

Mẹ

Tình bất tận là tình của mẹ
Ơn biển trời cao cả mênh mông
Tay bao bọc biết bao cùng tận
Hết nỗi niềm sớm tối thương yêu!
Ơn của mẹ biển đầy kể xiết
Ấm lòng con hết quãng cuộc đời
Mẹ ơi Mẹ! mênh mông cùng tận
Để cho con báo hiếu kiếp này!

MISA

NHÂN QUẢ THẾ GIAN

Thiện Bửu

Vào một sáng tinh sương, Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải đang đứng trước sân chùa nhìn vườn hoa muôn màu thì nhau rộ nở lóng lánh sương mai. Bất chợt Ngài nhìn thấy một ông già từ ngoài cổng chùa chậm rãi bước vào. Thoáng nhìn, Ngài biết đây là một người dị thường. Mấy lúc gần đây, ông già này thường hay tới lui chùa theo chúng tăng nghe Ngài giảng pháp. Đặc biệt hôm ấy sau khi nghe giảng pháp xong tăng chúng rời pháp đường, riêng Ông đứng sát bên cánh cửa liếc nhìn Ngài rồi chậm rãi tiến đến chấp tay đánh lễ. Ngài Bách Trượng hỏi:

— Ông là ai?

Ông già cúi đầu chấp tay thưa:

— Kính bạch Hòa Thượng, con không phải là người. Con là chồn ở núi phía sau chùa. Nguyên thời Đức Phật Ca Diếp, con là một vị Tăng, có người hỏi con: “Bậc đại tu hành có còn rơi vào Nhân Quả chăng?” Con đáp: “Không còn rơi vào Nhân Quả.” Con chỉ trả lời có thể mà phải bị đọa làm thân chồn đến nay đã năm trăm kiếp. Hôm nay dám xin Hòa Thượng nói lại một lời, để cho con thoát khỏi quả báo thân chồn.

Ngài Bách Trượng bảo:

— Ông hỏi lại ta.

— Kính bạch Hòa Thượng, bậc đại tu hành có rơi vào Nhân Quả chăng?

Ngài Bách Trượng bảo:

— Không làm nhân quả.

Ông già chợt đại ngộ, cúi đầu thưa:

— Thế là từ nay con thoát thân chồn. Cúi xin Hòa Thượng thương mà lấy lễ như một vị

Tăng viên tịch để tống táng cho con.

Nói lời ấy xong, ông già biến mất. Trưa hôm sau, khi ăn cơm xong, Bách Trượng bảo chúng Tăng theo Ngài để đưa đám một vị Tăng. Chúng Tăng đều ngạc nhiên, vì trong chùa không có ai đau yếu, cũng không có vị nào mất. Khi mọi người đến một cái hang núi thì thấy xác chết của một con chồn nằm dưới lớp lá cây. Chúng Tăng im lặng nhìn nhau với vẻ ngạc nhiên. Bách Trượng ôn tồn bảo chúng Tăng cẩn thận để xác chồn vào chiếc chiếu đem về chùa làm lễ trà tỳ.

Câu chuyện trên được lưu truyền rộng rãi trong chốn thiền môn một thời, khiến nhiều người dè dặt lời nói. Tại sao chỉ đáp sai một câu hỏi mà phải bị đọa làm thân chồn đến năm trăm kiếp?

Giáo lý đạo Phật đặt trên nền tảng Nhân Quả. Nếu phủ nhận Nhân Quả tức là coi như phủ nhận toàn bộ giáo pháp đạo Phật.

Qua câu chuyện trên, chúng ta thấy rõ luật Nhân Quả đã có tầm mức quan trọng đến dường nào. Sự tối cần thiết của người tu Phật là phải quán triệt lý Nhân Quả để ứng dụng vào đời sống tu hành của mình. Trên căn bản “Nhân nào Quả nấy”, nhưng đừng quên tính chất Nhân Quả cũng chuyển biến không cố định. Nếu người tu Phật hiểu biết khéo tu sửa có thể chuyển được Nghiệp nặng thành nhẹ, Phước nhỏ thành lớn, chuyển phàm thành thánh.

Vì thế cho nên từ một loại Nhân cũng có thể gặp “Duyên” kết thành nhiều loại Quả, và một Quả có thể từ nhiều Nhân hợp thành.

Ví dụ: Người tu hạnh Bồ Thí Cúng Dường rất nhiều mà không hề để ý đến các công hạnh khác, thì người ấy do Phước tích chứa có thể trở thành những Quả Báo tốt khác nhau, vì:

— Bồ thí tài vật nên được phước báu nhiều của cải.

— Khi bố thí khiến cho người thọ nhận có thể đạt được điều họ mong cầu qua cơn thiếu thốn khổ đau, thì người làm việc bố thí sẽ được quả báo sở cầu như ý.

— Khi bố thí là đem lại cho người thọ nhận thoát khỏi đói rách bệnh hoạn, thì sẽ được quả báo khỏe mạnh sống lâu.

Ngoài ra:

— Nếu đợi người tìm đến mới bố thí, thì đến lúc thọ quả báo phải đi đó đây mới làm ra của cải. Ngược lại, nếu mình mang tài vật đến tận nơi để bố thí hay cúng dường, thì sẽ được quả báo ngồi một chỗ mà tiền của tự đến.

— Khi bố thí biết hạ mình nhún nhường tôn trọng người thọ nhận, thì sẽ được quả báo vừa giàu có lại vừa được quyền cao chức trọng.

— Khi bố thí mà xem thường coi rẻ người thọ nhận, thì sẽ có quả báo tuy giàu có nhưng không được quyền chức, đôi khi ở một đẳng cấp thấp kém.

— Khi bố thí mà muốn mọi người biết đến danh mình thì sẽ cảm quả báo tuy có được danh, nhưng cái phước bị giảm, quả báo giàu có phải bớt đi.

— Khi bố thí mà kín đáo (ẩn danh) thì phước tích chứa trọn vẹn, được giàu có đầy đủ, an vui lợi lạc.

— Thường làm bố thí nhưng lại khó tánh khắt khe thì sẽ được quả báo giàu có, nhưng phải sống trong hoàn cảnh ràng buộc ít tự do.

— Phước bố thí cúng dường quan trọng ở lòng chơn chất thật tâm hoan hỷ. Hoặc vì nghèo khổ mà phát tâm bố thí cúng dường tài vật tuy ít, nhưng tấm lòng thành ân cần rộng rãi thì được hưởng phước rất lớn có khi cảm

quả báo sanh lên cõi Trời.

— Những người giàu có đối với việc bố thí hay cúng dường là điều dễ dàng. Nhưng nếu họ làm mà thiếu tâm chơn thành tha thiết, thì chỉ được quả báo giàu có cõi nhân gian mà thôi.

Một tấm gương sáng muôn đời, đó là ông Cấp Cô Độc! Khi ông phát tâm xây dựng tinh xá cúng dường Đức Phật và Tăng chúng, thì tại các cõi Trời đều hiện ra lâu các rực rỡ dành sẵn cho ông. Theo lời khuyên của Tôn giả Xá Lợi Phất, ông hướng tâm chơn cõi trời Đao Lợi, vì nơi đó có Phật Pháp. Liền đó các lâu đài ở những cung trời kia đều biến mất, chỉ còn duy nhất tòa lâu các tại cung trời Đao Lợi dành sẵn cho ông. Do ông Cấp Cô Độc thành tâm ân cần cung kính Đức Phật và chúng Tăng, nên ông được hưởng quả báo tuyệt vời như thế.

— Để bày tỏ lòng tôn kính trí tuệ của Phật, vua Ba Tư Nặc và quần thần đem thắp các loại đèn với dầu thơm sáng rực cả tinh xá. Trong khi ấy một bà cụ già ăn xin, nghèo khổ rách rưới, chỉ xin được một muống dầu. Bà đem muống dầu đó thắp đèn cúng dường Phật với trọn lòng thành kính, Đức Phật liền thọ nhận chúc phước. Tuy tài vật cúng dường của bà rất ít ỏi không đáng kể, nhưng tấm lòng thành kính thiết tha, nên bà được công đức vô lượng.

— Một thiếu nữ nghèo ở mượn cho chủ bị hành hạ đủ điều, đang gánh nước ở bờ sông, cô buồn tủi khóc than cho số phận cực khổ của mình và định quyên sinh. Trong lúc Tôn giả Ca Chiên Diên đi qua đó biết được liền đến để giảng cho cô nghe về luật Nhân Quả. Ngài bảo:

— Ta có thể cho con một ít tài vật để tạm bớt thiếu thốn khốn khổ, nhưng điều này càng làm cho con tổn phước và thêm khổ về sau. Với tấm lòng chơn thành, con hãy đem cho ta bất cứ đồ vật gì con có.

Thiếu nữ khóc òa lên nói:

— Thưa Ngài, con không có món gì cả, đến cả đôi thùng gánh nước này cũng là của chủ.

— Vậy con hãy múc cho ta miếng nước dưới sông kia.

Cô vâng lời múc nước sông đem đổ vào bát của Tôn giả. Tôn giả hoan hỷ thọ nhận và chú nguyện cho thiếu nữ. Nhờ phước cúng dường đó mà khi mạng chung cô được sanh lên cõi trời. Nhớ đến ân đức của Tôn giả Ca Chiên Diên, thiếu nữ kia đem hoa trời cúng dường và được Tôn giả khuyến khích tinh tấn tu tập tạo nhiều phước đức hơn nữa.

— Đắp đường bắc cầu cho người đi sẽ được quả báo có phương tiện di chuyển tốt, đường đi được an lành thuận tiện, đời sống an lạc đầy đủ.

— Xây dựng trường học, sẽ được quả báo có nhà cao cửa rộng, học vấn tài giỏi giúp ích cho đời.

— Xây dựng bệnh viện, sẽ được quả báo có nhà cao cửa rộng, sống mạnh khỏe an vui trường thọ.

— Trồng cây bóng mát, đào giếng, đào kinh, dẫn thủy nhập điền đều sẽ được quả báo phúc lợi lớn lao.

Chúng ta thấy xưa nay những người ích kỷ tham lam bòn sẻn rất khó làm được việc phước thiện, vì phước thiện cần sự hy sinh san sẻ thân nhường nhịn quên mình thương người. Càng bao dung được nhiều người thì phước thiện càng tích lũy to lớn. Bảo vệ sự sống cho muôn loài thì nhân lành vô cùng to tát. Đừng bao giờ giết hại chúng sanh, hay vì ăn uống mà mù quáng cho rằng “vật dưng nhưn”. Chúng ta giết con vật để ăn thịt, nhưng đâu có ngờ con vật đó có thể là cha mẹ tiền kiếp hoặc có thể con thú đó hết tội trở lại làm người, và như vậy chúng ta sẽ thừa biết việc gì sẽ xảy ra khi gặp lại!

Mọi người đều rất sợ chiến tranh, thế mà mỗi giây phút đều có sát sanh! Nào tự tay mỗi

người giết để ăn, nào săn bắn chài lưới, nào cạm bẫy giết hại thú vật, hầu như không chừa sanh vật nào! Loài người tự cho mình là văn minh thế nhưng tại sao chiến tranh cứ tiếp diễn mãi không ngừng, hết nơi này đến nơi nọ? Thế thì làm sao tránh quả báo triền miên đau khổ?

Câu chuyện thật như sau:

Ở Sài Gòn có một phú ông đến xin vị trụ trì chùa Tuyên Lâm giúp đỡ khẩn cấp cho cô con gái của mình đang bị bệnh nặng đến nỗi bệnh viện Grall phải bó tay và yêu cầu phú ông đem con gái về nhà. Phú ông khóc lóc năn nỉ, Sư bảo:

— Ông đi tìm mua thật nhiều chim đang bị nhốt sắp đem làm thịt mang gấp đến đây.

Phú ông vội vã làm y theo. Sư làm lễ quy y phóng sanh bầy chim và hồi hướng công đức đó chú nguyện cho cô con gái rồi bảo ông phú hộ yên tâm về nhà. Bước vào nhà, ông ta hết sức ngạc nhiên mừng rỡ thấy cô con gái quý của ông đã tỉnh táo ngồi dậy kêu đói, từ đó bệnh tình hết dần.

Một loại Nhân có thể tích Phước để tùy duyên mà thành nhiều Quả. Ngược lại, một Quả có thể từ nhiều loại Nhân hợp thành.

Người có gương mặt đẹp đẽ là do nhiều nhân duyên thành tựu. Trong quá khứ người ấy đức hạnh đoan chánh, giữ giới đầy đủ, có tâm từ ái lễ độ, hay nghĩ tốt cho người khác, hoặc trong quá khứ người ấy tạc đức tô vẽ hình tượng Phật, Bồ Tát, Thánh Tăng đẹp đẽ hoặc đã cúng hoa điện Phật, làm trang nghiêm các thánh địa bằng các hình thức trang trí, hoặc đã khen ngợi tùy hỷ vẻ đẹp của người khác. Còn với những kẻ nặng nề tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, đam mê ngũ dục, nói nghĩ xấu chê bai ganh ghét tị hiềm đâm thọc, cống cao ngã mạn, khẩu Phật tâm xà, nịnh bợ ton hót v.v... sẽ cảm quả báo gương mặt hung dữ xấu xí đần độn.

— Một cô gái nghèo phải đi ở mướn, mãi

đến 3 năm sau mới mua được một xấp vải với định bụng sẽ đem về biếu mẹ. Trên đường về gặp một vị Sa môn đã chứng quả A La Hán mặc trên thân tấm y rách chằm vá nhiều nơi. Cô động lòng liền quỳ lạy xin được dâng cúng xấp vải với tất cả lòng thành kính. Vị Sa môn thấu rõ tấm lòng thành của cô nên Ngài hoan hỉ nhận. Ngài bước liền vào bụi rậm bên đường để thay tấm y rồi bước ra. Cô gái ngạc nhiên nhìn vẻ rục rở oai nghi trong tấm y mới với cõi lòng hoan hỉ vô cùng, cô thốt lên:

— Con ước nguyện làm sao được trang nghiêm đẹp đẽ như Ngài!

Từ đó, sanh kiếp nào cô cũng được phước báu sắc đẹp tuyệt vời, danh vọng giàu có.

— Người bị khuyết tật ở miệng, sứt môi, miệng méo là do quá khứ nói những lời bất chánh, phỉ báng Phật Pháp, cản trở ngăn chặn những người đến chùa, chửi mắng người, giải thích sai giáo lý Phật, ưa nói sai sự thật.

— Người mù lòa là do quá khứ làm mất ánh sáng nơi công cộng khiến mọi người không trông thấy cảnh vật. Hoặc do cố ý chỉ đường cho người đi lạc, chỉ dạy sai giáo pháp của Phật, chọc gheo chê bai nhạo báng người mù. Nếu độc ác móc mắt thú vật sẽ cảm quả báo bị mù, lòa trong sự đau nhức ghê gớm. Còn nếu móc mắt người thì phải bị đọa địa ngục.

— Người trong quá khứ đem đèn thấp sáng nơi công cộng, sẽ cảm quả báo có đôi mắt đẹp, trong sáng, già vẫn trông thấy rõ. Dùng đôi mắt tìm lợi ích cho người sẽ được mắt sáng. “Đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn”. Ánh mắt biểu lộ tánh tình của con người.

— Người thông minh trí huệ là do đời trước biết tùy hỉ khen ngợi trí huệ của người khác, hoặc đem những hiểu biết của mình để dạy cho người không hiểu biết, hoặc đem tài giỏi của mình để làm việc lợi ích an vui cho mọi người, bảo vệ Chánh Pháp, hộ trì Tam Bảo, xiển dương Thánh Đạo, cứu giúp chúng sanh,

giúp đỡ Tăng Già chơn chánh, khuyến khích mọi người tu Phật, truyền bá những lời dạy của Chư Thánh hiền.

* Tôn giả Xá Lợi Phất được trí tuệ đệ nhất do nhiều đời thường dùng chánh kiến làm lợi ích hóa độ chúng sanh.

* Ngài Mục Kiền Liên được ca ngợi là bậc thần thông đệ nhất trong hàng đệ tử Phật, do đời quá khứ thường dùng năng lực để giúp đỡ giáo hóa chúng sanh.

* Tôn giả A Nan trong đời quá khứ là người giàu có phát tâm ủng hộ cúng dường vị Tỳ Kheo đầy đủ vật dụng để vị ấy có thì giờ học các kinh điển. Từ chánh Nhân đó được quả báo có trí nhớ siêu việt. Do vậy mà những gì Ngài đã nghe qua nhớ vĩnh viễn Ngài không quên.

* Một lần vua Ba Tư Nặc đến bạch Phật về việc có một ông trưởng giả rất giàu có vừa qua đời mà không có thân nhân thừa tự, nên nhà vua đã sung tài sản vào công quỹ. Tuy ông trưởng giả này rất giàu, nhưng lại sống một đời rất ư khắc khổ hà tiện keo sến và tham lam vô độ. Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Trong đời quá khứ ông ấy cũng là người giàu, thưở ấy có một vị Bích Chi Phật thường ngày đi ngang qua nhà ông để khát thực. Ông trưởng giả thấy vậy cũng sai người nhà mang thức ăn đem ra cúng dường vị Bích Chi Phật kia, nhưng sau mỗi lần cúng dường thì ông sanh tâm tiếc rẻ! Tuy nhiên, do cái phước cúng dường đó, nên ông trưởng giả được thọ quả báo bảy lần sanh lên cõi trời, bảy lần ở cõi người đều được giàu có. Vì ông cúng dường mà thường hay khởi tâm tiếc rẻ, cho nên ông tuy giàu có mà luôn chịu cảnh sống đời cô đơn khắc khổ đạm bạc như người nghèo khó.

(còn tiếp)

Địa Ngục Có Thật

Nguyễn Hữu Nhật

Tiếng chim kêu đơn lẻ, lúc nửa đêm về sáng, đánh thức tôi dậy. Nghe bồn chồn, mất ngủ, tôi lên Thiền đường ngồi trầm tư trước đĩa bột hương trầm vàng và bình hoa sen trắng thơm, quán tưởng “một người thành hai”, theo phép hóa thân. Tôi nhớ lại câu chuyện đau thương vừa mới xảy ra hôm trước, tự hỏi lấy mình: “Sao nổi cảm phẫn lại dấy lên trong lòng tôi, mạnh mẽ, tới độ chỉ muốn diệt cho bằng hết cái giống người-giết-người?” Thầy tôi đặt tên trong đạo cho tôi là Quán Chỉ, có nghĩa là Soi Suốt và Ngưng Động, tựa hồ samâdhi, cốt mong cho tôi sớm “biết và ngừng” đúng lúc hết thấy mọi loạn động trong tâm hồn tôi. Năm mười ba tuổi, tôi vẫn còn là một đứa trẻ ngộ nghịch mặc áo nhà tu, hết lên phá tổ chim lại trộm bắt cá kiếng. Suốt năm mười bốn, ngoài việc học chữ, thầy thường rèn cặp tôi về phép Sám Hối, ksamayati, xưng tội và ăn năn chữa tội. Lúc đầu, tôi hay cố cãi, chạy tội lấy được, cả những việc bị người trong chùa bắt gặp quả tang, như: “Tôi nghĩ là phải có bầy cá đầy màu sắc, nơi hòn non bộ ngoài sân chùa, thì nom mới đẹp!”, dù tôi đã được dạy bảo thế nào là “sát sinh” và “phương hại sinh”. Lâu dần quen đi, tôi vui vẻ tự nhận hết mọi tội không một ai hay biết, như ban ngày mà vẫn sợ ma ở nhà Vong. Gần đây, mỗi cuối tuần tôi đều tụng kinh *Từ Bi Thủy Sám Pháp*, cốt suy nghĩ sâu xa về sự “dị thể” mà “đồng

tính” của Nước. Từ nước mắt đau khổ hay vui sướng tới nước mắt Từ Bi đều như nhau, trừ bệnh và rửa sạch oan trái. Nhẹ nhàng thay lối “lý sám”, hề thấy lòng chẳng yên, lên Thiền đường ngồi một mình lặng lẽ, tưởng đến bông Hoa Sen trong trắng đang nở ra tươi tốt, không gợn chút bùn nhơ. Nhưng cách “thí nhãn độ”, cố giúp mình hiểu lấy mình, thật nặng nề. Trước hết tôi phải nghĩ đến bùn và thấy mình là bùn, đối chiếu hai hạnh Bồ Thí và Nhẫn Nhục, nhìn thẳng vào tội lỗi của mình. Cho tới khi nào tôi nghe trời đổ một cơn “mưa không tiếng mưa rơi” và sau cơn mưa tạnh, mặt nước đầm sen êm ả, trong veo trở lại. Nắng lên, nước lại bốc hơi. Mưa xuống. Giòng sông dâng đầy, cùng lúc nuôi sự sống và gieo bao thủy ách. Ai một lần tình cờ nhận thấy nước, trong khung cảnh nào đó, đẹp như ngọc Lưu Ly, hẳn một lần đã tới cõi Tịnh Độ, xứ Yên ổn? Còn tôi, tôi đã thấy nước giết người, đúng hơn, quý đã mượn nước để giết người, nên lòng tôi cũng trở thành địa ngục, cõi Nhục Nhẫn, nghe tiếng oán than mà sinh lòng căm hận: Chống sát sinh bằng cách sát sinh? Không, “oán nên cởi ra, đừng buộc vào”, nhưng phải chấm dứt trước đó mọi cảnh Hắc Thằng, địa ngục Dây Đen, nguồn gốc của tội ác, sợi dây trói buộc, mất tự do sinh ra oán thù. Bởi đời thoi thóp thì đạo cũng tàn tạ... Có lẽ nào nhà tu hành Đại Từ Bi, lại không cần tới Đại Hùng và Đại Lực, mà kêu gọi được lòng tha thứ, thôi oán thù của người dân khi họ đang bị kẻ cầm quyền hãm hại?

Ngày trước, mỗi lần có lỗi, tôi cũng không phải “sự sám”, quỳ một mình trước tượng Phật để bày tỏ lòng hối hận, mà thầy cùng với tôi ngồi Thiền tụng kinh *Quán Vô Lượng Thọ* rồi thầy giảng cho tôi nghe hạnh Nhẫn Nhục Độ, ksânti-Paramita, dứt bỏ lòng giận hờn người nào chê trách mình, kể cả lòng oán ghét chính mình. Con người cần sự thao thức, ăn năn để tự sửa mình, nhưng không để cho

sự ăn năn ấy dấy vò “làm khổ” mình, khiến cho đầu óc thêm mù đi. *Vô Lượng Thọ Kinh* nhắc nhở tôi: “Con người sinh ra một mình, chết đi một mình, lăn lộn một mình trong vòng cực khổ thật, vui sướng tạm, cũng một mình, mọi việc tự mình đương đầu lấy, chẳng trông chờ vào ai được!” Trong cảnh đời khốn khổ, nguồn “sinh nhân”, bao khổ nhục gây ra bởi chúng sinh, người hay vật khác đâu phải một chiều theo cái nhìn Tây phương thời này: “L’enfer c’est les autres”, địa ngục là tha nhân. Bởi đối với người khác, chính mình lại là tha nhân? Hãy cầu xin cũng như oán trách chính mình! Thế nên, thầy bảo tôi phải dùng “Pháp Nhân”, tập chịu đựng được mọi nghịch cảnh, không có nghịch cảnh nào lớn lao cho mình bằng nghịch cảnh do chính mình gây ra. Tạm gọi đây là khuynh hướng tự hủy, biết là sai lầm mà vẫn làm. Sám hối giúp tôi “ngưng” lại mọi “sai lầm khoảnh khắc”, nếu không sẽ đưa đến một tâm cảnh “ngàn năm phiền muộn”:

Hôm qua, một chiếc thuyền chở nhiều người từ Sài Gòn, chạy trốn ra nước ngoài, bị đắm nơi khúc sông giữa bên này chùa và bên kia xóm Đầm Sen. Mãi sau, tôi mới rõ chuyện, từ phía cuối xóm Bàu Nai khuất nẻo, con tàu Bình Sa tính quá nửa khuya sẽ thoát ra được ngoài khơi, nhưng chẳng hiểu sao tới lúc mặt trời mọc mà vẫn còn ở đây để rồi gặp nạn. Tôi không thể quên được buổi sáng ấy, trong khi vực đôi thùng gỗ xuống nước, tôi thấy nhiều lượn sóng là lạ, từ ngoài sông dạt vào bờ. Những vòng sóng nhỏ từ đôi thùng gỗ lan ra, chạm phải các lượn sóng lớn, làm xoáy tròn đám lá tre và hoa mướp ven sông rụng dêm trước trời mưa, vừa dạt tới chỗ tôi. Gió trên mặt nước thổi lạnh hai ống chân, tôi đứng khom người, chiếc đòn gánh ngang vai, hai tay vẫn không rời đôi thùng gỗ, ngược nhìn ra giữa sông. Cùng lúc, tiếng nhiều người thất thanh kêu cứu, gọi trời, tôi vội giốc hết nước

ra, quăng mạnh đôi thùng xuống bờ cát, chạy ngược lên mấy bậc thêm đá để nghe và trông cho rõ. Nắng lên, chiếu sáng mặt sông những mảnh gương loang loáng vỡ, hiện rõ nhiều cánh tay người đập chới với trong khoảng không, quanh vực nước xoáy. Tôi kêu lên “Cụ Nậm ơi! Đắm tàu! Cụ Nậm ơi!”, nhưng tôi ở sâu dưới bến sông, nên lạc giọng kêu, cũng chẳng nghe thấy tiếng ai trả lời. Tôi lại chạy lên thêm mấy bậc thêm nữa, đứng kêu, nhìn ra sông thấy một chiếc thuyền lớn đang ghéch mũi lên, đuôi chìm dần xuống nước. Đám đông người trong xóm ven sông bên kia lao túa ra bờ, tôi mừng lắm. Chợt nghe tiếng chân chạy vội và tiếng mái chèo gỗ lóc cóc trên các bậc thêm, tôi quay lưng lại, ông Cụ Nậm quát to: “Bè chuối! Bè chuối! Bên tay mặt... Trong bụi rậm!”. Tôi chạy bay xuống trước. Khi hai người kéo ra được chiếc bè làm bằng thân các cây chuối kết lại, vừa lúc Tâm Đối cũng xuống tới nơi, thở giốc, nói không ra hơi: “Buông ra! Tôi bơi quen! Để tôi! Quán Chỉ chạy nhanh lên vườn chuối! Mấy người đang hái lá. Trên cao và xa quá! Chẳng ai nghe được gì! Nhanh lên! Mang cuộn dây thừng ở nhà bếp xuống!” Liền đó, ông cụ Nậm lại quát tôi: “Lên lầu! Đánh chuông! Nhanh lên!”

Khi tôi lên tới bậc thêm cuối cùng, chạm phải sân chùa, nghe nhiều tiếng súng từ ngoài sông nổ ròn, chát chúa. Nhờ chỗ đứng cao, không vướng tầm mắt, tôi thấy ông cụ Nậm và Tâm Đối đang mải miết chèo, chiếc bè đã ra gần tới giữa sông. Bỗng, hai chiếc ca-nô từ xóm Bàu Nai vút tới, lượn vòng quanh chiếc tàu chìm, làm đập mạnh các làn sóng lớn vào chiếc bè chuối, ông cụ Nậm ngã chúi xuống sông. May mắn bám vào được chiếc bơi chèo của Tâm Đối. Nhìn nhanh sang bên kia sông, tôi thấy nhiều chiếc xuống, cả con đò của Lượn, bị hai chiếc ca nô cùng nhiều họng súng dồn ngược vào bờ. Tôi cứ đứng chết trân

ra một chỗ. Đạn bắn chặn chiếc bè, xoáy xuống nước, nghe như sôi ùng ục, ngăn không cho ai lại gần chỗ tàu chìm. Tâm Đối và ông cụ Nậm đang quay về bờ bên này. Sóng tung ngọn lên, từng lớp hoa bọt trắng nát ra tả tơi, tan dần vào từng miếng gương nắng vỡ vụn. Mỗi chiếc ca-nô tấp vào một bên bờ, tắt máy, các họng súng trên đó hướng vào chùa và xóm Đầm Sen. Thầy chúng tôi bảo: “Hãy ngưng hết mọi việc. Tất cả lên Thiên đường tụng kinh Cứu Khổ. Cụ Nậm mang rau xuống bến sông, vừa rửa vừa xem tình hình! Nếu muốn, Quán Chỉ lên lầu Chuông... Dem theo thùng nước và cái bàn chải. Làm như đang lau bụi bậm. Hễ thấy gì, xuống ngay đây... cho biết!”

Tối bữa ăn đúng Ngọ, thầy trò chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn lớn trong nhà bếp, cơm canh như vữa ra, nguội lạnh. Tôi không còn đủ sức để buồn, đôi môi khô khốc và miệng đắng ngắt, thấy người kêu cứu mà không được cứu người. Phật pháp như chiếc thuyền lớn, đại thuyền, chở được nhiều người từ bờ bên này sang bờ bên kia, đưa Chúng Sinh từ chốn Đau Thương qua biển khổ Luân Hồi tới cõi Yên Vui, Niết Bàn, sao không cứu được bao người bị kẹt trong con tàu muốn vượt biển đi tìm tự do? Trong cơn mê lằm, tôi đã thật lòng ngỡ vực như thế, tự hỏi vì sao “người ta” lại không cho phép “người cứu người”? Lừa vội chén canh rau mỏng tươi nấu với mướp cho đỡ đói, xong tôi lại lên lầu Chuông xem xét. Chưa bao giờ cái chuông đồng được lau sạch bóng như lần này vì tôi lau mà không nghĩ là mình lau. Buổi trưa trên sông vắng, chiếc phao khoang trắng xen màu đỏ chói, đánh dấu nơi tàu chìm, dập dờn theo sóng. Ngoài tiếng nước đập nhẹ vào bờ đá rì rào lẫn tiếng chim cu, thỉnh thoảng gù nhau ngoài vườn mít, tất cả đều yên ắng. Cảnh tĩnh lặng trong tôi, phồng lên như quả bong bóng bay, căng hơi quá độ, nổ bung ra. Tôi muốn đánh chuông, thỉnh hàng hồi báo tử, loan nhanh cho khắp

vùng nghe tin hàng trăm hay mấy trăm người vừa mới chết đuối dưới đáy sông mà nhà cầm quyền không xuống cứu, cũng không cho ai lại cứu! Dân xóm Đầm Sen bên kia và người nhà chùa bên này lao ra, đều bị lừa thốc trở lại. Nếu không, cũng có thể vớt được một số người. Chiếc tàu chìm, khá lớn, hẳn phải là loại ra đi “bán chính thức”, đóng mỗi người mấy lạng vàng cho Nhà Nước. Nhưng mặt nước đã lạnh lùng khép lại bao tiếng kêu thất thanh cùng những bàn tay quờ quạng trong khoảng không. Dễ thường mặt nước còn ấm áp hơn mặt người? Trong vườn bưởi vắng, nắng vẫn ủ chín dần chùm trái, da từ xanh tái ngả sang r ám vàng. *Kinh Cứu Khổ* vẫn rộn ràng trên Thiên đường và xa xa, phía sau xóm Bàu Nai, thành phố Biên Hòa, những người đi trên đường có ai biết ở khúc sông kia, vừa mở toang cánh cửa xuống địa ngục. Hoạn nạn, dưới mọi hình thức, xảy ra hàng ngày trên thế giới, khắp mọi nơi. Nhưng nơi nào cũng có người cứu nạn, sao lại trừ một nơi này? Bao tội ác có thật, ở đất nước này nhiều năm qua, đã sớm trở thành vô danh, thế giới không ai biết đến. Báo chí và các phương tiện truyền thông khác, cũng như nhà in, đều nằm trong tay bọn lộng quyền. Đây là một Nhà Nước coi Nước Nhà như cửa riêng. Nơi đây tiếng kêu than, lại vắng bóng việc cứu giúp, là nơi nào? Nhà Phật có nói tới một thứ địa ngục, Cô Độc Địa Ngục, địa ngục riêng biệt một mình, trong đó mỗi cô hồn bị biệt giam, kiên giam, mãi mãi. Kêu không ai nghe, nghe không ai cứu. Con tàu, giòng sông và tiếng súng AK bỗng chốc “giả hợp” mà thành “có thật”, ra địa ngục Hào Khiếu, roruva, kêu la thảm thiết và địa ngục Đại Khiếu, mahâroruva, lớn tiếng, lời thảm thiết kêu la to hơn... Một nhà sư như tôi, quả là vô tích sự, trong việc chống lại phiên nã. Theo kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật*: Ba điều quan trọng, mà hàng đầu vẫn là “hiếu dưỡng cha

mẹ, kể đến phụng dưỡng bậc thầy”, cuối cùng mới là “uy nghi lúc đứng ngồi, và tụng kinh, khuyên người học đạo”. Tôi không được sống gần cha mẹ để hầu hạ, thấy lo liệu cho tôi nhiều hơn tôi sẵn sức thầy, tôi thích sự tự nhiên hơn sự uy nghi và sau cùng tôi cũng chưa khuyên được ai học đạo... Nhưng theo thói quen, trước giờ thỉnh chuông trên Tâm Chung Các, tôi tụng kinh cho lòng mình thanh thản, để tiếng chuông đi đến với những ai ở bên kia bờ được lắng đọng, nhẹ nhàng mỗi buổi sớm Thiên và mỗi buổi chiều Tịnh Độ. Khi lời kinh thấm vào tiếng chuông đây ý nghĩa hiền lành, theo tôi, có giá trị ngang tiếng nhắc nhở về mọi điều tốt đẹp đã có sẵn trong lòng người. Đành rằng trong đám đông chạy túa ra bờ sông, lao như tên, hẳn cũng có kẻ tham lam, muốn xuống hôi của, kiểu “nước đục thả câu”. Nhưng tôi tin phần lớn, hễ ai nghe thấy tiếng người kêu khóc, cũng liền vội chạy ra hỏi han, cứu giúp. Còn tôi, đã không bơi ngay ra ngoài sông, còn chạy lên bờ gọi ông cụ Nậm làm gì? Thời gian trước lúc hai chiếc ca-nô nhào tới, đủ cho tôi có thể cứu được ít nhất một người. Lẽ nào lại không một ai sống sót như thế này? Phải chăng đây là thứ địa ngục Chúng Hiệp, sangâta, nhiều người từ các nơi khác nhau, tụ lại một chỗ, mà chết chum, bức tử trong vòng “cộng nghiệp”? Không, nói gì thì nói, tâm cảnh của tôi đang hứng hực lửa Viêm Nhiệt địa ngục, tapana, đốt phỏng cả trong lẫn ngoài đầu óc. Trên lầu Chuông nắng nóng bỏng, thịt da tôi như cháy rát. Người ta giơ tay lên vẫy vẫy, ngoài sự sợ hãi tự nhiên, còn là lời cầu xin, không xin ăn, không xin uống, chỉ xin cứu nạn. Ngay khi đó, nếu tôi có bơi ra, bất quá vẫn nằm trong hạnh Bồ Thí thường, dâna, chưa phải dânaparamita, Bồ Thí Ba La Mật, người ta chưa kịp ngỏ lời hay chìa tay ra xin, mình đã phải mở lòng, lao vào cứu giúp. Tôi không nhớ rõ trong tám địa ngục lạnh, Bát

Hàn Địa Ngục, có thứ lòng sông, đáy biển không? Chắc là có. Nhưng rất chính xác, trong tám địa ngục nóng, Bát Nhiệt Địa Ngục, có Đại Nhiệt địa ngục, pratâpana, lửa trong lửa, sắt trong sắt, nóng bỏng... Nóng trong nóng. Ngọn lửa oán giận, chính mình, như đốt cháy buồng gan tôi trong lúc tôi vô cùng nóng ruột, muốn biết sự thể bây giờ ra sao. Tôi vội vã xuống lầu, đi tới bến sông. Chiếc ca-nô hồi sáng đậu bên này bờ, chỗ gần cây bạch mai, giờ đang tấp vào nơi tôi thường xuống gánh nước. Một trong mấy người Công An trẻ, cỡ tuổi tôi, lăm lăm khẩu súng trong tay, hất hàm, hỏi: “Anh kia! Lên! Đi đâu?” Tôi không nhớ đã nói gì nhưng họ đều hiểu ý tôi muốn biết bao giờ thì họ vớt xác các nạn nhân. Họ có cần nhà chùa giúp đỡ gì không? Một người khác, chắc là cấp chỉ huy, nói: “Này, không việc gì đến các anh! Chuyện chúng tôi, chúng tôi lo! Lát, sẽ có nhiều người tới! Làm lễ Cầu Siêu à, lễ Cầu Siêu là lễ gì?... Để xác ở bờ bên nào à? Chúng tôi chưa cho anh biết trước được... Phải xin phép Công An xã, chúng tôi ở trên xuống, không có quyền cho các anh làm lễ!” Tôi cảm ơn họ về tin chiều nay người ta sẽ cho vớt xác. Khi tôi vừa quay bước, tính trở lên chùa, lại nghe thêm lời căn dặn: “Chờ kiểm tra xong, các anh mới được làm gì thì làm. Nhớ xin giấy phép. Từ nay tới tối, không ai được ra khỏi chùa. Xuống đây cũng không được! Rõ chưa?” Tôi gật đầu và quay đi.

Vừa thấy mặt tôi ở Thiên đường, Thường Chuyển đã hỏi ngay:

— Sao?

— Họ sẽ vớt! Xuống bếp nhờ cụ Nậm, lên lầu Chuông... Xem họ sẽ vớt ra sao, mang xác lên bờ bên nào?...!

Thường Chuyển đi như chạy xuống bếp. Thoáng cái đã trở lại ngay, thầy bảo tôi: “Thở đi đã, rồi hãy nói!” Lát sau, tôi kể hết chuyện cho mọi người cùng nghe. Ông cụ Nậm cứ căn dặn: “Chờ đến đêm mới xin giấy phép, còn

ma nào nó làm việc nữa? May mà hồi sáng thầy Quán Chỉ không gióng chuông báo tin người “quá vãng”. Rắc rối thêm...” Thầy chúng tôi bảo:

— Lo nhang đèn trước đi...

Mật Thế thưa với thầy:

— Con nghĩ là lập biên bản xong, họ sẽ giao cho xã. Chiều mai, hay sáng mốt là cùng, người nhà các nạn nhân sẽ đến đây. Chắc phải làm lễ Cầu Siêu tập thể... Nhang đèn con cũng đã lo xong rồi. Chuyện ăn uống tính sau. Chỗ ngủ thì cát rạp ở ngoài sân gạch... Mùa này không mưa, cũng đỡ... Con sẽ đi đào hai cái hố lớn, làm nhà cầu, trong vườn chuối.

Thầy chúng tôi gật đầu:

— Phải đấy! À này, ai mệt cứ đi ngã lưng. Chợp mắt được chút nào hay chút nấy! Đêm nay, có thể phải thức suốt sáng! Ba cái đèn bão và một cái đèn măng-xông không đủ đâu. Cụ Nậm đừng khóc nữa... Nấu cơm để cúng chưa? Khi họ vừa đi khỏi thì cụ đánh trống ra hiệu cho Lượm đem đồ sang đây! Thầy sẽ vượt bè chuối sang trước, nếu người ta vớt xác lên bờ bên kia. Hy vọng sự có mặt của thầy ở đó, không ai nở... Còn ở bên này, chẳng có gì đáng lo. Nay, Tâm Đối và Thường Chuyển nhớ làm thêm chừng một chục bó đuốc bằng nhựa thông...

Đêm rợn người trong bầu không khí cuối tuần trăng, ánh sáng nhờ đục soi yếu ớt xuống giòng sông, càng về khuya càng chảy xiết, bên này và bên kia bờ như bị những đám mây sương, màu khói ám, ấn vào cái lồng kính mờ thảm của trời đất. Gió thổi, đám lá rung cành, nên ngọn đèn măng-xông treo trên đó cũng run rẩy từng vòng ánh sáng trắng lạnh. Đèn bão vàng đục và đèn chai trên các chiếc xuống, từ bên xóm Đầm Sen đổ qua, in bóng xuống đáy sông, lúc này nom như cánh đồng nước, bập bùng lửa ma trời. Bẩy mươi hai cái xác người lớn, nhỏ, nom xa giống như nằm thiếp ngủ, dọc bờ cao trên đám cỏ đuôi chồn,

ngọn nào chưa bị đè ngã rạp cứ lay lắt trong ánh đuốc. Cõi âm, đêm bên ngoài chùa Hoa, tôi đi đắp từng miếng giấy bản khổ rộng lên từng khuôn mặt. Cậu bé Lượm xé bẹ chuối ra làm dây, cột lại, cho gió thổi lật hoặc thổi bay giấy đi. Hương hoa và ngọn đèn bão đặt trên một tảng đá xanh núi Bửu Long. Đêm như bay lên tiếng kinh cầu. Nhang cắm xuống đất, cháy đỏ từng nắm, phía đầu mỗi người xấu số, thỉnh thoảng gặp gió to, bùng mạnh ngọn lửa, như rít lên trước tiếng khóc thương tâm của một số người từ bên kia sông mới sang. Không một lời phủ dụ, uy đức của thầy chúng tôi toát ra trang nghiêm và trầm tĩnh, lan sang cả mấy người mà ông cụ Nậm trước đó có ý canh chừng. Tất cả, một lòng, theo thầy niệm hồng danh “Nam Mô A Di Đà Phật”. Anh Tư Chơi và Lượm chạy tới, chạy lui, giúp chùa được nhiều việc nặng, kê lại từng xác người một, nằm cho ngay ngắn. Ông Năm Cao và cô Nụ, nửa đêm gõ cửa nhà Bí thư Chi bộ xã, một người anh bà con xa của cô Nụ, nhờ xin giùm giấy phép làm lễ Cầu Siêu cho nhanh. Anh ta còn nói: “Trên đã báo tin cho gia đình các nạn nhân rồi! Ai biết là bao nhiêu? Vớt được nhiều hay nhiều! Vụ này... Trên biết! Vì sao tàu đắm? Thôi, về há!...” Một góc trời dựng sáng ánh đèn lửa, động tiếng người, chim chóc xáo xác trong vườn buổi khuya, đập cánh bay tán loạn, gọi nhau chiu chít. Ông cụ Nậm rót cho tôi một ly nước trà nóng, bảo tôi uống xong, hỏi nhỏ:

— Thầy thấy gì không?

Tôi lắc đầu:

— Thấy gì?

— Ác quá, chúng nhỏ hết cả răng vàng của người ta!

— Nghe nói người chết đuối hay bị hộc máu...

— Cũng có... Nhưng mà thầy trông...! Đây nữa này!

— Đúng! Vậy thì không kiểm tra gì cả...

— Có chứ! Tiền bạc, nữ trang... lột sạch! Ăn không ăn hồng của người ta, rồi cũng kéo nhau xuống địa ngục cả lũ...

Ông cụ Nậm vò tai, bứt tóc, bực bội ra mặt:

— Thầy ngồi đây trông chừng nhé! Tôi về luộc mỡ khoai và đun thêm nước mời bà con... Khổ quá! Thật là địa ngục...

Nhìn theo dáng ông cụ chìm dần vào bóng xẩm cây vườn, tôi muốn kêu lên thật to: “Lạy Phật! Cụ không biết sao? Địa ngục, niraya, nơi chẳng thể vui, chẳng thể vui được. Nơi mà giống quỷ bạo ác La Sát, rākchasas, quen sống dưới nước, thích nhất ăn thịt người. Cụ tính coi, của cải có phải là mồ hôi nước mắt, là xương thịt của người lương thiện không? Địa ngục, còn gọi là nakara, nơi tâm tối, chúng sinh từ vật lên tới người, phần lớn quen sống theo thói con này giết hại con kia. Cá lớn nuốt cá bé, mạnh được, yếu thua. Khôn sống, móng chết. Địa ngục ở ngay trên mặt đất này, ngoài đồng ruộng, trong rừng núi, dưới lòng sông và đáy biển.”

Nhưng chiều nay, một buổi chiều mà tôi thấy các lượn sóng sông liếm ven bờ đá cũng tựa hồ như nước mắt chạy quanh và gió sông cũng biết thở dài. Tâm Đối đã khóc. Đây là lần đầu tiên tôi thấy một nhà sư vừa khóc, vừa nói: “Lũ đầu trộm đuôi cướp, liêu thân phải lấy việc giết người làm kế mưu sinh, song tâm của chúng vẫn chưa ác bằng cái lũ “người-giết-người” để vét của cải, lại nhân danh là chính quyền của nhân dân. Chúng ta như người làm vườn, không ngăn được sâu rầy, thì trồng bao nhiêu mùa cải cũng chẳng có nổi một lá nào nguyên vẹn xanh tươi.”

Khóc được sẽ nhẹ người. Tôi mừng cho Tâm Đối. Thử hỏi cái cõi Ta Bà này là gì? Saha, có nghĩa là thế giới hay gầm trời nhận nhện, cõi “Nhân Thổ”, vùng đất nhận nhục! Bởi cõi “Ta Bà” này có đủ thứ ác độc, tàn hại, giả dối... Đủ thứ cảnh khổ, nhất là khổ não. Ta Bà Thế Giới còn gọi là Tạp Ác Thế

Giới, chúng sinh xử ác, đánh giết, hành hạ nhau. Trong cõi uest độ tranh tối tranh sáng, năm “giống” hay “ngũ tính” cùng góp mặt, sống chung: Địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, con người và thánh thần. Con người ở giữa hai đầu tốt và xấu. Đầu này là Địa Ngục, đầu kia là Niết Bàn. Sa đọa thì con người là Ngã Quỷ, hưởng thượng mà nên Thánh Thần. Có đúng thế không? Thánh Thần chính là tình Thương Yêu và đức Hiếu Sinh. Ngã Quỷ là lòng Thù Oán và sự Hủy Diệt... Vai trò của chúng quỷ hoàn toàn không phải là “hành pháp” hay “hộ pháp” gì cả! Nếu không thấy ra và hiểu đúng, chúng ta sẽ gặp nhiều nghi tình, rồi đâm ra tự hỏi ngỡ ngẩn: Thiếu bọn quỷ sứ, trời đất lấy gì để trừng phạt kẻ có tội? Nhưng Phật ở trong ta thì Thánh Thần và Quỷ cũng ở trong ta. Nhà Phật dạy rằng loài nào trong chúng sinh thích ăn thịt người, uống máu người là Ngạ Quỷ. Âm binh hay kẻ dương gian có ác tâm cũng là Ngạ quỷ. Nhưng Ngạ Quỷ, quỷ đói, pretas, có hai hạng: Thứ nhất, chúng bần thủ và đói khát, lang thang đầu đường xó chợ, kiếm không ra một miếng ăn, thức uống. Thứ hai, có nhà cửa, đèn đài, kẻ hầu người hạ. Loại nào cũng “đục xương, hút máu người ta”, ít hay nhiều thôi. Nhưng càng nhiều thì càng có “đèn đài, kẻ hầu người hạ”. Loại nào cũng có “quỷ nhãn tinh”, giỏi nghề rình mò, nhòm ngó, theo dõi người ta. Thứ càng lớn càng có “quỷ kiến”, tri thức của quỷ, khá cao, điêu luyện trong khoa ngụy biện, lừa người. Đói quá mà phải cướp giật để ăn, hạng “pre-tas” nhỏ thôi! Hạng lớn, thường “no dạ, đói mắt”, vợ vét bao nhiêu cũng không đầy lòng tham. Chúng vợ vét mồ hôi, nước mắt của bao người mà thành ra kim cương, vàng bạc. Song, chúng lại bị bọn quỷ khác cướp đoạt lại... Bên cạnh đó, thật sự có nhiều người tốt, làm ăn chất chiu, để dành để dùm, mới có được chút vốn liếng, của cải độ thân, sống tạm yên qua ngày sao cho lành lặn, no đủ. Nhưng họ bị

“cộng nghiệp” bởi trước kia cứ loay hoay lo “độ” cho mình mà không nghĩ đến “độ” cho người.

Về chuyện “cho mình, cho người”, chỗ vào xác một em bé gái chừng sáu tuổi, hai tay đang ôm chặt con búp-bê, Tâm Đối nói, dẫn từng tiếng một: “Nội việc nhỏ này thôi cũng đủ thấy: Chính tôi trước đây, mải miết tu thân, xa lánh và đứng đưng với những gì gọi là “chính trị, xã hội”. Tôi khinh bạc, bằng cách tỏ vẻ thương hại, người lính miền Nam khi họ chống lại Bắc quân. Tôi cho lính nào cũng là “bọn sát nhân”, như nhau cả. Đấy, chính trị sai lầm thì chiều nay, tạm gọi là tu thân xong, tôi muốn cứu người khác mà có được đâu? Tội ác tà y trời này, ở đây, nào chỉ xúc phạm tới ý thích riêng tư của cá nhân tôi về một lý tưởng nhân bản. Nó còn thách thức cả với tấm lòng “Bi, Trí, Dũng” của nhà Phật và phỉ báng vào nền văn hóa của dân tộc Việt... Tôi biết, chiến tranh lúc nào, bất cứ nơi đâu, cũng tồi tệ. Nhưng cả thế giới đều được báo tin đầy đủ về vụ Mỹ Lai, được tự do đi thăm Chuồng Cọp ở miền Nam. Vấn đề là ai gây chiến trước, người thoát nạn có thể quên, song chúng ta và thân nhân những người nằm xuống phải nhớ. Đúng ra là nhớ đến cái hại của điều ác để hiểu và làm được cái lợi của điều thiện...” Tâm Đối còn nói với tôi: “Quán Chỉ có biết người ta giết bao nhiêu trẻ con ở Làng Cô Nhi Long Thành sau năm Bảy Lăm không? “Ngụy” có thể ác. Cho là thế đi! Nhưng trẻ con đâu phải là “Ngụy”? Vụ đắm tàu vượt biên tại cầu Chữ Y, chết gần hai trăm người giữa lòng Thành Phố... Trên bốn trăm người ở Thủ Đức, gần kho đạn thành Tuy Hạ cũ... Nơi nào cũng vậy, không cứu và không cho ai xuống cứu. Guồng máy Giết Người Cướp Cửa được bưng bít bằng sự câm nín, đôi khi cũng nghe tiếng dân kêu tức tưởi, lại át giọng ồn ào - “Bỏ nước ra đi toàn là quân phản quốc, côn đồ, đĩ điếm!” - Hai mươi một đứa trẻ con

chết oan sáng nay, đang nằm đây, là ai? Nhưng rồi chuyện này như bao nhiêu chuyện khác sẽ chìm dần vào quên lãng... Người chứng kiến thì quên đi để sống. Kẻ không biết chuyện thì lấy gì để mà ghi nhớ? Lòng Từ Bi không thôi, chưa phải là đạo Phật. Cái Trí Tuệ của nhà tu hành, con người Dũng Cảm đi tìm chân lý Từ Bi, đâu? ở đâu? Bi, Trí, Dũng!...” Ngay khi ấy, Thầy đã dùng ánh mắt ra hiệu cho tôi dẫn Tâm Đối rời khỏi “cảnh ý vọng động”, bằng cách vào sâu trong khu vườn, ngả lưng nơi gốc cây bưởi, ngó đám lá xanh non một màu mát mát. Lát sau trở ra, ngồi tụng kinh bên tảng đá, thỉnh thoảng Tâm Đối lại nhìn ra sông vắng.

Trời chạng vạng tối, ráng chiều co lại, ùn lên một vũng máu me, quanh vết thương mừng mủ vàng sưng tấy các vết bầm tím lịm. Đám mây lớn xanh tái màu mơ non, trôi dờ dãn về phương Tây, tẽ ra hai nhánh con, như đôi cánh rộng níu lấy hai áng mây nhỏ, cùng xuôi một hướng. Nom chẳng khác gì xác một bà mẹ đang nằm ôm chặt lấy hai con, gỡ ra không nổi, trên búi cỏ trước mặt chúng tôi. Thầy bảo Thường Chuyển về chùa làm lễ Tác Nguyện Môn, khởi một lòng nguyện cho các vong hồn sớm siêu sinh qua miền Cực Lạc. Tôi xin phép ở lại chờ ông cụ Nậm ra ngoài này, xuống sông gánh nước, lau bùn đất dính đầy mặt và chân tay những người xấu số. Anh Tư Chơi bảo tôi nhấp chút rượu đế cho bớt gai và gây người khi gần mùi tử khí. Lạnh và tanh. Tôi lắc đầu, chỗ vào mớ nhang trầm, ra dấu đốt thật nhiều. Ông cụ Nậm gánh khoai ra, lúc gần nửa đêm, nhiều người đã xuống xuống, chèo về bên kia sông, nói sáng mai sẽ trở sang nữa. Còn dăm ba người ở lại bên này, trong đó có anh Tư Chơi, người mà buổi sáng suýt bị trúng đạn vì bơi ra gần chiếc tàu chìm. Họ đều bảo:

— Quý thầy vô chùa nghỉ đi. Mai còn làm lễ sớm... Chúng con ở đây được rồi! Cảm ơn

cụ Nậm. Nhờ trà đặc, đỡ buồn ngủ! Cụ cũng vô đi!

Ông cụ Nậm giục tôi và Tâm Đối:

— Hai thầy mời Sư Cụ cùng vào nghỉ... Thầy Mật Thể đuối sức rồi. ép mãi mới chịu đi ngủ Không khéo quý mất....Mời Sư Cụ...

Thầy chúng tôi từ chối:

— Cảm ơn cụ, cứ để mặc tui... Đã lâu, tôi chưa ngồi Thiền ngoài trời...

Men theo lối đi vào chùa, sau nhà Vong, ngọn đèn bão gần hết dầu chẳng đủ sáng, đường lại gập ghềnh đổ dốc, rất dễ vấp ngã, ông cụ Nậm phải vịn vào vai tôi vậy mà còn vừa đi vừa hỏi:

— Thầy có tin chuyện nếu để mèo nhảy qua xác người, lập tức bật ngay dậy, biến thành quỷ nhập tràng, không?

— Người ta nói thế để cho việc canh gác, giữ gìn thì hài được chu đáo, bởi mèo, chó có thể đến ăn thịt người. Cũng như dọa trẻ con nếu gặm chân gà, khi viết sẽ run tay, chữ xấu lắm, chẳng qua chân gà nhiều xương hiếm, dễ hóc. Vậy thôi!

— Thầy có tin chính cái đời này là địa ngục không? Qua khỏi mấy vạt đá lởm chởm, rủ các chùm dây gai sắc bén, tôi mới trả lời:

— Tâm ở đâu thì cảnh ở đó, cụ ạ. Khi ở trong tù, theo chính lời cụ kể, có người cho đây là chốn để rèn cái ý chí chống lại mọi sự bất công quá đáng, hơn là chỗ dọa dè. Còn câu cụ hỏi, trong kinh nhà Phật đã trả lời rồi. Nhưng ai cũng có thói quen cứ nghĩ là địa ngục phải ở dưới đất. Trong khi hàng trăm ngàn thứ địa ngục có thật, ở ngay trong lòng chúng ta và ở ngay trên mặt đất này, quanh chúng ta. Tôi kể thôi, tin hay không xin tùy cụ. Đọc kinh *Địa Tạng*, thấy có nói đến núi Thiết Vi, Ca-Kravada, Núi Sắt bao quanh một biển nước mặn, nơi chứa đủ mọi loại địa ngục. Núi ấy tối om om, không một tia ánh sáng nhật nguyệt rơi vào. Ngoài địa ngục Vô Gian, Avichi, tức A Tỳ, kèm chặt số phận tội nhân

chịu mãi “cảnh đầy dọa không ngừng”, nghĩa là “cảnh, thụ, thời, mạng, hình” đều chẳng gián đoạn, cứ triền miên chết đi, sống lại. Nặng hơn, còn có Đại Địa Ngục Cực Vô Gian... Nhưng thôi, nói dài dòng cũng là một thứ địa ngục. Tên nhiều loại địa ngục xưa, rất lạ, ngày nay mới hiểu nổi, như địa ngục Tên Lửa là (Hỏa Tiễn), Xe Sắt (Thiết Xa), Lửa Táp (Lưu Hỏa) Chém Đầu (Tỏa Thủ), Viên Sắt (Thiết Hoàn)... Hay Giận Dữ (Đa Sân). Lại còn có có thứ địa ngục tên là Ó Lửa (Hỏa Ứng)... Kêu Gà (Khiếu Hoán). Nhiều không kể xiết! Bao xà lim trong tù và những khu nhà ổ chuột ngày nay cũng mang hình ảnh của Địa Ngục Phản Niệm, phân và nước tiểu. Tranh Luận Địa Ngục, cãi lầy mà đánh giết nhau... Cụ có thấy tựa tựa như nguồn gốc chiến tranh Việt Nam không?

Về tới chùa, Tâm Đối đi ngủ, ông cụ Nậm rủ tôi vào bếp uống chén trà. Nhưng tôi còn cào trong bụng, thêm một chút gì đó ăn đỡ lòng. Tôi hỏi:

— Cụ không mệt à?

— Bã cả người ra, mà lạ, đầu óc lại tỉnh táo lắm. Thầy Quán Chỉ này, cái Núi Sắt bao quanh một Biển Mặn... Đúng là Việt Nam mình rồi. Bom đạn, tàu bay, tàu bò, tên lửa, mìn bẫy... Thôi thì đủ thứ bằng sắt bao vây một biển nước... mắt. Nước mắt chẳng mặn là gì?

— Có lẽ cụ nói đúng. Không một chút ánh sáng của tình thương yêu và sự hiểu biết nào lọt vào được vùng núi Thiết Vi ấy... Lại có thứ địa ngục Tội Báo, nơi kẻ đã bị hành hình lại còn bị lấy trái tim cho quỷ Dạ Xoa ăn. Cụ có thể hiểu vì sao các lãnh tụ, như Mao, sống dai và rất khỏe. Họ ra lệnh, cho thầy thuốc riêng, cắt bỏ các bộ phận nào của họ đã già cỗi hoặc hư hỏng rồi thay vào đó các bộ phận còn tốt của đám tội nhân vừa mới bị xử bắn. Họ còn ăn nhau người đẻ, uống cả các loại thuốc cho là bổ béo chế từ thai nhi... Đây không phải là

chuyện đồn nhảm đầu. Trung Quốc, qua ngã Hồng Kông, đang xuất cảng từng phần thân thể con người đông lạnh, bán cho giới nhà giàu ở Tây phương. Họ còn biết bán cả niềm... hy vọng cho mọi người, nào có xá gì thân thể người khác, trước sau như một món hàng giá hời?

— Chết nổi! Hề Tàu làm sao, ta làm vậy!

— Thì chết, chứ sao?

Ông cụ Nậm vẫn chưa hết ngỡ vực chuyện lấy quả thận của người này mang ghép cho người kia:

— Hèn chi Sư Cụ cứ dặn tôi: “Xem kỹ từng cái xác một!”. Tôi cứ tưởng họ mổ xác vì nghĩ người ty nạn nuốt kim cương vào bụng. Ra thế... Sao lại có cái giống mặt người mà lòng quỷ Dạ Xoa?

— Có lẽ vậy! Nhưng theo trong kinh thì quỷ Dạ Xoa có loại hiền hơn. Nếu như quỷ Dạ Xoa, yakchas, là giống quỷ có tính ghét mọi tội ác và biết quý con người, “khinh tật, quý nhân”, thường được gọi là Quỷ Thần. Mặc dù chúng là bọn cai ngục chuyên nghề hành hạ người, nhưng chỉ được phép đầy đọa người nào đã hãm hại người khác. Do đó, trên đời này mới có mặt loại cai ngục, mà ông Nguyễn Tuân đã kể, tẩm gội xong, trang trọng bưng lễ vật vào buồng giam xin nét chữ của người tử tù, cũng như có tên cai ngục xin thơ ông Cao Bá Quát tại lao Thừa Phủ ở Huế, bài “Vịnh Cái Gông Dài”. Kinh nhà Phật cũng có nói tới cảnh tù trong là ngục nhân, tù ngoài là cai ngục, chẳng sung sướng gì...

Ông cụ Nậm thở dài ngao ngán:

— Thế thì lao, khám, nhà tù, trại giam... cũng là địa ngục cả thôi!

Tôi muốn đùa đởn với chính mình một chút cho ông cụ bớt phiền muộn:

— Coi chừng tôi đang dẫn cụ vào địa ngục “ý Ngữ”, thích nói và viết toàn chuyện tối tăm, vô nghĩa...

— Vô nghĩa làm sao được! Trong cái ngục

lớn là đời này, không ngờ lại có bao nhiêu cái ngục nhỏ nữa!

— Thế đấy, cụ ạ! Ngoài hai loại địa ngục Lửa Nóng và Băng Lạnh, còn có Cận Biên Địa Ngục, naraka, ở giữa hai thứ kia nhưng cũng chẳng ấm chút nào. Lửa, giòi bọ, dao sắc, chó dữ, gai nhọn, đói khát... Đủ cả! Loại này mới ghê chứ: Thập Lục Du Tầng Địa Ngục, một ngục lớn có bốn cửa, mỗi cửa có bốn ngục nhỏ, tổng cộng mười sáu ngục mỗi tầng. Ngục nhân phải đi cho hết bấy nhiêu tầng. Tầng thứ nhất, Hắc Sa, địa ngục Cát Đen. Cuối cùng mới đến Hàn Băng, địa ngục Giá Lạnh...

— Gớm! Sao giống Chí Hòa quá vậy? Khám Lớn ghê hơn, tới tám cửa lớn, vòng vo, cũng nhiều tầng. Kinh thật, tôi đã ở đó ba năm, phòng 6 khu ED, tường sơn đen. Trước khi được thả, bị đẩy sang khu EF, tầng trệt, nền xi-măng, đêm nằm lạnh thấu xương! Chẳng là Hắc, Hàn địa ngục thì là gì. Cát ư? Cơm ăn ở khu ED trộn lẫn sạn, nhai sào sạo, ghê cả răng! Trời đất ơi! Thì ra... Nhưng tôi chống ông Diêm độc tài, sao lại bị sa vào “địa ngục”?

Thật tình, tôi chưa biết phải giải thích sao cho ổn, đành ngồi cười trừ, rồi đùa:

— Có người bảo tội của cụ, nếu có, là tội đã không chống lại một nhà độc tài khác, ông Hồ, lớn hơn nhiều!

Ai ngờ ông cụ Nậm lại gật đầu, vui vẻ:

— Ừ nhỉ! Hồi trẻ, hăng lắm... À, mà thầy cho tôi hỏi, tội nào thì phải xuống ngục A Tỳ, thầy vừa nói là “vi xi” gì đó?

— Avichi hay Vô Gián Địa Ngục, tức ngục A Tỳ, ở đây tội nhân thấy mình bị hành hạ mãi mãi không ngừng, chết đi sống lại, trăm ngàn muôn kiếp. Không cách nào thoát được. Tội vào Vô Gián Địa Ngục: Bất hiếu, giết hại cha mẹ, báng Phật, bĩ kinh, hại chùa, vợ tu và đem thân dâm dục làm ô uế người chân tu. Nhưng ai sao, rồi thiên hạ biết cả, không đánh

lộn xộn mãi được. Tội nặng nhất vẫn là bọn thầy tu giả, lường gạt người tại gia, ăn cắp ăn trộm đồ dùng của nả nhà chùa do thập phương gửi cúng. Ngũ nghịch tội, cũng xuống luôn ngục A Tỳ, như giết cha, hại mẹ, chống La Hán, đấu loạn chúng tăng, khởi ác ý với việc Phật. Nói xấu cha mẹ, làm cho cha mẹ nhục nhã, đau buồn vì mình cũng là giết hại cha mẹ! Khống chế, khiến cha mẹ sợ hãi mình, cũng nặng tội...

— Gớm nhỉ? Cái tóc, cái tội... Nghĩ mà sợ, dễ thường ngục A Tỳ cũng chẳng ở đâu xa, thầy ạ. Bên xóm Bầu Nai có một bà, tôi không tiện nói tên, hay chửi mắng mẹ mình. Thoáng cái, ít năm sau, bà ta lại bị thằng con cứng nhất nó quất tháo, đối đãi tệ bạc, không tiếc lời.

— Nhiều nhà rơi vào tình cảnh địa ngục Đẳng Hoạt, sanjūva, người thân sống chung với nhau, cứ tưởng yên vui, đùm bọc trong tình máu mủ, nhưng hóa ra họ bị hình phạt. Cấu xé lẫn nhau cho tới rách da, nát thịt, chết đi sống lại. Cấu xé không ngừng mà vẫn là bà con, họ hàng, ruột thịt xa gần. Nước mình, giả dụ, cứ chia rẽ mãi Trung, Nam, Bắc, chia rẽ đạo này đạo kia, cũng thế thôi!

Lúc này, trở xôi vừa chín tới, mùi nếp hạt dài se mình thơm lừng. Tôi đói cồn cào ruột gan, run rẩy từng ngón tay xương xẩu mỗi một, đỡ lấy đĩa xôi đầy mà ông cụ Nậm vừa xới cho. Nhưng cách nào tôi cũng không ăn được. Thói quen là thói quen. Chớ đâu vì câu nói mà tôi đã thuộc nằm lòng: “Con người ăn lúc ban ngày ban mặt, giống quỷ mới khuya khoắt mò ăn đêm. Bữa sớm mai dành cho Chư Thiên. Phật Thánh dùng bữa lúc chính Ngọ. Loài vật ăn buổi xế chiều...” Ông cụ Nậm pha cho tôi ly nước đường, bảo uống cho đỡ lòng rồi đi nghỉ. Tôi biết ông cụ, tuổi già thường khó ngủ, ăn ít, nhưng quen lấy chuyện nấu nướng làm vui.

Đêm nghe tiếng vịt nhà ai, lạc bầy kêu

quàng quạc như bị rấn nước ngoài bến sông rượt đuổi, tôi cứ nằm trần trọc mãi.

Khi tôi mở mắt, choàng tỉnh dậy thật sự, không phải trong cơn mơ thấy mình tỉnh dậy, trời bên ngoài chiếc cửa sổ nhỏ, hình tròn, còn xẩm tối. Tôi không ngủ, nằm thiếp đi, rồi rã khi nhớ lại mình vừa trải qua một giấc mơ dữ: “Tôi như bị ai chuốc rượu say, không còn nói được, nhưng trong đầu óc vẫn biết người ta khiêng mình đi xa, đặt êm ái trên bờ cỏ thơm, giữa một bầy con nít kháu khỉnh, da ngậy mùi sữa hơi. Lúc tỉnh dậy, tỉnh trong giấc mơ, chân tay tôi đụng phải toàn xác chết...”

Người mệt nhoài, mồ hôi đầm lưng áo, hơi ướt đang lạnh lạnh khô se, cơn khát nước ráo cổ nóng hừng hực. Ra ngoài sân mức gáo nước mưa trong mát, tôi như uống luôn cả vì sao Mai in bóng trong lu. Ngay giây phút tình cờ đấy “niệm chia biệt” hình với bóng ấy, tôi chợt bàng hoàng nhận ra, lòng mình đầy thù hận, ngấm chứa trong câu chuyện, kể với ông cụ Nậm, về địa ngục trần gian. Địa ngục, cõi Nhẫn Nhục, hạnh thứ ba trong Lục Độ, “Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ”, lẽ ra tôi phải thành tâm hứng chịu lấy sự đau khổ, không được đem lòng nghĩ đến trả thù. Đấy mới là Nhẫn Nhục Ba La Mật, kshântiparamita. Nhưng trong ngõ ngách sâu kín của tâm hồn tôi, giờ đây càng rõ nét, thay vì như Tâm Đối nói, phải ngăn chặn quả ác ngay từ chủng tử, “hrich”, cái mầm ác nằm trong lòng hạt dữ, không cho chúng nảy nở cả trong tâm thức lẫn ngoài cuộc đời, thì... Tiếc thay, tôi ưa “vạch lá, tìm sâu”, trong khi trứng sâu bám đầy trên lá. Thay vì tìm cách chấm dứt cái ý tưởng lộng hành của con người, thích bắt bớ, giam cầm và hãm hại ai cũng được, tôi lại mong muốn đưa hết bọn lộng quyền, tàn bạo vào tù hoặc xuống địa ngục. Thật ra, diệt ngay trong trứng nước cái chủng tử “muốn bỏ tù người”, chứ không phải là giết hết đám ngục tốt, mới là phá ngục! Nhưng

phá ngục cũng không chỉ là phá chấp, phá tà kiến mà còn có nghĩa là làm cho rạch ròi, rõ rệt, một điều này thôi, cũng đủ: “Hễ người mà lòng lành sợ hãi quá, ắt việc quý thêm ác, ra sức lộng hành!” Tôi không muốn hại một con kiến mà lại phải nhìn thấy tận mắt cảnh bảy mươi hai người bị giết. Thế giới lên án họ “xuất cảng thuyền nhân” trong chương trình ra đi “bán chính thức”. Họ chặn lại bằng cách vãn nhận vàng và cho người xuống tàu, nhưng lại tìm mọi cách khiến cho tàu chìm, ngay trong sông rạch, để vơ vét kim cương, đô la và vàng bạc lẫn chót. Phải gơ bông sen lên trước thì rồi sau đó mới có nụ cười. Nhưng bông sen nào, còn tươi tốt hay đã tàn úa? Hoa sen giả, lấy đầu hương thơm của “vô úy tâm”, lòng không sợ gì, hỏi cứu được ai? Nếu như có ngọn lửa bất bình nung nấu trong tôi, một nhà sư, ý muốn diệt giống người-quỷ, hẳn khó ai biết được. Nhưng tôi biết... Từ đám lính tốt cho tới bọn chúa ngục! Thành ra sáng nay tôi phải sám hối. Kẻ “bất Trí, vô Dũng” quá lắm có thể gọi là nhà Tu, một người đang học cách sửa mình. Vậy mà trong khi đó, bao người “đánh lễ”, cúi đầu vái lạy, ngỡ tôi là nhà Sư, người Thầy của lòng Từ Bi. Tôi phải sám hối. Sám hối trước hết việc tôi đã sợ hãi tiếng súng, không lên Tâm Chung Các giống hồi chuông báo tử. Chúng sinh tham sống, sợ chết là lẽ thường tình. Còn tôi, một “nhà sư”? Đành rằng thân tôi, cầm bằng như cái hạt nhỏ ly ty, chưa sánh được với một hạt bụi nhỏ nhất, vi trần, trong cõi Ta Bà này, song niệm “ác” ấn hẳn vết trong thâm tâm, lại lớn ngang núi Tu Di, Soumérou, biểu trưng cho sự vô cùng lớn lao: Tôi muốn diệt họ cũng không ác bằng tôi đã vô tình lừa người. Đành rằng ngay cả cõi Ta Bà tức thế giới này, đứng thứ mười ba trong hai mươi tầng trời, vốn vẹn chỉ là một thế giới nhỏ nhoi nơi “Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới”. Một Đại Thiên Thế giới có một tỷ thế giới, mỗi thế giới này có một mặt trời.

Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, cõi vô cùng tận, bao gồm ba ngàn tỷ thế giới. Trời đất ơi! Rộng lớn quá! Bao la quá! Ngày nay, nhiều người thừa biết, mỗi giây ánh sáng đi ba trăm ngàn cây số, có những hành tinh cách xa chúng ta hằng tỷ năm ánh sáng và Vũ Trụ có nhiều Thái Dương Hệ. Nhưng cách đây trên hai ngàn năm, con người còn chưa biết rõ cả cái thế giới mà mình đang sống hình vuông hay tròn, mà kinh nhà Phật, lạ lùng thay, đã nói về Đại Ngã, nói về Ánh Sáng của Vũ Trụ, Vô Lượng Quang Phật và Ánh Sáng của Lòng Người, Từ Bi. Ba ngàn tỷ mặt trời, bao nhiêu hành tinh vây quanh đó? Phật, Boudha, còn gọi là Bụt, Người Sáng Suốt, tự giác và giác tha, giác hạnh viên mãn, Tính Sáng Tròn Đầy. Đức Phật Như Lai? Ngài là Ánh Sáng, tự giác, đến thế giới Ta Bà này, để Chiếu Sáng, giác tha! Chính là Thích Ca Mâu Ni, Sakya Muni, bậc Tịch Tĩnh hay người Nhân Từ giòng họ Thích Ca, là vị Phật thứ tư trong các Kiếp Hiền, bhadrakalpa, mà vị thứ ba là Phật Ca Diếp, Kâcyapa Bohdi, “Bao giờ Phật cũng thường trụ ở cõi thế. Chớ nói Phật nhập Niết Bàn là hết độ chúng sinh.” Phật Ca Diếp, Kâcyapa Bohdi, là đức Phật Như Lai thời quá khứ, (không phải Bồ Tát Ca Diếp, Kâcyapa Bohdisattva, người từng mỉm cười khi đức Phật Như Lai gơ cành hoa sen lên), còn phán: “Chớ có làm ác! Hãy làm các điều lành. Hãy giữ cái ý cho trong sạch. Bao nhiêu đó tóm tắt giáo lý của chư Phật” Có điều bông sen mùa này không phải là bông sen mùa trước, nhưng vẫn là hoa sen. Phật thường thể hiện trong mỗi Sát Na, một chớp mắt, qua các người con Phật, làm điều lành như hoa sen tỏa ngát hương thơm, nơi cõi thế. Làm lành, trước hết, cho mình trong cõi “Nhẫn Độ” không khó, “một sự nhịn, chín sự lành”. Nhưng một nhà tu không thể cứ cung làm lành cho riêng mình. Chẳng ai vái lạy một bộ áo vàng hay nâu treo trên vách chùa. Bát cơm thập phương

nặng lắm! Các “đồ chúng” chùa Hoàng Mai xưa, không nhắc lên nổi “y bát” của Lục tổ Huệ Năng, đặt trên tảng đá, là thế chăng?

Vị Phật thứ năm, vị lai, sẽ là A Di Đà, Amitabhâ, Vô Lượng Quang Phật, đức Trong Sáng Vô Cùng, chiếu tới đâu thì giải thoát cho chúng sinh tới đó, tắm gội trong thứ ánh sáng yên vui, thanh thản. Mặt trời, mặt trăng không soi tới Địa Ngục, không chiếu vào Lòng Người để xóa đi bao bóng tối. Nhưng nguồn Ánh Sáng Vô Cùng, A Di Đà Phật, rọi vào khắp nơi, không gì ngăn nổi. Khắp nơi cũng đang quay về Chí Tâm Hương, Nam Mô, Namah, quy y hay quy mạng, nương thân, lòng thành, cung kính hướng theo. “Cung kính nương nhờ đức Phật Vô Lượng Thọ Quang”, Người Hiền Sáng Suốt Tột Cùng, Nam Mô A Di Đà Phật!

“Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật!...” Tôi chạy vội ra lan can trước Thiền đường, đứng dựa vào bức tường xây lững hình rồng cuốn nước, nhìn ra sông. Tiếng gõ mõ, tụng kinh vang lên từ những chiếc thuyền tam bản, xuống ba lá, đang nối nhau từ bờ bên kia sang bờ bên này, mỗi lúc một lớn. Thuyền băng ngang khúc sông rộng, chảy xuôi giòng ra biển, lời kinh, tiếng mõ như đập vào gương nước, dội lên, rồi rơi xuống mạnh, trải ra một vùng nắng sớm vụn nát. Ánh bạc rọi nghiêng từng ngọn cỏ trên bờ sông tĩnh lặng, rõ từng đường viền sương tụ quanh mép ngời xanh. Nhịp cầu, kết toàn bằng thanh âm “Nam Mô A Di Đà Phật!”, vừa bắc liền xong hai bờ mà đầu cầu bên này, nơi bảy mươi hai người đang nằm chết, cất lên cùng lúc nhiều giọng, rõ hơn cả vẫn là giọng trầm già nua của thầy tôi và giọng trẻ trung như tiếng chuông thanh của cậu bé Lượm: “Nam Mô A Di Đà Phật!” “Nam Mô A Di Đà Phật!” “Nam Mô A Di Đà Phật!...” ■

Oslo Na Uy (trích *Bờ Bên Kia*, sắp in).

thơ TỬ PHONG

Vu Lan

Công Cha như núi Thái Sơn
Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Thấy người còn Mẹ còn Cha
Bông hồng cài áo sao mà quý thay
Còn tôi bông trắng được cài
Mà rưng rưng lệ nhớ ngày xưa.
Còn đâu nữa, tuổi ấu thơ
Bao nhiêu kỷ niệm bây giờ còn đâu.
Muốn đến đáp nghĩa ơn sâu
Mẹ Cha đã khuất, còn đâu mà đền.
Các bạn trẻ, tuổi thanh niên
Còn Cha còn Mẹ, phải nên kính thành.
Vì ai nay mới có mình
Mẹ Cha công đức sinh thành dưỡng nuôi.
Nuôi ta khôn lớn nên người
Dạy ta hiếu nghĩa ở đời trước tiên.
Song thân trong lúc hiện tiền
Giữ sao chớ để Mẹ phiền Cha lo
Qua sông khách chẳng quên dò
Công Cha nghĩa Mẹ dặn dò đừng quên.
Kìa gương Ngài Mục Kiền Liên
Cũng là một cách đáp đền công ơn
Sinh tiền phụng dưỡng thì hơn
Một lòng hiếu kính ôn tồn dạ thưa
Không làm quấy, chẳng nói bừa
Sao cho Cha Mẹ sớm trưa đẹp lòng
Ấy là báo đáp ân công
Ấy là chữ Hiếu ở trong luân thường.
Hiếu trung giữ vẹn đời đường
Không còn hối hận, không vương lệ sầu.

July 03, 1995

Đạo tràng Tam Bảo Oakland

CUỘC DU HÀNH SANG LẠP TÁT (LHASA) CỦA TÂY TẠNG

Tác giả: Giuseppe Tucci

Phóng tác: HT Thích Trí Chơn

(tiếp theo)

CHƯƠNG 4 TỪ GYANTSE ĐI BRAHMAPUTRA

Từ hướng đông của thành phố Gyantse con đường dẫn đến thủ đô Lạp Tát (Lhasa). Dọc theo thung lũng Nyeruchu, con đường uốn quanh chạy vòng những cánh đồng xanh của gia đình Traring nằm sát cạnh các ngôi làng nhỏ với nhiều nông trại và những mái nhà trông giống những cụm mây trắng. Đây là nơi các chiến sĩ Tây Tạng đã chống trả quân đội Anh quốc tiến vào thủ đô Lạp Tát sau khi chiếm đóng Gyantse trong cuộc chiến năm 1904.

Quân đội Tây Tạng đã phải trả một giá rất đắt cho trận chiến này. Sau thất bại đó, người dân Tây Tạng một số đã bỏ nghề nông để xô đi kiếm việc làm hoặc đến lập nghiệp ở các thành phố khác mong tìm cuộc sống thoải mái hơn. Chúng tôi đi xuyên qua nhiều cánh đồng nằm giữa những ngọn núi đá khô cằn, người nông dân trải qua nhiều ngày liên tục cày bừa, bón tưới gieo trồng và gặt hái trong thời gian từ tháng năm đến tháng chín. Lúa mạch được gieo vào cuối tháng sáu nhưng trước đó người ta cày để trồng các loại đậu. Nông dân Tây Tạng thường trang sức những con Yaks (bò nhỏ lông dài) với những chùm lông chim màu đỏ rực rỡ và dùng chúng để kéo những chiếc

cày bán khai thô lỗ. Hằng ngày trước khi ra đồng làm ruộng, họ thường lễ bái cầu nguyện để xua đuổi những ảnh hưởng xấu của ma quỷ và ước mong sẽ được trúng các vụ mùa sắp tới.

Chúng tôi tiếp tục đi xuyên qua những vùng đất khô cằn đầy cát và đá. Chúng tôi nhìn thấy nhiều ngôi làng, chùa chiền và tu viện bị tàn phá. Chúng tôi đi vòng quanh làng Riboché, và gặp thấy hai tu viện nhỏ ở Ringan, và di tích của một ngọn tháp lớn có tên là “Tháp Ấn Độ” (the Indian Chorten). Xa hơn trên bờ sông phía trái trước mặt chúng tôi, hiện ra di tích của một tu viện lớn bao quanh với những dãy gồm 108 ngọn tháp và ngôi làng Piling hoàn toàn đổ nát. Cận đó là những đám ruộng của chùa Depung ở Lạp Tát (Lhasa). Chúng tôi đi ngang qua các tu viện nhỏ và hai ngôi làng xinh xắn Gyaridon và Gyatrak. Con đường dốc đứng với nhiều tảng đá gồ ghề trông hình giống những con cá sấu và từ trên chóp núi các khe suối nước trắng xóa chảy xuống ngoằn ngoèo như những con rắn đang bò.

Khách bộ hành cảm thấy cô đơn trống vắng và chúng tôi tiếp tục đi dưới ánh nắng mặt trời thiêu đốt dọc theo những bậc thành núi đá nóng bỏng cùng với những người bán hàng rong kéo lê bước chân mệt mỏi của họ trong

đám mây bụi đường dày đặc ngộp thở. Giữa cảnh yên tĩnh buồn ngủ, chúng tôi chỉ nghe âm thanh chát chúa của những cái chuông gắn trên yên mấy con ngựa, tiếng kinh cầu nguyện của vị Lạt Ma đi theo tôi và giọng hát của những người giúp việc trung thành.

Chúng tôi dừng lại ở Gobshi, một thôn nhỏ chỉ có vài mái nhà và một lũy thành đồ sộ. Nhưng chỗ này là một giao điểm rất quan trọng của bốn cửa ngõ, nơi tiếp giáp của bốn con đường sau đây: hướng đông đi Ralung được gọi là “con đường chánh pháp” vì nó dẫn đi xa hơn về thủ đô Lhasa (Lạp Tát); đường phía nam đi Nyinto hay “con đường gỗ” vì cây gỗ được chở đến từ hướng nam của vương quốc Bhutan; đường phía tây đi Gyatrak hay “con đường lúa mạch” vì lúa mạch được chính thức trồng ở những cánh đồng dẫn đến Gyantse; và con đường hướng bắc đi Dochag hay “con đường sắt”. Những thập niên trước đây, Gobshi là trụ sở của vị thống đốc quận. Nhưng sau này vì dân số giảm sút cho nên ngôi làng mất dần ảnh hưởng không còn chiếm vị thế quan trọng như xưa.

Đi khoảng một ngày từ hướng đông nam Gobshi, khi tới một đèo núi, tại đây có một ngôi chùa nhỏ được biết là cổ kính nhất trong vùng tên Nyinrodemogon. Chúng tôi thấy trong chùa còn lại một vài họa phẩm thuộc thế kỷ thứ 14. Ngoài ra, một danh lam khác đáng cho du khách viếng thăm là tu viện Kamodon thuộc phái Nyingmapa mũ đỏ của các vị Lạt Ma có gia đình. Ngôi chùa này do Lạt Ma Guruchovang ở Lhobrag xây dựng và lúc bấy giờ vị trú trì trông coi tu viện là con cháu của Lạt Ma nói trên. Chúng tôi không tìm thấy vật gì đáng giá trong chùa, ngoại trừ một ngọc xá lợi và một phiến đá khắc dấu chân của tôn sư Padmasambhava.

Trạm dừng chân kế tiếp của chúng tôi là Ralung ở độ cao 14.800 phít (feet). Một

thương nhân Tây Tạng khá giả đã mời tôi nghỉ đêm tại nhà ông ta nhưng tôi thích ngủ nơi lều của chúng tôi hơn. Nơi nhà đó có nuôi mấy đàn chó con và gà vịt nên tôi nghĩ rất khó mà ngủ yên giấc cho được. Hơn nữa trong sân lại chứa nhiều la, bò, ngựa, với âm thanh ồn ào phát ra từ những cái chuông nhỏ đeo nơi cổ chúng. Vài năm trước gia đình này nghèo xơ xác, chỉ có vài con cừu. Sau này mấy anh em làm ăn gặp thời khá giả. Trong lúc người anh bạn đi mua hàng, người em ở nhà trông nom gia đình, trâu bò và súc vật chở đồ. Hai anh em lấy chung một vợ và khắp Tây Tạng vẫn còn giữ phong tục một phụ nữ có thể lấy nhiều chồng.

Cách xa làng Ralung khoảng bốn dặm trên độ cao 15.000 phít (feet), chúng tôi thấy tu viện Ralung được xây ngay dưới chân rặng núi Norjingangzang. Ngọn núi nhìn lên lởm chởm toàn các giốc đá thẳng đứng bén nhọn trông giống những chiếc giáo có màu đen như huyền vũ nham (basalt) và trên đó phủ tuyết lấp lánh màu trắng xóa. Xung quanh tu viện là rừng cây cằn cỗi, chúng tôi nhìn thấy mấy con dê rừng và trên không bay lượn những đàn điều hâu.

Chư Tăng Ni sống ở tu viện tụng kinh lễ bái mỗi ngày và đều có gia đình sinh con đẻ cái. Các vị Lạt Ma theo giáo phái này không ngần ngại trong vấn đề lấy vợ. Ngay cả vị sáng lập môn phái trên là tôn sư Marpa cũng có gia đình và ngài vẫn được mọi người kính trọng như là một trong những bậc thiền sư vĩ đại của Á châu. Tu viện Ralung là nơi danh tiếng nhất trong vùng và được xem như một trung tâm trọng yếu của phái Kagyupa. Một trong những đại sư của môn phái này là ngài Pemakarpo, một luận thuyết gia đã từng sống ở tu viện và viết nhiều sách về giáo lý Mật Tông. Xung quanh tu viện có nhiều cơ sở: ngôi chùa vĩ đại Tsuglakang nằm ở giữa với cổng vào lớn rộng được chống đỡ bởi các trụ cột

trông hình giống ngọn tháp và theo truyền thuyết người ta tin rằng những trụ đá này đã từ vương quốc Bhutan bay đến.

Trên vách tường chùa, chúng tôi thấy vẽ những bức họa các vị hộ pháp tứ thiên vương bốn hướng và đời sống của các vị đại sư danh tiếng. Bên trong còn có những điện thờ và cái đầu tiên bên trái chúng tôi thấy thờ pho tượng Tsepame (Phật A Di Đà) rất lớn. Phật tử Tây Tạng kính thờ đủ loại thần linh, Bồ Tát và chư Phật. Hình ảnh các ngài giúp cho hành giả khi nhìn vào trong lúc quán tưởng dễ dàng khống chế những ác tính và phát triển các điều lành nơi tâm mình. Những pho tượng Phật, Bồ Tát thiêng liêng này, các nhà nghệ thuật Tây Tạng có thể vẽ, khắc chạm hay làm bằng nhiều vật liệu như vải, gỗ, đá và kim khí v.v... Đôi khi người Tây Tạng cũng có thể làm các tượng ấy bằng một thứ vật chất dễ hư hoại như các loại bột (gạo, bắp, lúa mạch) nhồi trộn lẫn với bơ.

Thông thường con người khi tạo nên một hình ảnh huyền bí nào có khả năng điều khiển thế giới vũ trụ mà họ có thể thấu hiểu và thông cảm được, họ mong các pho tượng khi làm ra sẽ mãi mãi tồn tại vì bức tượng nói lên sự hiện diện của vị Phật, Bồ Tát hay thần linh ấy. Do đó khi dùng loại vật liệu chóng hư hoại để tạo nên các pho tượng, con người đã làm tổn thương đến niềm tin nơi mình là mong cầu được sự che chở phù hộ lâu dài của các đấng siêu nhân thể hiện qua các pho tượng ấy. Nhưng người dân Tây Tạng lại hoàn toàn nghĩ khác. Họ quan niệm rằng bức tượng không luôn luôn nói lên sự có mặt của thần linh mà các pho tượng dù là vẽ hay chạm khắc chỉ là những vật thể vô tri, không có sự sống, trừ khi chư Tăng làm lễ chú nguyện cho các thần linh hiện về nhập vào để biến các pho tượng ấy trở thành những đấng siêu nhân có quyền năng ban phước giáng họa cho mọi người lễ bái.

(còn tiếp)

thơ PHÙ DU

Giọng cười bát ngát

Em cười
lúa đổ ngoài sân
Chục con chim sẻ có phần trưa nay
Chén cơm duyên nợ đọng đầy
Cá kho lại thiếu ớt cay nữa rồi

Em cười
lúa ướt đem phơi
Nắng chưa đủ ráo thì tôi quạt hầu
Quạt em một trước hai sau
Đình ninh nghĩa đậm tình sâu giữ gìn

Em cười
lúa chín để riêng
Lúa non làm cốm mai chuyên vô kho
Mà tôi cứ mãi làm thơ
Lúa từ đất mọc để cho chim trời

Em cười
ánh mắt sinh đôi
Hồn tôi bát ngát muốn rời khỏi quê
Rời mai
lúa hết tôi về
Cánh đồng tình nọ có lìa theo không?
Em cười bát ngát cõi lòng
Nồi cơm hương lửa tôi bỗng đi theo.

Chợ đời

Phồn hoa nẻo chợ mơ màng
Quanh co âm sắc đưa tang hình hài
Từng giây phút của phút giây
Tràn lan ngũ uẩn lung lay bóng tà.

QUAN NIỆM SỬ HỌC VÀ TRIẾT HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư Pháp Phảng**

Người dịch: **Thích Thắng Hoan**

(tiếp theo)

II. KHOA HỌC VÀ PHẬT HỌC:

B. SỰ PHÂN TÍCH CỦA KHOA HỌC VÀ SỰ PHÂN BIỆT CỦA PHẬT HỌC:

Sự phân tích là phương pháp giảng giải có mạch lạc, có lớp lang mà Khoa Học gọi là Phương Pháp Diễn Dịch. Người học Khoa Học đều biết đạo lý của Khoa Học rất coi trọng sự phân tích. Nguyên tắc căn bản của Khoa Học như trước đã trình bày một lô nào là Số, Lượng, Phân Loại, Đo Đạc v.v... và những nguyên tắc này cũng là bản chất của Khoa Học. Hoặc nói cách khác, phương pháp của Khoa Học chính là phân tích về mục tiêu tác dụng giữa cá thể và cộng đồng trong các bộ môn. Các nhà Khoa Học không luận nghiên cứu một sự thể nào, hoặc phân tích và khảo nghiệm một thứ vật thể nào, cũng như trắc nghiệm và đo đạc một loại địa hình hay vật thể nào, điều cốt yếu là phải y cứ một cách xác thực nơi bản thân của những sự thể hay những vật thể đó, đồng thời sử dụng một thứ công thức và dụng cụ để phân tích những sự thể hay những vật thể nói trên. Các nhà Khoa Học mỗi khi phân tích những sự thể hay những vật thể đều thường sử dụng nhiều phương cách, có khi dùng phương pháp số học để phân tích hay để đo đạc, có khi dùng phương pháp phân loại hay trắc nghiệm hoặc

dùng phương pháp ghi chép để lưu lại và sau đó, họ mới cân nhắc, rồi đi đến kết luận là tìm ra được hiện tượng chân thật của sự thể hay của vật thể mà họ phân tích. Từ đó, họ gạt hái được khái niệm một thứ kết quả mà thường gọi là Tri Thức Khoa Học.

Bên Pháp Tướng Duy Thức Học cũng rất quý trọng sự phân tích. Phương pháp phân tích để nghiên cứu của Pháp Tướng Duy Thức Học cũng giống như phương pháp phân tích của Khoa Học.

Thí dụ như, Sắc Pháp của Duy Thức Học, Anh văn dịch là Form, thì thuộc về vật chất. Đối với Sắc Pháp, Duy Thức Học xưa nay đều chỉ có một thứ định nghĩa: Sắc là nghĩa đối đãi và ngăn ngại. Phạm những gì có đối đãi và ngăn ngại đều được gọi là Sắc (Vật chất). Vì thế, Duy Thức Học xưa kia phân chia Sắc thành hai loại: một là Hữu Đối Sắc (Sắc có đối đãi) và hai là Vô Đối Sắc (Sắc không đối đãi).

Hữu Đối Sắc cũng phân làm hai loại: một là Ngũ Căn Sắc (Sắc thuộc hệ thống năm Căn) và hai là Ngũ Trần Sắc (Sắc thuộc hệ thống năm Trần).

Vô Đối Sắc được phân làm năm loại: một là Cự Vi Sắc (Sắc rất nhỏ vi trần), hai là Cự Hánh Sắc (Sắc rất xa không thể thấy), ba là Định Sở Sanh Sắc (Sắc do thiền định sanh ra),

bốn là Thọ Sở Dẫn Sắc (Sắc do thọ giới sanh ra) và năm là Biến Kế Sở Chấp Sắc (Sắc do Ý Thức phân biệt vọng chấp sanh ra). Nay xin liệt kê đồ biểu dưới đây (Chú thích 4) để chứng minh:

SẮC PHÁP (VẬT CHẤT): có hai loại:

- 1) Hữu Đối Sắc (Sắc có đối đãi),
- 2) Vô Đối Sắc (Sắc không có đối đãi).

1. HỮU ĐỐI SẮC: có hai loại:

a) **Ngũ Căn Sắc** (Sắc thuộc hệ thống năm Căn),

b) **Ngũ Trần Sắc** (Sắc thuộc hệ thống năm Trần).

A. NGŨ CĂN SẮC: có hai loại:

1. **Tịnh Sắc Căn:** (Giác quan tinh tế nhạy bén) là hệ thống thần kinh của năm Giác Quan (Cơ Năng) thuộc Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi và Thân Thể.

2. **Phù Trần Căn:** (Giác quan hiện bày) là khí quan của năm Giác Quan.

B. NGŨ TRẦN SẮC: có năm loại:

1. **Sắc Cảnh:** gồm có 20 thứ.
2. **Thinh Cảnh:** gồm có 8 thứ.
3. **Hương Cảnh:** gồm có 4 thứ.
4. **Vị Cảnh:** gồm có 6 thứ.
5. **Xúc Cảnh:** gồm có 11 thứ.

2. **VÔ ĐỐI SẮC:** có năm loại:

a) **Cực Vi Sắc:** là Nguyên Tử, Phân Tử, Điện Tử và Lượng Tử, nghĩa là loại Cực Vi Sắc này không thể nhìn thấy bằng con mắt thịt.

b) **Cực Hánh Sắc:** là sắc rất xa không thể dễ thấy.

c) **Định Sở Sanh Sắc:** cũng gọi là Định Quả Sắc, nghĩa là cảnh giới do Thiền Định sanh ra.

d) **Thọ Sở Dẫn Sắc:** cũng gọi là Vô Biểu Sắc, nghĩa là Giới Thể do thọ giới được kết thành.

e) **Biến Kế Chấp Sắc:** là loại sắc do Ý Thức điên đảo phân biệt vọng chấp sanh ra.

Sắc Cảnh, một trong năm Trần của Ngũ

Trần vừa liệt kê nếu như tiếp tục đem phân tích thêm nữa liền trở thành **Cực Vi** rất nhỏ và đem một phần của **Cực Vi** rất nhỏ này lại tiếp tục phân tích thêm nữa v.v... liền trở thành trạng thái hoàn toàn **Không**. Phương pháp phân tích nêu trên Phật Học gọi là Chiết Không Quán.

Xem xong đồ biểu này, chúng ta khả dĩ có thể biết phương pháp phân tích của Duy Thức Học đối với Pháp Tướng (Sự vật) thật là tinh tế, trình bày hệ thống rất là mạch lạc, phân loại cá biệt cùng số lượng rất là phân minh và thông suốt. Phương pháp phân tích của Duy Thức Học nói trên, bất cứ nhà Khoa Học nào đều không thể không khâm phục và cũng không thể cho là không hợp với Khoa Học. Đối với Duy Thức Học, phương pháp phân tích rất là trọng yếu và phàm người nào nghiên cứu Duy Thức Học không thể không chú ý. Chúng ta đối với sự giải thích mỗi một pháp đều phải có thời gian khảo sát. Thời gian khảo sát để giải thích mỗi một pháp được gọi chung là “Các Môn Phân Biệt” từng khoa. “Các Môn Phân Biệt” ở đây có nghĩa là chỉ cho phương pháp phân tích của Khoa Học. Những phương pháp phân tích này, nơi luận Câu Xá thì rất tinh vi và thâm mật. Nếu so sánh với Khoa Học, phương pháp phân tích của luận Câu Xá thì hoàn toàn tinh tế và thâm sâu hơn. Vì lý do đó, nhà Bác Học Hồ Thích khiến phải đọc lại và tận dụng cân não tối đa mới giác ngộ được. Người ta cho rằng Pháp Tướng Duy Thức Học của Phật Giáo là “một bộ phận triết học phiên tảo. Tôi tưởng Hồ Tiên Sinh là một nhà Triết Học hơn là một nhà Khoa Học.

C. KINH NGHIỆM VỚI TÁNH CẢNH VÀ HIỆN CẢNH:

Khoa Học thì có Khoa Học Xã Hội và Khoa Học Tự Nhiên. Sự nghiên cứu của Khoa Học Tự Nhiên có hai cách: một là đặc biệt

chú trọng đối tượng của hiện thật và hai là phương pháp của kinh nghiệm. Nhờ đó, Khoa Học Tự Nhiên mới có thể đạt đến Tri Thức Chân Thật của Khoa Học. Loại đối tượng của hiện thật nơi Khoa Học Tự Nhiên chính là Tánh Cảnh (Cảnh giới của hiện thật) trong ba cảnh giới của Duy Thức. Các loại đối tượng của Khoa Học nghiên cứu đều là vật thể thật tại có tánh hiện thật và những vật thể thật tại này mắt chúng ta thấy được, tai chúng ta nghe được, mũi chúng ta ngửi được, lưỡi chúng ta nếm được và tay chúng ta sờ mó được. Những vật thể thật tại đó đã được Duy Thức Học nói qua. Chữ Tánh nơi Tánh Cảnh của năm Thức quán sát tức là Ý Tưởng của thực tại. Tri Thức của phương pháp Khoa Học đạt đến gọi là Tiêu Chuẩn của chân thật, cũng giống như Tri Thức của Duy Thức Học đạt đến gọi là “Lượng”. Chữ “Lượng” của Duy Thức Học cùng nghĩa với Tiêu Chuẩn của chân thật nơi Khoa Học. Hiện Lượng Trí trong ba Lượng Trí chính là Tri Thức của hiện thật. Chữ Lượng tức là Tri Thức và Tri Thức của hiện thật gọi là Hiện Lượng Trí. Hiện Lượng Trí quyết định không phải là huyền tưởng, không phải là phỏng đoán và lại cũng không phải là tưởng tượng. Ngoài ra thái độ của nhà Khoa Học đều chú trọng đến Giả Thiết. Nguyên vì đối với chân tướng của một sự vật nào đó không có chân trí của hiện thật, không có thời gian khảo sát một cách minh bạch, nhà Khoa Học không dám đoán mò (Nhà Khoa Học rất sợ võ đoán) và cũng không quyết định thiết lập luận cứ bừa bãi. Lý do họ không dám tự tin, cho nên đối với những cảnh nói trên họ không thể quyết định xác thực và thường dùng thái độ của Giả Thiết để tiến tới từng bước một trong sự nghiên cứu và khảo nghiệm. Hoặc giả có người dùng phương pháp này đi suy cứu vấn đề khác. Thái độ của Giả Thiết cũng rất thích hợp với Tỷ Lượng Trí của Duy Thức Học. Tỷ Lượng Trí là nghĩa của suy cứu và tỷ

giảo, tức là Nhân Minh Học.

D. LA TẬP (LUẬN LÝ) VÀ NHÂN MINH HỌC:

La Tập chính là Luận Lý Học trong Khoa Học. Có người nói, thứ sự vật nào đó hoặc thứ lý luận nào đó nếu như hợp với La Tập (Luận Lý) đều được tính là chân thật, là chính xác. Ngược lại thứ sự vật đó, thứ lý luận đó nếu như không hợp với La Tập (Luận Lý) thì không thể cho là chân thật và cũng không thể cho là chính xác. La Tập (Luận Lý) xưa nay là thảo luận Mệnh Đề, một thứ Mệnh Đề chỉ có hai loại Khái Niệm. Hai loại Khái Niệm đây rất quan hệ với nhau để thành hình Mệnh Đề. Nhân Minh gọi Mệnh Đề là “Lập Tông”. Sở dĩ có người nói, La Tập (Luận Lý) chỉ bảo đảm sự quan hệ nơi hình thức. Phương pháp suy lý của La Tập (Luận Lý) áp dụng chính là phương pháp Tam Đoạn Luận và cũng chính là Tỷ Lượng trong ba Chi của Nhân Minh. Hơn nữa có người nói, La Tập (Luận Lý) không thể cho là một thứ Khoa Học độc lập và nó chỉ là một thứ phương pháp của Khoa Học. Nhân Minh Học trong Phật Học tựu trung cũng giống như La Tập (Luận Lý) của Khoa Học. Nhân Minh Học ở Ấn Độ rất phát đạt, không chỉ có giá trị cho riêng Phật Giáo mà còn hữu dụng đến các học phái khác. Duy Thức Học của Phật Giáo tất cả đều thành lập theo hình thức Nhân Minh. Thành Duy Thức Luận và các kinh luận khác của Duy Thức Tông hoàn toàn áp dụng phương thức Nhân Minh để xây dựng. Cho nên, phàm người nào nghiên cứu Duy Thức, tất nhiên trước hết phải nghiên cứu Nhân Minh Học. Nhân là Nhân Minh tức là công cụ rất cần thiết không thể thiếu trong sự nghiên cứu Duy Thức. Người đọc Thành Duy Thức Luận v.v... nếu như không thông suốt phương thức Nhân Minh thì mặc dù có tinh thông đi chăng nữa cũng không thể giải thích rõ ràng nghĩa thâm

sâu của nó. Thành Duy Thức Luận là một bộ sách thuộc Học Phái Trung Quán, cũng giống như Chưởng Trân Luận của Ngài Thanh Biện v.v... tất cả đều sử dụng phương thức Nhân Minh Luận.

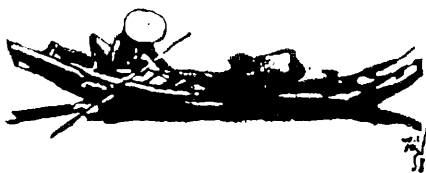
Tại Ấn Độ, Học Phái Đại Thừa Không Hữu thành hành một thời, họ thường tập trung học giả tại một Học Đường để cùng nhau tranh luận. Phương thức tranh luận của họ đều áp dụng phương thức Nhân Minh Luận. Thứ phương pháp này, ngày nay trong các tự viện của Mông Cổ và Tây Tạng vẫn còn tiếp tục tiến hành. Do đó, chúng ta biết được đạo lý của Phật Học, đặc biệt Duy Thức Học là học thuyết rất thích hợp với La Tập (Luận Lý).

CHÚ GIẢI:

CHÚ THÍCH 4: trong *Pháp Tướng Duy Thức Học*.

(Còn tiếp)

Ai mang chất liệu phi đồ
Mặc ai thủ cướp hồ đồ với ta
Xưa nay ta vẫn la đà
Nhờn như trêu ghẹo gọi là với nhau
Dập dìm kẻ trước người sau
Ta người là một nhập vào hư không
Ba cậu chẵn trâu ngoài đồng
Kết duyên kết quả vào lòng đất tâm.



thơ TÂM VĂN

Cảm Niệm Vu Lan

Hôm nay trời mưa ngẫu
Cảm nghe nước khóc sâu
Bỏ thân bao kiếp hóa
Tô đậm xuống rừng sâu.
Hỏi nguồn còn đón nhận
Luân chuyển qua ruộng dâu
Thoáng tó bao nét đậm
Gợn sóng hồi về đâu!!

Ba Thì

Ba thì chẵn trâu ngoài đường
Hai thì XUA ĐUỐI, một thì không
Thì NHẤT xua lợi vào lòng
Ngũ dục chất chứa lại mong thật nhiều
Thì NHÌ đuổi đầy bao nhiêu
Cảnh giác đủ thứ lấm điều gian truân
Thì BA tự tại dưng dưng
Xua đuổi tùy họ ta ngừng chẵn trâu
Thênh thang yên trí nguyện cầu
"Hình đồng tâm dị" đối lừa trần gian
Cung kính dành lễ địa đàn
Ung dung nhẫn nại mây ngàn. cứ trôi
Trâu đi thong thả lên đồi
Trâu về ự tại như hồi trâu đi
Đi về ảo thuật vô nghi
Tùy nơi tùy lúc tùy kỳ cảnh tâm
Tùy duyên đi lại không lấm
Khỏi mất phẩm chất núi đấm lửa mây
Thử nhìn nhấm lại đêm ngày
Bồng dưng phát hiện nó rày ở mô



Cửa Thiên Cửa Tịnh

Huỳnh Trung Chánh

Truyện ngắn này phát xuất từ lòng chân thành ngưỡng mộ tổ Đạo Chân và Đạo Tâm, hai nhà sư Việt Nam, thế kỷ thứ XVII, đã ngộ đạo và để lại toàn thân xá lợi vẫn còn nguyên vẹn tại chùa Thành Đạo, tỉnh Hà Tây, Bắc Phần. Hai vị tổ đã âm thầm tu tập theo truyền thống hài hòa và bình dị của dân tộc Việt, một lối tu không cần phải lập tông hay tranh luận hơn thua về tông phái, nói khác, tu không cần phân biệt thiên, tịnh, giáo, mật (hoặc cũng có thể nói tổ đã vừa tu thiên, vừa tịnh, vừa giáo, vừa mật), và đó là đặc điểm mà tác giả trân quý và thành tâm tán thán.



Chùa Thành Đạo

Phật giáo bắt đầu du nhập vào đất Giao Châu bằng đường biển vào khoảng thế kỷ thứ hai, thứ ba trước Tây lịch, do những tu sĩ người Tây Trúc như Ma Ha Kỳ Vực, Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, theo chân các đoàn thương thuyền đến hoàng dương đạo pháp... Trong thời kỳ phôi thai thiếu sử liệu này, giáo lý đạo Bụt (1) truyền tụng trong dân gian bị trộn lẫn bởi huyền thoại về pháp thuật kỳ bí, về những đạo sĩ dị dạng, có tài kêu mưa, gọi gió hay đi trên nước, trên lửa, trên mây, cùng với những trận đấu phép kinh rợn, trấn yểm bùa chú linh thiêng, chất chứa đầy dẫy hận thù ân oán... Mẫu chuyện phổ biến nhất tạo ảnh hưởng sâu rộng từ thế hệ này sang thế hệ khác, để biến thành một nền tín ngưỡng dân gian mang tính chất cầu đảo mong mưa thuận gió hòa, là tín ngưỡng thờ tứ pháp (2) tại miền

Bắc. Tương truyền thì đồng thời với thiền sư Ma Ha Kỳ Vực, có người bà la môn tên Khâu Đà La (Ksudra), chuyên tu khổ hạnh, hành lối thiên độc cước (đứng một chân), đã đạt được nhiều phép thần thông biến hóa. Khâu Đà La chỉ thích ẩn thân chốn hoang vắng, nhưng thuận theo cơ trời, đã đến thành Luy Lâu, đất Giao Châu lưu lại vài năm để dốc lòng truyền dạy đạo mầu cho người đệ tử gái duy nhất, tuổi mới mười hai, tên Man Nương. Đệ tử vừa thành tài, thì Khâu Đà La bèn ban cho nàng một cây gậy làm tín vật, rồi tiếp tục vân du. Không bao lâu, đất Giao Châu bị hạn hán trầm trọng, Man Nương với cây gậy mầu nhiệm cứu nhân độ thế, đi đến đâu chỉ cần phóng gậy ra, là có giòng nước tuôn trào như suối tươi ngập ruộng đồng, danh tiếng nổi vang lừng, khiến vị thái thú đương thời là Sĩ Nhiếp cũng sùng mộ. Thời gian sau, có một trận giông bão to lớn, nước lũ từ nguồn ồ ạt đổ về mang theo một cây dâu vĩ đại trôi đến thành Luy Lâu thì dừng lại dù không vướng mắc vật gì. Thái thú Sĩ Nhiếp truyền lệnh cho dân quân hàng ba trăm người, vận dụng đủ mọi phương tiện để kéo cây lên bờ vẫn không hiệu quả. Được thái thú triệu thỉnh, Man Nương giờ gậy ra ngoắc thì cây tấp vào, nàng bèn dùng giải yểm cột thân cây lồi lên bờ, nhẹ như một tàu lá. Man Nương cho biết đây là một cây linh thiêng, cần tạc tượng để thờ hầu được mưa thuận gió hòa. Sĩ Nhiếp tuân lời, hạ lệnh cho thợ xẻ cây làm tượng. Khi xẻ khúc đầu thì trời nổi mây, khúc thứ hai thì mưa rơi, khúc ba và bốn thì sấm chớp vang lừng. Theo đó, các tượng được tôn xưng là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện, gọi chung là tượng tứ pháp. Tượng Pháp Vân thờ tại chùa Diên Ứng tức chùa Dâu, Pháp Vũ thờ tại chùa Thành Đạo tức chùa Đậu, Pháp Lôi chùa Phi Tướng và Pháp Điện tại chùa Trí Quả. Sắp xếp xong mọi việc thì Man Nương cũng thác hóa về trời. Sĩ Nhiếp tôn xưng nàng

là Man Nương tiên vương và hạ lệnh tạc tượng thờ tại chùa Phúc Nghiêm, làng Mãn Xá. Kể từ đó, Man Nương và tượng tứ pháp biến thành nền tín ngưỡng dân gian khiến vua quan các triều đại cũng thuận theo niềm tin này để tổ chức các lễ đảo vũ long trọng, cầu xin mưa thuận gió hòa. Phật giáo vốn không liên hệ gì đến tín ngưỡng cầu đảo, nhưng Man Nương và tứ pháp từ ngàn xưa đã nương nơi cửa Phật, nên các chùa liên hệ, hằng năm cũng phải chiêu theo tín ngưỡng mang đầy tính chất đồng bóng, cúng vái thần thánh để xin xỏ lợi lộc của dân gian mà yểm trợ việc cầu đảo. Hằng năm, vào ngày mùng tám tháng tư, nhân dân khắp miền đồng bằng sông Hồng Hà, nhất là các làng xã trực thuộc tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên... đua nhau tưng bừng tề tựu về những ngôi chùa liên hệ, nhưng không phải để mừng lễ Phật đản, mà chỉ nhằm mục đích mở hội đảo vũ long trọng. Nghi lễ thường kéo dài từ ba đến bảy ngày, trong khung cảnh vừa trang nghiêm, vừa ồn ào náo nhiệt.

Sau mấy tuần bị tràn ngập bởi làn sóng người nô nức đến chùa lễ bái cầu đảo tượng thần Pháp Vũ, chùa Thành Đạo (3), tức chùa Đậu, mới được trả lại nếp sống thanh thản vắng lặng thường nhật. Đệ tử chùa Đậu đã được sư cụ Đạo Chân (4), một bậc tam tạng pháp sư lâu thông kinh điển, rèn luyện theo đúng chánh pháp chơn truyền, nên có lẽ không mấy cảm tình với truyền thống yểm trợ cầu đảo xa xưa. Họ cho rằng dễ dãi với hủ tục là vô tình trở thành đồng lõa cho lối tín ngưỡng đồng bóng mê tín, gây thương tổn đến bầu không khí thanh tịnh của chốn tôn nghiêm. Do đó, chư đệ tử đồng lên tiếng thỉnh cầu sư phụ công khai bày tỏ thái độ minh bạch về việc thờ tứ pháp, và khẳng định chấm dứt yểm trợ hội hè lễ lạc cầu đảo trong khuôn viên chùa Đậu sau này. Sư cụ Đạo Chân trầm ngâm nghe những lời than phiền của đám đệ tử, sư gạt gù ra vẻ tán đồng nhưng cuối cùng

cũng như bao vấn đề nan giải khác, vị sư già “ba phải” không có lập trường nào dứt khoát cả. Sư cụ áp a áp ứng trình bày loanh quanh dông dài... mà tựu trung theo cụ thì yểm trợ hay chống yểm trợ cầu đảo đều đúng, phương cách nào cũng có điểm lợi và điểm hại, tóm lại càng bàn cãi càng chẳng giải quyết được điều gì cả. Thế rồi, sư cụ đột ngột ngỏ ý giao chùa cho hai đệ tử lớn là Tri Thiên và Tri Tịnh chăm sóc, hầu nhập thất ba tháng mười ngày để “tịnh tâm tụng kinh niệm Phật”.

Tuy chỉ tạm thời đảm nhiệm trách vụ trụ trì, sư Tri Thiên liền sửa đổi thời công phu như một thiền viện, khiến cho sư đệ Tri Tịnh tức bực ra mặt. Đúng y như pháp danh đã phản ảnh, Tri Thiên tha thiết đặc biệt với pháp môn thiền định; sư lý luận rằng lối hành trì nhập thất của thầy là phương thức tu tập thiền tông, hướng chi, chùa Đậu vốn có liên hệ đến vị sư thiền độc cước Khâu Đà La, nên đã thuộc hệ thống thiền tông lâu đời, do đó, việc sửa đổi môn qui theo thiền viện là một điều hợp lý. Vả chăng, theo sư thì thiền là lối hành trì duy nhất để ngộ nhập đạo mầu. Đức Phật đã thiền bốn mươi chín ngày dưới cội Bồ Đề để thành chánh quả, thì tại sao những người con Phật lại không noi gương đáng tôn sư để hành thiền đạt đạo. Vả chăng, đạo Phật vốn chủ trương tự lực, mỗi người phải tự đốt đuốc mà đi, phải đại hùng đại lực tự tu tự chứng, “tu nhưt kiếp ngộ nhưt thời” một phút minh tâm kiến tánh thì sánh bằng Phật bằng Tổ, chớ còn lẩn mò trông cậy vào tha lực thì chừng nào mới thấy được đạo; niệm Phật để mong cầu vãng sinh tịnh độ chỉ là một lối tu hèn yếu, dành cho những người có trình độ thấp kém mà thôi. Sư đệ Tri Tịnh tranh cãi rằng thầy nhập thất để niệm Phật, chớ không phải để thiền định. Chính thầy thường nhắc nhở rằng trong thời mạt pháp này chúng sanh nghiệp nặng tu pháp môn khác khó thành đạt, chỉ có pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh Tây phương Cực lạc

là pháp môn thù thắng, dễ tu dễ đắc... Chính vì vậy, nên đức bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, chư Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Đại Thế Chí..., chư Tổ sư Mã Minh, Long Thọ... và ngay các vị thiền sư như Vĩnh Minh, Triệt Ngộ, Liên Trì... cũng đều long trọng tán dương pháp môn Tịnh độ và khuyên nhủ mọi người nên phát nguyện vãng sanh về Tây phương Cực lạc. Hai huynh đệ tranh cãi ngày này qua ngày khác, khô cả họng mà không ai chịu thua ai. Cuối cùng, cả hai đành phải chờ đợi đúng một trăm ngày, khi cửa tịnh thất của vị thầy già vừa mở để nhao nhao xin thầy phân giải.

— Thưa thầy, thầy nhập thất thiền định để giải quyết công án nào vậy? Chùa của mình là chùa thiền tông phải không thầy?, vị sư huynh lên tiếng.

Sự đệ cũng hậm hực:

— Thầy nhập thất để tụng kinh niệm Phật chớ đâu phải để thiền định phải không thầy? Chùa mình chủ trương Tịnh độ tông đã nhiều đời rồi phải không thầy?

Vị thầy già lặng yên một lúc lâu, rồi lẩm bẩm:

— Ủa! Ta nào có nghe Đức Phật phân biệt Thiền tông, Tịnh độ tông gì đâu? Ta nhập thất là để tịnh tâm, tùy duyên mà tụng kinh, niệm Phật, hay tọa thiền... vậy thôi! chớ nào có phân biệt, suy nghĩ đến tông môn này nọ mà chi?

Bao ngày tranh cãi và chờ đợi thầy quyết định hơn thua, mà thầy lại ăm ớ trả lời không đâu ra đâu cả, hai vị đệ tử ăm ức ra mặt. Tuy nhiên, vốn biết tánh thầy ba phải, không giải quyết được chuyện gì, nên họ chán nản rút lui không ai thốt lên lời nào nữa. Thế rồi, hai người đệ tử, kể trước người sau, trong vòng một tuần lễ đã quyết định từ già sư phụ để lên đường tự do chọn lựa con đường tu tập theo đúng ý hướng của họ.

Tri Thiền

Thiết tha với pháp môn tu thiền, sư Tri Thiền khổ công vân du khắp các đại tông lâm, tầm cầu chư đạo đức cao tăng để mong thỉnh giáo tham thiền. Điểm khiến sư thất vọng nãy nề là sau thời kỳ hưng thịnh Lý Trần, dường như Thiền tông đã bắt đầu vắng bóng trên đất Việt. Sư ước mơ được chánh thức truyền thừa từ những giòng thiền Việt thuộc các phái Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Trúc Lâm... nhưng không tìm manh mối chánh thức của những hệ phái thiền này, ngay những tự viện mà chư tổ sư Thiền đã một thời hưng long đạo pháp, ngày nay sinh khí cũng đã mai một. Sư lại tìm đến những giòng phái thiền mới du nhập vào đất nước sau này, tham kiến những vị trụ trì tự xưng là “Lâm Tế chánh tông”, “Tào Động chánh tông”, để chỉ ngao ngán nhận thấy ngoài việc phô trương giòng phái, quý thầy chỉ biết chăm lo nhu cầu tín ngưỡng bình dân: phúng tụng lễ bái, cầu an cầu siêu... thậm chí có nơi còn cổ xúy cho xăm quẻ, sao hạn, bói toán, đốt giấy tiền vàng bạc... nữa. Đau lòng trước tình trạng Phật giáo suy đồi, sư tha thiết phát nguyện trọn đời dấn thân cho công cuộc chấn hưng Phật pháp, nhất là Thiền tông. Vì vậy, sư chủ trương đem đạo Phật đi vào cuộc đời, hướng dẫn Phật pháp cho Phật tử tu tâm dưỡng tánh ngay trong nếp sinh hoạt thường nhật để nhận chân được suối nguồn an lạc của đạo pháp trong đời sống nhiệm mầu hiện tại, và dĩ nhiên, sư cũng cực lực đả phá những tập tục mê tín dị đoan len lỏi vào cửa Phật. Chủ trương của sư vô tình làm tổn thương đến uy tín và tài lộc của quý thầy theo khuynh hướng tín ngưỡng bình dân, nặng phần lễ bái cúng kiến khẩn cầu thần linh. Do đó, nương náu tự viện nào, sư cũng bị viên trụ trì tìm cách mời đi nơi khác, thậm chí, có kẻ còn tàn nhẫn trục xuất sư như xua đuổi thứ “tà ma quỷ quái”. Sau mười lăm năm cô đơn lạc lõng, bốn ba khắp nơi, lao tâm tổn khí

hoàng pháp, sư chẳng gặt hái được thành quả nào đáng kể. Sư không nơi nương náu, đệ tử xuất gia không có, đệ tử tại gia thì lèo tèo lặt lẽo, không có phương cách nào phát triển nổi. Trong tình thế tuyệt vọng đó, sư lại lâm bệnh lao phổi trầm trọng, không đủ tiền thuốc thang, phải thui thủi tạm trú tại một căn chòi lá ọp ẹp của người đệ tử nghèo, tọa lạc ở xóm rẫy thưa thớt dân cư, vùng Tây Bắc, ngoại thành Thăng Long, cạnh trang viên của cụ nghệ Phan Kế, nguyên Hàn Lâm đại học sĩ đương triều, vừa cáo quan về mở trường dạy học. Môn sinh họ Phan, có người lân la tìm nơi ở trọ, vô tình khám phá được một vị tu sĩ tài năng xuất chúng, thông suốt cả Nho lẫn Phật, rồi thông báo cho bè bạn cùng đến tham kiến sư. Thiên tông hợp với căn cơ giới trí thức, nên từ đám học trò họ Phan, giới Nho gia bắt đầu đua nhau thân cận sư tầm cầu Phật Pháp. Giới danh gia vọng tộc chốn đế đô, trong đó có công nương Trịnh Ngọc Hương, cháu của Chúa Trịnh, cũng hướng về sư mà quy ngưỡng. Công nương đích thân chu đáo lo cơm nước và thuốc thang cho sư, nên sức khỏe của sư lần lần hồi phục. Công nương lại dâng cúng cả sản nghiệp để biến căn chòi lá thành một cơ sở thiền viện quy mô, đồng thời cũng tận tụy yểm trợ cho việc xây dựng và phát triển phái thiền đối mới do sư khai sáng. Vết thương đau từ thời bị giới tu sĩ bạc đãi khó xóa nhòa, nên sư không muốn liên hệ đến sinh hoạt chùa chiền gần xa và cũng lơ là với việc đào luyện tăng tài. Do đó, Thiên phái canh tân của sư đặt trọng tâm vào giới cư sĩ, hướng dẫn cư sĩ thực tập thiền “*giữ vững chánh niệm từng nhịp thở*” trong mọi động tác thường nhật ở ngay gia đình và ngoài xã hội, hầu nếm được suối nguồn an lạc “*bây giờ và ở đây*”. Đường lối thiền thực tiễn này là một phương thuốc kỳ diệu giúp cho những kẻ đang bị xã hội quay cuồng, thần kinh căng thẳng, tìm được chút thư giãn nhẹ nhàng, nó cũng

tạo cho những gia đình lâm cảnh bất hòa biết thương yêu chăm sóc nhau mà đón nhận chân hạnh phúc. Thời gian đầu, trong tinh thần thiền đốn ngộ “*bất lập văn tự giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật*”, sư chủ trương phá tướng tức vật bỏ kinh sách và những hình thức lễ bái rườm rà... hầu sư có thể chỉ thẳng vào thể tánh cho hành giả thực tập tọa thiền chứng nhập đạo. Giáo chỉ của sư tạo niềm hứng khởi vô song cho hàng Phật tử, nơi nơi đua nhau tọa thiền tu tập, cao trào phát triển thiền phái xuất phát từ xứ đàng ngoài lan rộng nhanh chóng đến xứ đàng trong.

Thế nhưng, chỉ vài năm sau thì công việc phát triển bắt đầu đình trệ, môn sinh đông đảo tổ chức sinh hoạt khó khăn, rồi nội bộ đột ngột có mầm mống phân hóa. Một số đệ tử tại gia của sư bất mãn rời thiền viện, có người than phiền rằng đường lối tu hành chán không tiến bộ, có kẻ trách thầy bất công, lại có kẻ bôi bấn đạo đức thầy, qua lời dị nghị về những liên hệ mật thiết của thầy với công nương họ Trịnh. Đường lối tu tập của sư đã là đề tài cho bao kẻ hẹp hòi xuyên tạc chỉ trích, nhưng lúc nào tâm sư cũng an nhiên bất động. Tuy nhiên, những lời tố cáo phát xuất tự trong môn phái, “*dòi trong xương đục ra*”, tựa như một vết thương nhiễm độc ngầm mà nhức nhối triền miên, khiến sư buồn nản đến tột độ đến nỗi muốn giải tán thiền phái, buông bỏ chí hướng hoàng dương đạo pháp. Sư giao Trịnh công nương quản lý mọi việc, rồi lặng lẽ nhập thất một thời gian dài. Con đường tu thiền là con đường do đích thân sư tự mình vạch ra, chớ không do thầy tổ hướng dẫn, do đó, từ lâu đường như sư quên lãng nguồn gốc của mình. Sư lơ là tránh nhắc nhở đến bốn sư, đôi khi nếu có kể về thầy, chẳng qua chỉ nhằm trách thầy đã không dạy cho mình pháp môn thiền định. Nay bị đệ tử gây phiền muộn, bất giác sư nghĩ đến mình ngày xưa, cũng đã từng

ngang bướng không tùng phục thầy, mà thương thầy vô hạn. Thiền môn vốn chẳng trọng hình thức, nên từ lâu sư chủ trương dành hết thời giờ tọa thiền, ngoài ra chỉ lễ Phật đơn giản và tụng Bát Nhã Tâm kinh mà thôi. Nhớ đến thầy, sư bỗng “thèm” trở lại nếp sống bình dị ngày xưa, nên trang trọng tụng trọn vẹn một thời công phu sáng. Khi sư tán lễ Phật, đến các câu:

...

“Tam thừa chúng đẳng qui tâm

Vô sanh dĩ chứng,

Hiện tiền chúng đẳng qui tâm

Vô sanh tức chứng...”

lời tán cao vút và dồn dập hùng mạnh như tiếng hải triều chấn động thân tâm sư. Hốt nhiên, bao nỗi phiền não chấn chường vụt tan biến, sư cảm thấy niềm tin đồng mãnh vô biên tràn ngập thân tâm giúp sư sẵn sàng tiếp tục dần thân cho đạo pháp. Diệu dụng bất khả tư nghì của thời tụng kinh nhắc nhở sư nghĩ lại thái độ chống báng hình thức quá khích của mình ngày trước, nhờ vậy, sư cũng xét lại tất cả đường hướng tổ chức của mình, hầu tìm ra ưu khuyết điểm để chấn chỉnh nội bộ. Trước đây, sư chủ trương “bất lập văn tự”, với chủ ý trở thẳng cho đệ tử lý đạo để họ dồn hết tâm lực hạ thủ công phu ngay và sớm được giác ngộ, chớ không phải phí phạm nhiều thời giờ lạc lối trong rừng kinh điển rồi trở thành hý luận huyền đàm vô tích sự. Thế nhưng, người quyết tâm hành thiền ngộ đạo thì ít, còn kẻ hành thiền lơ mơ thì quá nhiều. Tu thiền không đến nơi đến chốn mà đua đòi vất bỏ kinh điển là một đại họa. Họ không hiểu giáo lý, không cầu nệ hình thức, bất chấp giới luật... nên khi được chỉ điểm về Phật tánh, được nghe giảng tư tưởng Bát Nhã, được học lóm vài câu nói “phá chấp” của vài vị tổ sư mà chưa hiểu nổi ảo diệu thâm kín, đã vội ngông nghênh sánh mình ngang hàng với chư Phật chư Tổ. Từ đó, đối với vị bốn sư khổ công

chăm sóc bước đầu thiền tập, họ có hủ báng, chê khen cũng là chuyện thường tình. Khuyết điểm thứ hai của tân phái thiền là đã dựa hoàn toàn vào giới cư sĩ. Cư sĩ bận bịu gia đình, rộn ràng với việc tranh sống... nên sơ khởi dẫu hăng say tham thiền, nhưng sau đó giải đãi lần lần, và khó mà đi sâu vào con đường tu tập, vì vậy, giòng pháp thiền thuần cư sĩ số lượng khá cao mà phẩm thì tương đối ẻo uột. Ngoài ra, truyền thống ngàn đời của dân Việt là lòng tôn trọng Tăng Ni, còn cư sĩ với nhau thì không mấy ai biết quý kính đạo hạnh kẻ khác. Kẻ mới chập chững hành thiền đôi ngày đã tự coi mình ngang hàng với những đệ tử đã dày công theo thầy tu tập vài mươi năm, do đó, ai cũng muốn trực tiếp “thảo luận” với thầy, được thầy tín nhiệm tin tưởng, chớ đâu muốn qua trung gian sai sử của cư sĩ khác. Không vừa ý thì họ chống đối, ganh tị, chỉ trích những cư sĩ được thầy tín nhiệm trao trọng trách điều hành giòng phái.

Từ những suy tư trên, sư Tri Thiền âm thầm thay đổi đường lối tu tập căn bản của giòng phái. Các thời công phu, lễ Phật, tụng kinh, kể cả việc cầu an, cầu siêu, lạy sám hối... trước đây bị lên án là những hình thức rỗng tuếch vô ích, nay đã được dò dẫm cho xuất hiện thừa thớt trong sinh hoạt thiền viện. Sư cũng đề cao thuyết “thiền giáo đồng hành”. Do đó, ngoài việc thúc đẩy đệ tử nỗ lực hành thiền, sư cực lực khuyến khích họ nghiêm túc học hỏi các khóa nội điển, do đích thân sư giảng dạy. Nắm được giáo lý căn bản, thì dẫu chưa đốn ngộ họ vẫn còn có thể tiệm tu mà sửa đổi thân tâm. Chuyển hướng quan trọng nhất có lẽ bắt nguồn từ quyết định chấp nhận sự hiện diện của giới xuất gia trong giòng phái. Trước đây, lẫn lộn chung trong đám cư sĩ, kẻ tinh tiến người giải đãi, chất phẩm của giòng phái khó nổi bật, vì vậy, kẻ bàng quan có thể căn cứ bữa bãi vào bất cứ một vài thiền sinh tu tập lơ mơ nào để đánh giá chung

chung, rồi nảy dạ nghi ngờ hiệu năng giòng phái. Nay đại diện giòng phái là giới tu sĩ, đầu tròn áo vuông, đỉnh đạc, oai nghi, chớ không phải là giới cư sĩ tạp nhạp lằng xằng nữa. Đệ tử xuất gia của sư, tuy mới cạo đầu, nhưng phần lớn là những cư sĩ tài đức vẹn toàn đã từng theo sư tu tập hàng mấy mươi năm, đã có ngay phong thái an lạc tự nhiên của kẻ thực tu thực chứng, nên sự hiện hữu của họ bên cạnh nhóm tu sĩ trẻ trung tươi mát đã tạo nên một “hòa hợp chúng” đạo hạnh, vững chãi, sẵn sàng dẫn thân cho sự nghiệp giác ngộ. Giới tu sĩ bắt đầu chia xẻ với sư Tri Thiên phần nào gánh nặng hoằng pháp và tổ chức điều hành giòng phái, những điều mà trước kia, trên cương vị cư sĩ họ cứ bị tị hiềm và bất phục. Không còn phải bận tâm đến sinh hoạt bình thường của môn phái nữa, sư Tri Thiên có thể dành nhiều thời giờ để nhập thất chuyên tu. Càng đi sâu vào chánh định, lòng từ bi của sư càng trải rộng ra khắp cả pháp giới, sư “hằng thuận chúng sanh”, hòa hợp mọi người mọi tư tưởng. Trước kia sư khẳng chủ trương thiên độc tôn: sư cực lực lên án tổ chức chùa chiền đương thời đã nhắm mắt rập khuôn theo những môn qui điều lệ thiếu sinh khí, cũ rích; người tu sĩ suốt đời loay hoay với việc phúng tụng cầu an cầu siêu, chớ không có thực chất tu tập; kẻ chí thú tu thì cũng chỉ biết sớm hôm công phu, một thời khóa nhằm chán chứa đầy tinh thần Mật tông và Tịnh độ, mà sư nhận thấy có nhiều điều thừa thãi hay thiếu sót cần phải cải sửa toàn bộ. Giờ đây, quan điểm của sư nhẹ nhàng và thênh thang hẳn ra. Sư nghiệm thấy, bất cứ những điều gì do chư cổ đức đề ra đều hàm chứa ẩn ý sâu sắc, và do đó, có những diệu dụng khó ước lường. Đối với pháp môn Tịnh độ, một pháp môn mà thuở trung niên sư rất tối kỵ, nay thái độ của sư cũng uyển chuyển hòa hợp. Có lần sư đã hé mở tư tưởng hòa hoãn của mình qua thời pháp:

“Đệ tử các con nên nhớ rằng tám mươi bốn vạn pháp môn trong Phật giáo, tuy đưa ra những phương tiện khác biệt, nhưng tất cả đều nhằm mục đích tu sửa tâm mà thôi. Con đường tu sửa tâm, như Đức Phật đã răn dạy trong kinh Di Giáo, là con đường lấy giới luật làm thầy. Nói khác, trên con đường tu học: giới, định, huệ, thì giới đóng vai trò căn bản. Giới thanh tịnh thì định phát sanh, nhân có định, huệ mới khai mở mà thành tựu đạo quả. Nếp sống thiền là nếp sống thông dong trong giới luật. Thiền giả đi đứng nằm ngồi phải làm chủ thân tâm, không buông lung theo tà hạnh, tức thể hiện tu giới trong nếp sống hàng ngày. Chư tổ sư Thiên đề ra vô vàn phương thức như: “giữ chánh niệm từng hơi thở”, “thấy vọng dừng theo”, “buông bỏ muôn duyên”, “chết sống theo công án”... tựu trung mọi phương thức đều chuyên chú vào việc nghiêm trì giới hạnh mà thôi. Tiếc thay, có những hành giả nhiệt tâm tọa thiền nhập định, mà không ý thức được rằng thiền chính thực là một phương tiện hữu hiệu để giữ giới, đến nỗi tọa thiền mà tâm lại vọng cầu danh lợi, do đó mới lâm vào cảnh ma rồi bị kéo lôi vào tà đạo. Hành giả tu Tịnh độ chân chính, tâm không rời câu niệm Phật, nên trong niệm đã hàm chứa chánh niệm. Như vậy, niệm Phật cũng chính là một phương tiện hộ giới bất khả tư nghi. Niệm Phật cho đến “nhất tâm bất loạn”, tức là đã thâm nhập vào chánh định mà phát sanh trí huệ. Suy cho cùng, thì thiền cũng hàm chứa giới, mà niệm cũng hàm chứa giới. Như vậy, thì Tịnh độ tông: con đường của niệm, định, huệ và Thiên tông: con đường của thiền, định, huệ, đâu có điểm nào tương phản?”

Điều đáng tiếc là đệ tử của sư không mấy người thông cảm được những biến chuyển nội tâm của thầy, họ vẫn khẳng khẳng chủ trương thiên độc tôn và do đó, bất chấp những lời cảnh ngăn của sư, họ dành rất nhiều thời giờ để tán

dương Thiên và chỉ trích chê bai Tịnh. Thật ra, chủ trương Thiên độc tôn đã là một niềm hứng khởi, một yếu tố then chốt đóng góp nên sự thành công và lớn mạnh của Thiên phái, nên sư không thể đột ngột xóa bỏ khuynh hướng này mà chỉ đưa ra những nhận xét dè dặt nhẹ nhàng. Nhóm đệ tử hiện giờ có thể chưa hiểu được sư, nhưng trên con đường tu tập, rồi họ sẽ hiểu như một bước tiến đương nhiên mà thôi. Sư nghĩ “thái độ thiên độc tôn” chẳng qua chỉ là hậu quả tất nhiên của tinh thần đề cao tự lực của Thiên tông, theo đó hành giả phải tự tu tự chứng, chớ không thể dựa vào kẻ khác, vì ngay như chư Phật chư Tổ cũng không thể tu dựa vào người khác được. Nhờ nương vào ưu điểm tự lực, vững tin triệt để vào khả năng giác ngộ của chính mình, mà qua bao thế hệ, chư thiên sư luôn luôn chứng tỏ thái độ đại hùng đại lực đồng mãnh tinh tấn tu tập với tinh thần sáng tạo phong phú, xứng đáng để được ca tụng là “vườn hoa thiên thiên biến vạn hóa hương sắc tuyệt vời”. Tuy nhiên, như một vị thuốc hay thường ngấm ngầm kèm một phản ứng bất lợi, hiệu năng ưu việt của tự lực trong bản chất cũng chứa mầm mống chấp ngã sâu dày và lòng nhiệt thành thiên phái cực đoan, làm ngăn trở sự phát triển của đức “tùy hỷ” và “hằng thuận chúng sanh”, nên những thiên sinh sơ cơ thường cảm thấy khó khăn trong sự hòa hợp với tư tưởng khác, pháp môn khác. Chẳng lạ gì, mà trong Phật sử đã có nhiều vị thiên sư, dùng lời lẽ sân si kiêu mạn để ca tụng thiên mà dè bẹp pháp môn khác, thậm chí có nhiều vị không biết trình độ giác ngộ đến mức độ nào, đã dám buông lời khinh Phật, báng Tổ. Phải trải qua một thời gian dài thâm nhập nguồn thiên, vỡ cứng chấp ngã mỏng dần, tâm từ bi trải rộng, tâm phân biệt hơn thua mờ nhạt, hành giả tuy vẫn thấy tự lực là yếu tố quyết định nhưng đồng thời cũng khám phá rằng đạo quả không thể nào thành

tự nếu thiếu sự yểm trợ ảo diệu mệnh mang cùng khắp của tha lực. Không có tha lực của chư Phật, chư Bồ Tát, cùng tất cả pháp giới chúng sanh thì một niệm an lành còn chưa có, huống chi nói đến việc tu tập và giác ngộ.

Tháng ngày trôi qua, sinh hoạt thiên phái vẫn bình thường và lớn mạnh cho đến ngày chú sa di thị giả của sư Trí Thiên, tuổi mới mười lăm, bỗng nhiên lâm bệnh trầm trọng. Mặc dù công phu hàm dưỡng rất thâm sâu, trước cảnh người đệ tử bé bỏng hấp hối, đôi mắt áo não nhìn thấy khẩn cầu giúp đỡ, sư Trí Thiên cũng xúc động mãnh liệt. Sư cầm tay chú, thương yêu khê bảo: “Con niệm Phật với thầy, con nhé!”. Rồi sư hướng dẫn chú niệm: “Nam mô A Di Đà Phật”, cho đến khi chú lìa trần.

Biến cố này nhắc nhở sư Trí Thiên đặc biệt quan tâm đến trình độ tu tập của toàn thể đệ tử. Sư chán ngán nhận xét rằng hạng đệ tử tạp nhạp, “huênh hoang nói thiên” thì đông đảo trong khi những hành giả quyết tâm hạ thủ công phu thừa thớt không đến mười phần trăm tổng số. Từ đó, suy ra, nếu lạc quan thì may ra sư có được một hoặc hai đệ tử nối gót thầy, số đệ tử hạng khá có thể tạm bình tĩnh trước cái chết cũng chỉ đếm được trong khoảng đầu ngón tay, còn lại mấy trăm đệ tử xuất gia cộng với hàng ngàn cư sĩ, đối đầu với tử vong quả là một việc kinh hoàng nếu như họ không được hỗ trợ bằng con đường nương về Tịnh độ.

Thế rồi sư đột ngột sửa đổi thanh qui thiên viện đúng theo truyền thống của Tổ Bá Trượng (5), theo đó, khi Tăng Ni bị bệnh nặng, khi lâm chung và khi làm lễ trà tì, đại chúng dưới sự hướng dẫn của vị Duy Na, phải đồng tụng kệ tán Phật A Di Đà, cùng lớn tiếng hỗ trợ niệm Phật A Di Đà và đồng hồi hương vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Quyết định trên tuy phát xuất từ một vị tổ sư thiên lỗi lạc, và bản thanh qui của tổ từ đời

Đường đến nay vẫn là khuôn vàng thước ngọc cho các thiền viện Trung Hoa noi theo áp dụng, nhưng đối với thiền phái quá khích hiện tại, thì thể thức này là một thỏa hiệp với tông Tịnh độ, và là một bước “thoái hóa” kém cỏi, nên đã bị nhóm đệ tử trung kiên chống đối mãnh liệt. Sư đã phải nhọc công khuyên giải một thời gian dài, thì nội bộ mới tránh được nguy cơ phân hóa. Sống gió tạm yên, “ông già ba phải lắm lắm”—bí danh mà đám đệ tử chống đối đã gán cho sư—cảm thấy mệt mỏi muốn tìm lại những giờ phút thanh thản hồn nhiên tại ngôi chùa Đậu ngày xưa, nên âm thầm chuẩn bị về thăm chốn cũ.

Tri Tịnh

Từ già thầy và ngôi chùa Thành Đạo, sư Tri Tịnh bốn ba viếng thăm tự viện khắp nơi, kết giao mọi giới tu sĩ để vận động thành lập một tổ chức Phật giáo nhằm phát huy pháp môn Tịnh độ. Hầu hết chùa chiền trong nước đều tự nhận thống thuộc Tịnh độ tông, nên lúc ban đầu, khi mới bàn bạc sơ khởi thì đâu đâu cũng niềm nở cam kết sẽ hậu thuẫn cho đề nghị của sư Tri Tịnh. Tuy nhiên, khi bắt đầu thực hiện, kêu gọi đóng góp tài lực vật lực cho tổ chức, thì chùa nào cũng lững lơ, hờ hững. Chừng đó, sư Tri Tịnh mới khám phá được sự thật phũ phàng là phần lớn chùa chiền tuy nhân danh tu Tịnh nhưng thực hành thì khác hẳn. Chư vị tu sĩ rập theo hình thức khuôn mẫu: tự trang hoàng bằng râu chuỗi đồ sộ khệ nệ trên cổ, mở lời bằng câu chào “Nam Mô A Di Đà Phật”, tay lần chuỗi nhuần nhuyễn, nhưng có bao vị thật sự hạ quyết tâm trì danh niệm Phật, với lòng tha thiết cầu vãng sanh Tịnh độ và bao vị chỉ dùng chiêu bài Tịnh độ để lợi dưỡng? Nhiều chùa hoàn toàn không hiểu biết gì về pháp môn Tịnh độ, người ta chỉ tụng kinh làm đám để phục vụ nhu cầu tín ngưỡng bình dân và do đó, đã biến pháp tu

Tịnh tích cực—tinh tấn tu để được vãng sinh cõi Tịnh độ hầu tiếp tục tu tập thành bậc bất thối chuyển, rồi trở lại cõi Ta Bà cứu độ chúng sanh—thành lối tiêu cực, ỷ lại và mê tín—không tự tu tâm mà chỉ dựa hoàn toàn vào đức Phật A Di Đà cứu độ, và ban phát đủ thứ tài lộc danh lợi ngay trong đời sống hiện tại này—Đức Phật vô tình bị hạ thấp thành hạng thần thánh có thể nịnh hót và nhận hối lộ, nên chỉ không ai cần tu tập mà chỉ cần cúng vái và lời danh hiệu Phật ra kêu réo, van xin, thì cầu phước cầu tự, cầu duyên, mua may bán đắt gì cũng sưng sỏ cả. Sau bảy tám năm trời hao tổn tâm khí mà chẳng thu hoạch được kết quả nào đáng kể, sư Tri Tịnh chán nản từ bỏ công cuộc vận động kết hợp, và dự định tìm về một vùng núi non phương Nam ẩn tu. Thuận đường, sư ghé thăm gia đình lưu trú tại khu xóm nghèo, ở Đông Nam ngoại thành Thăng Long. Trong hoàn cảnh nào, mỗi ưu tư hoàng pháp trĩu nặng vẫn thúc đẩy sư tận tụy dành rất nhiều thời giờ tiếp xúc bà con thân hữu, để khuyên dạy họ học Phật tu sửa thân tâm, bằng phương pháp trì danh niệm Phật. Pháp môn Tịnh độ rất thích hợp với căn cơ trình độ giới bình dân, do đó, chỉ trong một thời gian ngắn đông đảo quần chúng đã tề tựu theo sư tu tập. Thành quả bất ngờ này khiến sư quyết định tự mình đơn độc thành lập và phát triển Tịnh độ tông trong nước. Sư vừa ngổ ỷ, thì Phật tử đã đua nhau cúng dường, và chỉ trong vòng hai năm một ngôi chùa lam kang trang đã được xây dựng xong. Từ đó, sư bắt đầu đăng đường thuyết pháp, nhiệt thành ca ngợi pháp môn Tịnh độ thù thắng, và chính thức thành lập Tịnh độ tông, để cùng đại chúng phát nguyện niệm Phật cầu vãng sanh cõi Tây Phương Cực Lạc. Chỉ trong vòng mười năm, sư đã dựng được tám ngôi chùa Tịnh độ tại các phủ huyện quanh kinh thành với hàng vạn Phật tử tại gia theo sư quy y tu tập, số đệ tử xuất gia cả trăm người, ngoài

thiếu số phụ trách điều hành các ngôi chùa thống thuộc, đa số còn lại được sự huấn luyện thành những đoàn Tăng Ni lưu động thực hiện chương trình hoằng hóa khắp xứ đàng ngoài.

Công cuộc phát triển đang tiến hành thuận lợi bỗng nhiên bị đình trệ vì những sự đánh phá từ bên ngoài. Vài đoàn hoằng pháp lưu động đã tổ ra bối rối khi bất ngờ bị vài nhóm chống đối đưa những câu hỏi khó khăn chất vấn. Rồi người ta còn vẽ vờ và phóng đại ra hình ảnh những mụ đàn bà đánh đá trong khi đang lần chuỗi và niệm Phật lia lịa, mà vẫn hung hăng đuổi gà làm thịt, “chửi chó mắng mèo” tru tréo bà con lối xóm, để chỉ trích pháp môn Niệm Phật yếu kém, không tiến bộ. Thời buổi nào, pháp môn nào chẳng có những kẻ “*khẩu Phật tâm xà*” hay “*mở miệng Nam mô, bụng chứa cả bồ dao găm*”, vậy mà những lời xuyên tạc này lại khiến một số Phật tử mất niềm tin, cao trào Niệm Phật lụn bại dần, nội bộ vì thế bị chia rẽ, sau cùng lại có một số đệ tử cốt cán âm thầm rời bỏ tông phái, tầm cầu một đường lối tu riêng biệt.

Thoạt đầu, sư Tri Tịnh tỏ ra đứng vững trước mọi diễn biến bất lợi. Sư quan niệm rằng những kẻ ra đi thật ra, thuộc thành phần Phật tử đã đến với pháp môn Tịnh độ không phải do thực tâm tu tập, mà chỉ “hùa theo phong trào niệm Phật” như chạy theo một thứ thời trang. Do tâm chuộng thời trang này, lúc nào họ cũng lăng xăng nghe ngóng tầm cầu thứ thời trang khác mới mẻ, hấp dẫn, cầu kỳ hơn để thay đổi. Chuyện họ đi hay ở tưởng chẳng có điều gì quan trọng, nhưng thái độ nhản nhịn của sư Tri Tịnh đối với những đòn đánh phá xuyên tạc từ bên ngoài, đã bị một nhóm đệ tử lên án là hèn yếu, thế rồi nội bộ bị phân hóa, niềm tin bị lung lay, và sau cùng có kẻ lạng lẽ ra đi. Bấy giờ, sư Tri Tịnh mới bàng hoàng nao núng, sư vừa lo lắng cho sự trường tồn của một phong trào tu tập mà sư đã dày công gây dựng, lại vừa chua xót nã

nê vì bị những đệ tử tin yêu lạnh lùng bỏ rơi. Trong hoàn cảnh này, sư mới nhớ đến vị thầy già ngày xưa có lẽ cũng đau buồn khi sư đột ngột ra đi không một lời từ tạ. Chuỗi ngày xưa sao êm đềm quá! sư hồi tưởng lại từng lời nói, từng cử chỉ của thầy, rồi phương pháp đào tạo đệ tử tùy theo căn cơ chớ không chấp chặt vào pháp môn nhất định của thầy, chợt hiển hiện rõ ràng trong tâm khảm. Thế rồi, bỗng nhiên sư hiểu được khuyết điểm của mình để kịp thời đưa ra những biện pháp cứu vãn.

Trước đây, do lòng nhiệt thành phát triển môn phái, sư chủ trương hành giả không cần phải có một kiến thức Phật Pháp to rộng, vì biết càng nhiều thì càng dễ lạc lối vào việc hý luận huyền đàm chớ không thực tâm tu, nên sư chỉ rèn dạy đệ tử thuần túy về pháp môn Tịnh độ, miễn là chư đệ tử có đủ “tín, hạnh, nguyện” làm hành trang thì có thể sách tấn họ tu tập. Nguyên tắc này chỉ có thể đúng đối với những hành giả mộc mạc chơn chất, một lòng một dạ thẳng tắp mà đồng mãnh tu tập cho đến khi được nhất tâm bất loạn. Trên thực tế, hạnh nguyện của hành giả tùy theo thuận duyên nghịch duyên mà thay đổi, mà thói thường đó là sự thay đổi theo chiều hướng đi xuống, theo chằm ngôn “*học đạo thì cần chung tắc đãi*”. Sau vài năm tu tập, hành giả bắt đầu giải đãi dần, “*hạnh nguyện*” đã lui sụt, thì “tín” cũng theo đó mà lung lay, nhất là khi, hành giả tu Tịnh bị vấn nạn rắc rối không tìm được giải đáp thỏa đáng.

Do nhận xét trên, sư Tri Tịnh chủ trương hành giả không thể chỉ hiểu biết thuần túy về Tịnh, mà còn phải nắm vững giáo lý căn bản đạo Phật và tông chỉ các tông phái khác, nhất là, phải thông suốt yếu lý “*Pháp môn Niệm Phật gồm nhiếp cả Thiên, Giáo, Luật và Mật*” (6). Được như vậy, thì đâu có bị chỉ trích, xuyên tạc... “tín hạnh nguyện” vẫn không hề suy sụt. Từ đó, sư bắt đầu dịch kinh, tạo luận và liên tục mở các khóa kiết hạ, kiết

đông để giảng dạy một chương trình Phật Pháp sâu rộng cho các giới đệ tử.

Ngoài ra, trước đây sư chỉ khuyên nhủ tổng quát là việc niệm Phật phải được nghiêm trì liên tục và thiết tha, rồi theo đó chư đệ tử cứ tùy nghi mà thực hành chớ không đưa ra những thời khóa và phương cách nào rõ rệt cả. Sư nhận thấy đây cũng là một điều thiếu sót, vì thông thường nếu không qui định thể thức tu tập rành rẽ, theo dõi để sách tấn, thì chúng đệ tử chỉ tinh tấn niệm Phật liên tục trong thời gian đầu, sau đó bận rộn chuyện đời, chuyện đạo việc niệm Phật thưa thớt dần, rồi đi đến chỗ đình trệ, gọi là “vô niệm!!!”. Để đối trị bệnh giải đãi này, sư khuyên họ phải tự ấn định những thời khóa, ước số chặt chẽ để tu tập bền bỉ. Ngoài ra, sư cũng dẫn giải nhiều thể thức niệm Phật như: Phấn văn trì danh (7), Sổ châu trì danh, Tùy tức trì danh, Truy đánh trì danh, Lễ bái trì danh, Ký thập trì danh, Kinh hành trì danh... rồi tùy theo căn cơ và hoàn cảnh từng người mà khuyến cáo họ áp dụng. Về thanh âm Niệm Phật, tuy sư chủ trương có thể tùy nghi mà niệm thầm, cao thấp, hay nhanh chậm... nhưng sư nhấn mạnh điểm quan yếu là phải rõ ràng từng tiếng với âm điệu, vừa thiết tha vừa hân hoan tin tưởng, bởi vì, hành giả phải luôn luôn ý thức rằng, một câu niệm Phật là một bước gần gũi cõi Tây Phương Cực Lạc. Ngoài ra, mặc dầu việc niệm Phật được khuyến khích phải giữ liên tục ngay trong khi bận rộn, có nghĩa là không câu nệ hình thức và nơi chốn, nhưng nếu có điều kiện mà tư thế niệm Phật thiếu nghiêm trang, cẩn mật sẽ dễ sanh tâm khinh lờn, lưỡi biếng. Chính vì vậy, sư quyết định trong các thời khóa, môn sinh Tịnh độ phải nghiêm chỉnh ngồi trước tượng Phật A Di Đà niệm Phật. Sư đặc biệt ca ngợi tư thế ngồi kiết già hoặc bán già như tọa thiền để niệm Phật, vì theo sư trong tư thế này, hành giả dễ nhiếp tâm, mà thân cũng thoải mái, máu huyết điều

hòa, tránh mọi thứ bệnh phát sinh từ việc ngồi lâu mà xương sống thiếu ngay ngắn. Giới tu sĩ quanh quẩn trong chùa thiếu vận động dễ sanh bệnh hoạn, đây cũng là một vấn đề khiến sư quan tâm. Do đó, trong khóa công phu sáng, sư dành ra nửa thời để “Lễ bái niệm Phật”, ngoài ra, xen kẽ các thời niệm Phật bình thường nhất là sau khi thọ trai, thì phương thức “Kinh hành niệm Phật” được áp dụng, và vào buổi tối vắng lặng thì phương pháp “Tùy tức niệm Phật” để điều hòa hơi thở... cũng được đề ra.

Tóm lại, sư Tri Tịnh vận dụng đủ mọi phương tiện, kể cả giáo và thiền để sách tấn đệ tử tu tập, và chính nhờ những cải tiến này, chỉ trong vòng vài năm, tông Tịnh độ nói chung đã tiến bộ vượt bậc về phương diện phẩm chất tu học. Nhận thấy nội bộ đã được củng cố vững vàng, sư Tri Tịnh yên tâm trao gánh nặng điều hành cho các đệ tử, rồi phát nguyện nhập thất vô thời hạn, để có thể dứt tuyệt ngoại duyên, mà thúc liễm thân tâm hoàn thành sự nghiệp niệm Phật làm gương sáng cho đời chúng.

Thời gian kéo dài vượt xa dự liệu của sư Tri Tịnh, sư gia công niệm Phật ba năm thì trình độ “nhất tâm bất loạn” mới nhuần nhuyễn, thêm bảy năm ròng rã nghiêm trì nữa mới đạt đến cảnh giới “vô niệm vô bất niệm”. Tuy vậy, phải chờ đến hai năm sau, khi sư đã rõ chắc ngày giờ về với Đức Phật A Di Đà, sư mới chịu ra thất tiếp xúc đồ chúng. Sau những giờ phút cực kỳ xúc động trước hàng ngàn đệ tử trung kiên ở khắp nơi tề tựu về hân hoan đón nhận những lời thiết tha sách tấn tu tập của thầy, sư lần lượt khám phá trong nội bộ đã xảy ra vài biến chuyển bất thuận lợi. Các đại đệ tử trụ trì tám ngôi chùa thống thuộc, trong những năm dài sư nhập thất, không ai chịu lệ thuộc ai và lần lần tách rời khỏi đường lối do sư đã vạch ra. Thậm chí phần lớn coi chùa là sở hữu riêng của mình,

rồi mặc tình thao túng sắp xếp mọi việc theo đường hướng riêng. Họ lơ là hoằng nguyện phát huy Tịnh độ, để chạy theo nhu cầu lợi dưỡng: chuyên phúng tụng khấn cầu danh lợi và dung túng xăm quẻ, bói toán, sao hạn... để thu hút quần chúng mê tín. Sư ôn hòa khuyên bảo, nhưng sau một thời gian dài tự do buông lung, không mấy người chịu sửa đổi đường lối. Có kẻ lo lắng quá đáng, nghi ngại sẽ bị thầy “đòi chùa”, nên vội vã ra tay trước: chê thầy già cả lắm lắm, đường lối tu Tịnh không rõ rệt, và có kẻ còn rêu rao xuyên tạc đạo đức thầy. Đệ tử của sư chắc chắn phải hiểu rất rõ lẽ sống chết, lý nghiệp báo, nhân duyên... và đã được sư ân cần trao truyền pháp môn Niệm Phật, một pháp môn thù thắng cứu thoát nẻo luân hồi..., thế nhưng tại sao họ không tu? họ còn gây thêm nghiệp chướng? Sư tự hỏi, rồi sư chỉ biết than thầm: “Ôi! lòng người sao khó hiểu quá!” Thế nhưng sư không trách móc, xét nét lỗi lầm của ai cả. Sư nghĩ trăm điều tội lỗi đều do sư mà ra. Sư đã không dạy dỗ đệ tử đúng mức, trong khi lại trao truyền cho họ một pháp môn thù thắng được tôn xưng là dễ tu dễ chứng, một cách quá dễ dàng. Có thể họ nghĩ rằng lối tu quá “dễ”, mà họ còn ỷ lại được vào tha lực, thì chuyện tu hành đâu có gì cấp bách, dẫu họ huân đãi tà tà cũng còn kịp chán kia mà! Sư lại nghĩ, có lẽ bước đầu nên trao cho đệ tử một pháp môn khó khăn, họ phải gia công “bầm dập” cả đời mà không đi đến đâu, chừng đó, mới trao cho họ pháp môn dễ tu dễ chứng, thì họ mới biết trân quý đêm ngày thực hành cho đến trình độ nhất tâm bất loạn. Thảo nào chư cổ đức như tổ Bá Trượng, cả đời chủ trương thiền, dạy dỗ thiền mà đến phút cuối cùng, lại nhắc nhở đệ tử pháp môn Niệm Phật. Chỗ cao thâm của chư tổ sư giờ đây sư mới thấu hiểu được...

Hành động phản bội của đám đệ tử khiến sư ngỡ ngàng trong giây phút, rồi sư coi như không có việc gì quan trọng xảy ra. Sư dẫn

thân cho đạo pháp trọn đời, những gì cần làm sư đã tận tụy làm, không có gì phải luyến tiếc, phải ân hận cả. Sư chỉ còn tâm nguyện cuối cùng, là mong trở về thăm lại ngôi chùa Đậu ngày xưa, rồi sẽ sẵn sàng chuẩn bị cho ngày rời cõi Ta Bà, cũng chẳng còn bao lâu nữa.

Bờ Méc Pháp Không Phân Biệt

Không hẹn mà Tri Thiên, Tri Tịnh cùng đến viếng thăm chùa Thành Đạo vào ngày giờ trùng hợp. Hai vị thân mật sóng vai nhau bước vào cổng chùa, như đã cùng đi bên nhau trọn quãng đường dài. Vị trụ trì, đệ tử lớp sau, không hiểu rõ lai lịch xưa của nhị vị lão sư, nhưng chỉ vừa nghe pháp hiệu của hai nhân vật lãnh đạo hai môn phái lừng danh chốn đế đô, đã vội vàng dùng đại lễ hân hoan đón rước.

Sư khiêm cung thưa:

— Khải bẩm nhị vị tôn sư! chùa chúng con được nhị vị tôn sư quang lâm thật là một vinh hạnh to lớn. Chúng con xin cung thỉnh nhị vị vui lòng dời bước vào chánh điện lễ Phật, rồi chúng con xin hướng dẫn quý vị tham quan khuôn viên chùa.

— Sư đệ Đạo Tâm khỏe chăng?

Vị trụ trì ngạc nhiên không hiểu tại sao khách lại gọi sư phụ mình là sư đệ, nhưng không dám thắc mắc, chỉ kính cẩn đáp:

— Sư phụ chúng con hiện đang nhập thất, nên rất tiếc không thể đích thân đón tiếp nhị vị! Nhị vị có điều chi dạy bảo, chúng con sẽ thay mặt sư phụ bồi tiếp cung phụng...

— Không dám! Không dám! Chúng ta chỉ phiến thầy hướng dẫn chiêm bái di thể của sư phụ Đạo Chân mà thôi!

Vị trụ trì đưa hai lão sư đến góc phải chánh điện, kéo bức màn che kín, để lộ ra toàn thân xá lợi của tổ Đạo Chân trong tư thế tọa thiền, vẫn giữ nguyên nét tươi mát, và sống động. Viên trụ trì kể lễ:

— Bẩm nhị vị lão sư! tổ sư con thị tịch ba mươi năm nay rồi. Lần chót khi nhập thất, tổ sư có di chúc “Ta vào nhập thất một trăm ngày tụng kinh, niệm Phật, sau đó xác thân sẽ được giữ nguyên (8)”. Đúng theo di chúc của tổ, xác thân của tổ được giữ nguyên cho đến nay, và lúc nào cũng thoang thoảng mùi thơm nhẹ như vậy!

Hai vị lão sư bồi hồi xúc động trước di thể thầy, niềm vui dâng trào theo giòng nước mắt tuôn rơi ràn rụa... Thời gian ngưng đọng. Thật lâu, thật lâu, hai vị mới long trọng cung kính quỳ lạy thầy rồi lui ra.

Dường như một vị lẩm bẩm: “Thầy vẫn như vậy đó! thầy tùy thuận tu, đâu cần phải phân biệt Thiền, Tịnh, Giáo, Mật... đâu cần tranh luận hơn thua tông phái... Thầy hồn nhiên giản dị mà lặng lẽ ngộ nhập đạo mầu!”

Lại vắng vắng, tiếng vị khác trả lời: “Ôi! còn chúng mình thì phải khổ công lạng xăng lập tông, lập ngôn, tu hành gian nan mỗi người mỗi hướng... Cũng may, cuối cùng thì mình cũng gặp nhau bên bờ mé giáo pháp không phân biệt của thầy trao truyền ngày trước...”

Thế rồi, hai vị lão sư huynh đệ quay lại yên lặng nhìn nhau, mỉm cười cảm thông và tràn đầy thương yêu, hiểu biết.

Trái ngược với mầu đối thoại đơn sơ mà mệnh mang tình đạo đó, xa xa ngoài cổng chùa, hoạt cảnh của hai vị tu sĩ trẻ gay cần và vô cùng huyền ảo. Họ là thị giả của hai vị tôn sư vừa mới quen nhau, đang nhiệt tình tranh luận hơn thua giữa hai tông phái Thiền và Tịnh, lập lại in hệt câu chuyện lịch sử xảy ra hơn bốn mươi năm về trước, cũng tại ngôi chùa này. ■

7/1996

Ghi Chú:

(1) **Bụt:** Đạo Phật truyền đến nước ta đầu tiên do những tu sĩ Thiên Trúc, chữ *Buddha* tiếng Sankrit được nghe trại thành chữ *Bụt*. Mãi về sau, khi Phật giáo nước ta chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung quốc, thì chữ

Buddha âm theo Trung Hoa, rồi đọc lại theo Nho gia thành chữ *Phật*. Chữ *Phật* trở thành thông dụng cho đến ngày nay.

(2) **Sự tích Man Nương và tục thờ tứ pháp** đã được ghi chép trong rất nhiều truyện sách cổ xưa như: *Linh Nam Trích Quái, Kiến Văn Tiểu Lục, Văn Hiến Thông Khảo, An Nam Chí Lược...* với những chi tiết khác biệt nhau.

(3) **Chùa Thành Đạo:** tọa lạc tại làng Đông Cốc, nay đổi thành làng Gia Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. Chùa còn có tên là Pháp Vũ tự, chùa Vua, chùa Bà và thường được dân quê thân mật gọi là chùa Đậu.

(4) **Tổ Đạo Chân:** tục danh Vũ Khắc Minh, tu tại chùa Thành Đạo vào khoảng cuối thế kỷ XVII. Sư đã để lại toàn thân xá lợi (thân xác giữ nguyên không hôi thúi) trong tư thế tọa thiền, và hiện vẫn còn nguyên vẹn và thờ tại chùa Đậu. Vị tổ nối tiếp pháp danh Đạo Tâm, cũng ngộ đạo và cũng để lại toàn thân xá lợi.

(5) **Tổ Bá Trượng Hoài Hải (724-814):** Sư là đệ tử của tổ Mã Đạo Nhất, là vị thiền sư đã soạn ra bộ qui tắc nhà thiền thường gọi là “Bá Trượng thanh qui”, dùng làm khuôn mẫu cho tổ chức thiền viện từ đời Đường cho đến ngày nay. Sư cũng nổi tiếng với thuyết “một ngày không làm, một ngày không ăn” (*nhất thực bất tác, nhất thực bất thực*).

(6) **Pháp môn Niệm Phật** gồm nhiếp cả Thiền, Giáo, Luật, Mật: Niệm Phật dứt trừ vọng tưởng chấp trước là Thiền; hồng danh bao gồm vô lượng nghĩa, vô lượng nghĩa ẩn trong một và xuất hiện từ nơi đây, đó là Giáo; niệm Phật đến cảnh giới sâu, ba nghiệp đều trong sạch vắng lặng, đó là Luật; câu niệm Phật có công năng như thần chú, giải nghiệp, hàng ma, đó là Mật (theo *Niệm Phật Thập Yếu*, Thích Thiền Tâm, trang 68, 69).

(7) **Phản văn trì danh:** phương pháp nầy miệng vừa niệm, tai vừa nghe vào trong, kiểm soát từng chữ từng câu cho rành rẽ hết câu nầy đến câu khác. Nghe có hai cách, hoặc dùng tai nghe, hoặc dùng tâm để nghe. Tuy nghe vào trong nhưng không trụ nơi đâu, lần lần quên hết trong ngoài, cho đến quên cả thân tâm cảnh giới, thời gian không gian, chỉ còn một câu Phật hiệu. Cách thức Phản văn, khiến hành giả dễ gạt trừ vọng tưởng, mau được nhất tâm. (Trích theo *Niệm Phật Thập Yếu*, Thích Thiền Tâm, trang 117). Về những phương thức trì danh khác, nếu cần đọc giả có thể tham khảo trong quyển *Niệm Phật Thập Yếu*, Thích Thiền Tâm, từ trang 116.

(8) Lời di chúc của tổ Đạo Chân do Đại Đức Thích Thanh Nhung, trụ trì chùa Đậu kể lại trong bài viết tựa đề “*Chùa Đậu, một di sản với những báu vật, những điều bí ẩn*”. Tác giả sao chép lại nguyên văn.

Tham Thì Thâm

Hương Giang Tư Mã

Thử xưa có một gia đình nọ, cha mẹ chết để lại cho hai anh em một cơ sở khá vững vàng. Hai anh em vui sống trong cảnh hòa thuận và được sự mến thương của bà con láng giềng. Trong mái nhà ấm cúng, tình huynh đệ biểu lộ đậm đà với hương khói thờ phụng tổ tiên.

Nhưng ít lâu sau thì người anh lấy vợ. Từ lúc chị dâu vào nhà thì mối tình giữa hai anh em cũng bắt đầu suy giảm. Một ngày nọ, do sự xúi giục của chị dâu, người anh bảo với người em:

— Bây giờ em đã lớn rồi, phải tự lập cánh sinh và đã đến lúc anh em chúng ta chia của cải cho phân minh, để em có phương tiện lập thân, lập nghiệp trên đường đời mà xông pha với thiên hạ.

Nghe chồng nói như thế, bà vợ bèn phụ họa với mấy câu ca dao:

"Làm trai cho đáng nên trai:

Xuống đông, đông tĩn; lên đồi, đồi yên."

"Làm trai có chí lập thân

Rời ra gặp hội phong vân có ngày..."

Nghe bà chị dâu rao lên hai câu ca dao nghe cũng vui tai, người em liền thưa:

— Dạ, anh chị dạy thế nào, em xin vâng theo.

Người anh đồng dạ tuyên bố như sau:

— Cửa cải cha mẹ chúng ta để lại tợ trung gồm có ba giống: giống đực, giống cái và giống con. Mà bé nhỏ, nên tao nhường cho

mày tất cả những đồ đạc giống đực, còn những gì giống cái và giống con thì phần tao.

Bà chị dâu phụ họa:

— Chú em nghĩ thế nào? Theo chị nghĩ thì chia ra âm dương như thế là công bằng nhất, vì thuận lẽ trời đất.

Người em vốn hiền lành, chất phác, chưa kịp nghĩ gì cả, nhưng vì bị dồn vào thế bị của hai vợ chồng đã đồng lòng với nhau từ trước, bèn trả lời:

— Xin vâng, anh chị đã có lòng thương em út, em út đâu dám chối cãi. Có nhiều hưởng nhiều, có ít hưởng ít, đâu có sao.

Thế là cuộc chia của bắt đầu. Dựa vào quyền huynh thế phụ, người anh và bà chị dâu chọn đếm trước tiên. Những vật nào trong nhà, ngoài sân, ngoài vườn, ngoài ruộng, đều là cái là con, khiến cho người anh đếm mãi từ sáng đến chiều, mỗi cả miệng: cái nhà của tao, cái giường của tao, cái tủ của tao, cái lu của tao, cái nồi của tao... con trâu của tao; vân vân...

Đếm như thế từ sáng đến chiều hôm, biết bao nhiêu là cửa chèm cửa nỏ, cái nhớ cái không, mà tuyệt nhiên chưa thấy một vật nào thuộc về giống đực cả! Mãi đến lúc trời tối, người em sốt ruột quá, vì cửa cải kê khai đã gần hết, bèn tỏ sự bức tức, đứng phắt dậy, chụp lấy cây dao rửa dựng nơi hè nhà, mà nói rằng:

— Đây là đực rửa thuộc phần em.

Nói xong, vác rửa ra đi giữa đêm tối, trong lúc người anh còn đang kiểm thêm đồ đạc để đếm, còn người vợ chạy ra ngoài sân nói với một câu ca dao:

"Làm trai đã quyết thì hành

Đã dẫn thì vác cả càn lẫn cây"

*

Từ ngày rời khỏi mái nhà của cha mẹ để lại, người em ngày ngày vác rửa vào rừng chặt củi làm kế sinh nhai. Vì không có nhà, nên phải ăn nhờ ở đậu, nay đây mai đó, nhưng vẫn

cố gắng tự lập, sống với mồ hôi nước mắt, không muốn nhờ vả, ăn xin kẻ khác. Một hôm trăng non vừa mọc, anh đang ngủ say thì có tiếng quạ kêu, khiến anh thức dậy, nhìn bầu trời bao la trong sáng, tưởng như trời sắp sáng, bèn vợ lấy cây rựa đi miết lên rừng. Đến đầu rừng mới biết mình nhầm, trời vẫn còn khuya. Quả thật, đối với những kẻ màn trời chiếu đất, cầu sương điểm cỏ, thì dù là ban đêm họ vẫn thấy sáng và đó cũng là niềm an ủi duy nhất của họ.

Người tiều phu bèn nằm duỗi chân dưới một gốc cổ thụ mà chờ sáng. Rồi ngủ quên lúc nào không biết, anh chàng không ngờ rằng nơi đây là chốn nô đùa của một bầy khỉ. Hôm ấy, như thường lệ, chúng kéo nhau đến đây, nhưng chợt thấy dưới gốc cây có một người lạ nằm thẳng đuồn thì cho rằng đó là một thầy người. Chúng bèn xúm nhau khiêng đi chôn, để lấy chỗ nhảy nhót. Đang được khiêng đi, chàng tiều phu bỗng tỉnh giấc, toan la lên, nhưng thấy chuyện hay hay, bèn cứ nằm im để xem bọn khỉ khiêng mình tới đâu. Hồi lâu, anh nghe bầy khỉ đứng lại nói với nhau:

*“Hà rằm hà rạc,
Chôn vào hố bạc,
Không chôn hố vàng.”*

Nhưng trong bầy khỉ, có con khỉ đột đứng đầu, bảo chúng:

*“Hà rằm hà ràng,
Chôn vào hố vàng,
Không chôn hố bạc.”*

Thế là bầy khỉ tiếp tục khiêng người tiều phu tới một chỗ khác xa hơn. Đến nơi, chúng đặt anh ta xuống đất, rồi kéo nhau về chỗ cũ, nơi gốc cổ thụ để nhảy múa. Anh chàng mở to mắt nhìn quanh mình, thấy vô số vàng cục sáng chói cả hố lớn, thì mừng lắm. Chờ cho bọn khỉ đi thật xa, anh ta mới lồm cồm đứng dậy nhặt đầy túi, mang về đầu một nơi. Rồi mới bắt đầu tạo nhà cửa, trâu bò, ruộng trạ. Ruộng thì thấp, trạ thì cao. Trạ để gieo

giống thành mạ, ruộng để cấy và cấy lúa cho tới mùa gặt hái. Anh ta bèn nhớ tới mấy lời cha dạy ngày trước:

*“Con hư tại mạ,
Má hư tại trạ.”*

Lúc trở thành giàu sang, người tiều phu bèn nhớ thương cha mẹ ngày trước đã tảo tần nuôi dưỡng hai anh em nên vai nên vế. Anh thương tiếc cha mẹ như thầy Tử Lộ ngày xưa, lúc thành đạt hiển vinh thì cha mẹ chẳng còn để phụng dưỡng:

*“Cây muốn lặng mà gió chẳng dừng,
Con muốn phụng dưỡng cha mẹ mà cha mẹ
chẳng còn.”*

(Mộc dục tịnh nhi phong bất đình,
Tử dục dưỡng nhi thân bất tại).

Anh cũng không quên người anh và bà chị dâu, mặc dầu họ đối xử với anh rất tồi tệ, nhưng anh sẵn sàng tha thứ mà quên chuyện cũ. Từ ngày trở nên giàu có, tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn dài, rồi cũng tới tai người anh bà chị. Họ bán tín bán nghi, vì họ nghĩ rằng: vốn vẹn chỉ có một cái đực rựa thì làm nên trò trống gì?

Một ngày kia, nhân ngày y giỗ cha, người em bèn tìm đến nhà người anh, mời anh về nhà ăn giỗ, vì anh ta nghĩ rằng dù sao cũng là ruột thịt, chắc anh mình bị ảnh hưởng của bà vợ, chứ đâu đến nỗi tệ như thế... Được mời, người anh vội vã đi theo em, trước là để báo hiếu với cha mẹ và tỏ tình huynh đệ, sau là để dò xét sự trạng nhà cửa em mình ra sao. Khi đến nhà, người anh không ngờ em mình giàu đến thế: nhà cao cửa lớn, vườn ruộng cò bay thẳng cánh, kho đụn đầy mấp, gia nhân kể cả mấy mươi... Người anh bèn hỏi người em:

— Từ dạo ấy đến giờ, chú em làm thế nào mà phát tài dữ vậy?

Người em, bấm tính lương thiện và đại lượng, bèn kể tỉ mỉ cho anh nghe câu chuyện, từ khi được anh chị chia cho cây đực rựa, lên rừng đốn củi nuôi thân, gặp bầy khỉ, và từ hồ

bạc được chuyển sang hồ vàng...

Vừa nghe em kể xong câu chuyện, người anh quên cả cụng vái, bèn mượn em cái đục rửa, chạy một mạch lên rừng, tìm được gốc cổ thụ theo lời chỉ dẫn của em, rồi nằm duỗi cẳng ngắm trăng non và chờ bầy khỉ. Quả nhiên, một lát sau, có một bầy khỉ đến nhẩy nhót xung quanh gốc cây. Chúng thấy có người lạ nằm choán chỗ chúng vui đùa, bèn xúm lại khiêng đi chôn, vì chúng tưởng đó là một thầy người chết.

Giữa đường đi chôn, bầy khỉ nói với nhau:

“Hà rằm hà rạc,
Chôn vào hồ bạc,
Không chôn hố vàng.”

Khi nghe bầy khỉ nói như vậy, người anh vội ngửng đầu lên cãi:

— Chôn vào hố vàng chứ! chôn vào hố vàng chứ!

Bầy khỉ không ngờ cái thầy người vẫn còn sống, cuống cuống quẳng hấn xuống đất rồi bỏ chạy. Hấn bị lăn xuống sườn núi, đầu va vào đá, vỡ sọ mà chết!

Bài học của chuyện tích này là:

- Tham thì thâm, dầm thì đen
- Ác lai ác báo
- Ở hiền gặp lành
- Trời thương Trời ngó lại.

Truyện tích này được truyền tụng khắp các dân tộc vùng Đông Nam Á, từ Vân Nam cho tới xứ Nùng, xứ Chiêm với lũ khỉ mà họ gọi là “kra thơn” xứ Tày, đại khái cốt chuyện giống nhau, chỉ khác về chi tiết liên hệ thủy thổ và phong tục của các sắc dân trong vùng này.

Từ sự tích đó về sau, người ta cho rằng người đàn ông đi đâu cũng mang rửa bên mình, cho nên người đàn bà, lúc nào giặt hờn, cũng mắng người đàn ông là: “đồ đục rửa”, “quân đục rửa” chỉ biết cỡi ngựa trong chơi...

Ngoài ra, chúng ta cũng nên lưu ý tiếng “đục” không mấy khi dùng làm quán từ (ar-

ticle) như “cái” và “con”. Tuy nhiên, từ Nghệ Tĩnh trở vào cũng có nơi dùng tiếng “đục” như một tính từ (adjectif), để chỉ một vật gì to, khỏe, bậm bạp, ví dụ: một đục bò, một đục rận, một đục rửa...

Trong *Quốc Âm Tự Vị* của Huỳnh Tịnh Của, ấn hành năm 1896 tại Sài Gòn, chúng ta thấy ghi:

Đục mẫm: giống đục to vóc, cả sức lực. Tiếng nói chơi người có vóc lớn mà dở.

Sau hết, chúng ta thấy ghi trong “*Dictionnaire Vietnamien Chinois Français*” của linh mục Eugène Gouin, des Missions Etrangères, ấn hành tại Sài Gòn năm 1957, những từ ngữ sau đây: bò đục taureau, con bạc đục un joueur, cau đục aréquier mâle, người đục femme stérile, tre đục bambou mâle, đục đột un étalon, un verrat, đục mặt nhìn nhau se regarder ahuris, đục rửa conteau à longue manche. ■

thơ Hạ Ái Khanh

Thương Mẹ

Mỗi lần nhìn khói lam chiều
Nhớ về quê mẹ, hắt hiu nỗi buồn
Mẹ già nước mắt trào tuôn
Lom khom chống gậy bên đường chờ con.
Bâng khuâng mẹ nhớ mỗi mòn
Bao mùa lá rụng, héo hơn thân gầy
Chờ hoài chẳng được sum vầy
Mẹ lâm trọng bệnh, đêm ngày khổ đau
Tuổi già sức yếu từ lâu
Mất lòng chẳng thấy, mái đầu bạc phơ
Nhớ thương mẹ đến thẩn thờ
Ước chi đất nước bây giờ bình yên
Con về thăm mẹ niên niên
Để cho mẹ bớt ưu phiền mà vui
Để cho trường thọ tuổi đời
Cho tình mẫu tử sáng ngời nghìn năm.

PHÁ HỦY TƯ TƯỞNG BỐN HỌC THUYẾT CỘI NGUỒN CỦA TẤT CẢ SỰ SAI LẦM

Nguyên tác Phạn văn: Đề Bà Bồ Tát

Hán dịch: Bồ Đề Lưu Chi

Việt dịch: Vân Nguyên

Lời chú của người dịch: Luận này được trích trong Đại Tạng Kinh bản Đại Chánh Tân Tu, kinh số 1369, nhan đề là ĐỀ BÀ BỒ TÁT PHÁ LĂNG GIÀ KINH TRUNG NGOẠI ĐẠO TIỂU THỪA TỬ TÔN LUẬN, nhưng khi chuyển sang Việt văn, người dịch dùng nội dung Luận bốn để đặt nhan đề.

Gọi là BỐN HỌC THUYẾT CỘI NGUỒN CỦA TẤT CẢ SỰ SAI LẦM vì 4 học thuyết này đại diện cho tất cả tư tưởng sai lạc của nhân loại, của hết thầy học thuyết cổ kim như Duy, Nhị, Đa, Vô... vì không rời được Tứ Cú.

Đương nhiên tư tưởng sai lầm nên lời nói và hành động đều sai lạc mà kết quả là không thể có được sự an bình, điều này ai cũng biết. Nhưng sai lạc ra sao? Luận này sẽ hiển bày một cách tóm gọn, nếu muốn đi vào chi tiết, xin hãy tìm nghiên BÁCH LUẬN, trứ tác của Ngài Đề Bà.

HỎI: Học thuyết trong Tứ Tôn mà các ngoại đạo thành lập trái ngược Phật Pháp gồm những gì?

ĐÁP: Chính là các học thuyết Nhất, Dị, Câu và Bất Câu.

HỎI: Nhất, Dị, Câu và Bất Câu nội dung ra sao?

ĐÁP: Có ngoại đạo lập thuyết rằng: “Tất cả các pháp là MỘT, là Đồng Nhất”; có ngoại đạo cho rằng: “Các pháp đều Dị Biệt”; có ngoại đạo cho rằng: “Các pháp vừa Đồng Nhất vừa Dị Biệt” (Câu); có ngoại đạo cho rằng: “Các pháp Không Đồng Nhất cũng

Không Dị Biệt” (Bất Câu).

Vì ngoại đạo chấp trước vào sự hư vọng của các pháp nên lập thuyết thật có những “vật” như thế.

HỎI: Hàng ngoại đạo nào chấp trước vào thuyết nào trong 4 thuyết trên?

ĐÁP: Các Luận sư ngoại đạo thuộc Tăng Khư cho rằng “Tất cả các pháp là Đồng Nhất”.

Các Luận sư ngoại đạo thuộc Tỳ Thế Sư cho rằng: “Tất cả các pháp đều Dị Biệt”.

Các Luận sư ngoại đạo thuộc Ni Kiên Tử cho rằng: “Tất cả các pháp Vừa Đồng Nhất Vừa Dị Biệt”.

Các Luận sư Nhã Đề Tử cho rằng: “Tất cả các pháp Không Đồng Nhất Cũng Không Dị Biệt”.

NỘI DUNG CỦA BỐN HỌC THUYẾT

1) Đồng Nhất

HỎI: Hàng Tăng Khư nói Đồng Nhất ra sao?

ĐÁP: Ngoại đạo Tăng Khư cho rằng 2 pháp Ngã và Giác (Thức) chỉ là Một, vì sao vậy, vì 2 tướng đó nếu khác nhau là điều không thể được.

HỎI: Sao gọi là 2 tướng sai biệt là điều không thể được?

ĐÁP: Như trâu và ngựa là 2 tướng sai biệt có thể thấy rõ ràng để phân biệt đây là trâu

đây là ngựa. Nhưng nếu Ngã mà rời Giác thức thì không thể được, cũng như Giác thức mà rời Ngã cũng không thể nào có tướng trâu hay ngựa nên bất khả đắc.

Trong kinh điển của họ có chép: “Thế tướng của Ngã và Giác như lửa và nhiệt lượng. Nói lửa và nhiệt lượng là 2 pháp sai biệt là điều bất khả đắc.”

HỎI: Vì sao 2 pháp sai biệt là điều bất khả đắc?

ĐÁP: Vì không thể nói các pháp ấy khác nhau. Ví như một dải lụa trắng, không thể nói đây là “trắng” còn đây là “vải lụa”. Hai pháp nếu sai biệt thì phải có màu trắng và vải lụa riêng biệt hẳn. Và họ cho rằng tất cả các pháp Nhân Quả cũng là như thế.

2) Dị Biệt

HỎI: Hàng Tỳ Thế Sư chấp “Tất cả các pháp đều Dị Biệt” ra sao?

ĐÁP: Gọi là Dị Biệt tức Ngã và Giác phải khác nhau, vì sao, vì pháp được nói khác nhau.

HỎI: Pháp được nói khác nhau là sao?

ĐÁP: Như nói đây là “màu trắng” còn đây là “vải lụa” chính là Thiên Đức.

Thiên Đức tức là “đây” và sự khác biệt của Ngã và Giác cũng là như thế: “Đây” là Ngã còn “đây” là Giác trí.

HỎI: Bởi vì sai khác nên các pháp không thể gọi là Một chăng?

ĐÁP: Ví như nói về dải lụa trắng thì “đây” là màu trắng còn “đây” là vải lụa. Và tất cả các pháp Nhân Quả cũng thế, đều Dị Biệt, không thể nói là Đồng Nhất được.

3) Câu

HỎI: Hàng Ni Kiền Tử nói: “Tất cả các pháp Vừa Đồng Nhất Vừa Dị Biệt” ra sao?

ĐÁP: Nhất thiết pháp Câu nghĩa là không thể nói pháp Ngã và Giác là Đồng Nhất hay Dị Biệt. Mặt khác có thể nói đó là Đồng Nhất,

cũng có thể nói đó là Dị Biệt.

HỎI: Nói không Đồng Nhất không Dị Biệt mà cũng Đồng Nhất cũng Dị Biệt là như thế nào?

ĐÁP: Như Tướng và Dụng của Ngã và Mạng sống vì phương tiện khác nhau nên nói là Dị Biệt.

Như tham, sân, si vân vân có các danh xưng khác nhau nên Dị Biệt.

Như ánh sáng của đèn lửa thì có thể vừa nói đó là Đồng Nhất và Dị Biệt. Bởi vừa không có đó và đây, vừa có đó có đây nên nói là Đồng Nhất. Đèn lửa chỗ khác soi chiếu ánh sáng đến chỗ khác nên nói là Dị Biệt.

Thí dụ về ánh sáng và đèn lửa cho thấy pháp Nhân Quả từ dải lụa trắng cho đến tất cả các pháp cũng đều như thế, đều có thể nói Vừa Đồng Nhất Vừa Dị Biệt nên gọi là Câu vậy.

4) Bất Câu

HỎI: Hàng Nhã Đề Tử nói “Tất cả các pháp Không Đồng Nhất Cũng Không Dị Biệt” ra sao?

ĐÁP: Bất Câu nghĩa là không thể nói tất cả các pháp Đồng Nhất hay Dị Biệt, vì đó là Nhị Biên, là Kiến trước. Các Luận sư nói Đồng Nhất, Dị Biệt, Câu đều sai lạc. Kẻ có trí tuệ không nên lập thuyết theo 3 pháp ấy.

HỎI: Sai lạc ra sao?

Nếu Đồng Nhất, rời màu trắng ra thì không có vải lụa, màu trắng bị tiêu hủy thì vải lụa phải bị tiêu hủy.

Nếu Dị Biệt, ngoài màu trắng còn có vải lụa thì phải có riêng một vải lụa khác ngoài màu trắng hoặc màu trắng khác ngoài tấm vải lụa trắng.

Bởi vậy, trong giáo pháp của Nhã Đề Tử không chấp nhận Vừa Đồng Nhất Vừa Dị Biệt nhưng không được nói tất cả các pháp Nhất, Dị, Câu là không có.

TỔNG PHÁ TỬ TÔN

Các ngoại đạo như trên do bởi phân biệt một cách hư vọng, chính là tướng Tà Kiến, là Bất Thiện mà không phải là Tướng Trí Tuệ. Vì sao?

Vì phân biệt các pháp là Đồng Nhất.

Không thể nói cái này tức là cái kia. Cái kia nếu Đồng Nhất, là Một với cái này thì không thể có một vật nào, ví như cái bình. Nếu cái bình là Đồng Nhất thì chỉ có mỗi một cái bình trên thế gian này mà không thể có một vật khác. Nếu cái khác là Đồng Nhất, là Một với cái bình thì cũng không thể có cái bình này. Vả lại nếu là Một thì sao tướng vãi lùa khác với tướng cái bình?

Còn nếu nói là Dị Biệt thì pháp Dị Biệt ấy tự nó cũng không thể nói là Đồng Nhất hay Dị Biệt, bởi tự cái gọi là Dị Pháp ấy không thể độc lập để tự thành Dị Biệt, cho nên Dị pháp ấy không thể gọi là Dị pháp.

Nếu có 2 pháp để nói Đồng Nhất nói Dị Biệt thì 2 pháp ấy (Câu) phải nói hoặc Đồng Nhất mà không Dị Biệt hoặc nói Dị Biệt mà không Đồng Nhất (mà không thể một lần nói đến cả 2, vì mâu thuẫn).

Nếu không nói Đồng Nhất Cũng Không Dị Biệt (Bất Câu) thì đó cũng do phân biệt hư vọng mà có.

Nếu 2 pháp Đồng Nhất và Dị Biệt là Một thì không thể nói pháp khác là Dị Biệt.

Nếu không có 2 pháp thì sao có Một? Không có Dị Biệt thì sao có Đồng Nhất?

Bởi các pháp do Tướng Đãi mà thành, nương vào sự phân biệt hư vọng của Thế Tục.

Trong Đệ Nhất Nghĩa Đế không hề có lỗi hư vọng phân biệt rồi hý luận như các hàng ngoại đạo.

(còn tiếp)

thơ MINH HUY

Bài Ca Tặng Thầy

Chiều nay Thầy lại về
Cho xanh cỏ đồng quê
Áo vàng tung xóm nhỏ
Rợp bóng mát say mê.

Bước chân người thư thả
Trên lối vắng dài xa
Dáng hiền ngời ánh đạo
Như Lai viếng Ta Bà.

Heo may ngọn gió thổi
Hương lúa dật bờ môi
Thơm lành tràn ruộng ruộng
Ráu rú én lượn mừng.

Tiếng suối chảy reo vang
Thánh thót cả không gian
Bầu trời thêm tươi hẳn
Xào xạc lá chào rân.

Mây xanh cùng mây trắng
Đua nhau kéo qua ngang
Trôi nhanh kiếp lang thang
Tối tăm theo nắng tàn.

Chiều nay Thầy về đây
Khúc hát ý vui đây
Kính tặng Thầy yêu mến
Từ bi mãi đắp xây.

CÁI CHẾT CÓ THẬT ĐÁNG SỢ KHÔNG?

Nguyên tác: Tiến sĩ K. Sri Dhammananda

Dịch giả: Thích Tâm Quang

(Tiếp theo)

NGUYÊN NHÂN CỦA KHỔ ĐAU

Nguyên nhân của các buồn phiền và khổ đau là do Luyến Ái dưới mọi dạng thức. Nếu chúng ta muốn tránh khổ đau, chúng ta phải bỏ luyến ái—luyến ái không phải chỉ luyến ái người mà luyến ái của cải nữa. Đó là sự thực chủ yếu; đó là bài học giải nghĩa cái chết. Luyến ái cung cấp cho chúng ta nhiều thứ để thỏa mãn cảm xúc của chúng ta, và dẫn ta vào con đường trần tục. Nhưng cuối cùng luyến ái trở thành nguyên nhân của đau khổ. Nếu không bài học này, cái chết có thể tấn công và khủng bố chúng ta. Sự kiện này đã được Đức Phật soi sáng đẹp đẽ khi Ngài dạy: “*Cái chết sẽ mang con người đi khỏi dù người đó cố bám lấy con cái và của cải, giống như một con lạt lớn quét sạch một làng đang ngủ*”.

Lời dạy này ngụ ý là nếu làng đó không ngủ nhưng tỉnh thức và cảnh giác, có thể tránh khỏi sự tàn phá của lạt lớn.

CÁI CHẾT RẤT PHỔ BIẾN

Chúng ta hãy nghiên cứu Đức Phật giải quyết vấn đề cho hai người, vì luyến ái mà cái chết làm cho đau khổ. Một người là Bà Kisagotami. Đứa con trai duy nhất của bà ta bị rắn cắn chết. Bà ta bỗng đưa con trai chết đến cầu cứu Đức Phật. Đức Phật bảo Bà hãy đem đến cho Đức Phật một vài hạt giống cải (mù tạc) của một gia đình không có ai chết,

Đức Phật sẽ chữa cho. Nhưng Bà ta không thể tìm thấy một gia đình nào mà không có người chết. Tất cả các gia đình mà Bà đã đến thì không nhà nào là không khóc than hay đã khóc than về cái chết của người thân vào một lúc nào đó. Bà đã hiểu sự thực đáng cay: cái chết rất phổ biến. Cái chết giáng xuống tất cả mọi người và không chữa ai cả. Buồn đau là gia tài của mọi người.

Một người khác được Đức Phật dạy là Patacara. Trường hợp của Bà này buồn thảm hơn. Chỉ trong một thời gian ngắn, Bà mất hai đứa con, chồng, anh em, cha mẹ và tất cả của cải. Không còn giữ được bình tĩnh, Bà đã lóa lờ chạy như điên như dại trên đường phố cho đến khi gặp Đức Phật. Đức Phật đã giúp Bà trở lại bình thường bằng cách giảng giải cho Bà nghe là cái chết là một hiện tượng tự nhiên của tất cả mọi người.

“*Con đã đau khổ nhiều lần như thế này, chứ không phải lần này thôi, Patacara; con đã đau khổ nhiều lần trong những tiền kiếp của con. Đã lâu, con đau khổ vì cái chết của cha, mẹ, con cái và những người thân của con. Trong khi các con đau khổ như vậy, nước mắt của con thật nhiều hơn nước ở biển cả*”.

Cuối cùng, Patacara nhận thức được cái vô thường của cuộc đời. Patacara và Kisagotami hiểu rõ cái khổ và cả hai đều học được do kinh nghiệm bi đát của bản thân. Bằng cách hiểu sâu xa Đế Thứ Nhất, của Tứ Diệu Đế về

“khổ” thì ba Đế còn lại cũng hiểu được. Ngài nói: “Này các tỳ kheo, đây là khổ, nguyên nhân của khổ, đây là diệt khổ, và con đường dẫn đến chấm dứt khổ”.

NĂM UẨN

Chết là sự tan rã của Uẩn. Những Uẩn này thọ, tưởng, hành, thức, và sắc hay vật chất. Bốn món đầu thuộc về tinh thần hay nama, hợp thành đơn vị của thức. Món thứ năm, rupa là vật chất hay vật lý uẩn. Sự phối hợp của tâm vật-lý đó theo tục lệ được đặt cho một cá nhân, một con người hay cái Tôi. Cho nên những thực thể hiện hữu như thế không phải là những cá nhân nào mà là hai thành phần cấu tạo tiên khởi của tâm trí và thể xác, thành phần này là những hiện tượng hiếm. Chúng ta không coi năm uẩn là những hiện tượng mà là một thực thể vì lẽ do cái tâm tự lừa dối của chúng ta, do ham muốn bầm sinh của chúng ta cho những thứ nói trên là của ta để thỏa mãn cái Ngã quan trọng của chúng ta.

Chúng ta sẽ thấy được bộ mặt thật của sự vật nếu chúng ta chịu nhẫn nại và cố ý chí làm vậy. Nếu chúng ta quay vào nội tâm và quán chiếu bề sâu của tâm khảm, không chủ quan, và không lưu ý đến cái Ngã trong một thời gian như Đức Phật dạy trong kinh Sati Patthana, chúng ta sẽ thấy năm uẩn, không phải là một thực thể mà là một loạt các tiến trình vật chất và tinh thần. Rồi chúng ta không lầm lẫn cho cái bề ngoài là thật. Chúng ta sẽ nhìn thấy năm uẩn này nổi lên và biến đi liên tục nhanh chóng. Chúng luôn luôn đổi dạng từ phút này sang phút khác, không bao giờ Tĩnh mà Động, không bao giờ là Thực Thể mà luôn luôn Biến Hiện.

TÁI SANH

Bốn uẩn hay thức thuộc Tâm linh (Thọ,

Tưởng, Hành), tạo thành Nama hay đơn vị của thức, biến chuyển không ngừng, nổi lên rồi biến đi không cùng một mẫu mực vì những mẫu mực đó cũng biến hóa luôn. Chúng phải tìm ngay một căn bản vật lý (Sắc)—một lớp vật chất tươi tốt như trước—để hoạt động điều hòa. Nghiệp quả hành động như một định luật, và định luật này điều khiển việc sắp xếp năm uẩn sau khi chết. Đó là kết quả của sự “tái sanh”.

YẾU TỐ VÀ NĂNG LƯỢNG

Tóm lại, sự phối hợp của năm uẩn gọi là sanh và sự hiện hữu của những uẩn đó được gọi là đời sống. Sự tan rã của chúng gọi là tử (chết), và sự tái phối hợp của những uẩn ấy gọi là tái sanh. Tuy nhiên, một người bình thường không dễ dàng gì hiểu được tại sao những cái gọi là uẩn đó lại có thể tái phối hợp. Chúng ta cần hiểu rõ bản chất của các yếu tố (năm uẩn), năng lượng tinh thần (hay sức mạnh tinh thần), định luật về nghiệp quả, và sự song hành của năng lượng vũ trụ (Khí) rất quan trọng. Với một số người khác, chết có nghĩa là sự chuyển tiếp linh hồn từ một thân xác này đến một thân xác khác; và với một số người khác nữa, chết là sự gìn giữ vĩnh viễn của một linh hồn chờ đợi ngày Xét Xử. Tuy nhiên với người Phật Tử, chết chẳng là gì cả mà chỉ là tạm chấm dứt một hiện tượng tạm thời. Chết chưa phải là một sự hủy diệt hoàn toàn cái được gọi là chúng sanh.

NGUYÊN NHÂN CÁI CHẾT

Theo Đạo Phật, Chết xảy ra một trong bốn đường sau đây:

I. Mạng căn (hay thọ mạng) của chúng sanh mỗi loài đã hết. Cái chết này là tới số (Ayukkhaya).

II. Sức hành của Nghiệp tạo nên đời sống đã kiệt. Cái chết này gọi là Kamma—

kkhaya (Nghiep dĩ).

III. Sự chấm dứt cùng một lúc của hai nguyên nhân trên—Ubbayakkhaya.

IV. Cuối cùng có thể là những hoàn cảnh bên ngoài như tai nạn, biến cố bất ngờ, hiện tượng thiên nhiên, hay Nghiệp quả từ kiếp trước không đề cập tại điều II. Cái chết này gọi là Upacchedake.

Có một sự tương đồng rất đúng để giải thích bốn trường hợp chết trên đây. Một ngọn đèn dầu có thể tắt do một trong bốn nguyên nhân:

I. Bấc trong ngọn đèn đã cháy hết. Điều này giống như cái chết vì thời gian cho một kiếp đã hết.

II. Dầu đã cạn giống như Nghiệp lực đã hết.

III. Dầu và bấc đã cháy hết cùng một lúc giống như cái chết do cả hai nguyên nhân phối hợp đề cập tại I và II.

IV. Hiệu quả của các yếu tố bên ngoài như gió thổi làm đèn tắt—giống như chết do các nguyên nhân ngoại cảnh.

Cho nên, Nghiệp quả không thôi không phải là nguyên nhân của cái chết. Có những nguyên nhân bên ngoài gây ra cái chết. Giáo lý của Đức Phật minh định rõ ràng Nghiệp quả không thể giải thích tất cả những việc xảy ra trong đời sống của chúng ta.

ĐƯƠNG ĐẦU VỚI BIẾN CỐ

Làm sao chúng ta có thể đương đầu với các điều không tránh được này một cách tốt nhất? Nên tiên liệu và suy nghĩ là cái chết trước sau cũng phải đến. Điều này không có nghĩa là người Phật Tử quan niệm cuộc đời là ảm đạm. Chết là một sự thực, mà ta phải đương đầu—và Phật Giáo là một đạo của lý trí huấn luyện các đệ tử trực diện với các sự kiện, dù các sự kiện này khó chịu. Vị khai sáng ra và ta phải đương đầu. Phật Giáo là một đạo của lý trí,

huấn luyện các đệ tử trực diện với các biến cố dù chúng rất khó chịu. Trưởng Giáo Nanak, vị khai sáng ra Đạo Sikh nói: “Thế gian sợ chết, với tôi, chết đem niềm vui”. Thật rõ ràng những vĩ nhân và người cao thượng không sợ chết và sẵn sàng chấp nhận nó. Nhiều vĩ nhân đã hy sinh mạng sống của mình để người khác được hạnh phúc. Tên tuổi của các vị này đã được ghi trong lịch thế giới bằng chữ vàng cho hậu thế.

CÁI CHẾT KHÔNG TRÁNH ĐƯỢC

Thật là một nghịch lý khi chúng ta thấy cái chết đã cướp đi biết bao sinh mạng của nhân loại, chúng ta ít khi dừng lại để suy nghĩ rằng chính mình trước sau rồi cũng trở thành nạn nhân của Tử thần. Vì quá lưu luyến với cuộc đời, chúng ta không muốn mang trong lòng tư tưởng yếu đuối, nhưng thực tế cái chết là một sự thật hiển nhiên. Chúng ta muốn chấm dứt ý nghĩ ghê gớm đó và tự lừa dối mình rằng chết là một điều xa vời, một điều không cần phải lo lắng. Chúng ta phải có đủ can đảm để đương đầu với biến cố ấy. Chúng ta phải sẵn sàng trực diện với sự thực này. Chết là điều có thật. Nếu chúng ta nhận thức được như vậy, và biết rằng cái chết không tránh khỏi; chúng ta hãy coi nó như một sự bình thường chứ không phải là một biến cố đáng sợ để khi nó đến, chúng ta sẽ đương đầu với nó một cách bình tĩnh, can đảm và tự tin.

BỔN PHẬN VÀ TRÁCH NHIỆM

Biết rằng một ngày nào đó, cái chết sẽ cướp mạng sống của ta, chúng ta phải bình tĩnh, can đảm và tự tin để làm tròn bổn phận và trách nhiệm với gia đình. Chúng ta không nên chần chừ chu toàn trách nhiệm và bổn phận của chúng ta. Những việc gì có thể làm được hôm nay, đừng để đến ngày mai. Chúng

ta không nên phí phạm thì giờ và nên sống một cách hữu ích. Những bổn phận đối với vợ, chồng, con cái đứng hàng ưu tiên phải được thi hành đúng lúc. Để tránh gây căng thẳng và khó khăn cho gia đình, chúng ta đừng chờ đợi đến phút cuối cùng mới viết di chúc. Cái chết có thể đến với chúng ta bất cứ lúc nào— nó không chờ ai cả và không chờ đợi. Chúng ta nên can đảm trực diện với biến cố tối hậu này với hy vọng và tin tưởng rằng chúng ta đang chuẩn bị cho đời sống kế tiếp.

ÁI DỤC VÀ VÔ MINH

Có thể chế ngự được cái chết không? Câu trả lời là Có! Có chết vì có sanh. Sự tiếp diễn không ngừng của cái sanh được gọi là luân hồi. Nếu chu trình của sự sống ngưng lại, cái chết có thể chấm dứt ngay tại giai đoạn Vô Minh (Avijja) và Ái Dục (Tanha) — Đó là gốc rễ của cái vòng sanh tử cần phải tiêu diệt. Cho nên, nếu cắt được Ái Dục và Vô Minh, sanh được chế ngự, chết bị chinh phục, luân hồi trở nên siêu việt, và Niết Bàn hiện tiền.

Chúng ta phải hiểu là mọi vật trong vũ trụ này đều không có thật, và cuộc sống chỉ là ảo mộng. Nếu chúng ta dùng khoa học hay triết lý để phân tách, cuối cùng chúng ta khám phá thấy không có gì cả mà chỉ là hư không.

“Sợ chết chẳng khác gì sợ bỏ một cái áo đã cũ rách”. (Gandhi)

Vì luyến ái, chúng ta rất đau khổ khi mất người mình thương yêu. Việc này xảy ra cho Bà Visakha, một đệ tử hết lòng trong thời Đức Phật. Khi đứa cháu gái yêu dấu của Bà chết, Bà tìm đến Đức Phật để yêu cầu Đức Phật giải cứu cho Bà khỏi phiền não.

“Này Visakha, người có muốn có nhiều con nhiều cháu như số trẻ trong thành phố này không?” Đức Phật hỏi Bà.

“Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn, dĩ nhiên là con thích.”

“Này Visakha, nếu vậy, người sẽ khóc khi chúng chết phải không? Nhưng ai có một trăm thứ yêu dấu, những người đó có một trăm điều phiền não. Kẻ không có thứ gì yêu dấu, kẻ đó không có phiền não. Người như vậy mới thoát khỏi phiền não”.

Khi chúng ta mang lòng luyến ái, chúng ta phải chuẩn bị chịu đựng phiền não trong lúc chia ly.

Tham sống đôi khi làm cho người ta sợ chết. Chúng ta không dám chấp nhận rủi ro vì một lý tưởng chính đáng. Chúng ta sợ hãi là bệnh tật hay tai nạn sẽ chấm dứt cuộc đời hình như quý giá của chúng ta. Biết rằng chết là điều tất yếu, chúng ta hy vọng và cầu nguyện cho linh hồn được lên Trời để xác thân chúng ta được yên ổn và gìn giữ. Tin tưởng như vậy bắt nguồn từ những tham vọng mãnh liệt, muốn có một đời sống trường cửu.

Mỗi người, mỗi cá nhân phải biết rõ vai trò của cái chết nó định đoạt số phận của mình. Dù là hoàng tộc hay bình dân, giàu hay nghèo, mạnh hay yếu, nơi an nghỉ cuối cùng của thân xác con người là ở trong quan tài chôn sâu sáu tấc, hoặc trong bình đựng tro cốt, hoặc ở dưới nước.

Tất cả nhân loại phải đương đầu và chịu chung một số phận. Vì ngu si không hiểu thực chất của đời sống, chúng ta thường rên rỉ khóc than. Khi ta hiểu được thực chất của đời sống, chúng ta có thể nhìn thẳng cái vô thường của tất cả mọi duyên hợp và tìm cách giải thoát. Nếu chúng ta không thoát khỏi những trói buộc của cuộc đời, chúng ta sẽ phải đối mặt với cái chết mãi mãi. Về phương diện này, vai trò của cái chết thật rõ ràng. Nếu một người thấy cái chết không chịu nổi, thì họ phải hết sức cố gắng để vượt qua cái vòng sanh tử, tử sanh.

(còn tiếp)

THÊM MỘT CHÚT TINH-TẤN

Như Yến

Trong Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, Phẩm “Thọ Học Vô Học Nhưn Kỳ”, Phẩm thứ 9, Phật Thích-Ca đã dạy những lời sau cho các vị Bồ-Tát:

.... “*Ta cùng bọn ông A-Nan ở chỗ Đức Phật Không-Vương đồng-thời phát-tâm Vô-Thượng Chánh-Đẳng Chánh-Giác. A-Nan thường ưa học rộng, còn ta thường ưa siêng-năng tinh-tấn. Cho nên, nay ta đã thành vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác, mà A-Nan hộ-trì pháp của ta....*”

Theo như lời dạy của Đức Thế-Tôn, tinh-tấn rất quan-trọng trên đường tu học. Hạnh tinh-tấn là một hạnh rất quan-trọng trong việc thực-hành Phật-pháp để đưa hành-giả đến “mục-tiêu” Niết-Bàn an-vui, đến “mục-tiêu” quả-vị.

Hẳn-nhiên, các Phật-tử đồng-ý: tinh-tấn rất quan-trọng trong khi thực-hành Phật-Pháp. Tuy-nhiên, không phải tất-cả Phật-tử đều hiểu rõ ý-nghĩa và phương-pháp để áp-dụng tinh-tấn vào việc tu tâm cho riêng mình.

Hỏi: Tinh-tấn là gì?

Đáp: (Đây là vài câu trả-lời thu-góp được:)

1. Cố-gắng!
2. Đại-khái là cố-gắng!
3. Không rõ lắm. Thì cố-gắng vậy thôi.
4. Thì cố-gắng chứ làm sao?
5. Cố-gắng mà không phải cố-gắng kiểu thường.
6. Thì tinh-tấn!

Hỏi: Đồng-ý tinh-tấn là cố-gắng. Vậy làm sao mà áp-dụng tinh-tấn vào việc tu tâm?

Đáp: (Đây là vài câu trả-lời thu-góp được:)

1. Cố-gắng thì cố-gắng chứ ai biết làm sao mà cố-gắng.
2. Không rành.
3. Không chắc lắm. Chỉ biết là cố-gắng thôi.
4. Mmmm.....?!?! Mà hỏi làm gì?
5. Thì cố-gắng đại.

Hỏi: Nêu một thí-dụ về tinh-tấn được không?

Đáp: (Đây là vài câu trả-lời thu-góp được:)

1. Ai mà biết?
2.?!?!.... (im-lặng)
3. Thì cố-gắng đại.
4. Không rành.
5. Không biết.

Tinh-tấn là gì?

“Tinh-tấn Ba-La-Mật” là nghị-lực, là bền-chí, là cố-gắng, là quyết-tâm đạt cho bằng được mục-tiêu cuối cùng. Bồ-Tát luôn-luôn cố-gắng và luôn-luôn tự-tin. Thất-bại là một bước tiến đến thành-công. Chương-ngại và nghịch-cảnh thêm nghị-lực và ý-chí phấn-đấu. Nguy-biến thêm can-đảm. Khó-khăn nặng-nhọc không chùn bước. Đau ốm thêm ý-chí phấn-đấu. Bồ-Tát vạch lối đi khó-khăn, vượt qua mọi trở-ngại, và không có bất-cứ

một lý-do nào có thể làm cho Ngài chùn bước.

Tinh-tấn là một nỗ-lực không ngừng của nội Tâm để đạt đến mục-tiêu của Tâm. Chưa đến mục-tiêu thì không ngừng, không chểnh-mảng lười-biếng, và không chịu thua bất-cứ chướng-ngại hoặc nghịch-cảnh nào. Tinh-tấn chận-đứng hoặc giảm-thiểu hoạt-động của phàm-Tâm để giúp Chân-Tâm càng ngày càng dễ hiển-lộ hơn. Dùng “mục-tiêu” làm phương-tiện đo-lường tinh-tấn, và tự khuyến-khích suốt đường đi Niết-Bàn. Tinh-tấn là năng-lực tinh-thần, là sức-khỏe của nội-tâm, là nỗ-lực không ngừng,

Tinh-tấn là cố-gắng. Kiên-trì cố-gắng. Siêng-năng cố-gắng. Miệt-mài tu-tâm không ngừng-ngĩ. Cố-gắng giữ Phật-Pháp trong Tâm. Cố-gắng bất-kỳ thời-tiết, bất-kỳ sức-khỏe, bất-kỳ hoàn-cảnh, bất-kỳ tâm-trí. Tóm lại, tinh-tấn là phương-tiện giúp Phật-tử diệt những lý-do cản-trở của Thân và những thói-thác của Tâm. Có tinh-tấn là có dụng-cụ phá khó-khăn cản lối đi tới của lòng chí-thành tu tâm.

Tinh-tấn là ý-chí sắt đá và dững-mãnh. Tinh-tấn là một phẩm-hạnh hiện-diện trong các phương-thức thực-hành Phật-pháp.

Trong 6 Ba-La-Mật, “Chánh Tinh-Tấn” ngăn-ngừa không cho phát-sanh những tư-tưởng bất-thiện chưa phát-sanh, và làm cho những tư-tưởng thiện đã phát-sanh càng nảy-nở thêm. Tinh-tấn nỗ-lực phục-vụ thiện (“thiện” tức là an-vui cho mình và mọi người, là bình yên và vui vẻ của tất cả chúng sanh).

Trong 7 Giác Chi, Tinh tấn được gọi là “Bồ Đề Tấn”, là một trong 7 nhưn sanh quả Bồ Đề, là một trong 7 phương thuốc để trị bệnh vô minh (bệnh quên). Phàm Tâm vô minh “quên” Phật Tánh hằng có trong mỗi mỗi chúng sanh, và Tinh tấn là thuốc “nhớ” để đối trị bệnh “quên”.

Trong 4 Chánh Cần, Tinh tấn là tác động của 4 lối cố gắng chơn chánh. Đối với các

“thiện pháp”, Tinh tấn duy trì thiện pháp sẵn có, và làm cho phát sanh thiện pháp chưa có. Đối với các “ác pháp”, Tinh tấn diệt trừ ác pháp đã có và ngăn ngừa không cho phát sanh ác pháp chưa có. “Thiện pháp” mang an lạc đến chúng sanh. “Ác pháp” khiến chúng sanh đau khổ.

Tinh tấn hiệp với Trí Tuệ thành một năng lực vô cùng trọng yếu có thể hoàn tất mọi việc. Tinh tấn duy trì sự tăng trưởng của Trí Tuệ.

Lấy thí dụ hàng ngày cần uống một lượng thuốc điều đủ để kềm bệnh áp huyết giúp bệnh nhân sống bình thường khỏe mạnh. Áp huyết cao cần lượng thuốc nhiều. Bệnh còn thì thuốc phải còn. Bệnh áp huyết ví như phàm Tâm. Thuốc ví như Phật Pháp. Lượng thuốc ví như lượng Tinh tấn. Thuốc giúp bệnh nhân sống khỏe mạnh ví như Phật Pháp giúp sanh sống an vui. Bệnh còn thì thuốc còn. Chưa đạt mục tiêu thì còn tinh tấn. Thuốc và Tinh tấn cần hiện diện bất kể hoàn cảnh và bất cứ nơi đâu.

Luôn luôn tinh tấn. Cần tinh tấn trong mọi hoàn cảnh, trong mọi tình huống của Tâm, mọi thể chất của Thân, mọi thời, mọi lúc, mọi nơi, v.v... Đức Phật có dạy: “Chúng-sanh là Phật sẽ thành”, và Phật-tử tin-tưởng như vậy. Bây-giờ “mang thói-quen làm chúng-sanh” nên cần tinh-tấn, chuyên-cần thực-tập “thói-quen làm Phật”. Càng tinh-tấn thì càng gần Niết-bàn an-vui.

Lấy thí-dụ đi bộ đường xa, bước này rồi đến bước kia, cố-gắng để một chân về phía trước của chân kia, cố-gắng liên-tục như vậy cho đến khi nào đến nơi. Chưa đến nơi thì vẫn còn bước. Mỗi bước đều đưa hành-giả đến gần mục-tiêu hơn. Mỗi bước có thể ngắn dài, nặng nhẹ, nhanh chậm, có khác-biệt. Việc bước tới là quan-trọng nên không cần phân-loại, phê-bình mỗi bước tới, miễn là bước tiến chứ không lùi. Tinh-tấn đi đến Niết-bàn ví

như hành-nhân cố-gắng bước từng bước một cho đến nơi. Chỉ đơn-thuần một sự cố-gắng mà không phân-bì, không chê-khen, không sợ-sệt, không sờn lòng nản chí. Vì mục-tiêu nên mỗi chân vẫn cứ bước đi tới. Vì Niết-Ban, vì an-vui, vì giải-thoát đau-khổ, vì thanh-tịnh, cho nên hành-giả tinh-tấn thực-hành Phật-Pháp, bất-kể đau ốm, biếng-lười, nghịch-cảnh, v.v....

Lấy thí-dụ mình theo học một lớp thực-tập đàn Tây-ban-cầm, rồi một hôm nghe tiếng đàn của Andrés Segovia ("vua" đánh đàn Tây-ban-cầm), mình biết tài-nghệ của mình kém, nên mình lấy kết-quả của ông Segovia làm mục-tiêu cho mình, và mỗi ngày chuyên-cần luyện-tập đàn. Khả-năng của ông Segovia là mục-tiêu cố-gắng cho người tập đàn. Đức-hạnh của Chư Phật và Bồ-Tát là gương sáng, là mục-tiêu cho hành-giả tinh-tấn. Tập đàn thường xuyên ví như liên-tục tinh-tấn thực-hành Phật-pháp. Tinh-tấn thực-hành trong mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút, mỗi niệm, mỗi cử-động của Thân, mỗi suy-nghĩ của Tâm, v.v..... Tinh-tấn không sợ quả-vị Phật-Đà quá cao, khó với tới nổi. Tinh-tấn không sợ tu quá lâu. Nhứt-định tinh-tấn vượt qua 3 "a-tăng-tỳ" kiếp! Kiên-trì thực-hành Phật-pháp, vì mình nhắm thẳng mục-tiêu Niết-Bàn an-vui, vì mình tin-tưởng mãnh-liệt ở Tam-Bảo dẫn-dắt, tin-tưởng Phật-Pháp vi-diệu, và tin-tưởng lời của Đức Phật: "Ta là Phật đã thành, chúng-sanh là Phật sẽ thành." Tinh-tấn tiến tới. Cố-gắng từng lúc thực-hành. Kiên-trì tu-tập vì có mục-tiêu, vì có gương lành để noi theo.

Tinh-tấn bao-lâu thì đạt được mục-tiêu? Tu-Tâm bao giờ xong? Hát một bài bao nhiêu lần thì hát hoàn-hảo? Đánh một bản nhạc bao nhiêu lần thì đánh đàn trở thành điều-luyện? Học thi thì học bài cũ bao-nhiêu lần mới đủ làu-thông? Nấu bao-nhiêu nồi cơm thì tài nấu-nướng tuyệt-hảo? Luyện hát thì phải hát

hoài-hoài. Luyện chơi đàn thì phải đánh đàn hoài-hoài. Luyện thi thì phải học bài cũ hoài-hoài cho nhuần-thấm. Luyện nấu cơm thì phải tập nấu hoài-hoài cho phương-pháp nấu-nướng "nhập tâm". Luyện tu Tâm thì Tâm cần lập lại hoài-hoài cái Phật-pháp vi-diệu. Đây, cái khó ở đây không phải là Phật-tử không có khả-năng, mà khó ở chỗ là thời-gian trừu-tượng. Khó vì hành-động nhàm, dễ chán-nản. Khó vì hành-động chưa quen, thấy thất-bại nên dễ nản. Cha mẹ thường khuyên con: "Cố-gắng chuyên-tâm học-hành thì sẽ có ngày thành-công." Nay mượn lời này để tự mình nhắc-nhở mình trên bước đường hành đạo.

Tranh-đua cần đối-tượng thì tinh-tấn cũng cần đối-tượng. Đối-tượng của tinh-tấn là gì? Là ai? Phật-tử chạy đua với ai? Cần đối-tượng để Phật-tử dễ biết mình có tiến-bộ? Khó-khăn của Phật-tử là "mình đấu với mình". Thắng hoặc thua cũng là mình! Lấy thí-dụ cha mẹ khuyên con học-hành siêng-năng cho tương-lai, và cha mẹ đặt ra "mục-tiêu" (thí-dụ: đòi-hỏi bài thi phải được mấy điểm) và tập cho con quen "thời-khóa-biểu" (đúng giờ nào thì con bắt-đầu ngồi học bài, đến giờ nào thì con phải đem bài trình cho cha mẹ duyệt lại). Cha mẹ đặt mục-tiêu và thời-khóa-biểu để giúp con siêng học điều-độ. Lấy thí-dụ người tập đàn thì đặt "mục-tiêu" (tập một bài trong 3 tháng để cố dự kỳ thi lên lớp, lên lớp cũng là một mục-tiêu), và tự ấn-định "thời-khóa-biểu" (mỗi ngày tập đàn 3 giờ liên-tục, không gián-đoạn). Cũng như thế, Phật-tử cần đặt cho mình "mục-tiêu" và "thời-khóa-biểu" để giúp mình tinh-tấn điều-độ.

Vài thí-dụ Áp-dụng tinh-tấn:

Không tinh-tấn thì chẳng biết khi nào mới hưởng an-vui. Phật-tử nên nhớ lời dạy của Đức Phật, nhờ tinh-tấn nên Đức Phật thành

Phật trước trong khi Đức A-Nan vẫn hộ-pháp.

Muốn áp-dụng tinh-tấn, thì hành-giả cần đặt “mục-tiêu” để tự khuyến-khích, bền-chí đi tới, và cần “thời-khóa-biểu” để tự kiểm- chế sự biếng-trệ, tự thắng các chướng-ngại.

1. Thí-dụ: mục-tiêu là “100% chú-tâm”. Dùng thời-gian chú-tâm liên-tục như một dụng-cụ đo-lường sự tiến-bộ của việc hành pháp. Dựa vào mục-tiêu để tự khuyến-khích, tự cho “điểm”, tự vui-mừng với các thành-quả “giữa đường”, ví-dụ như “Vui quá! Hôm nay mình chú-tâm 100% trong việc niệm kinh suốt 5 phút liên-tục, không nghĩ đến gì khác trong 5 phút này.” hoặc là “Vui quá! Kỳ tọa-thiền này, mình theo-dõi đề-mục có vẻ lâu hơn mấy hôm trước.”

2. Thí-dụ: “thời-khóa-biểu” là một giờ thực-hành vào đúng 6 giờ sáng, thực-hành liên-tục một giờ không được gián-đoạn giữa chừng, và một giờ thực-hành đúng lúc 9 giờ đêm, thực-hành liên-tục một giờ không được gián-đoạn giữa chừng, vận đồng-hồ reng đàng-hoàng chứ không được ăn-gian chính mình.

Ban-đầu, chưa quen “mục-tiêu” nên chưa thấy tiến-bộ, và chưa quen “thời-khóa-biểu” nên cảm-thấy lười nhớt-nhát lắm. Phật-tử giữ nổi kỷ-luật, nghiêm-khắc với chính mình thì riết sẽ quen, dần-dà sẽ thành thói-quen. Chúng-ta có “thói-quen làm chúng-sanh” với phàm-Tâm bung-thừa, dễ-dãi lâu nay rồi, nên ngày nay chúng-ta thực-tập cho thành “thói- quen làm Phật” với Chân-Tâm thanh-tịnh, Phật-Tánh kim-cang. Vậy thì, Phật-tử thực-tập điều-độ, tinh-tấn điều-độ, và dần-dà sẽ có thói-quen “Tâm an-vui”.

Thí-dụ: Tụng Kinh:

Mục-tiêu cho “Tâm tụng Kinh” là chú-tâm hoàn-toàn trong việc tụng-niệm kinh, Tâm không bị chi-phối bởi bất-cứ việc gì.

Thời-khóa-biểu là mỗi sáng đúng 6 giờ

sáng thì khởi sự tụng kinh cho đến đúng 7 giờ mới được ngừng, và đúng mỗi cuối tuần vào thứ bảy thì đi chùa tụng kinh với chư vị Tăng Ni và mọi người.

Mục-tiêu và thời-khóa-biểu phải được triệt-để giữ. Không được viển lý-do thoái-thoát nào cả. Mệt cũng tụng-kinh. Bệnh cũng tụng-kinh. Chủ nợ đòi cũng tụng-kinh. Lười-biếng cũng tụng-kinh. Mưa cũng tụng-kinh. Nắng cũng tụng-kinh. Tuyết cũng tụng-kinh. Vui cũng tụng-kinh. Buồn giận cũng tụng-kinh. Hễ đúng giờ thì Phật-tử phải tụng-kinh, và cố-gắng giữ Tâm trên mục-tiêu. Kiên-trì với mục-tiêu và thời-khóa-biểu như vậy sẽ thấy Tâm càng ngày càng tĩnh-lặng, Tâm càng ngày càng bình-yên. Kiên-trì thì cảm-giác được, hiểu được, vui được, hưởng được sự thanh-tịnh an-vui; mình “chứng-thấy” sự an-vui như lời Phật dạy, như chư Tăng Ni thuyết-pháp. Có làm thì có hưởng! Có làm thì biết khó! Có làm thì thông-cảm cái khó của mọi người chưa tinh-tấn! Tinh-tấn mau an-vui. Chưa tinh-tấn thì chưa an-vui.

Tinh-tấn giữ Tâm liên-tục trong mỗi một lời tụng kinh. Cố-gắng giữ Tâm “khẩn” với từng chữ, từng âm-thanh đang tụng niệm. Kiên-trì chú-tâm trong lời kinh và chú-nguyện của Phật. Tinh-tấn không cho Tâm chạy về quá-khứ hoặc tương-lai, ví như sự kiên-trì của người Mẹ nắm tay người con nhỏ, không cho con rời xa Mẹ. Cố-gắng không nghĩ đến việc gì ngoài việc tụng kinh. Liên-tục giữ Tâm tụng kinh, trong từng niệm, từng tiếng chuông, từng tiếng mõ. Tinh-tấn ví như buộc-chặt Tâm của người tụng với Phật-Tâm thanh-tịnh, khiến Tâm không rời chú-nguyện của Phật. Tiếng chuông mõ liên-tục vang thì tinh-tấn liên-tục giữ Tâm với tụng kinh. Tinh-tấn tụng kinh để liên-tục cắt-dứt mọi suy-nghĩ khác. Tinh-tấn! Kiên-nhẫn với chính mình. Tự khuyến-nhủ mình: “Thêm một chút tinh-tấn.”

*

Thí-dụ: Lăn chuỗi Niệm Phật:

Mục-tiêu cho “Tâm niệm Phật” là chú-tâm hoàn-toàn vào việc niệm, Tâm không chi-phối vào bất-cứ việc gì khác ngoài việc niệm Phật.

Thời-khóa-biểu là mỗi sáng đúng 6 giờ sáng thì khởi sự lăn chuỗi niệm Phật cho đến đúng 7 giờ mới được ngừng, và mỗi tối đúng 9 giờ tối thì khởi sự lăn chuỗi niệm Phật cho đến đúng 10 giờ tối mới được dừng.

Mục-tiêu và thời-khóa-biểu phải được triệt-để giữ. Không được viện lý-do thối-thoát nào cả. Mệt cũng lăn chuỗi niệm Phật. Bệnh cũng lăn chuỗi niệm Phật. Chủ nợ đòi cũng lăn chuỗi niệm Phật. Lười-biếng cũng lăn chuỗi niệm Phật. Mưa cũng lăn chuỗi niệm Phật. Nắng cũng lăn chuỗi niệm Phật. Tuyết cũng lăn chuỗi niệm Phật. Vui cũng lăn chuỗi niệm Phật. Buồn giận cũng lăn chuỗi niệm Phật. Làm lạc mất xâu chuỗi thì cũng niệm Phật! Hễ đúng giờ thì Phật-tử phải lăn chuỗi niệm Phật, và cố-gắng giữ Tâm trên mục-tiêu. Kiên-trì với mục-tiêu và thời-khóa-biểu như vậy sẽ thấy Tâm càng ngày càng tĩnh-lặng, Tâm càng ngày càng bình-yên. Kiên-trì thì cảm-giác được, hiểu được, vui được, hưởng được sự thanh-tịnh an-vui; mình “chứng-thấy” sự an-vui như lời Phật dạy, như chư Tăng Ni thuyết-pháp. Có làm thì có hưởng! Có làm thì biết khó! Có làm thì thông-cảm cái khó của mọi người chưa tinh-tấn! Tinh-tấn mau an-vui. Chưa tinh-tấn thì chưa an-vui.

Tinh-tấn giữ liên-tục trong việc niệm, không cho nhớ các việc đã qua và không nghĩ đến những việc chưa đến. Nếu Tâm “lờ” lao-xao nhớ về lúc xưa hoặc “lờ” nghĩ các việc tương-lai, thì tinh-tấn “kéo” Tâm trở về việc niệm Phật. Không nản lòng vì Tâm quên mục-tiêu. Không màng nhớ đến các hạt chuỗi trước. Không màng đến các niệm đã qua.

Cố-gắng giữ sự chú-tâm ở lăn niệm hiện-thời. Không đếm số lăn “quên” chú-tâm. Nhứt-quyết không quên trong niệm hiện-tại. Tinh-tấn trong hiện-tại. Nếu Tâm lo-lắng việc nhà, buồn việc gia-đình, bồn-chồn tính-toán, nếu Tâm quên niệm liên-tục, thì tinh-tấn tự khuyên-nhủ: “Ráng thêm 5 niệm nữa thôi” hoặc là “niệm thêm 3 phút nữa thôi”. Bền-chí với chính mình. Tinh-tấn! Kiên-nhẫn với chính mình. Tự khuyên-nhủ mình: “Thêm một chút tinh-tấn.”

Thí-dụ: Tọa thiền:

Mục-tiêu giữ “Tọa-thiền” (ngồi thiền) là giữ Tâm ở đề-mục thiền, theo-dõi mọi biến-chuyển của Thân và Tâm mà không được nghĩ đến bất-cứ một việc gì khác.

Thời-khóa-biểu là mỗi sáng đúng 6 giờ sáng thì khởi sự tọa-thiền cho đến đúng 7 giờ mới được ngừng, và mỗi tối đúng 9 giờ tối thì khởi sự tọa-thiền cho đến đúng 10 giờ tối mới được dừng.

Mục-tiêu và thời-khóa-biểu phải được triệt-để giữ. Không được viện lý-do thối-thoát nào cả. Mệt cũng tọa-thiền. Bệnh cũng tọa-thiền. Chủ nợ đòi cũng tọa-thiền. Lười-biếng cũng tọa-thiền. Mưa cũng tọa-thiền. Nắng cũng tọa-thiền. Tuyết cũng tọa-thiền. Vui cũng tọa-thiền. Buồn giận cũng tọa-thiền. Làm lạc mất xâu chuỗi thì cũng niệm Phật! Hễ đúng giờ thì Phật-tử phải tọa-thiền, và cố-gắng giữ Tâm trên mục-tiêu. Kiên-trì với mục-tiêu và thời-khóa-biểu như vậy sẽ thấy Tâm càng ngày càng tĩnh-lặng, Tâm càng ngày càng bình-yên. Kiên-trì thì cảm-giác được, hiểu được, vui được, hưởng được sự thanh-tịnh an-vui; mình “chứng-thấy” sự an-vui như lời Phật dạy, như chư Tăng Ni thuyết-pháp. Có làm thì có hưởng! Có làm thì biết khó! Có làm thì thông-cảm cái khó của mọi người chưa tinh-tấn! Tinh-tấn mau an-vui. Chưa tinh-tấn thì chưa an-vui.

Tinh tấn theo dõi và ghi nhận Thân Tâm vô thường. Nếu Tâm quên đề mục thì tinh tấn "kéo" Tâm trở về đề mục. Nếu Tâm nghĩ về quá khứ hoặc nhớ về tương lai thì cố gắng giữ Tâm trên đề mục, trong hiện tại. Lần suy nghĩ trước qua rồi, nên không nghĩ đến nó nữa. Lần niệm trước qua rồi, nên không nghĩ đến nó nữa. Tinh tấn trong lúc này. Tinh tấn trong niệm hiện tại. Nếu cảm thấy đau chân vì ngồi thiền lâu trong một tư thế, thì tinh tấn dựa vào cảm thọ đau chân để giữ Tâm trong Thân, hướng dẫn Tâm lần lần về đề mục thiền, giữ Tâm trong thời hiện tại. Nếu Tâm than bệnh, Tâm than đau, Tâm than khổ, Tâm than buồn, Tâm chán nản, Tâm muốn đi chơi, thì tinh tấn khuyên nhủ: "Rán thêm 5 niệm nữa thôi!" hoặc "Rán thêm vài phút tọa thiền nữa thôi". Bền chí với chính mình. Tinh tấn! Kiên nhẫn với chính mình. Tự khuyên nhủ mình: "Thêm một chút tinh tấn"

Thí dụ: Thực hành lời khuyên nghe trong buổi thuyết pháp:

Thí dụ: Lời chư Tăng thuyết pháp dặn dò như vậy: "giữ Tâm không giận, giữ hành động hòa hoãn, vì mọi việc không tồn tại mãi mãi".

Mục tiêu theo dõi Tâm xem mình có giận không, và khi vừa bắt gặp Tâm không vui, Tâm bực bội, hoặc Tâm giận, thì mình tức thì lập lại lời thuyết giảng và thực hành "hòa hoãn" cho đến khi nào Tâm hết giận mới thôi.

Thời khóa biểu là theo dõi Tâm thường xuyên về một cảm giác giận, theo dõi suốt ngày, trong lúc làm việc, trong lúc suy nghĩ băng quơ, trong lúc nói chuyện với gia đình, trong lúc bàn bạc với bạn bè, trong lúc giận v.v...

Mục tiêu và thời khóa biểu phải được triệt để giữ. Không được viện lý do thoát nào cả. Mệt cũng theo dõi Tâm. Bệnh cũng theo dõi Tâm. Chủ nợ đòi cũng theo dõi Tâm. Lười biếng cũng theo dõi Tâm. Mưa cũng theo dõi

Tâm. Nắng cũng theo dõi Tâm. Tuyết cũng theo dõi Tâm. Vui cũng theo dõi Tâm. Buồn giận cũng theo dõi Tâm. Hết biết Tâm buồn giận thì tức thì giữ mục tiêu, lập lại lời thuyết pháp, rồi giữ hành động hòa hoãn, tự dạy Tâm hòa hoãn. Kiên trì với mục tiêu và thời khóa biểu như vậy sẽ thấy Tâm càng ngày càng tĩnh lặng, Tâm càng ngày càng bình yên, càng bớt giận và sẽ hết giận. Kiên trì thì cảm giác được, hiểu được, vui được, hưởng được sự thanh tịnh an vui; mình "chứng thấy" sự an vui như lời Phật dạy, như chư Tăng Ni thuyết pháp. Có làm thì có hưởng! Có làm thì biết khó! Có làm thì thông cảm cái khó của mọi người chưa tinh tấn! Tinh tấn mau an vui. Chưa tinh tấn thì chưa an vui.

*

Phật Pháp dạy các phương thức cho Tâm thực hành để Tâm được an vui, tĩnh lặng. Vậy Phật tử kiên nhẫn thực hành, chú tâm với Phật Pháp, thì nhất định Phật tử sẽ có "thói quen" an vui, tĩnh lặng. Nhờ tinh tấn, chính Phật tử sẽ hưởng được sự an vui, chứ không phải chỉ nghe suông lời của Tăng Ni giảng thuyết, hoặc học suông lời của Đức Phật dạy. Tinh tấn thì chắc chắn sẽ được hưởng sự an vui.

Thành tâm cầu nguyện Tam Bảo hộ trì cho tất cả quý vị được sự an vui, Tâm tinh tấn tu hành, mau hiển lộ Chân Tâm, mau tỏ ngộ Phật tánh.

Nam mô chư Phật trong quá khứ, trong hiện tại và trong tương lai. ■

Như Yên

California, 5 tháng 5, 1996



thơ TRẦN TRUNG ĐẠO

Đối Cả Thiên Thu

Tiếng Mẹ Cười

Nhắc chiếc phone lên bỗng lặng người
Tiếng ai như tiếng lá thu rơi
Mười năm mẹ nhỉ, mười năm lẻ
Chỉ biết âm thầm thương nhớ thôi.

Buổi ấy con đi chẳng hẹn thề
Ngựa rừng xưa lạc dấu sơn khê
Mười năm tóc mẹ màu tang trắng
Trắng cả lòng con lúc nghĩ về.

Mẹ vẫn ngồi đan một nỗi buồn
Bên đời gió tại với mưa tuôn
Con đi góp lá nghìn phương lại
Đốt lửa cho đời tan khói sương.

Tiếng mẹ nghe như tiếng nghẹn ngào
Tiếng Người hay chỉ tiếng chiêm bao
Mẹ xa xôi quá làm sao với
Biết đến bao giờ trông thấy nhau.

Đừng khóc mẹ ơi hãy rán chờ
Ngậm ngùi con sẽ dấu trong thơ
Đau thương con viết vào trong lá
Hơi ấm con tìm trong giấc mơ.

Nhắc chiếc phone lên bỗng lặng người
Giọng buồn hơn cả tiếng mưa rơi
Vì mà tôi đối thời gian được
Đối cả thiên thu tiếng mẹ cười.

Chuyện Đời Mẹ

Con chẳng về đâu dù mưa hay nắng
Sông Thu Bốn trắng tháng bảy còn in
Mười năm trời con làm mây viễn xứ
Mười năm dài biển biệt dấu chân chim.

Ngày mẹ chết con chửa tròn một tháng
Cha tảo tần sớm nắng với chiều mưa
Thiếu sữa mẹ đời con thành đại hạn
Thiếu lời ru con lớn với lọc lừa.

Ngày mẹ chết con nằm trong máng cỏ
Có hay đâu mây kéo một phương trời
Cha vẫn cho con một vành tang nhỏ
Con mang đi, đi suốt phận con người.

Từ mẹ chết cha một đời góa bụa
Sống âm thầm trong mái lá tường xiêu
Xin cho con bú từng hơi sữa lạ
Giọt mồ hôi nhỏ xuống chén cơm chiều.

Những đêm mưa con nằm nghe cha kể
Chuyện đời cha dài như một giọng sông
Mẹ có đẹp? Cha nhìn xa không nói
Nhưng con nghe dao cắt ở trong lòng.

Chuyện cha mẹ gặp nhau không cười hỏi
Buổi giao thời xiêu lạc cả bà con
Rượu tân hôn cha thay bằng nước với
Dưới hàng tre Nghi Hạ nắng hanh vàng.

Và phương ấy bao mùa mưa sẽ đến
Nấm mốc hoang hương khói lạnh từ đây
Cầu xin mẹ bình yên qua chín cõi
Trên đường gian con nỗi cuộc lưu đày.

Đồng Xu Lá Bài

Phạm Thăng

Gió càng lúc càng thổi mạnh. Thăng Phiên ngược cổ nhìn lên đọt cau, nó lo sợ kêu lớn:

— Giai ơi, xuống đi, gió quá xá mây ơi!

Nó hét thật lớn, chắc thăng Giai không nghe. Đứng dưới nhìn lên thấy bạn giống như con nhái ốm đang ôm cọng sậy ngã nghiêng trên mặt nước, trống ngực nó đập thình thình. Đám cây cau ốm, thân trắng mốc thích bị gió thổi nghiêng qua một phía, mấy tầng lá phân phật như mấy đầu tóc chơm bươm bị gió đùa về một bên.

Thăng Giai cũng biết gió chướng từ cánh đồng thổi về mạnh lắm nên nó ôm chặt ngọn cau để nhìn xuống đất thấy đám chuối oạt òa oạt oại, cây cỏ bên dưới bị gió đè nằm rạp và bóng dáng thăng Phiên nhỏ xíu hai tay đang làm loa, ngược trật ót nhìn lên, miệng mở lớn. Chắc nó kêu nói gì đó mà Giai không nghe. Tiếng gió ù ù bên tai, nó nhắm mắt, cảm thấy mọi vật quay mòng mòng.

Mỗi khi nó leo cau ngó mông bốn phía thấy thích thú, nó đâu có sợ. Quen quá rồi, chờ cơn gió hơi dịu, nó tuột xuống. Mọi lần nó dùng hai bàn tay để chịu thân cau, hai chụm vẫn nằm trong cái nài bằng dây dừa, chỉ hơi thả lỏng dừng quá ôm chặt thân cây rồi cứ để cả người tuột lần xuống, nhưng lần này gió thổi quá lớn, nó cảm thấy choáng váng nên tuột thật mau, không kèm chế được.

Hai chụm vừa chạm đất, nó buông tay ngồi bệt xuống, mặt tái xanh. Thăng Phiên hoảng

hồn bước tới rờ trán Giai, hỏi dồn:

— Mèn ơi, sao mặt mày mây tái lét vậy? Bộ trúng gió hả?

Giai rán mở mắt, tiếng trả lời nhẹ như hơi thở:

— Hồng sao, tao hơi mệt thôi.

Phiên cứ xăng văng, xéo véo:

— Ủa, coi cái ngực mày bị trầy, tróc da chảy máu kìa.

Thăng Giai cúi nhìn, lấy tay vuốt ngực xuống bụng rồi cười:

— Hèn chi tao thấy rất... ờ, ờ bị trầy da rồi, ối, nhầm nhò gì, hồng sao đâu mây ơi.

— Chắc tại gió lớn hay tại mây bịnh? chờ mọi lần mây ngon lành quá mạng. Một tay xách buồng cau, một tay ôm thân cây tuột xuống dễ ợt, đâu có sao...

— Tao thấy quay mòng mòng nên từ trên đọt cau tao tuột đại xuống cho mau, mới bị tróc da.

Như nhớ lại, Giai hỏi:

— Tụi mình hôm nay bẻ được mấy buồng cau rồi?

Thăng Phiên ngồi xuống liếc mấy buồng cau bên cạnh, trả lời:

— Mới có 3 buồng.

Giai ngạc nhiên:

— Ủa, tao nhớ leo 3, mây leo 1 là 4, sao lại có 3 buồng cau?

— Thì 4, nhưng chỉ có 3 buồng lớn, buồng kia le que hai ba nhánh có trái dày, còn toàn là nhánh khô, trái lép... ai thèm tính công cho mình, nhưt là bà Bảy Mập “rít chửa” có tiếng, mây quên sao. Nghĩ tức thiệt, họ giàu mà coi đồng xu còn lớn hơn cái bánh xe.

Nghe thăng bạn nói, Giai thở dài. Nó biết thăng Phiên nói đúng. Tụi nó leo cau mướn cho bà này hai mùa rồi, chỉ được trả công một đồng xu một buồng cau, mà hễ gặp buồng cau nào lép, bả lại kỳ kèo... kể như bỏ. Bả nói bô bô:

— Tụi bây coi cái buồng cau lép có mười

mấy trái thì tao bán chắc gì mà phải trả công cho tụi bây hái?

— Tụi tui cũng phải leo lên, cắt buồng cau xách xuống cho bà, y như mấy buồng kia.

— Thì tao biết vậy, nhưng mà tụi bây “xính xái” cho tao.

Thằng Phiên tức lắm, nói liền:

— Xính xái. Rồi mấy buồng cau sai trái, cả một trăm trái, nặng muốn xệ tay sao bà hồng tính thêm cho tụi tui?

Bà Bảy mặt hứnó:

— Tụi bây hồng hái thì tao kêu đũa khác leo. Xí, thiếu gì đũa muốn leo mượn kiếm tiền.

Nghe nói vậy, hai đũa tức lắm mà phải nhịn. Tụi nó không leo cau cho bà nầy thì kẹt lắm, vì vườn bả có nhiều cau đúng lứa, đũa nào trong xóm cũng mê. Thằng Giai và thằng Phiên thì “chịu” mấy hàng cau của bả trồng gần nhau, nếu gan dạ chỉ cần nắm tàu lá cây bên kia để từ cây nầy đu qua, khỏi cần tuột xuống leo lên mất thì giờ. Lần nào leo cau vườn nầy, một đũa leo lên, miệng cắn theo sợi dây luộc nhỏ dài gấp hai cây cau, một đũa cầm đầu dây kia đứng dưới gốc thả ra từ từ theo thằng leo, khi lên tới đọt cau, đũa trên cây choàng dây qua một tàu lá trên tủ hủ rồi cắn thận cắt buồng cau đúng lứa cột vô đầu dây để thằng dưới đất thả dây cho buồng cau chầm chậm xuống an toàn không bị gãy giập. Thằng Giai thường lãnh phần leo cây, khi nhìn xuống thấy thằng Phiên đã mở dây cột buồng cau xong, nó cắn lấy đầu dây nầy vô hai hàm răng rồi lượm sức nhìn đùm lá cây bên cạnh để chuẩn bị phóng qua.

Phần đông người vùng quê tiếc từng tấc đất, khi trồng cau đáng lẽ phải cách xa mỗi cây 2 thước, họ chỉ trồng cách nhau hơn 1 thước nên khi cau lớn lên cùng cao xấp xỉ, hai đùm lá phát phơ gần nhau. Tụi nó cần có gan đừng nhìn xuống đất, chờ ngọn gió nhẹ đưa thân cau là nhanh tay chụp lấy tàu lá kia để

đu qua.

Giai thường nhắc bạn:

— Nè, mầy phải bình tĩnh đừng dòm xuống đất bị chóng mặt, rồi nắm chặt đuôi lá cây kia để đu qua... thật đúng boong, hai chum quạp chắc thân cau... Hì hì... dễ ợt. Nhưng rán nhớ nghen, phải níu lá còn xanh đậm, chớ níu cái lá hơi vàng sấp khô là “tiêu tùng”. Tàu lá xanh nó chắc lắm, hồng dễ gì tét nổi với sức nặng của thân hình óm nhách tụi mình, nhưng nếu là lá khô thì... rớt cái bịch đó nghe bậu.

Thằng Phiên chặn ngang:

— Đừng nói bậy mầy. Leo cây mà kể chuyện té, ông bà mình cũ lắm.

Hôm nay tụi nó lãnh phần leo cau cho bà Bảy mặt. Vì làm quen rồi nên bà giao khoán cho tụi nó lựa cây nào có buồng đúng lứa cứ leo lên hái xuống, lâu lâu bà ra thăm chừng để tụi nó khiêng vô, bà trả tiền công. Hai đũa biết tánh keo kiệt của bà, hôm nay lại bị gió lớn mới bẻ được 3 buồng cau... rười nên buồn xo.

Thằng Phiên nhìn lại chỗ xước của bạn, nói:

— Mầy phun nước miếng vô tay thoa lên chỗ đó, chịu rát một chút, nó hết liền.

Giai an ủi nó:

— Hồng sao đâu. Tao nghĩ tức, sao có người giàu có mà bủn xỉn quá. Tụi mình đem sanh mạng ra để chuyển cây hái trái cho họ, mà họ còn lờng công. Biết vậy, tao để buồng cau nầy ở trên cho nó chín đỏ thành cau tầm vung, coi bả bán được hông?

Phiên cười:

— Thôi đi mầy ơi, hơi sức đâu giận mầy bà rít chúa. Mình để nó thành tầm vung thì kẹt cái buồng kế tiếp làm sao cắt khi chín tới. Rồi mình cũng phải cắt nó xuống mầy ơi... Cái thân leo cau mượn cực như vậy đó, sao mầy hồng chịu đi học như anh mầy để làm thầy thông, thầy ký với người ta?

Giai nghe nó nói, nhớ lại phận mình, cười

giả lá:

— Thì tại tao “mít đặc”, đi học hỏng nhét được chữ nào trong đầu làm sao bằng được anh Mãng của tao. Tao ở nhà phụ giúp ông bà già để một mình anh Mãng đi học. Coi vậy chớ tốn kém lắm mây ơi.

Nói tới đây, nó ngược nhìn bầu trời vẫn còn vẫn vũ. Những tàu lá xoài, lá ổi đập vào nhau xàn xạt. Mấy thân cau lão cao lêu nghêu mốc xám, oạt oại theo gió. Lá khô bay rào rào. Trời nổi giông như trút cơn giận lên đám cây cối. Thăng Phiền hỏi nó:

— Gió quá, tụi mình quảy mấy buồng cau vô hay chờ bả ra để leo nữa?

Giai thần thờ trả lời:

— Tùy mây, tao hết chóng mặt rồi, rán leo nữa cũng được. Hổng lẽ tụi mình bữa nay có 3 xu... lỗ vốn quá.

— Thăng nói niếc. Vốn liếng gì mà lỗ. Mây khoái leo cây ngắm phong cảnh lắm mà.

— Thì nói lỗ vốn cho oai vậy. Bộ mình hổng bỏ công ra leo, đổ mồ hôi còn bị chảy máu như ngày hôm nay, mệt thấy bà. Ngồi trên ngọn cau nhìn xuống đất ruột gan hổng teo sao.

Giai ngừng lại, vuốt cái ngực rướm máu, nói tiếp:

— Tao nói thiệt, tao khoái leo cau để nhìn phong cảnh xóm làng mình. Mây cũng biết đó, ở trên cao mình thấy con rạch Bà Giáo ẩn hiện dưới lùm cây, phía xa là ruộng đồng của bà con trúng mùa, lúa chín vàng lờm nhấp nhô... Ở trên cao mình mới thấy tuốt bên đình Long Bình, thấy cây sọp già che bóng mát sân đình, chỗ mình đánh bầu cua, cá cộp hồi lễ Kỳ Yên... Nhưng cảnh dầu có đẹp mà khi lãnh tiền công cực khổ bị bà chằng nầy chất bóp quá, tao muốn bỏ nghề, ngặt một nôi, tao đang cần tiền để giúp anh Mãng tao.

— Ảnh đi học, cần tiền làm gì?

Giai bứt cọng cỏ bên cạnh, nhai nhai không trả lời. Chất mủ của cỏ non ngon ngọt cho nó

cái vị của đồng quê.

Nó sanh đẻ tại xóm Bà Giáo, lớn lên trong vùng quê có mương xẻo, kinh rạch dọc ngang mang dòng nước đục vì nhiều phù sa màu mỡ. Cuộc sống của nó gắn liền với ruộng vườn như những đứa trẻ khác ở đồng. Còn nhỏ thì theo anh chị lê la đứng dưới bóng mát của cây chuối, cây dừa để rồi học lần lần cuộc sống của cha anh cách mé nhánh xoài, nhánh ổi, cách vét đất dưới mương đắp lên bờ liếp, cách thức mò tôm, bắt cá trong ruộng rạch, để khi trở thành trai trẻ khỏe mạnh biết vác cây phảng phát cỏ lát trong ruộng, lại nối tiếp mọi việc của cha ông truyền lại.

Giai được 12 tuổi, cái tuổi chưa làm được việc quá nặng nhọc ngoài ruộng đồng, cái tuổi của học trò nhỏ vui sướng trong lớp học, cái tuổi chỉ biết chơi u, bắt mọi, bắn đạn, móc đất sét nắn chim cò, nhưng Giai không làm vậy, nó đi hái cau bẻ dứa mướn cho những nhà giàu trong làng, những nhà không có người dám leo cao sợ nguy hiểm.

Gia đình đông anh em, cha Giai bản chất thơ sinh nho học thời trước, giờ đây già yếu, nên trong buổi giao thời của Tây học, ông chỉ còn trông cậy ở các con. Miếng đất hương hỏa không lớn lắm, anh thứ hai của Giai đủ sức cấng đáng, nhờ vậy đến tuổi cấp sách, Giai và người anh kế được đi học như những trẻ khác trong làng, nhưng không biết vì tâm trí không được thông minh như anh hay vì yêu mùi rơm rạ, nó thích sống ngoài ruộng hơn là ngồi gò bó trong bốn vách lá, vì vậy sau ba năm học ở trường làng, đủ biết đọc viết, Giai ở nhà giúp đỡ gia đình, chỉ một mình anh Mãng nó ra học ở chợ Quận. Được cha mẹ bằng lòng cho nghỉ học, nó sung sướng tiếp tay nuôi heo, gà. Củi chụm bếp do tay nó lo. Suốt ngày nó lẩn quẩn ngoài vườn để bẻ nhánh khô, chặt bớt lùm bụi. Không còn một tàu dừa, tàu cau khô nào sót trong mương, nó kéo về sân chặt từng khúc, phơi ráo và xếp

thành đồng gọn ghẽ. Những tàu dừa khô còn lủng lẳng trên cây, nó leo lên kéo xuống, nhờ vậy Giai leo trèo rất giỏi. Buồng cau, quài dừa do một tay nó hái xuống cho má đem ra chợ Ngã Tư bán, khỏi cần anh nó làm như trước.

Từ ngày nó nghỉ học, anh Mãng nó đi thui thủi một mình. Phải ráng chịu vì học xa nhà.

Trường học quận tại chợ Ngã Tư cách nhà chúng nó hơn 5 cây số. Nếu đi bằng xuồng theo sông Long Hồ phải bơi gần nửa buổi, còn đường bộ có hai cách đi: chợ Ngã Tư Long Hồ có xe hơi chạy Vĩnh Long—Cái Nhum. Đi xe này thì mau vì xe chạy nửa giờ tới cầu số 2 là cầu Long Bình chỉ cách nhà chúng nó một đôi đường, độ hút xong điếu thuốc, hoặc đi đường bộ dọc theo bờ sông, len lỏi trên đường đất của xóm nhà có cây trái lòng thông, có bờ rào bông búp nở bông đỏ, vui yà mát mẻ, chỉ hơi mệt vì phải leo qua nhiều cầu khỉ lắt lẻo.

Lúc mới bắt đầu đi học, Giai đi với Mãng, sáng đi chiều về, nhưng mới có hai tuần chúng đã đi trễ năm sáu lần, bị thầy phạt đành phải tìm nhà bà con để ở lại, mỗi tuần chỉ về nhà hai ngày: thứ năm và chúa nhật. (Trước kia, các trường công lập cho học sinh học mỗi ngày hai buổi sáng chiều, được nghỉ ngày thứ năm và chúa nhật). Trọ học ăn cơm tháng phải tốn tiền thêm cho gia đình, mà Giai thì mê đời nông dân nên chỉ còn Mãng ráng theo đuổi sự học cho cha mẹ vui. Vả lại Mãng 14 tuổi mà thân hình mảnh mai yếu đuối không kham nổi việc lội sinh, phát cỏ.

Cứ chiều thứ tư và thứ bảy, Mãng theo đường lộ đá xe hơi về nhà để chiều thứ năm, chúa nhật hôm sau lại lội bộ trở ra.

Năm đầu nó còn được quá giang dò dọc của chú bảy buổi sáng, nhưng năm nay chú đổi nghề, chèo ghe đi Cà Mau mua cá làm mắm, Mãng phải chịu lội bộ vì nó tiếc tiền xe đò, thà để 3 xu trả tiền xe ăn được ba bữa xôi sáng.

Buổi chiều trở ra chợ Ngã Tư, nó vẫn còn dư hương vui vẻ của ngày nghỉ với gia đình, tay xách giỏ tre đựng vài trái cây tùy theo mùa, khi vài trái xoài, lúc trái măng cầu, một miếng mít thơm lừng, bộ quần áo để thay trong tuần, nên nó vừa đi vừa ca hát, nháy nhót vui vẻ. Trên đường gặp xe đò chở hành khách Trà Vinh-Vĩnh Long lướt qua tung bụi mù, mùi hơi xăng khét lẹt, nó không thấy lo lắng vì càng đi gần đến chợ đã thấy nhà cửa cất theo ven đường, sinh hoạt cuộc sống của dân chúng làm cho Mãng vui chớn đi mau, nhưng những buổi chiều thứ tư, thứ bảy, khi trống trường tan học lúc 5 giờ chiều vừa dứt, nó vội ôm cặp vừa đi vừa chạy như đua với mặt trời đỏ ối đang từ từ lặn xuống sau rặng cây, như là những chiều tháng chín, tháng mười, “tháng mười chưa cười thì tối” Mãng cố chạy mau để về đến cầu số 2, trời còn mờ mờ. Hôm nào về đến đây trời sụp tối, khúc đường này vắng lắm, tiếng côn trùng ảnh ương, cóc nhái trong lùm cây bụi cỏ trở giọng thê lương làm thằng bé sợ thêm.

Bà con quê này không thích cất nhà gần đường lộ xe chạy vì sợ cát bụi ồn ào hay vì đã quen sống với vườn tược xây dựng lâu đời dọc theo rạch Bà Giáo, nên khúc đường từ cầu số 1 đến cầu số 4, hương về miệt Cái Nhum lúc bấy giờ không ai cất nhà.

Tại cầu Long Bình có đình Thần rất xưa lại càng thêm phần u tịch, trang nghiêm. Mặc dù những cây dâu cổ thụ, cây sọp nhiều rễ lòng thông, tàng lá sum xuê có nhiều dơi quạ làm ổ và ve sầu kêu ra rả suốt ngày đêm che tàng cho ngôi đình phía trong, xa cầu sắt, Mãng khỏi đi qua chỗ đó, nhưng về gần đến đây vào lúc nhá nhem không còn thấy bóng ai thấp thoáng ngoài ruộng, nó thấy ớn lạnh xương sống. Nó quên những lúc cúng Kỳ Yên, chỗ này vui vẻ náo nhiệt, hàng bánh bán suốt ngày đêm, kèn trống của gánh hát bộ hấp dẫn lôi cuốn bà con, rồi đám trẻ nhỏ như chúng

nó tha hồ tụ họp đánh bầu cua... nhưng ngày thường, chỗ này vắng tanh, mấy thằng chặn trâu còn hù nhát nhau, kể nhiều chuyện ma quái, làm sao nó không sợ?

Đi học tại chợ Ngã Tư hai năm, năm nay lên lớp Nhì, vậy mà nó vẫn chưa quen cái vắng vẻ lạnh lẽo của khúc đường quen thuộc. Nó tìm mọi cách để đi mau mà bớt mệt, như vừa đi vừa đọc bài thuộc lòng, có bao nhiêu bài đọc tới đọc lui, thuộc trơn như cháo. Có hôm về đến đây gặp người quen đi đâu về cùng xóm, nó mừng lắm, hôm đó coi như nó “khỏe ru”. Nhưng dân quê thức khuya dậy sớm làm lụng xong buổi sáng, buổi chiều họ làm việc vặt trong nhà, ngoài vườn, hoặc đi thăm bà con lối xóm, họa hoặc lắm những chiều hoàng hôn mới thấy vài bóng người làm trẽ ngoài đồng để vét lại đường nước trong ruộng, hoặc đắp thêm vài chỗ lở của bờ mậu. Mãng ở quê đã từng nghe ông bà nhắc nhở con cháu, không cho đàn bà con gái tắm giặt lúc chạng vạng dưới sông rạch hay ra ruộng lúc trời nhá nhem, nên Mãng ít gặp được ai trên khúc đường này. Đi học một mình, đôi lúc nó thương thằng em, thương gia đình nghèo, nên dù buồn sợ, nó vẫn kiên trì cố gắng.

Một buổi chiều chửa nhựt, Giai thấy anh lượm nhiều trái mù u (dầu u, một loại cây, trái có dầu, dân quê dùng để đốt đèn) đứng đây cặp học, nó hỏi:

— Anh lượm mù u đem theo chi vậy?

Mãng cười xěn lển:

— Có chuyện xài mà, “thiên cơ bất khả lậu”...

Nhưng sau đó nó nói cho em nghe:

— Có thằng bạn ở miệt Long Đức, nhà xa trường, chiều nào cũng về. Nó dạy anh lấy trái mù u để vừa chạy, vừa đá, sẽ mau... mà hồng mệt.

— Kỳ vậy, chạy mà hồng mệt?

— Nó nói có lý. Anh đã thử rồi, mình chạy

khơi khơi mau thấy chán và mau mệt, còn đá trái mù u tròn tròn này trước mặt, chạy theo... giống như chạy theo trái banh. Vui chứ, chạy hoài... quên mệt. Anh đã thử ngày hôm qua rồi.

Giai thương anh, nó nín thinh. Nó nghĩ phải chi anh nó có thêm ba xu để đi xe, nó nói:

— Anh Mãng à, tui leo cau chơi chơi một lát cũng được 3 buồng là có 3 xu, vậy anh lấy thêm mỗi tuần 6 xu để đi xe về nhà cho sớm.

Mãng hận lại:

— Hồng cần đâu. 5 giờ chiều tan học, xe chạy chuyễn chót đông lắm, ngồi chen nhau chật chội mà tốn tiền, mệt hơn đi bộ. Để dành tiền mua quần áo em ơi. Anh đi bộ quen rồi, thấy khỏe ru.

Không biết có khỏe hay không, nhưng tốn mỗi tháng mấy các bạc cho xe đồ cũng uống, Mãng không nỡ lấy tiền mồ hôi của em mình, nó chịu đựng cảnh vừa chạy vừa đá trái mù u...

Chiều hôm đó trời sấm tối lại có giông mưa, Giai thấy anh về tới nhà mặt mày xanh lét, nó hỏi:

— Anh chạy đá mù u mệt hả? Gần tới nhà rồi còn chạy làm chi.

— Hồng phải. Trên lộ vắng mới chạy, chớ tới xóm nhà đi chậm mà...

— Sao mặt mày xanh lét mà anh thở dữ vậy?

— Tại anh sợ.

— Sợ cái gì?

— Em biết hông. Hồi chiều anh về tới cầu Long Bình, queo vô xóm mình... thấy có... cái mả mới.

— Ờ, tưởng gì, mả của bà Năm mới chết hôm kia. Mà có gì anh sợ?

— Anh về tới đó chạng vạng rồi, con đường quen thuộc hôm nay sao có khoảng cỏ bị phát trống trải, rồi cái mả đất mới đắp nằm chình ình... Nói tới đây anh còn mọc ốc, nổi da gà. Anh thấy ở đầu mả có mấy cọng chơn nhang

với cái thang nhỏ xíu làm bằng cọng chuối, ghê thấy mẹ.

— Anh sao nhát quá. Cứng mở cửa mà nên có cái thang nhỏ cho hôn bà Năm leo lên.

— Đó đa. Bị nghĩ vậy, anh mới ớn. Em nghĩ coi chung quanh vắng tanh lạnh lẽo, mấy con ảnh ương, vạt sành kêu ra rả dưới đám cây ô rô, cóc kèn bên bờ rạch, anh về tới đó đâu biết có cái má mới chôn để... chuẩn bị niệm Phật, chừng tới sát bên, anh hoảng hồn tưởng như có “ai” đang leo lên cây thang nhỏ xíu đó rồi ngồi trên má. Anh dòm dáo dác hồng có bóng người, mà nhà ông chủ Ấp Tám thì cách đó hơn 300 thước, anh nhắm mắt vọt chạy về đây muốn dứt hơi.

Giai thương anh, nó an ủi:

— Tại anh chưa biết có má mới, rồi sẽ quen, hết sợ.

Mãng vẫn còn run:

— Nói vậy chớ mỗi lần qua đó mà tối trời... bà Năm... bả ngồi trên má...

— Nói bậy hoài. Hồng có đâu. Mình làm chuyện phải thì đâu có sợ ma. Ủa, sao anh không đi về ngã bờ sông? Từ chợ Ngã Tư về đây toàn là đi trên đường đất dọc bờ sông, có nhà cửa bà con vui vẻ...

— Anh có đi một hai lần, nhưng mà còn ngán hơn, bởi vì có xóm nhà nuôi nhiều chó, mà anh thì sợ chó.

— Anh cầm cái cây để đập, nếu chúng nó xô ra.

— Thôi đi em ơi. Có lần anh cầm cây, chó thấy còn sủa dữ hơn nữa. Anh sợ nhứt là xóm nhà của Cả Ca, tụi chó ở đó sao nhiều quá. Hễ một con sủa thì ủa ra cả bấy bao vây anh, anh sợ quá, la làng thì có người lớn chạy ra đuổi dùm, nhưng có một lần chó ủa ào ra, anh la chói lói, người lớn chưa ra kịp, đám chó nghe răng trắng nhớn dữ quá, may mà có cây cầu khỉ bắc ngang rạch, anh vọt lên đó đứng run lập cập, đám chó bên bờ kia cũng ào ra sủa om sòm, anh đứng chết trân giữa cầu.

sợ muốn xón đá luôn. Bị vậy, anh bỏ con đường này, thà đi đường bộ xe chạy, có mệt nhưng hồng có chó. Nào dè bây giờ có cái má mới...

Giai an ủi anh:

— Phải có tui đi học với anh, sức mấy mà đám chó của Cả Ca dám ủa. Thôi vô tắm rửa, ăn cơm.

Thằng bé thương anh, nó dự định mỗi chiều thứ tư và thứ bảy sẽ đi đón anh tại cầu Long Bình. Những ngày đó dù có bao nhiêu cau, nó rán leo cho hết, hoặc giao cho thằng Phiên để thả bộ ra phía cầu sắt chờ anh. Mãng biết vậy nên có hôm nó nói với em:

— Nè, anh thấy cái má quen mắt, hết sợ rồi. Em đừng ra đây nữa, mất công chuyện của em.

Giai không nói gì, cứ chiều thứ tư, thứ bảy ra đón Mãng. Đến một buổi, nó vừa tới cầu sắt đã thấy anh nó về tới. Nó ngạc nhiên hỏi:

— Ủa, sao hôm nay mặt trời chưa lặn mà anh tới đây rồi?

Mãng vui vẻ nói với nó:

— Ủa, ở cầu số 1 có anh em thằng Thu, con bác Hương quản Tám, tụi nó học cùng trường với anh tại Ngã Tư. Hai anh em nó có chiếc xe đạp bánh cao su đặc nhưng chạy mau lắm. Chiều nào anh em nó cũng chờ nhau về, anh chạy bộ theo tụi nó, có bạn đường nên hồng mệt. Anh em nó nói đã từng mổ dao tương với em tại sân đình hồi năm ngoái.

— Ờ, em biết tụi nó rồi, tụi nó thua em xiểng niểng. Nhưng mà tụi nó chạy xe đạp, còn anh chạy bộ làm sao hồng mệt?

— Hi hi... Thì anh chạy một lát cảm thấy mệt, anh đi chậm lại, tụi nó... chạy luôn. Nhưng hôm nay tụi nó cho anh đứng trên hai con chuồn chuồn bánh sau xe nên anh mới về tới đây sớm đó.

Thằng Giai hỏi tới nên Mãng nói thêm:

— Tụi nó chờ nhau trên đôn vông, xe đạp tụi nó là xe người lớn nên thằng em ngồi trong

lòng đưa anh, bánh sau xe tụi nó bắt ốc có hai ngạnh như hai còn chuồn chuồn.

— Ủa, tui biết hai ốc xe giống chuồn chuồn, nhờ nó có ngạnh nên anh đứng lên đó chớ gì?

— Đúng vậy, nhưng đứng lâu nhức chơn lấm, mà anh rần chịu, chùng nào chịu hết nổi biểu tụi nó ngừng cho anh bước xuống để chạy bộ theo.

— Sao tụi nó hồng đổi cho anh lên ngồi đôn vòng, còn em nó đứng phía sau?

Mãng cười:

— Mèn ơi, mình quá giang xe nó chớ bộ xe của mình sao, mà nó chịu đứng. Tụi nó còn bắt anh ôm cái cặp cho thằng anh để đạp xe nữa kìa.

Thấy anh mình được quá giang xe đạp mặc dầu đứng trên hai cò con ốc chuồn chuồn đau bàn chơn nhưng được về sớm, Giai cũng yên lòng, nhưng tới một hôm thấy anh nó về, mặt mày buồn xo, hai bàn tay dính mực tèm lem, nó hỏi:

— Sao vậy?

Mãng buồn, trả lời không ra tiếng:

— Chết rồi em ơi, làm sao bây giờ?

— Cái gì chết rồi, nói nghe coi.

— Hồi chiều này anh cũng về theo anh em thằng Thu, anh đứng phía sau, tới cua queo gần cổng Bà Dung, xe chở nặng chạy lảo đảo, cả ba đứa lăn cù. Anh ôm cặp tụi nó, ai dè bể cái bình mực, cái cặp rách bung ra, nên sách học, tập vở bị dính mực hết trơn. Tụi nó bắt đền anh. Trời ơi, bốn tập vở, hai cuốn Tập Đọc, Luân Lý giáo khoa thư với cuốn Địa Lý nữa... nhiều tiền lấm, làm sao đây?

Giai chận anh nó lại:

— Tại sao anh phải đền chớ? Xui xẻo nên ba đứa té mới bể bình mực, chớ bộ anh muốn sao. Coi hai bàn tay anh bị trầy kìa, cái quần bị lũng một lỗ ở đầu gối.

Mãng than rầu rĩ:

— Một phần cũng tại anh đứng sau xe, tụi

nó đạp nặng. Mà sao hôm nay anh cao hứng, anh ôm cặp dùm tụi nó khi gặp xe đồ chạy ngang, anh quơ tay, xe đạp mới lảo đảo, anh chụp ôm thằng Thu, nó bị nhột nên... ngã xe. Bình mực bể chảy tràn vô mấy cuốn sách, cuốn nào cũng ướt nhẹp tèm lem không đọc được, chắc phải đền tiền cho trường học. Anh em tụi nó nhứt định đền anh, anh năn nỉ nên tụi nó chỉ đền 4 cuốn sách mượn của trường thôi, còn cái cặp, tập vở thì anh khỏi. Anh thấy cũng tại mình...

— Rồi đền bao nhiêu đây?

— Nhà trường có nói lúc cho mượn, bốn cuốn này giá 8 cắc (80 xu).

— Trời, tiền đâu mà đền!

Mãng thở dài não nuột:

— Anh để dành hôm nay được 22 xu, từ đây sắp tới anh nhịn ăn xôi sáng cũng được 6 xu một tuần, vậy là hai tháng sau đủ trả cho tụi nó. Em nhớ đừng để ba má hay, ổng bả buồn.

— Đâu có được. Anh nhịn ăn sáng, chịu sao nổi.

— Biết vậy, anh phải rần chớ.

Giai quả quyết:

— Được rồi, tui bỏ ống được mấy chục xu gì đó, rồi tui mượn trước tiền leo cau của bà Bảy.

Buổi cuối tuần đó anh em nó không vui vẻ nhưng không để gia đình hay. Thằng Giai hỏi tiền mấy bà chủ có vườn cau, họ nói như nhau:

— Mèn ơi, tụi bây leo cau bể buồng nào, tính công buồng đó, bộ đi cấy mạ, cấy lúa sao, mà mượn tiền công trước. Hồng có vụ đó đâu.

Giai ức lấm nhưng đành chịu. Nó với thằng Phiền rần leo nhiều hơn để kiếm đủ tiền giúp anh, vậy mà hôm nay giông gió mịt trời, leo được có 4 cây mà sẽ lãnh có 3 xu tiền công. Nó kể cho Phiền nghe chuyện anh Mãng bị đền sách, thằng kia cũng chỉ biết chất lưỡi hít hà. Bổng Giai vỗ trán như nhớ chuyện gì:

— Ủa sao mình ngu quá. Bữa nào hồng có

cau để leo, sao tao với mấy hồng ra sân Miếu Ngũ Hành để thấy áo lạc với tụi thằng Hiếu. Tao chơi lần nào cũng ăn tụi nó, sao hồng ra đó kiếm thêm cho... khỏe?

Phiên vỗ tay tán thành:

— Ủ, cái gì chớ cái vụ thấy lỗ, chọi xu là mây có... hoa tay, mà theo tao biết mây nhờ có “đồng xu cái” ngon lành, nên mây chọi đồng nào là trúng boong đồng đó.

Giai gật đầu:

— Phải, thấy áo lạc cần có *đồng xu cái* cầm vừa tay, tao tìm được *đồng xu lá bài*, mài cạnh cho nhẹ bớt nên cầm vừa tay lắm.

— Bây giờ mây còn giữ nó hay mất rồi?

— Còn chớ sao không. Đồng xu “ăn tiền” bỏ bậy bạ đâu được. Sáng mai mây theo tao ra sân Miếu coi tao trở tài.

Đêm đó Giai nghĩ đến ngày mai nó sẽ sử dụng khéo léo bàn tay để thấy lỗ, chọi xu bằng *đồng xu lá bài* này. Nó sẽ ăn tiền tụi thằng Lờ, con hương hào Xiêm nó sẽ chấp thằng Hiếu, con nhà giàu có, một mực đứng gần lỗ để thằng này mới dám chơi với nó, vì lần nào thằng này cũng thua.

Nó tự nghĩ: “Tụi con nhà giàu dư tiền hồng cần ăn sáng mà ham chơi bắn đạn, mỗ đáo tưởng thì mình phải kiếm chác cho anh Mãng đủ tiền đền sách. Mình chơi bằng tài nghệ chớ đâu có gian lận gì mà không rủ tụi nó? Đồng xu leo cau bằng mồ hôi nước mắt và sự sợ hãi của mình quý hơn tiền của tụi thằng Lờ. Mình phải ăn tụi nó... phải ăn... phải ăn...”

Giai cười một mình. Sự tưởng tượng đưa thằng bé thương anh vào giấc ngủ hồi nào không hay.

Sáng hôm sau tiếng chim chìa vôi hót líu lo ngoài đầu hè, thằng Giai ra khỏi phòng. Sương sớm còn phủ mờ mặt ruộng một màu trắng đục, nhưng sân nhà nó đã ồn ào tiếng gà vịt như những buổi sáng khác, nó khoan khoái đến lu nước mưa ở đầu hè để rửa mặt. Bây giờ thấy nó đua nhau chạy tới, mấy con

vịt xiêm lông đen mập ú cũng lạch bạch chạy lại, thằng bé bước lại bờ lúa xúc một gáo dừa đem ra sân, bỗng nghe tiếng kêu:

— Giai ơi... ơi... thức chưa?

Nghe tiếng thằng Phiên kêu ngoài bờ rào dưới bờ sông, nó sực nhớ tới chuyện bàn tính hôm qua, nó liếc nhanh về hướng sau nhà. Mặt trời màu cam đang mọc chậm chậm sau rặng cây trâm bầu, nó nghĩ: “Hôm nay là thứ tư rồi, chiều nay anh Mãng về, mình phải rán gom tiền cho đủ để ảnh đừng lo nữa.

Nó lại chỗ để dành tiền, lấy 6 xu với *đồng xu lá bài* bỏ vào túi, đi theo bạn. Thằng Giai mân mê *đồng xu lá bài* nằm trong túi. Đồng xu dày và nặng hơn xu thường có hình bà đầm xòe đã mòn nhưng sáng láng. Nó mê con số 1895 trên đồng xu cũng như bốn chữ “Bách Phân Chi Nhất” nằm trong khuôn giống như hình lá bài tứ sắc khắc mặt sau. Nó nói với thằng Phiên:

— Mây biết hông, đồng tiền này lớn hơn tuổi của ba tao, đã được bao nhiêu người cầm trong tay nâng niu sử dụng. Bây giờ nhà băng không còn cho đúc ra loại xu này (phát hành) họ chỉ cho đúc loại xu đồng có lỗ, mỏng và nhẹ hơn. Tao nghe ba tao nói loại xu lá bài quý giá này được đúc từ năm 1895 xa lơ xa lắc, rồi được đúc thêm 9, 10 năm nữa, nhưng bị con buôn Ba Tàu thấy nó lớn, nặng, nhiều chất đồng nên vợ vét đem về nấu chảy để làm ra lư đồng, ngũ sự, mâm, nồi. Nhà băng biết vậy nên thâu hồi để đúc loại xu nhỏ mà mình đang xài đó.

Không biết thằng Phiên có hiểu hết không, thấy nó gục gặc:

— Ủa, nhưng mà tao thấy xu đồng mình đang xài có lỗ tròn, tiện lợi cho mình xỏ khâu để dành hơn là *đồng xu lá bài* của mây nặng quá.

— Đúng vậy, ông bà mình trước đây có 100 *đồng xu lá bài* khó để dành. Nếu có đủ 100 đồng xu có lỗ, bà con mình xỏ thành một khâu

tròn để đem theo đi đây đi đó.

Hai thằng bé nói qua nói lại chưa hết chuyện đã tới Miếu Ngũ Hành. Đây là ngôi miếu gạch cũ kỹ, rêu phong phủ đầy mái ngói, cánh cửa cây sơn đỏ bị mọt ăn lúc nào cũng mở rộng để ai đến cũng được dễ dàng. Tấm bảng sơn đen chạm ba chữ Ngũ Hành Miếu bằng chữ nho tróc gần hết màu vàng mà trẻ con đọc không nổi, nhưng đứa nào cũng biết nhờ người lớn truyền miệng từ đời nọ sang đời kia.

Tụi nó đâu cần biết đọc chữ làm gì, chúng chỉ cần biết trước miếu có cái sân rộng bằng đất lâu đời nền bằng phẳng mịn màng, lúc nào cũng mát rượi nhờ mấy cây dầu, hai cây vú sữa tàng lá rậm rạp. Chúng nó tụ họp tại sân này suốt ngày cũng không bị nắng rọi nóng lưng. Gió thổi rì rào trong tàng lá, vài bóng nắng mặt trời xuyên được xuống đất thành những giọt nắng tròn nháy nhót lung linh. Người lớn ít lai vãng chỗ này ngoại trừ những buổi cúng Bà, Cậu, nên chúng nó tha hồ tụi năm tụi ba bắn đạn chai, chõ kia khoét lỗ nhỏ thả xu, đáo lạc. Chứn tường gạch của miếu bị tróc lở vì thời gian mà cũng vì tụi nó mổ đồng xu vào đó cho chạy bo ra sân.

Thằng Giai nhờ đồng xu lá bài nặng vừa tay nên nó “bo” hay hơn tụi kia. Nó biết phải mổ mạnh hay nhẹ tay, cầm nghiêng cách nào cho đồng xu chạy vòng trở lại theo ý nó, mà khi cầm đồng xu cái để chọi đồng xu thằng khác cũng dễ trúng. Tụi thằng Hiếu, thằng Lờ cũng rần kiếm xu đây hơn hoặc lấy chì nấu chảy đổ vô khuôn dưới đất, tụi nó o bế, mài dũa cách nào cũng không được “đồng xu cái” vừa ý. Vì vậy hệ mổ đáo tường hay thả lỗ lạc là như dựng tiền cho thằng Giai. Cũng bị sợ thua như gà nòi chạy mặt nên khi thằng Phiên và thằng Giai ra tới đã thấy tụi kia đang chơi. Thằng con của Phó quản Tơ và tụi thằng Lờ đang cầm một cộc xu đồng thả lỗ. Hấp

dẫn quá. Nhưng tụi nó nhưt quyết không chơi với thằng Giai dù thằng này chấp mức cho tụi nó đứng gần lỗ hơn.

Thấy kế hoạch của mình không thành mà những đồng xu của tụi con nhà giàu dễ ăn quá, Giai cũng đành chịu. Nó nhớ đến con gà Triệu Tử Long của chú nó ôm đến trường gà nào cũng bị ế độ. Ai cũng sợ thua. Thằng Phiên nói khích tụi kia:

— Mấy tụi bây dở ẹt. Thằng Giai chấp tụi bây đứng gần lỗ, với tay là thả xu tới rồi, còn nó đứng xa lơ... vậy mà cũng nhát thỏ đế.

Thằng Lờ cãi:

— Bộ mà y hông biết nó chơi hay mà lại có đồng xu cái “tệnh” quá xá, tụi tao chơi hông lại. Cho nó chấp mức xa lắc, tụi tao có chơi với nó cũng như “dưng cơm cho lục”. Nó có giỏi thì xài đồng xu cái khác đi.

Thằng Hiếu chen vô nói:

— Hay là nó bán đồng xu đó cho tao, rồi chơi thì chơi. Tụi tao đâu có ngán.

Giai chưa bao giờ nghĩ tới bán đồng xu này, hôm nay tự nhiên thằng này nói ra. Một tính toán lướt qua đầu nó, nó hỏi:

— Mây mua bao nhiêu?

Thằng con nhà giàu trả lời hình hình:

— Thì năm, ba xu gì đó.

Thằng Phiên trợn mắt:

— Thằng ngu quá mạng. Đồng xu này tụi bây kiếm đồ con mắt cũng hông thấy mà thằng Giai nhờ nó ăn tiền tụi bây xiêng niêng. Chỉ cần chơi một ngày lấy vô mấy chục xu, rồi ngày mai, ngày mốt, ăn dài dài... vậy mà mây đòi mua năm xu, thằng ngu!

Thằng Lờ thấy Phiên có lý, nó ngẫm nghĩ rồi nói:

— Ủ, vậy thì bán cho tao 2 cắc rưỡi đi (25 xu).

Giai chưa nói gì thì thằng Hiếu bô bô cái miệng:

— Xí, làm gì mà mua giá đó mậy. Để tiền ăn bánh sừng hơn.

Thằng Phiên nổi nóng, cung tay nói:

— Ê, đừng ỷ có tiền rồi làm tàng. Tại tụi bây “ngán” đồng xu đó nên muốn mua, chớ ai thèm bán cho bản mặt mày.

Giai kéo tay Phiên:

— Thôi bỏ đi, đừng cãi lầy vô ích. Tao thương đồng xu của tao, để gì thằng nào kiếm có, bán làm chi cho tụi thân *đồng xu cái*. Đi về leo cau hay hơn.

Tụi nó hậm hực bỏ đi, thằng Lờ nói với theo:

— Tao chịu mua 3 các bạc đó.

Hai thằng bé bỏ đi, mặc cho thằng Lờ tiếc rẻ ngó theo. Thằng Hiếu cắn nhần:

— Có một xu bán lại được 3 các mà hồng thêm. Xí, nghèo mà làm cao.

Phiên quay lại trợn mắt. Giai kéo nó đi:

— Về leo cau, nếu trẽ, mặt trời lên cao nắng nóng lắm, leo mệt lắm ời.

— Sao mày hồng bán đại đi, lấy 30 xu, giúp anh mày.

— Tao cũng biết vậy, nhưng tụi nó ỷ giàu nói phách lối, tao thà về leo cau, trầy da tróc vảy cũng kiếm ra tiền, hồng thêm bán cho tụi nó.

— Nhưng làm sao leo cho đủ tiền đây. Thằng Lờ đâu có nói phách. Nó chịu mua 3 các.

— Đúng vậy, nhưng để cho tụi nó biết tụi mình hồng phải ham tiền.

Hai thằng bé queo ra bờ đất hướng về nhà. Giai nhìn lên trời cao, mây trắng như những cục bông gòn xốp bay lơ lửng trên trời xanh. Ánh nắng chói chang khắp ruộng. Vài con cò lác đác in bóng trắng trên biển nước loang loáng. Giai nắm chặt mấy đồng xu trong túi, nó nói nhỏ nhỏ:

— Giờ này gần mười giờ, anh Mãng tao sắp tan học buổi sáng, rồi học thêm buổi chiều nữa, ảnh về nhà. Tội nghiệp bữa nay ảnh chạy theo xe đạp hay vừa chạy vừa đá trái mù u?

Nhớ đến anh, nó dục thằng Phiên:

— Đi mau mấy ời. Bữa nay mình rán leo nhiều cau sẽ được vài các bạc hồng?

— Sao lại không. Nhưng chỉ sợ không đủ cau đúng lứa. Mà, cái ngực trầy của mày hết rách chưa?

Giai cảm động nhìn bạn không trả lời cứ lằm lũi đi mau.

Chiều hôm đó Mãng về nhà với vẻ mặt bơ phờ, nó ra vườn bà Bảy mấp kiếm em. Hai đứa bé cũng đang ở trên ngòai nghỉ dưới gốc dừa. Tám buồng cau nằm rải rác. Thấy anh tới, Giai hỏi liền:

— Sao anh, vụ đó nó nói sao?

Mãng chất lưỡi:

— Ngặt quá, thằng Thu nói sáng thứ ba có bài Địa Lý, thầy sẽ xét tập coi tụi nó vẽ bản đồ ra sao, nên nó biểu anh một hai gì cũng phải mua gấp. Nó nói sách giáo khoa này có bán tại tiệm sách ngoài chợ Vãng... Anh lo quá, mình đâu đủ tiền nên đề nghị với nó mua cuốn Địa Lý với cuốn Quốc Văn trước, nó chưa chịu.

Thằng Phiên ngó Giai. Hai đứa thở dài ngao ngán. Mãng nói tiếp:

— Ờ, có vụ này anh quên nói em nghe. Em thằng Thu nói nó đã từng mổ đáo tường với em hả?

— Đúng vậy. Nó hỏi làm gì?

— Nó biết em có *đồng xu lá bài*, *đồng xu cái* để thả y lỗ, mổ đáo tường phải không? Nó nói thích đồng xu này, nếu em để lại cho nó, nó trừ anh một cuốn sách, nghĩa là mình chỉ lo có 60 xu thôi. Nếu em chịu, mình đưa tiền cho tụi nó, chứa nhứt này ba tụi nó đi Vĩnh Long...

Giai hỏi lại:

— Nó muốn đồng xu đó mà chỉ trừ có 20 xu?

— Ủ, coi bộ nó ham lắm. Nếu em để dành chơi thì thôi, còn nếu đưa cho nó thì mình khỏi mua một cuốn sách.

Thằng Phiên nói vô:

— Đâu được. Thằng Lờỉ trả giá 3 cắc mà
thằng Giai hồng bán.

Giai chận nó:

— Mầy hồng biết khi khô gì hết. Tụi thằng
Lờỉ mua của mình mà nói giọng phách lối, tao
hồng bán. Nhưng với thằng Thu, tao sẽ
“nhường” đồng xu này cho anh em nó. Anh
Mãng trừ bớt một cuốn sách thì anh em tao lo
đủ số tiền còn lại.

Nó day qua anh, nói:

— Được rồi anh. Ngày mốt gặp tụi nó, anh
nói tụi chịu, rồi đưa 60 xu cho tụi nó luôn.

Phiên vẫn thắc mắc:

— Chịu vậy thì lỗ quá, rồi làm sao mầy
kiếm được đồng xu khác?

Giai không trả lời bạn, nó mỉm cười nhìn
lên chòm lá cau. Nắng rọi cái mo nang mới
toanh màu ngà vừa nở bung buồng cau non,
hoa trắng đơm đầy như hột gạo trắng. Một vài
hột rụng rơi rớt, mùi thơm bay trong không
khí. Mùi ngào ngạt của quế hương đồng nội
hòa với mùi bông bưởi, bông cam làm cho nó
tỉnh người.

Nó nghĩ tới ngày anh Mãng của nó xách
giỏ tre có 60 đồng xu nằm trong đó và thủ
chắc đồng xu lá bài trong túi áo bà ba, đồng
xu đã từng làm nó nổi danh với đám trẻ, đồng
xu đã làm cho nó “ế” độ nhưng giờ đây giúp
cho anh em nó qua cơn lo lắng. ■



thơ HOÀNG VIỆT THI

Ngôi Thiên

Rụng vào côi thờ bảm rêu
Nắng vừa tắt ngọn trên triều dương xanh
Côi xa loáng thoáng lá cành
Nấy sương trù mật đầu ghành huyện lư
Hai bàn tay chấp mộng Từ
Diệu âm rơi thịch xuống phù du ca
Ngõn nghèo nẻo mộng sa đà
Thoát rung trận gió về qua biên thùy.

Đi Chợ

Trưa nay đi chợ tìm hoa
Đỏ, vàng thì có, không ra màu hường
Vàng thì đã vô vàng sương
Đỏ kia e cũng phai hương thuở nào
Chiều nay đi chợ tìm trâu
Vội nông cau chát thiếu mà trâu xanh
Trâu xanh từ độ lâm hành
Vùng quê cỏ áy bóng anh gục đầu
Đêm nay đi chợ tìm dâu
Biển dâu hàng bạc một màu trắng xưa
Dưới trắng, hoa đã qua mùa
Trâu kia cũng héo bên bờ nhân gian
Anh đi chợ mấy nẻo đàng
Tìm em lủi thủi dạ càng thêm say
Ừ, anh đi chợ từng ngày
Là từng xưa vội
Về bay ngất lòng.

Chấp Hữu

Thu đi còn lại vườn khô
Lá còn héo hắt hướng hồ khói sương?
Vẫn còn rục rịch trong vườn
Sâu đo sâu cuốn nằm vườn đợi xuân.

Con Đã Lớn

Diệu Nga

LTG: Viết theo tâm sự một người bạn

Mẹ nhìn đồng hồ mãi. Mẹ mong con từ chiều mà bây giờ đã hơn 10 giờ khuya. Mỗi phút trôi qua, mẹ càng thấp thỏm lo âu, đầu nặng như treo đá, mắt mờ, tay run. Mẹ không làm gì được, cứ đi ra đi vào rồi vén màn ngó hờ ra sân, hoặc lắng nghe xem có phải tiếng xe con về. Điện thoại reo! Mẹ nín thở nhắc ống nghe. Chẳng có gì! Chỉ là người quảng cáo. Thế mà mẹ cứ sợ con gọi về báo một tin chẳng lành hay là cảnh sát công lộ báo một tai nạn gì...

Từ ngày con bị lật xe đến nay, mẹ trở nên ngớ ngẩn, hễ con ra khỏi nhà là mẹ hồi hộp, lo nghĩ bâng quơ... Bác sĩ nói thần kinh mẹ yếu nên hay tưởng tượng và thường xuyên sợ hãi. Mẹ biết đó là một cái bệnh, mẹ thường niệm đức Quan Thế Âm mong người bạn vô úy thí.

Khi mẹ mỗi mẹt sắp thiếp vào giấc ngủ—chắc chắn là nhiều mộng mị—thì con về. Mẹ hay con về trước khi con vào nhà, mẹ vui mừng không kịp xỏ chân vào dép, vội vàng ra mở cửa.

“Sao con về muộn thế?”

Mẹ chỉ mới nói bấy nhiêu thôi đã làm con bực bội.

Con trả lời, vừa gằn giọng, vừa lớn tiếng:
“Mẹ phải biết, đi chơi với bạn bè mà về

giờ này là sớm! Con lớn rồi, đừng...”

Con còn muốn nói gì thêm nữa nhưng chợt nhớ có sự hiện diện của bạn con, con kịp dừng lại.

Mẹ làm thình, lúi húi lo dọn cơm. Phải rồi, bây giờ con đã lớn, hai mươi mấy tuổi rồi, còn một năm nữa thôi, con sẽ tốt nghiệp y khoa. Con lớn thì khôn ra, mẹ già sinh ngớ ngẩn. Có lẽ vì vậy mà càng lớn lên, con càng đối xử với mẹ khác xưa, khác hẳn lúc con còn nhỏ.

Hồi mẹ sinh con, con nặng gần 4 kí. Mẹ rán gân đuổi sức với sự tiếp tay của bác sĩ mà con vẫn chưa ra. Tưởng phải mổ. Bác sĩ nói: “Bà cố thêm một lần nữa, kéo đứa bé ngộp”. Lời nói có tác động mạnh mẽ, mẹ dùng hết sức bình sinh để đưa con ra ánh sáng cuộc đời. Mẹ dứt hơi, sắp sửa ngất đi thì có tiếng khóc “oa, oa”. Tiếng khóc của con làm mẹ như được hồi sinh, mẹ mở mắt ra nhìn đứa con trai bụ bẫm dễ thương của mình.

Anh con thì ốm yếu khó nuôi, bệnh hoạn liên miên còn con lớn như thổi. Bú lắm, ăn nhiều. Ai đụng tới thì toét miệng cười; cả ngày không khóc, đêm ngủ một mạch tới sáng. Con là niềm an ủi vô biên của mẹ. Cha con, sĩ quan tác chiến, vắng nhà thường xuyên, hễ về là bày ra nhậu nhẹt. Tánh ổng nóng, mẹ không dám can ngăn thành ra đối với ông, mẹ chỉ biết chịu đựng thôi, do đó, tình phai nhạt dần.

Anh con tính tình cũng hung lắm, bắt đầu 6, 7 tuổi là đã đánh lộn cùng xóm, cha con không có ở nhà để dạy dỗ, nó thì chẳng sợ mẹ chút nào. Trái lại, con tỏ ra biết nghe lời mẹ. Mẹ dạy con làm điều phải, tránh điều trái, mẹ dạy con chăm chỉ học hành để sau này nhờ tấm thân, mẹ dạy con mở lòng thương yêu và giúp đỡ mọi người... Con thổ thề: “Lớn lên con sẽ làm bác sĩ, ai nghèo, con trị bệnh không lấy tiền.” Con khiến mẹ sung sướng quá! Những lúc cha hoặc anh con làm mẹ buồn, mẹ khóc, con quẩn quít bên cạnh không

rời. Con còn quá nhỏ để có thể nói những lời an ủi nhưng đôi mắt con đã biết nhìn mẹ xót xa và con dùng đôi bàn tay mủm mủm như búp sen để vuốt má mẹ hay gạt dòng nước mắt đang tuôn trào. Nhờ thế, nỗi đau trong lòng mẹ dịu lại và giúp mẹ có nhiều can đảm, nghị lực hơn. Những lúc đó, đối với mẹ, con là một ông Phật nhỏ hiện xuống trần gian này để làm với bớt những đắng cay, phiền muộn của mẹ.

Rồi số phận gia đình mình cũng theo vận nước nổi trôi. May mắn hơn nhiều người khác, cha con đem được cả nhà xuống tàu hải quân đi Mỹ ngay ngày 30/4/75. Lúc đó, con mới 8 tuổi, anh con đã 13. Sang vùng đất mới, cha con thay đổi cách sinh hoạt và có thể gần gũi, dạy dỗ anh con chu đáo hơn. Nhưng khoảng thời gian quý báu này không kéo dài lâu. Chỉ 5 năm sau, cha con đột ngột qua đời vì tai nạn lưu thông. Tai nạn đó ám ảnh mẹ không thôi. Người ta đền cho mẹ 1 số tiền lớn. Anh con biết điều ấy nên bỏ bê việc học hành, cứ hạch sách tiền bạc để ăn chơi. Không tiền cũng khổ mà có tiền cũng khổ. Những lúc anh con đòi tiền không được, nó sừng sộ làm dữ, đập bàn đá ghế, mặt mày đỏ rần, tóc tai như dựng đứng cốt làm cho mẹ sợ. Nhưng mẹ không sợ đâu, mẹ phải cương quyết, nếu không, ngày nó càng hư và mẹ sẽ không còn tiền để giúp con theo học ngành y khoa như ước vọng của con. Chẳng phải mẹ không thương anh của con nhưng mẹ không thể nuông chiều sự hư hỏng của nó. Con hư con ngoan gì mẹ cũng thương nhưng tình thương cần phải kèm theo sự sáng suốt.

Anh con giận mẹ lắm, nó bỏ nhà đi. Cũng may cho nó, nó có cô bạn gái rất tốt. Chính cô ta khuyên nhủ, vỗ về, an ủi và kéo nó trở lại trường học. Anh con giàu tự ái, từ ngày bỏ nhà đi, nó thân tự lập thân, vừa đi làm vừa đi học cho đến khi tốt nghiệp kỹ sư. Con nhớ không? Anh con gửi thiệp mời mẹ đi dự lễ ra trường của nó như mời một người quen, một

người khách. Ngày đó, nó nhìn mẹ với ánh mắt kiêu hãnh kèm theo một chút gì oán trách. Ngày đó, tự ái của nó được thỏa thuê. Nhưng mẹ không buồn, cũng không ân hận. Mẹ đã hành động đúng nên nó mới được như ngày nay. Nếu nó biết suy nghĩ sâu xa hơn, nó sẽ không giận mẹ đến thế.

Con sợ mẹ buồn, con an ủi mẹ một câu: “Anh ấy mới thành danh chữ chưa thành nhân, mẹ ạ!” Mẹ cười, không biết con học được câu chữ nhỏ ấy ở đâu. Mẹ mong con cái của mẹ thành nhân hơn là thành danh vì giá trị con người chẳng phải ở nơi danh vọng hay bạc tiền. Từ đấy, mẹ có cảm tưởng đã vĩnh viễn mất anh con từ ngày nó cưới vợ, mẹ là người đứng chủ hôn và hàng năm, tới ngày “Mother’s Day”, nó gửi tặng mẹ một bó hoa.

Rồi con vào đại học với học bổng bán phần. Con thông minh lại siêng năng nên môn nào cũng giỏi nhưng con quyết định chọn ngành y khoa như dự định từ bấy lâu. Ngành này thật bận rộn, dù nhà ở gần trường nhưng có khi cả tuần mẹ mới gặp con vì con mãi miết lo học, đi sớm về khuya, lại còn lắm bạn bè, hội hè, giao tế. Bữa nào mẹ cũng ăn cơm một mình nên ngày cuối tuần mẹ hay nấu món ngon mong con về cùng ăn cho vui nhưng con thường có hẹn với các bạn thành ra mẹ con mình cứ xa nhau dần.

Mẹ con mình không còn có những dịp ngồi tâm sự với nhau; và con cũng chẳng có thì giờ để nói những lời an ủi khi mẹ buồn. Dần dần, mẹ có cảm tưởng con như người ở trọ. Tuy cùng một chốn đi về mà mạnh ai nấy sống, con chẳng muốn mẹ tham dự vào công việc và đời tư của con, có lẽ như vậy làm con không được tự do vì người mẹ nào chẳng hay cho ý kiến.

Mẹ cô độc quá! Đi làm 8 tiếng ở sở ra, lắm khi mẹ không muốn về nhà vì sợ cảnh quanh hiu, mẹ đi loanh quanh ngoài phố đến một nhòai mới quay về.

Bữa nay mẹ nấu bún bò, cơm tay cầm, món ăn mà con rất thích nhưng cơm canh đã nguội lạnh, con vẫn chưa về. Mẹ muốn có những bữa ăn gia đình với sự tham dự của bạn bè con để mẹ được hưởng lây bầu không khí trẻ trung vui nhộn của các con và có dịp nói đùa đôi câu để con biết là mẹ chưa đến đôi già nua, lạc hậu.

... Con đã ngồi vào bàn ăn mà mặt vẫn còn cày cày. Con tiếp tục bày tỏ sự khó chịu của mình: “Mẹ biết con đi đâu thì mẹ có thể đoán được giờ con về chứ!”

Nước mắt mẹ ứa ra vì sự trách cứ của con nhưng mẹ cố ngăn lại. Mẹ không muốn khóc trước mặt Hảo, bạn con. Thấy mẹ khóc, có thể nó sẽ nói cho Hồng biết. Rồi cô em gái của nó sẽ nghĩ sao về con nếu cô ấy biết con đã lớn tiếng với mẹ, đã cản nhắc mẹ và làm cho mẹ khóc chỉ vì mẹ có lỗi đã quá mong chờ và lo lắng cho con!

Mẹ thấy bây giờ hình như con không còn cần đến người đàn bà quê mùa này nữa. Chẳng những con muốn làm gì thì cứ làm—chắc vì con cho rằng con đã đủ lớn khôn—không bao giờ hỏi ý kiến mẹ, cho đến những sự nhắc nhở của mẹ, con cũng không lưu tâm. Mà mẹ thì chỉ biết lo những chuyện nhỏ thôi: “trời sắp mưa con nhớ mang dù theo”; “bữa nay lạnh đấy, con nhớ mặc áo ấm”; “con đã ho rồi, nhớ uống thuốc”. Mẹ nói gì thì nói, con chỉ làm thinh và dĩ nhiên là không làm theo những gì mẹ dặn.

Mẹ trở thành một người thừa thãi trong cuộc đời của con rồi chăng? Có thể là vậy. Con đã có bạn gái, cô sẵn sàng con thay mẹ; con đã kiếm ra tiền, đâu còn cần những đồng tiền chất chiu dành dụm của mẹ mà mỗi lần xin, mẹ cứ hỏi lý do; còn kiến thức ư? Con hơn mẹ quá xa rồi. Những lời dạy dỗ của mẹ đã trở nên lỗi thời, xưa rích.

Thật là đau khổ cho người mẹ khi bà biết đứa con không cần đến mình nữa. Sự đau khổ

này còn phũ phàng hơn tâm trạng của một công nhân bị ông chủ thành linh gọi lên cho nghỉ làm vì đã hết việc.

Khi cuống rún đã đứt lìa, con có đời sống độc lập của con. Đó là lẽ tất nhiên, mẹ không muốn con mãi mãi lệ thuộc vào mẹ vì còn lệ thuộc thì không thể trưởng thành. Nhưng mà con ơi! người mẹ nào cũng có trái tim rất nhạy cảm. Trái tim đó đã ấp ủ nuôi nấng con nên người, trái tim đó đã khiến cho mẹ biết quên mình để trọn đời hy sinh lo lắng cho con; đôi khi vì trái tim mù quáng đó, có những bà mẹ dám làm điều sai quấy chỉ vì muốn con mình được đầy đủ mọi thứ.

Bây giờ, trái tim của mẹ khô cằn, nứt mẻ, chai cứng vì nó thiếu chất liệu ngọt ngào, nó không được tưới tắm bằng tình thương yêu trìu mến của con mình.

... Hảo thấy bầu không khí có vẻ im lìm, căng thẳng, cậu khóa laptop bằng vài câu bông đùa rồi mời mẹ xơi cơm trước khi cầm đĩa. Mẹ mời cậu tự nhiên rồi bước vào trong.

Bây giờ nước mắt mẹ có thể tự do tuôn chảy. Mẹ khóc chẳng phải vì giận con đâu. Mẹ hay tủi thân ấy mà! Những lúc đau buồn như thế này, nếu mẹ có được một đứa con nhỏ như thuở con còn bé chắc em con cũng sẽ sà vào lòng mẹ để an ủi, dỗ dành và giúp nỗi đau của mẹ dịu lại, làm trái tim mẹ tươi tỉnh hơn.

Mẹ lại mơ ước hão huyền rồi phải không? Có lẽ bản chất của mẹ là một người yếu đuối nên lúc nào mẹ cũng tìm một chỗ nương tựa tình cảm. Hai mươi mấy năm qua, con đã là trụ cột để mẹ nương nhờ, đã là lẽ sống, là hy vọng, là tương lai của mẹ. Như thế chắc cũng đã đủ rồi, mẹ không dám đòi hỏi hơn nữa.

Bạn của mẹ thường nói: “Chị có hai người con, đứa kỹ sư, đứa bác sĩ, thế thì tuổi già của chị được bảo đảm rồi đấy!” Mẹ chỉ cười trừ. Mẹ đâu dám nói cho họ biết rằng mẹ là người đau khổ, bơ vơ; liệu ai hiểu được cảnh tình

của mẹ?

Nói đến tuổi già, nhiều người lo sợ vu vơ. Mẹ thì không! Biết mẹ sống được bao lâu nữa? Căn bệnh nan y đã bắt đầu phát hiện trong người mẹ, mẹ giấu không cho con biết, mẹ cũng không cần chạy chữa. Cắt xén một vài bộ phận trong cơ thể để sống thêm mấy năm nữa liệu có ích gì không đối với hoàn cảnh của mẹ hiện nay? Người ta chỉ ham sống khi người ta còn yêu đời. Nói thế chứ mẹ không phải là kẻ bi quan chán đời đến nỗi muốn tìm cái chết đâu. Mẹ chỉ nghĩ rằng bốn phận của mẹ đối với con cái đã xong thì mẹ có thể nhẹ nhàng ra đi bất cứ lúc nào, chẳng có gì phải bận tâm.

Mẹ thì giàu tưởng tượng lắm! Có thể mẹ không bị bệnh như mẹ nghĩ. Thế mẹ sẽ sống tới già! Mẹ sẽ sống làm gì! Mẹ sẽ ở đâu! Dĩ nhiên là mẹ chẳng muốn làm phiền các con. Mẹ biết đời nay, nhất là trên xứ Mỹ, vợ chồng son đâu ai muốn có cha mẹ chồng hay cha mẹ vợ ở chung. Dù mình dễ tính đến thế mấy, chúng nó cũng mất tự nhiên.

Mẹ sẽ không vào nhà dưỡng lão đâu! Mẹ đã cùng các bà bạn đến đây làm công tác từ thiện mấy lần. Chao ôi! người ta nuôi người già như nuôi một loài động vật để làm thí nghiệm. Tới giờ ăn thì phải cố mà ăn. Ai không chịu há mồm ra thì bóp họng nhét thức ăn vào, cho nên đối với nhiều ông cụ bà cụ, đây là giờ cực hình. Hãy để cho họ được tự do, muốn ăn thì ăn, muốn uống thì uống, đừng ép ngạt họ đến thế. Người già không cần thức ăn cho cơ thể lắm đâu. Họ cần tình cảm họ cần được yêu thương và mong có ai đến gần để họ có dịp nhắc đến những kỷ niệm xưa của họ, để được nói về người chồng quá cố hay những đứa con yêu dấu của mình giờ đã xa xôi quá.

Mẹ có dịp nhìn thấy một bà cụ đầu hói, răng rụng hết nên trông bà như một em bé. Bà ngồi im lìm trên xe đẩy. Mẹ tiến đến thăm

hỏi đôi câu, bà mừng lắm, mắt sáng lên, héch miệng cười. Bà nắm tay mẹ, nói líu lo rồi rút trong túi áo ra đưa cho mẹ xem tấm ảnh chụp chung của gia đình bà. Lúc đó, bà là một thiếu phụ xinh xắn đứng bên ông chồng mặc quân phục trên ngực gắn đầy huy chương trông rất uy nghi; chung quanh là 4 đứa con, 2 trai, 2 gái, đứa nào trông cũng ngộ nghĩnh, dễ thương. Có lẽ đó là thời kỳ vàng son nhất trong cuộc đời bà và dư vị của nó giúp bà sống nốt những ngày tàn trong viện dưỡng lão này.

Các con của bà bây giờ đều lớn khôn, chúng có đời sống riêng, có vợ chồng con cái nên chẳng mấy khi nhớ đến mẹ. Bà chưa chết nhưng hình như đã bị xếp vào một thế giới khác, thế giới của già nua, bệnh hoạn, phế thải; nơi mà thần chết thường xuyên gõ cửa.

Mẹ có người bạn làm chung sở, dì Lại. Chưa đầy 60 tuổi mà đã lo hoạch định chương trình hưu trí. Chị kêu gọi những người có khả năng và hợp tính tình, hẹn khi nào về hưu sẽ sống chung với nhau. Chị sẽ mượn một căn nhà rộng lớn ở vùng quê, mượn y sĩ đến chăm sóc định kỳ. Mùa ấm sẽ tổ chức đi du lịch, đi làm các công tác xã hội còn mùa lạnh thì cứ rút trong nhà xem tivi và nói chuyện khào với nhau. Chị nghĩ rằng sống như vậy sẽ ấm cúng và tự do, không lệ thuộc vào con cháu, cũng không phải theo thời khóa cứng ngắt của viện dưỡng lão. Ý kiến cũng hay đó chứ, nhưng mẹ chưa tính gì về chuyện ấy.

... Cả đêm không ngủ nghe được, gần sáng mẹ mới chợp mắt một giấc ngắn. Lúc thức dậy, mặt trời đã lên cao, mẹ nghe có tiếng nước chảy trong nhà tắm và tiếng huýt sáo của con. Hình như chuyện tối qua không gây chút ảnh hưởng gì đến con cả phải không? Mẹ tự hỏi đó là cái hay hay cái dở? Mẹ hiểu đạo, mẹ biết rằng mỗi ngày phải sống với sự mới nguyên, mới tinh khôi của nó, đừng để cho bóng tối phiền não của ngày hôm trước làm u ám sáng hôm sau, nhất là sáng chủ nhật vào

mùa thu rất đẹp trời, rất nên thơ như bữa nay. Nhưng mà, nếu không bao giờ con tự xét lại mình, lúc nào con cũng cho mình là đúng và không cảm thấy chút gì hối hận trong tâm thì cái tâm đó vô tư thật, vô tư đến nỗi trở thành vô tình.

Con không bao giờ xin lỗi mẹ dù con đã nhiều lần làm mẹ buồn, con hay sửa sai mẹ vì mẹ đã không làm đúng như ý con, con thường trách cứ mẹ điều nọ điều kia mà có lẽ không bao giờ con đặt câu hỏi tại sao mẹ lại cư xử như thế? Nếu con biết quên mình một chút và đặt mình vào hoàn cảnh của mẹ, chắc con sẽ hiểu biết và thông cảm hơn. Mẹ vẫn thầm mong thế.

Mẹ biết con kiêu lắm và tự ái cao cũng như anh con vậy. Mẹ không lấy làm quan trọng chi một câu xin lỗi nhưng mẹ ngại cho con, với tánh tình đó, con sẽ đau khổ khi ra đời. Mẹ chờ một lời xin lỗi đâu phải để cho tự ái mình được thỏa mãn, đâu phải để thấy mình còn đủ quyền uy của một bà mẹ. Mẹ chỉ mong con biết tự hạ thấp một chút và có thể thấy được lỗi lầm của mình, như thế con sẽ khá hơn vì biết sửa đổi, nhờ đó con dễ có hạnh phúc.

...Mẹ tránh không cho con thấy mặt mẹ sáng nay vì sợ gương mặt đau khổ của bà già này sẽ làm con mất vui. Con đang sửa soạn đưa bạn gái của con đi lễ nhà thờ. Hai người khấn khít lắm, có thể đi đến hôn nhân. Mẹ không có ý kiến chi cả, nhưng mà mẹ mong phải chi con dâu của mẹ cùng đạo Phật thì nói chuyện với nhau dễ thông cảm hơn vì có nền tảng chung. Mẹ nghĩ rằng đạo nào cũng có cái hay—chỉ trừ những nhóm người mê tín nhảm nhí—và tất cả tôn giáo đều gặp nhau ở chỗ xây dựng nên những con người tốt cho gia đình, cho xã hội nên mẹ không dám đả kích gì. Nhưng mà riêng đạo Phật mới chỉ thẳng vào chân lý, phô bày sự thật muôn đời và giải quyết vấn đề sinh tử luân hồi cho con người.

Mai kia, nếu vì sự ép buộc mà con từ bỏ đạo của mình thì thật là tiếc lắm thay, như người có viên ngọc mà vứt đi vì không biết giá trị của nó. Mong ước là quyền của mẹ và dĩ nhiên quyết định là quyền của con.

Có hai điều mà bậc làm cha mẹ không nên ép uổng con, đó là sự chọn nghề và chọn bạn trăm năm. Mẹ biết thế nên không nói ra mà cũng chẳng nói vào về mối tình của con và Hồng. Vợ chồng, âu cũng là duyên nợ.

... Con lái xe đi rồi mẹ mới ra khỏi phòng. Trong khi rửa mặt, mẹ cố dịp nhìn mình trong gương. Gương trả lại hình ảnh của một người đàn bà tiêu tụy dung nhan, mái tóc màu muối tiêu khô cứng tua tủa ra giống tóc một chú hề, đôi mắt quầng thâm, sưng húp, làn da tái mét như người bệnh lâu năm, lại thêm trán nhăn, má hóp... Hơn bao giờ hết, mẹ thấy rõ tính vô ngã, vô thường. Trên đời này, có cái gì trường tồn, không biến hoại đâu? Mẹ cũng đã từng là một đứa bé, rồi trở thành một cô thiếu nữ và bây giờ là một người luống tuổi. Mẹ đã từng vui, buồn, cười, khóc, ước mơ, hi vọng và thất vọng. Con cũng thế, con đang biến đổi, từng ngày một, về cả hai phương diện: sắc và tâm.

Tất cả mọi sự trên thế gian này đều do nhân duyên mà thành tựu, do nhân duyên mà thay đổi và tan hoại. Nhân duyên nào đã làm con không còn dễ thương như trước? Phải rồi, con đã lớn lên và trưởng thành trên đất Mỹ. Nơi xứ này, đứa bé không được hấp thụ khuôn khổ, nề nếp của người Á Đông mình. Đứa bé tự xem mình ngang hàng với cha mẹ, chẳng những nó có thể cãi tay đôi với người lớn mà nó còn có thể sùng sộ, lớn tiếng, chỉ thẳng vào mặt cha hay mẹ mình và đập bàn đá ghế để biểu lộ sự bất bình của nó. Những hình ảnh như vậy đầy trên màn ảnh, tivi và trong các gia đình người Mỹ tránh sao con không khỏi tiêm nhiễm mỗi ngày một ít? Mẹ tiếc rằng cha con chẳng còn sống để phụ mẹ níu giữ lại

truyền thống dân tộc, nét đẹp của một gia đình có giáo dục Đông phương.

Mẹ hiểu rồi, mẹ không buồn giận nữa đâu. Chỉ một mình, làm sao mẹ chống chọi được với xã hội và môi trường chung quanh con nhỉ? Nếu mẹ chấp chặt vào khuôn khổ trong đó mẹ đã lớn lên để phán xét con thì mẹ chỉ tự chuốc sầu mà thôi. Mẹ hiểu rồi nhưng mà mẹ vẫn còn hoài vọng, mong con đừng buông bỏ hết những gì mẹ đã dạy dỗ con từ tấm bé, những điều ấy tuy không cao xa chi nhưng mà nó là gốc rễ hạnh phúc cho cả đời con.

Con nên hiểu rằng hạnh phúc của con luôn luôn tùy thuộc vào người chung quanh. Nếu con biết làm cho những người thân quen của con vui vẻ, sung sướng thì ánh mắt và nụ cười của họ sẽ làm con được vui vẻ, sung sướng gấp bội phần. Trái lại, nếu con chẳng cần để tâm đến sự vui buồn của người, muốn làm gì cứ làm theo ý muốn cá nhân con, mặc ai trách cứ, mặc người than van thì chẳng những con làm tổn hại phước đức của con mà thôi, con sẽ bị cô lập và mất cả tình thương mến, ấy là một đại nạn. Trên đời này, chỉ có cha mẹ mới hoàn toàn tha thứ những lỗi lầm của con, còn đối với những người khác, dù con có hối lỗi ăn năn, những vết sẹo xấu của con cũng mãi còn đậm nét trong trí nhớ của họ. Bởi thế, con hãy nên cẩn trọng về ngôn ngữ, hành động của mình, con nhé!

Có lẽ mẹ lo xa quá hay tưởng tượng nhiều quá! Con mẹ dù sao cũng đâu đến nỗi tệ! Con đâu lêu lổng chơi bời, đâu phá làng phá xóm như những kẻ hư thân mất nết. Con chăm chỉ học hành, biết lo cho tương lai, có nếp sống lành mạnh và thỉnh thoảng cũng phụ giúp mẹ những công việc vặt vãnh trong nhà ngoài sân vườn, mẹ còn dám đòi hỏi gì thêm? Nếu đặt kỳ vọng quá nhiều ở con mình, mình dễ bị thất vọng cho nên mẹ tập chấp nhận cái gì mình được và chấp nhận cả những cái gì mình không thể được. Như thế thì khỏe hơn! Đâu

ốc nhẹ nhàng hơn!

... Hôm nay mẹ chuẩn bị nấu nồi bánh canh cho con và Hồng về ăn. Con về ăn cũng tốt hoặc là hai đứa đi ăn tiệm cũng tốt, không sao. Nếp sống của các con dĩ nhiên là phải hơn cha mẹ rồi. Việc ăn xài đối với các con thật dễ dàng, không cần tính toán. Cuộc sống của các con không khó khăn như thế hệ của những người đi trước, những người đi lập nghiệp trên đất khách với hai bàn tay trắng và vốn liếng Anh văn không đầy lá mít. Họ chịu đựng nhiều cay đắng, nhọc nhằn, họ sống tiện tặn kham khổ để gây dựng cho đàn con của họ. Bởi thế, nhìn vào họ, con sẽ không thấy vẻ sang trọng phong lưu như thế hệ của các con hôm nay, những người trí thức trong xã hội Hoa kỳ.

Nhưng con ơi, nếu không có những người đi trước hi sinh và dọn đường như thế ấy, các con không dễ thành công đâu. Các con đừng quên nguồn cội của mình. Mẹ biết, có những người đồng trang lứa với con hoặc nhỏ hơn con vài ba tuổi, họ không thích chơi với cộng đồng Việt Nam, không muốn nói tiếng Việt, chỉ thích giao thiệp với Mỹ và tự đồng hóa mình với người Mỹ. Họ đâu biết rằng chối bỏ nguồn cội là tự mình bứng mình ra khỏi gốc, cây sẽ èo uột và chẳng lớn nổi nếu không bị chết non. Một ngày nào không xa lắm, họ sẽ thấy mình bơ vơ vì thật ra những người da trắng mắt xanh tóc vàng đầu xem dân da vàng di cư là người Mỹ dù mình đã có quốc tịch từ lâu.

Chối bỏ văn hóa Việt Nam, họ tự đánh mất đi sản quý báu, họ không được thưởng thức những bài tình ca bất hủ, những câu hò câu hát trên sông nước, trên cánh đồng, những bài ca dao hồn nhiên trong sáng đầy tính dân tộc họ không biết Nguyễn Du là ai, bà huyện Thanh Quan là ai, kể cả những triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, những vị anh hùng chống ngoại xâm, kể cả mảnh đất hình cong như chữ S nằm

ven biển Thái Bình Dương. Những thứ ấy đối với họ chẳng là gì cả, chẳng gây cho họ một cảm xúc gì. Một ngày nào đó, tình cờ người bạn Mỹ bảo: “Anh hãy nói cho tôi nghe về quê hương của anh.” Người ấy sẽ trả lời ra sao? “Tôi không biết gì cả!” “Tôi là người Mỹ mà!” Con nghe như thế có được chăng?

Nghĩ đến quê hương, mẹ bỗng thấy nhớ quá những hàng dừa xanh um ở quê ngoại, những con sông rạch quanh co mà nước đầy phù sa, tôm cá, nhớ những “cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi”, những thân dừa bắc ngang các con mương nhỏ trong vườn nhà rợp mát, nhớ cả “đèn Saigon ngọn xanh ngọn đỏ, đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu”, nhớ những tà áo dài trắng thướt tha như đàn bướm nhỏ lúc tan trường, nhớ những con đường có lá me bay nhẹ nhẹ vào mùa gió chướng, lạnh hanh hanh...

Mai này khi con ra trường và lập gia đình xong thì đã đến lúc mẹ hưu trí. Có thể mẹ sẽ trở về Việt Nam. Mẹ sẽ tìm một vùng quê yên tĩnh, mua miếng đất nho nhỏ ở cạnh chùa và cất lên một am tranh. Ở đó, mẹ sẽ có đủ duyên để chuyên tu Tịnh Độ và vui thú điền viên. Chắc chắn con nói rằng “ở Mỹ này, mẹ cũng có thể làm như vậy, cần gì phải về đấy mới tu được.” Nhưng mẹ biết, nếu mẹ còn nấn ná chốn này thì cũng như bao nhiêu người khác cùng lứa tuổi, mẹ sẽ bận bịu với đàn cháu và sợi dây tình cảm ngày càng trở chặt lấy mình, quyến luyến mãi khó rời. Tham ái là nguyên nhân của sinh tử, nếu không sớm dứt khoát, không sớm lìa xa thì mãi mãi bị giam trong tù lục đạo, bị trở chặt trong bánh xe luân hồi. Như thế thật luống uổng cho một kiếp người, nhất là mình lại là một Phật tử.

Còn theo đề nghị của dì Lại, chị em bạn già họp lại sống chung với nhau cho vui. Thử hỏi, những ngày vui vẻ ấm cúng ấy được bao lâu? Rồi ai cũng phải lần lượt ra nghĩa trang một mình. Mẹ nghiệm ra rằng những thứ mà

người thế gian này—dĩ nhiên là có mẹ trong đó—nương tựa vào đấy mà sống như hạnh phúc gia đình, tình bè bạn cho đến quê hương, giống nòi... tất cả đều chỉ là những chỗ tạm thời, là những cái phao. Phao thì mong manh quá trong biển khổ không bờ bến này. Làm sao có thể vượt trùng dương với phương tiện eo hẹp như vậy? Ít ra mình phải có một chiếc thuyền, như thuyền Bát Nhã chẳng hạn, giúp mình buông bỏ hết mọi chấp trước về ngoại cảnh, về thân tâm thì mới mong tự tại, an ổn đến bờ giải thoát.

Mẹ sẽ tập bỏ dần, bỏ dần những thứ mà xưa nay mình đã ôm đồm, tích lũy: những điều phải trái, những khuôn mẫu xã hội, những so sánh hơn thua, những quan niệm về còn mất, có không, những phân biệt tốt xấu, thiện ác, thánh phàm... Xả bỏ hết cho đến khi nào chỉ còn lại một “tâm không”, một tấm lòng ngây thơ như trẻ nít, một nụ cười hồn nhiên trước sự đời thì khi đó mẹ khỏi cần tìm cách quay về Việt Nam vì quê hương đích thực đã hiển hiện ngay trong lòng mình.

... Mẹ đã tìm được sự an ổn, mẹ vừa thoát ra khỏi một cơn sóng phiền não. Mẹ đang mỉm cười nhìn hai chú sóc rượt nhau, chuyền hết nhánh này sang nhánh nọ và đang lắng nghe chim hót líu lo mừng ngày nắng ấm giữa mùa thu của cuộc đời. Xả trừ được phiền não, lòng mình nhẹ tênh!

Tuy biết rằng phiền não tức Bồ Đề nhưng không phải là sự dễ dàng cho mẹ để chuyển hóa phiền não đâu. Tuổi tác cao, sự suy nhược về cơ thể kéo theo sự yếu đuối về tinh thần cho nên người già hay bị chìm lún trong đau khổ. Họ không còn đủ ý chí, nghị lực để ngoi vượt lên dù họ là người hiểu đạo, thừa biết vui buồn chỉ là trò huyễn hóa của tâm thức.

Bởi thế, mong con thông cảm được sự yếu đuối và tánh nhạy cảm của mẹ mà tránh cho mẹ những giây phút tủi sầu, để mẹ có thể an vui tu tập. Được an vui tu tập, mẹ hồi hướng

công đức này cho con và tất cả những người còn cha hay mẹ trên đời, mong mọi người con đều tròn câu hiếu đạo, cho tuổi già của những người mẹ, người cha không đến nỗi quá hiu hắt lạnh lùng vì những giọt lệ như sương. Và con ơi, nên biết rằng hiếu hạnh là căn bản của đạo làm người, không ai từ bỏ chữ hiếu mà có thể làm nên nghiệp lớn, cho đến những bậc thượng sĩ xuất trần như Thanh Văn, Bồ tát cũng nhờ đạo hiếu mà tiến tới quả vị Vô Thượng Bồ Đề. ■

Mùa Vu Lan 2540 (1996)

cũng là những thực tại thiêng liêng
đang hiện hữu
nhưng họ chưa bao giờ có mặt
trong kho tàng tâm thức em
nói chi có mặt trên những dòng thơ văn
lúc nào cũng trau chuốt đẽo gọt cho thật sạch...

không biết thực tại thống khổ
thì không biết thực tại niết bàn
không biết thực tại bợn nhơ
thì không biết thực tại thuần khiết

cho nên bài học của em chỉ mới một nửa
con đường của em chỉ có một chiều
ngày mai nếu em muốn hoàn tất
một nửa còn lại
hãy học chàng khờ gánh đất sửa đường đi
hãy học ông khùng
chẳng dám khinh thường ai
hãy bắt chước bà mẹ một lòng thương yêu con...
cúi mình xuống địa ngục
cúi mình xuống bãi phân
cúi mình xuống mà ném
những giọt lệ thống khổ của vừng phận người
trong cuộc đời...

Vĩnh Hảo
Paris 1995

Thực Tại

này cô em đang nói chuyện với tôi
sao lại cất ngang
để chú tâm vào đối tượng âm thanh nào đó
cho dù là tiếng bụt gọi

văng vẳng giữa hư không
hay tiếng phong linh réo rắt bên hiên chùa
nói rằng đó là tinh thức hay chánh niệm...
vậy có khi nào em tự hỏi
thực tại trước mắt em
ở đây và bây giờ
đang nói chuyện với em bằng cả chân tình
và gắn gũi em nhất
chính là tôi?

này em thi sĩ thường lim dim quên đời
với đôi bàn tay đẹp chưa bao giờ lấm bụi
lúc nào cũng chỉ biết ca tụng
hoa đỏ với lá vàng
bằng những danh từ hoa mỹ thơm tho
hoặc chỉ thấy sự mâu nhiệm
trong sự hiện hữu của rừng phong với mây trời...
có khi nào em tự hỏi

tôi, cái thằng tôi hoang đàng nghịch ngợm này
cũng như những bài phân trâu
ngoài đồng ruộng
(mà bầy mục tử xục tay vào
về thành viên đất ném nhau chơi
hoặc nấn thành chùa tháp ở bên đường)
cho đến người thương gia tham lam bủn xỉn
hay anh bác sĩ mong cầu có nhiều bệnh nhân
cho đến tên côn đồ phóng xe âm ỉ ngoài kia
và gã say túy lúy gọi cả trần gian mà chửi
cho đến bầy trẻ găng-tơ sống đời tuyệt vọng
và những á điểm đang tự vấn
ý nghĩa cuộc đời



NIỆM PHẬT ĐI EM

■ Nhạc & Lời : VÕ NGÃ

Em ơi! Hãy cùng anh niemi Phật. Em ơi!
... Em ơi! Cứ ngày đêm niemi Phật. Thăm tâm

tâm cùng anh cầu nguyện. Sinh song cõi Cực Lạc Tây Phương. Lúc lâm
hướng về nơi Cực Lạc. Em tha thiết nguyện được sinh song. Cõi Tây

chung Phật rước con đi. Em ơi! Cảnh ngày đêm niemi Phật. Em ơi!
Phước thù thắng trang nghiêm. Tâm em thấm nhuần câu niemi Phật. Tâm em

Càng thường xuyên tâm lant. Bao mơ ước vọng tương diện đạo. Nhờ niemi
đã hòa trong Lục Tự. Tâm KHÔNG ấy là tâm giải thoát. Em niemi

Phật tâm thành tâm không. Em sẽ thấy cùng vãng diện ngục
tại đang ở Tây Phương.

Hoa Man - Đà bay khắp không gian. Hồ sen bầu nguyệt nga nhiệm

mầu. Muốn hồng ngân tia đẹp xinh sao! Em sẽ

thấy chim thần tạc trắng. Đang ngày đêm nơi Pháp vô

vi. Làn gió mát ru cây bầu mầu. Khiến lòng

người niemi Phật, niemi Pháp, niemi Tăng. Em ơi!..

TIN TỨC SINH HOẠT CỦA GIÁO HỘI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỘ VÀ CÁC ÔNG HOÀNG MINH CHÍNH, ĐỖ TRUNG HIẾU, ĐOẠT GIẢI NHÂN QUYỀN HELLMAN/HAMMETT DÀNH CHO NHỮNG VĂN THÍ SĨ BỊ KHỦNG BỐ TRÊN THẾ GIỚI

Cơ quan trao giải Nhân Quyền Hellman/Hammett dành cho những văn thi sĩ bị khủng bố trong thế giới vừa loan báo cho Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế được biết Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã được chọn trao giải năm nay: 1996. Hòa Thượng là Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), tác giả cuốn sách mới nhất mang tựa đề “Nhận định về những sai lầm tai hại của Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với Dân tộc và Phật giáo - Hành trình lưu đày và Thơ Từ”, do nhà xuất bản Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế và Quê Mẹ phát hành đầu năm 1995.

Hòa Thượng Thích Quảng Độ bị bắt đưa về quản thúc ở xã Vũ Đoài tỉnh Thái Bình năm 1982. Năm 1992 HT tự ý bỏ về Sài Gòn. Bị bắt lại vào ngày 4-1-1995, đưa ra tòa án Nhân dân TP Hồ Chí Minh xử 5 năm tù hôm 15-8-95. Vì tội HT viết bức thư gửi ông Tổng Bí Thư Đỗ Mười ngày 19-8-1994 kèm theo bản “*Nhận định về những sai lầm tai hại của Đảng Cộng sản đối với Dân tộc và Phật giáo*”, và vì đã tổ chức Đoàn Cứu trợ nạn nhân lũ lụt đồng bằng sông Cửu Long đầu tháng 11-94. Trường hợp ông Hoàng Minh Chính bị bắt ngày 14-6-95 và xử 12 tháng tù ngày 8-11-95

vì tội gọi kêu dân chủ hóa chế độ và đòi phục hồi danh dự cho những người bị oan trong “Vụ án xét lại chống Đảng”.

Giải thưởng này do hai nhà văn thành lập tại Hoa Kỳ và hoạt động sáu năm qua. Đó là Nhà văn nữ Lillian Hellman và Nhà văn Dashiell Mammatt. Cả hai bị khủng bố vì lý do chính trị và tín ngưỡng dưới thời Thượng nghị sĩ McCarthy mở chiến dịch chống Cộng hung bạo tại Hoa Kỳ những năm 1950. Họ đã bị các Ủy ban ở Hạ viện Quốc Hội Hoa Kỳ thẩm vấn, gây khó. Nhớ tới hoàn cảnh đau thương bị đàn áp, khủng bố tinh thần, hai vị đem hết tài sản ra lập giải thưởng.

Bất cứ văn thi sĩ nào trong thế giới bị đàn áp vì tự do ngôn luận, tự do sáng tác, tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, bị đày ải, khủng bố, dưới bất cứ chính thể nào, đều được cơ quan trao giải theo dõi, nghiên cứu, kiểm chứng để tuyên dương. Năm nay giải thưởng được trao cho Hòa Thượng Quảng Độ và hai ông Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu.

(lược trích *Thông Cáo Báo Chí* tháng 5/96 của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế)

HÒA THƯỢNG QUẢNG ĐỘ BỊ ĐƯA VỀ TRẠI B.14 GẦN HÀ NỘI

Tin từ trong nước cho biết đầu tháng 5 vừa qua, HT Thích Quảng Độ đã bị đưa từ trại Ba Sao, tỉnh Nam Hà, về trại B.14 gần Hà Nội. Lý do nhà nước còn giữ kín.

Tuy nhiên, ai cũng biết trại B.14 nổi tiếng

ác ôn. Đại đức Thích Hải Tạng đã bị chuyển về trại này từ tháng 8 năm ngoái. Trước kia gọi là trại Thanh Liệt, nằm kề xã Thanh Xuân Bắc, cách Hà Nội khoảng 10 cây số về phía Tây, hướng đi Hà Đông. Vào những năm 60, trại này thuộc Bộ Nội vụ của Trần Quốc Hoàn, còn gọi là “Khu Xà lim”, là trại ác nhất dành cho tù nhân chính trị. Xà lim chật hẹp chỉ đủ cho một người cựa quậy, không có cửa sổ. Bốn bên đều thấp đèn sáng để tù nhân không thể ngủ được. Hoặc có khi tắt hết, tối như ở âm ty.

ĐẠI ĐỨC HẢI TẠNG ĐƯỢC NGỪNG BIỆT GIAM VÀ ĐƯA VỀ ĐIỀU TRỊ TẠI NHÀ TÙ TỈNH ĐÔNG HÀ

Đại đức Thích Hải Tạng bị bắt ngày 4-6-93, sau cuộc biểu tình của 40.000 Phật tử tại Huế hôm 24-5-93. Tòa án Nhân dân Huế đưa ra xử kín ngày 15-11-93 kết án Đại đức 4 năm tù vì tội “gây rối trật tự công cộng” cùng với các Đại đức Trí Tụ, Hải Thịnh, Hải Chánh và 5 Phật tử. Tất cả 4 vị bị đày ra trại Ba Sao ở Nam Hà (miền Bắc). Vào giữa năm 1995, Đại đức Hải Tạng bị chuyển về trại B.14. Ở đây, Đại đức bị biệt giam 9 tháng trong hầm kín. Bị công an ngược đãi, truy bức bắt Đại đức lớn tiếng xác nhận 3 điều: a) phủ nhận Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất do HT Huyền Quang lãnh đạo; b) tuyên bố Di chúc của Cố Đại lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu là “ngụy tạo”; và c) chịu nhận theo ý công an là các Tuyên cáo, tuyên bố chống nhà nước của HT Huyền Quang do Đại đức thảo. Nhưng Đại đức đã cự tuyệt. Nhân khi Đại đức Hải Tạng bị loét bao tử cấp tính, có nguy cơ đến tính mạng, công an dự trù ám hại khi đưa đi giải phẫu. Nhưng một cảm tình viên của GHPGVNTN làm việc tại Bộ Nội vụ đã báo động tin này.

Liên khi hay tin, Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam đã huy động Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc và yêu cầu có “Hành động khẩn” cứu nguy Đại đức. Tại khóa họp lần thứ 52 của Ủy Ban Nhân Quyền LHQ tại Genève đầu tháng 4 vừa qua, ông Võ Văn Ái lại lên tiếng về trường hợp của Đại đức Hải Tạng nên LHQ đã gửi văn thư can thiệp đến nhà cầm quyền Hà Nội.

Mặt khác, ở trong nước, ông Nguyễn Đình Ký, thân phụ của Đại đức Hải Tạng đã viết Đơn Kêu Cứu gửi Nhà Nước Cộng Sản yêu cầu: 1) Thôi ngay tình trạng biệt giam Đại đức Hải Tạng; 2) Trong lúc bệnh nặng và nguy kịch như thế, xin để cho Đại đức Hải Tạng tại ngoại trong thời gian được chữa bệnh; 3) Trường hợp phải mổ, phải có sự chấp thuận của thân nhân (thân nhân ở đây, ít nhất phải có chúng tôi là cha mẹ hoặc anh em ruột, và quý Thầy tại chùa Linh Mục, chùa Long An, nơi Đại đức đã tu học trước đây). Ông Ký kết thúc *Đơn Kêu Cứu* bằng thái độ quyết liệt: “*Tôi tha thiết đề đạt 3 yêu cầu trên và xin phát nguyện rằng trong vòng 2 tháng nếu các yêu cầu không được giải quyết, chúng tôi sẽ đồng hy sinh thân mạng này chết đi để được theo gia hộ con tôi*”.

Sau khi Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế loan tải tin trên cho dư luận và báo chí quốc tế, và Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam báo động Ủy Ban Nhân Quyền LHQ, công an huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng, đã triệu ông Nguyễn Đình Ký lên sở Công an “làm việc” 15 lần. Những lần đầu công an thịnh nộ, hăm dọa, sau quay ra vuốt ve khuyên nhủ. Nhưng ông Ký vẫn giữ vững lập trường.

Nhờ áp lực can thiệp của Ủy Ban Nhân Quyền LHQ và sự quyết liệt đấu tranh của gia đình Đại đức Thích Hải Tạng, nhà cầm quyền Hà Nội đã phải nhượng bộ. Theo tin chúng tôi mới nhận được từ Việt Nam, thì tình

trạng biệt giam trong hầm kín tại trại B.14 gần Hà Nội đã chấm dứt. Đại đức Hải Tạng vừa được đưa về nhà tù tỉnh Đông Hà. Tại đây Đại đức đang được điều trị bệnh loét bao tử.

**VĂN BÚT PHÁP TUYÊN DƯƠNG 4
NHÀ VĂN VÀ HỌC GIẢ VIỆT NAM
LÀM HỘI VIÊN DANH DỰ:
HT QUẢNG ĐỘ, TT TUỆ SỸ, TT TRÍ
SIÊU VÀ ÔNG HÀ SĨ PHU**

Văn bút Quốc tế, Phân hội Pháp (PEN Club Francais), vừa vinh danh 4 nhà văn và học giả Việt Nam làm Hội viên Danh dự. Chúng tôi xin dịch nguyên văn dưới đây bản Thông cáo báo chí của Văn Bút Pháp gửi đi từ Paris hôm 12-6 vừa qua.

“Văn Bút Pháp

Paris, ngày 12-6-1996

Trong phiên họp ngày 4-6-1996, Ủy ban Văn Bút Pháp đã đặc cách gia nạp như Hội viên Danh dự các nhà văn Thích Quảng Độ, Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), và Hà Sĩ Phu. Các nhà văn này bị bắt vì tác phẩm của họ. Hai trong số bốn nhà văn bị giam giữ từ năm 1984 và bị lên án tử hình năm 1988 nay đã được giảm xuống 20 năm khổ sai nhờ cuộc vận động quốc tế (đòi hủy án) của Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam.

Văn Bút Pháp nhận định có bốn phạm kết liên với Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam, là tổ chức thường xuyên lên tiếng bảo vệ quyền tự do tư tưởng và quyền tự do ngôn luận, than ôi các quyền thường xuyên bị phỉ báng tại Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hiện là một trong những quốc gia đàn áp nhất thế giới.

Ủy Ban Văn Bút Pháp hy vọng rằng báo chí truyền thông sẽ giúp loan rộng rãi tin này như một cách gây sức ép lên chính phủ Việt Nam”.

(lược trích Thông Cáo Báo Chí tháng 6/96

của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế)

**MỘT ĐÓNG GÓP VĂN HÓA ĐÁNG
KỂ CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TRÊN ĐẤT CANADA**

Thứ bảy ngày 29-6-1996, khu vực đồi núi rừng thông Harrington, miền tây bắc tỉnh bang Québec, Canada, tưng bừng náo nhiệt, đón nhận đoàn xe nối đuôi nhau từ các đoàn xe bus đến xe nhà đủ loại—một đoàn xe mà theo sự ước lượng của người hữu trách, đã chở đến gần 4000 người đến từ Philadelphia, Chicago, Virginia (Hoa Kỳ), Victoria, Winnipeg, London, Toronto, Ottawa và Montréal về đây tham dự Lễ Lạc Thành Đại Hùng Trang Nghiêm Thiên Phật Điện Đại Tông Lâm, Tam Bảo Sơn.

Lễ Lạc thành được đặt dưới sự chứng minh của Chư Tôn Trưởng Lão, Đại Đức, Tăng Ni cùng với sự hiện diện của bà Thị trưởng, quý vị Nghị viên, các cấp chính quyền thành phố Harrington, và đại diện các hội đoàn, thân hào nhân sĩ, đồng bào Phật tử. Đặc biệt trong hàng Chư Tôn Trưởng Lão có Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, Phật Học Viện Quốc Tế, Hoa Kỳ.

Buổi lễ được đặt dưới sự điều khiển (MC) của Sư cô Phổ Tịnh và ông Lâm Đại Tông, chủ nhân công ty xuất nhập cảng LAM, Montréal.

Trong diễn văn Lạc thành, Thượng Tọa Thích Thiện Nghị, Viện chủ Đại Tông Lâm Tam Bảo Sơn kiêm trưởng ban tổ chức cho biết:

”... kiến thiết đạo tràng tu học, phụng thờ Tam Bảo và tái lập các thánh tích là hạnh nguyện của hàng tứ chúng chân chánh, luôn cứu mang thực hiện để trang nghiêm hạnh nguyện và phát huy Chánh Pháp Phật Đà vậy: ... Nơi nào có nhân loại thì chính nơi đó là quê

hương của đạo Phật để cùng hài hòa chung sống, để thắm nhuần lời vàng ngọc của Đức Phật để cùng làm Phật.”

Thượng Tọa cho biết xây cất một ngôi chùa không ngoài ba mục tiêu:

- Thờ phụng Đức Phật, ca ngợi Tứ Ân;
- Có nơi giảng dạy, học hỏi giáo lý tu tập để thánh thiện hóa đời sống hiện tại;
- Nơi biểu tượng văn hóa Á Đông, căn bản truyền thông của đạo đức, hình ảnh gương mẫu về nếp sống thanh tịnh an lạc.

Năm 1988, Thượng tọa đã chủ xướng mua vùng đất hiền hòa, rộng 337 mẫu với giá \$150.000, để thực hiện hoài bão hoàng pháp. Sau 8 năm nỗ lực không ngừng, Tứ thánh địa và các thánh tích khác đã được kiến thiết. Tháng sáu năm 1995, ngôi đại điện được khởi công xây cất. Nhờ sự phát tâm cho mượn hoặc cúng dường tịnh tài, và đặc biệt chiến dịch tiền xu bỏ lon góp nhặt hàng tháng của Phật tử London, Toronto, Montréal, công tác xây cất không bị trở ngại về mặt tài chánh. Chỉ sau 120 ngày với phí tổn gần \$600.000, ngôi đại điện đã được lạc thành trước thời gian ấn định. Đó chính là nhờ sự hoan hỷ kiến thiết của nhà thầu Alain Kean và Guy Kean, kiến trúc sư Peter Paul Fianu và Wade Bethal.

Ngôi chánh điện được xây dựng với kiến trúc cổ truyền, mái cong được nâng đỡ bởi mười cây cột chính tượng trưng cho mười vị đại đệ tử của đức Phật.

Kế tiếp lễ Lạc thành ngôi chánh điện, lễ Tác pháp khai quang cung thỉnh 1000 tôn tượng Phật an tọa trang nghiêm được cử hành để tất cả những ai có phước duyên về lễ bái, tu học.

Sau buổi lễ, thiện nam tín nữ dùng cơm trưa và đi chiêm ngưỡng, lễ bái các thánh tích.

Nhân dịp này, Thượng Tọa Viện chủ đã giới thiệu các công trình xây dựng thuộc đề án Đại Tông Lâm sau 6 năm nỗ lực từ tinh thần đến vật chất của Tăng Ni và Phật tử hữu

tâm đóng góp thực hiện:

* Tháng 10 năm 1988: An vị Phật tại Niệm Phật đường;

* Tháng 2 năm 1991: thành lập Phật học đường Tam Bảo Sơn dưới sự điều hành trực tiếp của Thượng Tọa Viện chủ và sự phụ trợ của Đốc giáo Sư Cô Thích Nữ Phổ Tịnh. Phật học đường Tam Bảo Sơn mở khóa I “Long Thọ” đào tạo Tăng Ni trong thời gian từ 1991 đến 1996. Theo học khóa này có 14 vị sa di và sa di ni, một vài vị do đầy đủ thiện duyên đã lên đường lo Phật sự. Hiện nay còn lại 9 vị sẽ được mãn khóa vào tháng 9 năm 1996.

* Tháng 8 năm 1991, lạc thành:

1) Đạo tràng Long Hoa: Tôn tượng Đức Phật Di Lạc cao 2m50 bằng đồng.

2) Bồ Đề Đạo Tràng: một trong Tứ thánh địa mà theo lịch sử Phật giáo là nơi Đức Cô Đàm đã giác ngộ thành Phật sau 49 ngày đại định dưới gốc cây Tất Bát La (Bồ Đề) bên giòng sông Ni Liên Thuyền. Tôn tượng Đức Phật thành đạo bằng đồng cao 2m50, được đúc tại Thái Lan, an ngự dưới một tàng cây bồ đề Canada, đặc biệt thân cây có 7 nhánh.

* Tháng 7 năm 1993, lạc thành Vườn Lâm Tỳ Ni, theo như tích Phật tại Ấn Độ, vườn này là nơi Đức Phật đản sanh cách đây 2620 năm. Tôn tượng Đức Phật đản sanh cao 1m và 6 hoa sen đúc bằng đồng. Tôn tượng Hoàng hậu Ma Gia bằng đồng cao 2m.

* Tháng 8 năm 1994, lạc thành Đạo tràng Lộ Uyển. Nơi đây ghi lại tích Đức Phật chuyển vận bánh xe Chánh Pháp lần đầu tiên tại vườn Lộ Uyển cho 5 anh em Kiều Trần Như. Đạo Tràng Lộ Uyển có tôn tượng Phật Bốn Sư Thích Ca cao 2m70, 5 tôn tượng 5 anh em Kiều Trần Như mỗi tượng cao 2m.

* Tháng 10 năm 1995, lạc thành Đạo tràng Phổ Đà. Nơi đây thiết trí tôn tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát cao 7m bằng đồng được an vị trên tòa sen cao 2m.

* Và ngày 29-6-1996, lạc thành Chánh điện

Thiên Phật Tam Bảo Sơn với 1000 tôn tượng Phật.

Lễ Lạc thành Đại Hùng Trang Nghiêm Thiên Phật Điện, Đại Tông Lâm Tam Bảo Sơn kết thúc lúc 3 giờ chiều. Mọi người ra về trong niềm hân hoan tin tưởng ở vẻ đẹp an tịnh thanh thoát của văn hóa Phật giáo mà Tăng Ni Việt Nam ở Canada nói riêng, và trên toàn thế giới nói chung, đã đóng góp cho các dân tộc và các quốc gia họ đặt chân đến.
(bản tường thuật của một Phật tử ở Canada)

GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG
NHẤT HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

Phật lịch 2540, Ngày 02 tháng 7 năm 1996
Số: 0173/NPTT/HDDH/NPIVHD/QĐ

THÔNG TƯ

Trích yếu: V/v Tổ chức Đại Hội Khoáng Đại lần thứ I Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ—Văn Phòng II Viện Hóa Đạo.

Tham chiếu:

— Quy Chế của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ được thông qua bởi Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ vào các ngày 25, 26 và 27 tháng 9 năm 1992 tại San Jose, California;

— Nội Quy Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN-HK ban hành ngày 26 tháng 01 năm 1993;

— Biên bản Đại Hội Thường Niên lần thứ III của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ được triệu tập vào các ngày 23, 24, 25, và 26 tháng 11 năm 1995 tại Chùa An Lạc thành phố San Jose, tiểu bang California;

— Biên bản cuộc họp đặc biệt của Giáo Hội vào ngày 16 tháng 5 năm 1996 tại Chùa

Bát Nhã, thành phố Santa Ana, California.

Kính gửi:- Quý Hội Đồng Đại Diện

- Hội Đồng Giám Luật

- Hội Đồng Giám Sát

- Hội Đồng Điều Hành

- Ban Nghiên Cứu và Phát Triển,

- Các Phòng, Ban Điều Hành Miền và Cơ sở đơn vị,

Kính thưa quý cấp Giáo Hội,

Nhằm mục đích kiểm điểm công tác Phật sự, Tu chỉnh Qui Chế, đề xuất hướng đi, san định chương trình hành hoạt, Hiệp ky liệt Thánh tử đạo và công cử thành phần nhân sự cho các Hội Đồng, Đại Hội Khoáng Đại lần thứ I của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ—Văn Phòng II Viện Hóa Đạo sẽ được tổ chức:

* **Thời gian:** Từ 4 giờ chiều thứ Năm, ngày 10 tháng 10 năm 1996 đến 05 giờ chiều Chủ nhật, ngày 13 tháng 10 năm 1996.

* **Địa điểm:** Phật học viện Quốc Tế, 9250 Columbus Avenue, North Hills, CA 91343, USA. Điện thoại: (818) 893-5317.

* **Chủ đề chính của Đại Hội là Hóa Giải và Xây Dựng.**

Thành phần đại biểu tham dự Đại Hội gồm Chư Tôn Đức Giáo Phẩm Tăng Ni và quý Phật tử trực thuộc Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, các Hội Đồng Đại Diện, Hội Đồng Giám Luật, Hội Đồng Giám Sát, Hội Đồng Điều Hành, Ban Nghiên Cứu và Phát Triển GH, các Phòng, Miền và Cơ sở đơn vị của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ.

Số lượng Đại biểu chính thức: 03 Đại biểu cho mỗi Cơ sở đơn vị; 05 Đại biểu cho mỗi Ban Điều Hành Miền; 05 Đại biểu cho mỗi Ban, Phòng, Ngành chuyên môn; 02 Đại biểu dự khuyết cho mỗi đơn vị và, số lượng Quan sát viên: không giới hạn.

Đại biểu chính thức của Đại hội nếu là Cư sĩ phải là những Phật tử đã thọ Tam Quy, Ngũ

Giới và đang công tác Phật sự trong các cấp của Giáo Hội.

Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành và Ban Tổ Chức Đại Hội sẽ tiếp tục phổ biến những chi tiết có liên quan đến Đại Hội trong những ngày sắp đến.

Mọi thắc mắc và đóng góp ý kiến liên quan đến Đại Hội xin liên lạc về **Ban Tổ Chức Đại Hội**, 9250 Columbus Ave. North Hills, Ca. 91343. USA. Điện thoại: (818) 893-5317; hoặc **Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành**, 424 Ramona Ave. Monterey Park, CA 91754. USA. Điện thoại: (818) 288-5359; Fax: (818) 572-8741.

Vì sự nghiệp hoằng dương chánh pháp, lợi lạc quần sanh, nhất là trước hiện tình pháp nạn bức thiết tại quốc nội, kính yêu cầu quý cấp Giáo Hội tích cực yểm trợ và đóng góp để Đại Hội Khoáng Đại lần thứ I của Giáo Hội chúng ta được tựu thành viên mãn.

Mọi ủng hộ tài chánh xin đề "**Cúng Dường Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I**" và gửi về Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ—Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, qua hai địa chỉ như đã ghi trên.

Cầu nguyện đức Phật gia bị chúng ta chu toàn mọi trọng nhiệm.

Nay thông tư,
Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành
Hòa Thượng Thích Hộ Giác
(Ấn ký)

Nơi nhận:

— Các cấp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ—Văn Phòng II Viện Hóa Đạo "**để tri hành**"

Bản sao kính gửi:

— Hội Đồng Lương Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất "**để kính trình**

thăm"

— Các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất các Châu "**để kính thăm tường**"

— Hội Đồng Đại Diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ "**để kính thăm tường**"

— Hồ sơ lưu.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG
NHẤT HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
Số: 0172/VPTT/HDDH/VPIVHD/QĐ

QUYẾT ĐỊNH

— Chiếu Qui Chế GHPGVNTNHN-HK, được thông qua bởi Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ vào các ngày 25, 26 và 27 tháng 9 năm 1992 tại San Jose, California;

— Chiếu Quyết Định số 027 VPLV-VHD, ngày 10 tháng 12 năm 1992 của Viện Hóa Đạo chính thức công nhận Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ đại diện toàn quyền Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Quốc nội và là Văn Phòng II Viện Hóa Đạo;

— Chiếu Sắc Lệnh số 178945 ban hành ngày 26 tháng 01 năm 1993 của tiểu bang California và Liên Bang Hoa Kỳ chính thức công nhận GHPGVNTNHN-HK;

— Chiếu Nội Qui Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN-HK ban hành ngày 26 tháng 01 năm 1993;

— Chiếu Văn Thư số 003/BTCĐHKĐ/VT của Ban Tổ Chức Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I do Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Trưởng Ban Tổ Chức ký ngày 30 tháng 7 năm 1996, yêu cầu chuẩn y thành phần nhân sự của Ban Tổ Chức;

— Chiếu nhu cầu Phật sự:

Quyết Định

Điều I: Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ—Văn Phòng II Viện Hóa Đạo sẽ được triệu tập trong dịp Lễ Columbus vào các ngày 10, 11, 12 và 13 tháng 10 năm 1996 tại Phật Học Viện Quốc Tế, số 9250 Columbus Ave., North Hills, CA 91343. Tel & Fax: (818) 893-5317.

Điều II: Thành phần nhân sự của Ban Tổ Chức gồm có:

* Trưởng Ban Tổ Chức: HT Thích Đức Niệm

* Phó Trưởng Ban: TT Thích Phước Thuận, đặc trách Nghi Lễ, Tài chánh, Bảo trợ và Vận động nhân sự.

* Phó Trưởng Ban: TT Thích Nguyên Trí, đặc trách Cư trú, Vận chuyển, Y tế và Ẩm thực.

* Phó Trưởng Ban: TT Thích Pháp Tánh, đặc trách Thiết trí, Văn nghệ, Trật tự, Vệ sinh và Tiếp tân.

* Phó Trưởng Ban: LS Nguyễn Văn Vân, đặc trách Tài liệu, Truyền thông, Phim ảnh, Âm thanh và Ánh sáng.

* Tổng Thư Ký: ĐĐ Thích Minh Dung

* Phó Tổng Thư Ký: Đh Huỳnh Hữu Thiên, Đh Nhật Hạnh, Đh Nguyễn Hồng Khanh và Đh Võ Kính.

* Phát Ngôn Viên chính thức của Đại Hội: HT Thích Hộ Giác, HT Thích Đức Niệm, và TT Thích Viên Lý.

* Thủ Quỹ: Đh Nguyễn Cần-Tôn Nữ Dung Kiều.

* Phó Thủ Quỹ: Đh Tâm Chánh-Phạm Thị Hoài Chân.

* Trưởng Tiểu Ban Nghi Lễ: TT Thích Tín Nghĩa.

* Trưởng Tiểu Ban Tài Liệu: TT Thích Viên Lý và Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành.

— Các Thành viên: GS Võ Văn Ái, GS Bùi Ngọc Đường, GS Tâm Huy, GS Vĩnh Hảo và GS Từ Vân.

* Trưởng Tiểu Ban Tu Chính Quy Chế: HT Thích Đức Niệm.

— Các Thành viên: TT Thích Trí Lãng, TT Thích Giác Chân, GS Trần Quang Thuận, LS Nguyễn Trọng Nho, Đh Huỳnh Hữu Thiên, Đh Huỳnh Tấn Lê và Đh Hoàng Hà Thanh.

* Trưởng Tiểu Ban Tài Chánh: TT Thích Phước Thuận.

— Các thành viên: TT Thích Giác Chân, Đh Tâm Thông, Đh Nguyễn Thiện, Đh Nguyễn Thanh, Đh Quảng Khai, Đh Diệu Quang và Đh Như Như.

* Trưởng Tiểu Ban Văn Nghệ, Tiếp Tân, Thiết Trí, Trật Tự và Vệ Sinh: TT Thích Pháp Tánh.

— Các Thành viên: Đh Phạm Thị Hoài Chân và Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ.

* Trưởng Tiểu Ban Cư Trú: Đh Tâm Chánh.

* Trưởng Tiểu Ban Di Chuyển: TT Thích Nguyên Trí

* Phó Ban Di Chuyển: Đh Dương Thiện Phát.

— Các thành viên: Đh Nguyễn Đức Mậu, Đh Tạ Xuân Bình, Đh Võ Đình Sanh, Đh Nguyễn Hồng Khanh và Đh Trương Hóa.

* Trưởng Tiểu Ban Thông Tin Báo Chí: Đh Mật Nghiêm-Đặng Nguyên Phả.

* Đặc trách bản tin Đại Hội: GS Bùi Ngọc Đường.

— Các thành viên: GS Trần Quang Thuận, GS Lý Đại Nguyên, GS Tâm Huy và GS Từ Vân.

* Trưởng Tiểu Ban Vận Động Nhân Sự: TT Thích Nguyên Trí.

* Trưởng Tiểu Ban Phim Ảnh: Đh Quảng Thiện-Đặng Tứ Hường.

* Trưởng Tiểu Ban Âm Thanh & Ánh Sáng: Đh Huỳnh Tấn Lê.

— Thành viên: Đh Nguyễn Hồng Khanh.
* Trưởng Tiểu Ban Âm Thực: Ni Sư Thích Nữ Liên Chi.

— Các Thành viên: Cô Diệu Tánh và Cô Liên Tâm.

* Trưởng Tiểu Ban Y Tế: BS Võ Tư Nhung.

Điều III: Tùy theo nhu cầu Phật sự, Hòa Thượng Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội có quyền bổ sung nhân sự, kiện toàn cơ cấu tổ chức và quy định cụ thể trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên trong Ban Tổ Chức một cách linh động.

Điều IV: Các thành viên Hội Đồng Điều Hành, các Hội Đồng liên hệ, Ban Tổ Chức Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I chiếu nhiệm vụ thi hành Quyết Định này.

Điều V: Ban Tổ Chức Đại Hội sẽ chấm dứt nhiệm vụ sau khi Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I bế mạc.

Quyết Định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Phật lịch 2540, ngày 31 tháng 7 năm 1996

Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành

Hòa Thượng Thích Hộ Giác

(Ấn ký)

*** Nơi nhận:**

— Thành viên Hội Đồng Điều Hành

— Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội Khoáng Đại Kỳ I “*để tri hành*”

*** Bản sao kính gửi:**

— Hội Đồng Đại Diện GHPGVNTNHN-HK “*để kính tường*”

— Các Hội Đồng Giám Luật, Giám Sát, Ban Nghiên Cứu Kế Hoạch và Phát Triển của Giáo Hội “*để phối hợp Phật sự*”.

— Các cơ sở đơn vị của Giáo Hội “*để tường và hỗ trợ*”

— Hồ sơ lưu.

■

GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG
NHẤT HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ
BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI KHOÁNG ĐẠI KỲ I
Số 01/BTC/TB

Phật lịch 2540, ngày 25 tháng 7 năm 1996

THÔNG BÁO

Kính gửi:

— Chư Tôn Đức

— Quý Đạo Hữu thuộc các Hội Đồng, các Đơn vị Giáo Hội PGVNTNHN-HK

Trích yếu: V/v Tham dự Đại Hội Khoáng Đại I

Kính thưa quý liệt vị,

Nhằm kiểm điểm công tác Phật sự, Tu chỉnh Quy Chế, đề xuất hướng đi, đặt định chương trình hoạt động, hiệp ký chư Liệt Vị Tổ Sư Tiên Bối cùng các Thánh tử đạo và công cử thành phần nhân sự cho các Hội Đồng, một Đại Hội Khoáng Đại của Giáo Hội sẽ được tổ chức từ **4 giờ Chiều thứ Năm ngày 10 tháng 10 năm 1996** đến **5 giờ Chiều Chủ Nhật, ngày 13 tháng 10 năm 1996** tại **Phật Học Viện Quốc Tế, 9250 Columbus Avenue, North Hills, CA 91343.**

Để Ban Tổ Chức có đủ điều kiện hoàn tất các thủ tục cần thiết cho Đại Hội, kính yêu cầu Chư Tôn Đức và Quý Đạo Hữu hoan hỷ tiếp tay với Ban Tổ Chức bằng cách:

1) Điền vào phiếu Ghi Danh Đại Biểu Tham Dự Đại Hội số lượng đại biểu tham dự như đã quy định qua Thông Tư Số 0173/VPTT/HĐĐH/VPIIVHĐ/TT và gửi về Văn Phòng Ban Tổ Chức trước ngày 10 tháng 9 năm 1996.

2) Tổ chức gây quỹ nhằm yểm trợ tài chánh cho Đại Hội bằng khả năng và hoàn cảnh của mình. Nếu cần khấu trừ thuế với Chánh Phủ xin vui lòng cho Ban Tổ Chức biết để Ban Tổ Chức gửi Biên Nhận.

3) Đóng góp ý kiến, phát tâm tham gia vào Ban Tổ Chức, phổ biến rộng rãi những tin tức,

tài liệu có liên quan đến Đại Hội trên các cơ quan truyền thông sở tại và khuyến thỉnh mọi giới cộng tác, yểm trợ tích cực cho Đại Hội.

4) Khi mua vé về tham dự Đại Hội xin quý vị nhớ đến một trong hai phi trường gần địa điểm Đại Hội là:

a/ Phi trường *Los Angeles National Airport*.

b/ Phi trường *Burbank Airport*.

5) Vì Phật sự chung, nhất là để Đại Hội được thành tựu viên mãn, một lần nữa kính yêu cầu quý Đại Biểu hoan hỷ điền và gửi phiếu Ghi Danh Tham Dự Đại Hội về Ban Tổ Chức đúng ngày tháng như đã quy định trên để Ban Tổ Chức tiện việc nghinh tiếp cũng như sắp xếp mọi nhu cầu sinh hoạt một cách chu đáo trước và trong thời gian tiến hành Đại Hội.

Ban Tổ Chức rất mong được sự phát tâm hỗ trợ và cộng tác quý báu của tất cả quý vị.

Cầu nguyện chư Phật thù từ chứng minh và gia bị Đại Hội chúng ta thành công tốt đẹp.

Trân trọng,

T/M Ban Tổ Chức Đại Hội Khoáng Đại I

GHPGVNTNHN-HK

Thích Đức Niệm

(Ấn ký)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG
NHẤT HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ
LỰC LƯỢNG HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP

TUYÊN CÁO

của Lực Lượng Hộ Trì Chánh Pháp

— Xét rằng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) tại quê nhà đã và đang bị nhà nước Cộng Sản Việt Nam (CSVN) đàn áp và cố tình tiêu diệt kể từ sau ngày 30-4-1975. Suốt hơn hai thập niên qua, Chư Tôn Giáo Phàm, Tăng, Ni và Phật tử đã bị bức hại, giam giữ và tù đầy; Phật tượng lộ

thiên bị đập phá, kinh sách pháp khí bị tịch thu; Chùa, Viện, cơ sở Văn hóa giáo dục, Từ thiện, từ trung ương đến địa phương của Giáo Hội đều bị Cộng Sản chiếm đoạt và tiếm dụng một cách bất hợp pháp; các cơ sở ấy đã biến thành hí viện, câu lạc bộ, hoặc những cơ sở sản xuất của nhà nước;

— Xét rằng GHPGVNTN là Giáo Hội duy nhất được kế thừa, Tổ Tổ tương truyền, là một Giáo Hội có chiều dài lịch sử hơn hai ngàn năm trên đất nước Việt Nam thân yêu, cùng gắn bó với dân tộc trong những chặng đường thăng trầm vinh nhục;

— Xét rằng vì tiền đồ và mạng mạch sống còn của Giáo Hội, toàn thể Tăng Tín đồ Phật giáo tại quốc nội và hải ngoại nhất tâm hộ trì và phát huy Chánh pháp, quyết ngăn chặn đà quấy nhiễu của ma quân trong thời điểm pháp nhược ma cường đang đánh phá Giáo Hội, làm cho đạo pháp suy vi, mất sự lợi lạc cho nhân quần và xã hội;

— Xét rằng trong những ngày gần đây, CSVN đã và đang thực hiện kế hoạch “Tôn Giáo Vận” ra tận hải ngoại nhằm đánh lạc hướng công luận quốc tế và dư luận quần chúng Phật tử, bằng cách cho các tu sĩ trong nước ra ngoại quốc giảng đạo, đi du lịch hoặc chữa bệnh... Nhưng trên thực tế, CSVN đã chỉ đạo những vị “đội lốt” tu sĩ này làm công tác “Tôn Giáo Vận”, với chủ mưu gây hoang mang, chia rẽ và phân hóa nội bộ của mỗi tôn giáo, phá hoại tinh thần đoàn kết giữa các tôn giáo và Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại;

Để tránh sự mập mờ, mắc mưu vào cạm bẫy của nhà nước Cộng Sản, đặc biệt là chiến dịch tôn giáo vận của Cộng Sản trong giai đoạn hiện tại, có nguy hại trầm trọng đến Đạo Pháp, Quốc Gia và Dân Tộc hôm nay và mai hậu, Lực Lượng Hộ Trì Chánh Pháp (LLHTCP) nay long trọng ra tuyên cáo này xác định lập trường bảo vệ Đạo Pháp và Dân

Tộc trên tinh thần Từ Bi, Trí Tuệ và Hùng Lực của giáo lý Phật Đà.

TUYÊN CÁO

1. LLHTCP tha thiết kêu gọi chư Tăng, Ni và Tín đồ Phật tử khắp nơi, quý tôn giáo bạn, quý đoàn thể, hội đoàn, cộng đồng người Việt quốc gia hải ngoại, hãy đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu thủ đoạn gian độc, nhất là các kế sách thâm hiểm của Cộng Sản đang thực hiện tại hải ngoại. Chúng ta hãy thức tỉnh, nhận định đúng vấn đề để kịp thời ngăn chặn hoạt động nằm vùng trá hình của CSVN dưới nhiều hình thức “Tôn Giáo Vận”, “Giao Lưu Văn Hóa”... đang gây lũng đoạn chia rẽ tổ chức, hàng ngũ của chúng ta.

2. LLHTCP cũng kêu gọi đồng bào Phật tử đặt sự tôn vong của Đạo Pháp, nổi thống khổ chung của Dân Tộc vì ách nạn Cộng Sản lên hàng tối thượng. Chúng ta không nên vì tình cảm riêng tư, lợi nhuận nhất thời mà quên đi đại sự Dân Tộc và Đạo Pháp, có những tư tưởng và hành động vô tình hoặc cố ý tiếp sức hà hơi để nhà nước CSVN tiếp tục sống còn, thống trị đất nước, gây thêm nhiều điêu linh, khốn khổ, chết chóc, tù đầy cho Thầy Tổ, bạn bè và đồng bào ruột thịt thân thương của chúng ta trong suốt hơn năm mươi năm ở miền Bắc và hai mươi một năm ở miền Nam Việt Nam.

3. LLHTCP kêu gọi toàn thể đồng bào, Phật tử, các đoàn thể tôn giáo cùng hỗ trợ góp ý để chúng ta kịp thời chặn đứng kế sách mưu mô của cộng sản, phát hiện các thành phần mang hình thức tu sĩ, nhưng cốt lõi là cộng sản hoặc bị cộng sản sai khiến để quấy phá, lũng đoạn Phật giáo, có lợi cho sách lược của CSVN với ý đồ tiêu diệt tôn giáo nói chung, GHPGVNTN nói riêng hiện do hai ngài Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ lãnh đạo.

4. Quý vị hãy cùng chúng tôi cầu nguyện cho một quê hương Việt Nam được tự do, độc lập và dân chủ thực sự, trong đó nhân quyền và tự do tín ngưỡng được triệt để tôn trọng. Kính chúc quý liệt vị vô lượng an lành.

Làm tại Santa Ana, 28 tháng 7 năm 1996.

TM. Lực Lượng Hộ Trì Chánh Pháp

Chủ Tịch

Thượng Tọa Thích Trí Lãng

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG

NHẤT HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

VỤ XÃ HỘI

San Jose, 8 tháng 8 năm 1996.

THÔNG BÁO

Trước sự kiện Chính Phủ Phi Luật Tân đã đồng ý cho đồng bào tỵ nạn Cộng Sản của chúng ta tại trại Palawan được tạm cư trên đất nước Phi Luật Tân, để chờ lập thủ tục định cư ở nước thứ ba, Hội Đồng Giám Mục Giáo Hội Thiên Chúa Giáo Phi Luật Tân đã nhận lãnh trách nhiệm cứu trợ và thành lập “Làng Việt Nam” tại Phi. Công việc này đòi hỏi nhiều tổn phí mới ổn định đời sống của đồng bào tạm cư nơi đây.

Nhận thấy việc cứu trợ đồng bào Việt Nam tại các trại tỵ nạn nói chung, và tại Phi Luật Tân nói riêng, là một trách nhiệm của đồng bào hải ngoại chúng ta, Vụ Xã Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ, trong những năm trước đây, khi tình hình còn cho phép, chúng tôi đã tổ chức nhiều chuyến đi cứu trợ tại Thái Lan, Phi Luật Tân v.v... và hiện nay trước tình hình mới và đặc biệt của đồng bào tỵ nạn được tạm cư tại Phi đang rất cần sự yểm trợ của Quý Giáo Hội và Đồng Bào Phật Tử, chúng tôi xét thấy cần phải

đóng góp nhiều hơn nữa.

Vì vậy, tại miền Bắc Cali, vào ngày 21 tháng 9 năm 1996 tới đây, Vụ Xã Hội sẽ vận động, tổ chức một cuộc Lạc Quyên dành cho đồng bào ty nạn, đặc biệt yểm trợ việc xây dựng "Làng Việt Nam" tại Phi Luật Tân, với sự tham dự của các Chùa, Tự Viện và đồng bào Phật tử trong miền.

Nhân danh Vụ Trưởng Vụ Xã Hội, xin trân trọng thông báo tình trạng hiện nay của đồng bào tại các trại ty nạn. Ngưỡng mong chư Tôn Đức Tăng Ni từ bi phát động phong trào, kêu gọi Phật tử đóng góp tài lực để giúp đỡ đồng bào ta tại Phi Luật Tân sớm ổn định đời sống, và lắng dịu phần nào nỗi đau thương mà đồng bào đang gánh chịu.

Trân trọng,
Vụ Trưởng Vụ Xã Hội
Thượng Tọa Thích Giác Lượng

BÀI VỞ GỬI VỀ TÒA SOẠN:

Tòa soạn PGHN một lần nữa xin trân trọng cảm ơn quý văn hữu và Phật tử đã gửi nhiều bài viết giá trị, công phu đến để góp phần làm phong phú nội dung của tờ báo. Chúng tôi luôn trân quý và mong đợi những bài viết ấy, nhưng vì số trang có hạn, và vì một số bài đến trễ hoặc chưa thích hợp với chủ đề của số này, chúng tôi giữ lại cho các số sau. Tòa soạn xin thành thật cáo lỗi, và mong quý vị vui lòng tiếp tục gửi bài hoặc ý kiến đóng góp xây dựng đến:

Phật Giáo Hải Ngoại
P.O. BOX 7659
Van Nuys, CA 91409-7659
TEL.: (818) 830-1059

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM CỦA VĨNH HẢO

1. **MẸ, QUÊ HƯƠNG VÀ NƯỚC MẮT:** tập truyện, xuất bản 1989, tái bản lần I-1994, tái bản lần II-1996, 200 trang, \$10 mỹ kim.
2. **NÚI XANH MÂY HỒNG:** truyện dài, dày trên 180 trang, giá \$10 mỹ kim.
3. **BIỂN ĐỜI MUÔN THUỞ:** tập truyện, dày 224 trang, giá \$10 mỹ kim.
4. **THIÊN THẦN QUÉT LÁ:** tập truyện ngắn, xuất bản 1993, tái bản lần I-1995, dày 214 trang, giá \$10 mỹ kim.
5. **SÂN TRƯỚC CÀNH MAI:** tạp bút, dày 214 trang, giá \$12 mỹ kim.
6. **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG:** truyện dài, xuất bản 1993, tái bản lần I-1995, dày 377 trang, giá \$15 mỹ kim.
7. **BỤI ĐƯỜNG:** (tức *Phương Trời Cao Rộng II*) truyện dài, xuất bản 1995, tái bản lần thứ I-1996, dày 380 trang, giá \$15 mỹ kim.
8. **NGÕ THOÁT:** (tức *Phương Trời Cao Rộng III*) truyện dài, xuất bản 1996, dày 350 trang, giá \$15 mỹ kim.
9. **CHẠNH LÒNG TIẾNG THƠ RƠI:** tập thơ, mới xuất bản 1996, dày 90 trang, giá \$6 mỹ kim.

*Độc giả có thể đặt mua sách qua
đường bưu điện.*

*Mua các tác phẩm trên với chữ ký lưu niệm
của tác giả, xin gửi ngân chi phiếu đến:*

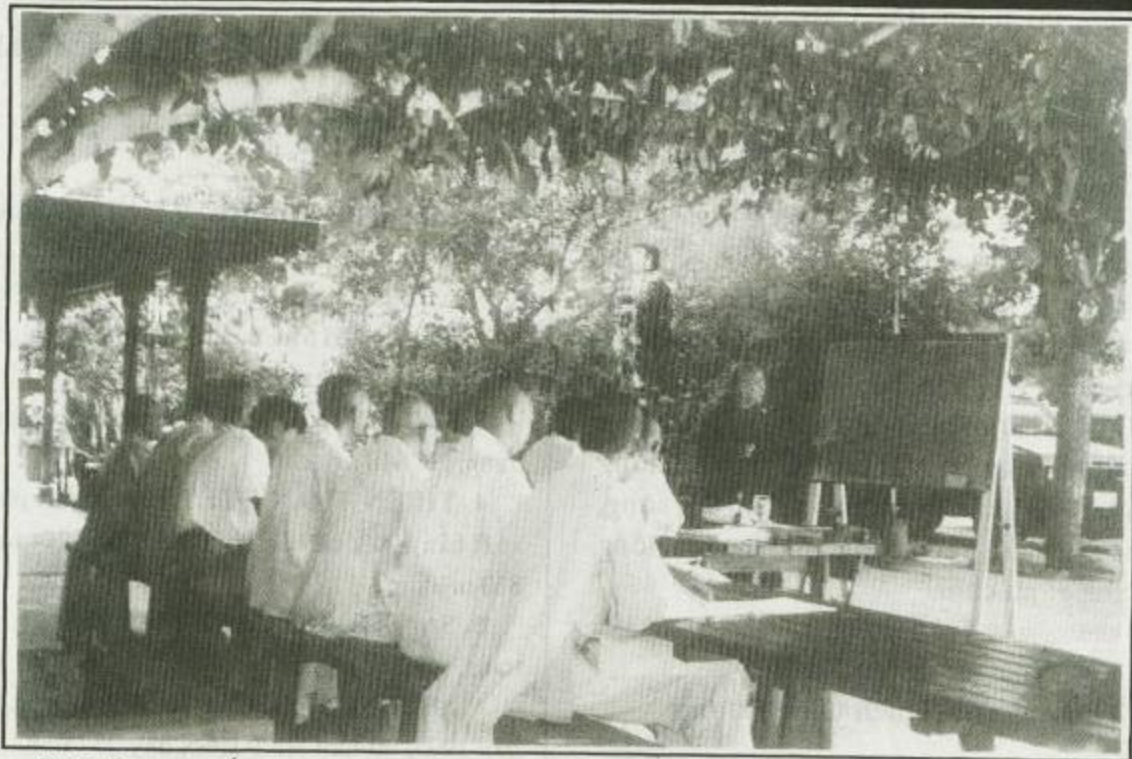
Chiêu Hà Publisher

P.O. Box 2303

North Hills, CA 91393 - USA

- Độc giả ở Hoa Kỳ không phải trả cước phí.
- Độc giả ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 mỹ kim cước phí cho mỗi tựa sách.

HÌNH ẢNH SINH HOẠT



Hoà-Thượng Thích-Hoan đang giảng dạy cho chúng Phật-Học-Viện Quốc-Tế. Dưới gốc cây cổ thụ, hiên chùa, giảng đường, tùy theo mùa mà trở thành lớp học cho tăng sinh.



Tăng sinh thường trú và Giáo-thọ Phật-Học-Viện.



Theo lời Phật dạy, mỗi năm Phật-Học-Viện đều có an-cư kiết-hạ, bình bát, quá-đường.



Sau khi quá-đường, chư Tăng kinh hành niệm Phật.

TRÍ - ÂN

Phương danh Chư Tôn Đức và Phật tử ủng hộ Tạp Chí Phật-Giáo Hải-Ngoại.

H.T. Thích-Chánh-Lạc	\$300.00	Đ.Đ. Thích-Tâm-Quang	\$50.00
H.T. Thích-Thắng-Hoan	\$100.00	Ni-Sư Thích-Nữ Nguyễn-Thanh	\$100.00
H.T. Thích-Trí-Chơn	\$300.00	Ni-Sư Thích-Nữ Diệu-Từ	\$200.00
T.T. Thích-Tín-Nghĩa	\$100.00	Chùa Phật-Ân	\$100.00
T.T. Thích-Nguyên-An	\$100.00	Chùa Quang-Minh	\$200.00
T.T. Thích-Nguyên-Trí	\$100.00	Phật-Học-Viện Quốc-Tế	\$500.00



Phật-tử Bốn Nhon & Bốn Thiện	\$50.00	Pt. Đặng-Trần-Hào	\$50.00
Pt. Huỳnh-Tấn-Lê	\$200.00	Pt. Phan-Thị-Việt Pd. Tâm Danh	\$50.00
Pt. Thanh Chánh	\$50.00	Pt. Vũ-Văn-Phiên	\$50.00
Pt. Diệu Hoa Thọ	\$50.00	Pt. Nguyễn-Thị-Hiệp	\$200.00 (France)
Pt. Nguyễn-Kim-Hoa Pd. Quảng Liên ...	\$50.00	Pt. Diệu Thanh	\$100.00 (Canada)
Pt. Nguyễn-Xuân-Quan Pd. Quảng Trọng .	\$25.00	Pt. Trần-Trọng-Khoái	\$25.00
Pt. Nguyễn-Xuân-Phúc Pd. Quảng Lộc...	\$25.00	Pt. Nguyễn-Phương-Hoàng-Thu-Thảo	\$10.00
Pt. Phúc Hải & Diệu Hòa	\$100.00	Pt. Võ Thạnh Pd. Tâm Thành	\$20.00
Pt. Diệu Hỷ & Diệu Hiếu & Diệu Hiền ..	\$30.00	Pt. Cao-Hữu-Út	\$20.00
Pt. Trần-Thị-Hạp Pd. Diệu Hòa	\$50.00	Pt. Quách-Kim-Âu Pd. Diệu Viên	\$20.00
Pt. Thiện Bữu & Diệu Thanh	\$20.00	Pt. Đại-Lư-Thế-Yến	\$20.00
Pt. Diệu Ý	\$20.00	Pt. Judy My Cheng	\$20.00
Pt. Diệu Thanh	\$20.00	Pt. Lạc Thanh	\$20.00
Pt. Diệu Chơn	\$20.00	Pt. Chơn Quán	\$20.00
Pt. Hoa Thiện	\$20.00	Pt. Diệu Hòa & Diệu Lý & Minh Đức ...	\$10.00
Pt. Phan-Ngọc-Diên Pd. Diệu Giác Lam..	\$30.00	Pt. Nguyễn-Xuân-Huy	\$5.00

Ủng hộ Kinh Sách, Tạp Chí Phật-giáo là ủng hộ công cuộc hoằng pháp truyền bá tư tưởng giác ngộ, tạo nhân trí tuệ giải thoát.

Toàn Ban-Biên-Tập Phật-Giáo Hải-Ngoại chân thành tri ân liệt quý vị hảo tâm ủng hộ.

NHỮNG KINH SÁCH ĐỢ PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ XUẤT-BẢN
(The Publication of P.H.V.Q.T. available for distribution and voluntary donation)

BẢN THƯ MỤC THÁNG 09-1996

Kinh Hoa Nghiêm (Trọn bộ 8 quyển - bìa dày)	Thích Trí Tịnh ... mỗi quyển	\$12.00
Kinh Nhựt Tụng	(Tụng Niệm hàng ngày)	\$11.00
Kinh Nghi Thức Tụng Niệm(đủ loại nghi thức).....	(Thống Nhất cỡ nhỏ)	\$7.50
Kinh Nghi Thức Hồng Danh Sám Hối (Nghĩa)	Thích Đức Niệm soạn	\$2.00
Kinh Nghi Thức Tụng A-Di-Đà & Phổ Môn	Thích Đức Niệm soạn	\$4.00
Kinh A Di Đà Và Quán Vô Lượng Thọ	Thích Thiền Tâm	\$6.00
Kinh A Di Đà Sở Sao	Thích Hành Trụ	\$10.00
Kinh A Nan Vấn Phật Sự Phật Cát Hung	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bát Đại Nhân Giác	Thích Thanh Từ	\$5.00
Kinh Bảo Tích	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bách Dụ	Thích-Nữ Như-Huyền	\$4.00
Kinh Bách Dụ (Anh-Hán)	\$5.00
Kinh Dược Sư	Thích Huyền Dung	\$4.00
Kinh Duy Ma Cát	Thích Huệ Hưng	\$5.00
Kinh Đại Bát Nhã (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$36.00
Kinh Đại Bát Niết Bàn (Trọn bộ 3 quyển - bìa dày mạ vàng)...	Thích Trí Tịnh	\$42.00
Kinh Địa Tạng Nghĩa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Địa Tạng Mật Nghĩa	Chánh Trí	\$6.00
Kinh Đại-Bi-Tâm Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (hình màu tuyệt đẹp)	Thích Thiền Tâm	\$13.00
Kinh Giải Thâm Mật	Thích Trí Quang dịch	\$7.00
Kinh Hiền Ngu	Thích Trung Quán	\$9.00
Kinh Kim Cang	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Kinh Kim Cang Giảng Lục	Thái Hư Đại Sư	\$5.00
Kinh Lăng Già Tâm An	Thích Thanh Từ	\$9.00
Kinh Lương Hoàng Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang	\$12.00
Kinh Mục Liên Sám Pháp	Thích Quảng Độ	\$7.00
Kinh Pháp Cú	Thích Trí Đức	\$4.00
Kinh Pháp Hoa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$12.00
Kinh Pháp Bảo Đàn (Bìa dày mạ vàng)	Thích Minh Trực	\$7.00
Kinh Phổ Môn Giảng Lục	Thích Trí Nghiêm	\$8.50
Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện (Việt-Anh, bìa dày)	Thích Trí Tịnh	\$7.00
Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới	Thích Trí Tịnh	\$4.00
Kinh Tam Thiên Phật Danh	Ấn Tích Thiền Sư	\$9.00
Kinh Tam Bảo (Âm Nghĩa, bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Trọn bộ 2 quyển, bìa dày)	Cư Sĩ Tâm Minh	\$30.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Dịch và Giải, bìa dày)	Thích Bích Liên	\$15.00
Kinh Thủy Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang	\$9.00
Kinh Thắng Man Nhứt Thừa Đại Phương Tiện	Thích Đức Niệm dịch	\$8.00
Kinh Thiện Ác Nhân Quả (Có hình chú thích Việt-Anh) ...	Thích Trung Quán	\$3.00
Kinh Trường A Hàm	Thích Thiện Siêu	\$8.00
Kinh Vị Tăng Hữu Thuyết Nhân Duyên	Thích Hành Trụ	\$5.00
Kinh Viên Giác	\$3.00
Ánh Đạo Vàng	Võ Đình Cường	\$5.00
Ba Ngàn Năm Một Kiếp Luân Hồi	Thích Tâm Quang	\$8.00
Bồ Đề Đạt Ma Quán Tâm Pháp	Bồ Đề Đạt Ma	\$8.00
Biện Minh Tu Chứng	Thích Trung Quán	\$5.00
Bước Đầu Học Phật	Thích Thanh Từ	\$7.00
Câu Chuyện Dòng Sông	Phùng Khánh	\$5.00
Các Tông Phái Của Đạo Phật	Tuệ Sĩ	\$9.00
Con Người Siêu Việt (Milarepa).....	Đỗ Đình Đồng dịch	\$6.00
Cốt Tủy Nghi Lễ Phật Giáo	Thích Tín Nghĩa phụng soạn	\$10.00
Cốt Tủy Đạo Phật	Trúc Thiền	\$5.00
Cuộc Đời Đức Phật (Anh - Việt)	Thích Trí Chơn	\$7.00
Cửa Thiền Dính Bụi	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Cửa Thiền Vãn Mở	Diệu Nga	\$9.00
Chìa Khóa Học Phật	Thích Thanh Từ	\$5.00
Cho Trọn Mùa Xuân	Thích Đức Niệm	\$7.00

Chú Đại-Bi Đà-La-Ni Xuất Tượng (hình màu loại bỏ túi)	\$6.00
Chú Lăng Nghiêm & Thập Chú (Bìa dày loại bỏ túi)	\$3.00
Chư Thiên Đức Hành Trang (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ	\$16.00
Chứng Đạo Ca	Huyền Giác Thiền Sư	\$5.00
Duy Thức Nhập Môn	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Đại Cương Triết Học Phật Giáo	Thích Đạo Quang	\$6.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận	Thích Quảng Độ	\$8.00
Đại Thừa Khởi Tín Luận	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Đại Ma Huyền Trang	Thích Tín Nghĩa	\$7.00
Đạo Phật Với Tuổi Trẻ	Thích Thanh Từ	\$5.00
Đạo Phật Và Đời Sống Hiện Đại (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Để Hiểu Đạo Phật	Phương Bối	\$5.00
Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn	Thiền Sư Huệ Hải	\$4.00
Đức Phật Và Phật Pháp (Bìa dày)	Phạm Kim Khánh	\$12.00
The Buddha And His Teachings	Đại Đức Narada	\$8.00
Đường Vào Ánh Sáng Đạo Phật	Tịnh Mặc	\$4.00
Hạnh Phúc Lửa Đồi (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Hai Ngàn Năm Việt Nam & Phật Giáo	Lý Khôi Việt	\$7.00
25 Bài Thuyết Pháp Của Thái Hư Đại Sư	Thích Khánh Anh dịch	\$8.00
Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận	Thích Khánh Anh dịch	\$6.50
Hiển Mật Viên Thông	Thích Viên Đức dịch	\$5.00
Huyền Học Đạo Phật Và Thiên Chúa	D.T. Suzuki	\$6.00
Huyền Trang (Việt-Anh)	Thích Minh Châu	\$9.00
Huyền Luận Về Kinh Diệu Pháp Liên Hoa	Thái Hư Đại Sư	\$4.00
Làm Sao Thực Hành Lời Phật Dạy (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Làm Sao Sống Khỏi Sợ Hãi & Lo Lắng (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Lăng Nghiêm Đại Định	Thích Huệ Hưng	\$2.00
Liễu Sanh Thoát Tử	Thích Quang Phú	\$4.00
Luật Sa Di Và Sa Di Ni	Thích Trí Quang	\$10.00
Luật Sa Di Giải	Thích Hành Trụ dịch	\$7.00
Luận Đại Trí Độ (Trọn bộ 9 quyển)	Thích Trung Quán ... mỗi quyển	\$8.00
Luận Nhiếp Đại Thừa	Thích Trí Quang dịch	\$8.00
Luận Câu Xá Cương Yếu	Thích Đức Niệm	\$6.00
Mười Đệ Tử Lớn Của Đức Phật	Hạnh Cơ dịch	\$9.00
50 Năm Chấn Hưng Phật Giáo	Thích Thiện Hoa	\$8.00
Niệm Phật Thập Yếu	Thích Thiền Tâm	\$7.00
Buddhism Of Wisdom And Faith	\$7.00
Niệm Phật Viên Đốn	Minh Lễ	\$6.00
Nét Đẹp Đông Phương (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Nữ Thể Quán ... mỗi quyển	\$4.00
Nẻo Vào Thiền Học	Nhất Hạnh	\$7.00
Nền Tảng Của Đạo Phật (Anh-Việt)	Thích Tâm Quang dịch	\$10.00
Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Người Muôn Thuở	Thích Đức Niệm	\$8.00
Người Đẹp Và Bóng Hạnh Phúc	Cát Tường và Thể Quán	\$3.00
Ngụ Ngôn	\$5.00
Nhân Quả Nghiệp Và Luân Hồi	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Nhị Khóa Hiệp Giải	Thích Khánh Anh	\$10.00
Như Thế Mà Trời	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Những Mùa Vu Lan	Thích Đức Niệm	\$7.00
Những Đóng Góp To Lớn Của Các Học Giả Anh Quốc	Thích Trí Chơn	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 10 quyển - 12 khóa)	Thích Thiện Hoa ... mỗi quyển	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 2 tập, bìa dày)	Thích Thiện Hoa	\$80.00
Phật Học Từ Điển (Trọn bộ 3 quyển)	Đoàn Trung Còn	\$63.00
Phật Học Tinh Yếu (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Thiền Tâm	\$20.00
Phật Pháp Yếu Nghĩa	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phật Pháp (Chương trình gia đình Phật-tử)	Minh Châu, Thiên Ân, Chơn Trí, Đức Tâm	\$7.00
Phật Pháp Con Đường Giải Thoát	Jagdish Kasyapa	\$5.00
Phật Pháp Khái Luận	Ấn Thuận Đạo Sư	\$7.00
Phật Và Thánh Chứng	Cao Hữu Đỉnh	\$6.00
Phật Giáo Chánh Tín	Thích Thánh Nghiêm	\$6.00

Phật Giáo Vấn Đáp (Việt-Anh)	Thích Trí Chơn dịch	\$6.00
Phật Giáo Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức (Việt-Anh).....	Thích Tâm Quang	\$5.00
Phật Giáo Việt Nam 1963	Quốc Tuệ	\$15.00
Phật Giáo Việt Nam Và Hướng Đi Nhân Bản	Trần Thạc Đức	\$5.00
Phật Giáo Với Văn Minh Âu Tây	Bác Sĩ Migot	\$4.00
Pháp Hoa Huyền Nghĩa	Chánh Trí	\$8.00
Pháp Ngữ Lục	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng	Thích Đức Niệm	\$5.00
Quê Hương Cực Lạc	Thích Thiện Tâm	\$4.00
Qui Sơn Cảnh Sách	Tổ Qui Sơn	\$4.00
Sáu Cửa Thiền Thất	Trúc Thiên	\$6.00
Sống Thiền	Trí Hải dịch	\$5.50
Sự Tích Phật A Di Đà, Chư Bồ Tát Và Tổ Sư	\$9.00
Tại Gia Bồ Tát Giới	Thích Đức Niệm soạn dịch	\$3.00
Tài Liệu Nghiên Cứu Và Diễn Giảng	Thích Thiện Hoa	\$7.00
Tâm Kinh	Thích Thanh Từ	\$5.00
Tế Điền Tăng	Khánh Vân dịch	\$7.00
Tín Tâm Minh	Tam Tổ Tăng Xán	\$3.00
Tình Người	Tâm Quán	\$5.00
Tịnh Độ Thập Nghi Luận	Thích Thiện Tâm	\$4.00
Pure Land Buddhism	Thích Thiện Tâm	\$7.00
Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận	Thích Đức Niệm soạn dịch	\$6.00
Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$14.00
Tổ Thiền Tông	Thích Thanh Từ	\$6.00
Tọa Thiền Tam Muội	Thích Thanh Từ	\$4.00
Tư Tưởng Phật Học	Trí Hải dịch	\$5.00
What The Buddha Taught	Đại Đức Rahula	\$4.00
Tư Tưởng Xã Hội Trong Kinh Văn Tiểu Thừa	Thích Chơn Trí	\$8.00
Thầy Tăng Mở Nước	Nguyễn Quỳnh	\$6.00
Thế Giới Quan Phật Giáo	Thích Mật Thể	\$4.00
Thử Hòa Diệu Sống	Võ Đình Cường	\$5.00
Thiền Căn Bản	Thích Thanh Từ	\$5.00
Thiền Đạo Tu Tập (Bìa dày)	Như Hạnh dịch	\$12.00
Thiền Học Việt Nam	Nguyễn Đăng Thục	\$7.00
Thiền Học Trần Thái Tông (Bìa dày)	Nguyễn Đăng Thục	\$12.00
Thiền Và Phân Tâm Học (Bìa dày)	D.T. Suzuki	\$12.00
Thiền Luận (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày)	D.T. Suzuki	\$40.00
Triết Lý Thủ Lăng Nghiêm	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Triết Học Phật Giáo	Phan Văn Hùm	\$5.00
The Teaching Of Buddha	\$8.00
The Story Of Buddha (Có phụ hình ảnh đẹp)	\$5.00
Truyện Cổ Phật Giáo (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Minh Chiếu ... mỗi quyển	\$4.50
Trực Chỉ Chơn Tâm	D.T. Suzuki	\$6.00
Trao Cho Thời Đại Một Nội Dung Phật Chất (Việt-Anh) ...	Thích Đức Nhuận	\$4.00
Vãng Sanh Luận	Nhất Chơn dịch	\$9.00
Vấn Đề Nhận Thức Trong Duy Thức Học	Nhất Hạnh	\$5.00
Vài Nét Chính Luận Lý Phật Giáo	Thích Thanh Từ	\$5.00
Việt Nam Phật Giáo Sử Lược	Thích Mật Thể	\$6.50
Vết Nhận Lưng Trời	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Xuân Trong Cửa Thiền (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ ... mỗi tập	\$5.00
Em Mơ Người Hoang Đảo	Thích Nữ Thể Quán	\$4.00
* Cờ Phật Giáo bằng giấy (10 x 17 inches)	(mỗi lá cờ)	\$0.95

NHỮNG PHẬT CỤ CẦN THIẾT CHO HÀNH GIẢ

Áo tràng lễ màu lam (dù cỡ lớn nhỏ, gọn đẹp, trang nghiêm)	\$36.00		
Chuỗi Bồ-Đề Minh-Nguyệt, Chuỗi Trâm 108 hạt, mỗi xâu \$9.00 ☉☉☉ Chuỗi đeo tay	\$4.50		
Chuông Mõ gia trì 16 inches và 23 inches cho các Chùa Viện hành trì		
Chuông-Mõ cỡ lớn 5 inches \$86.00	>>> Chuông-Mõ cỡ nhỏ 3 inches	\$70.00	
Băng Thuyết Pháp	\$1.50	>>> Khánh Dẫn Lễ	\$40.00
Tượng Phật & Tượng các vị Bồ-Tát mạ vàng (đứng 7 inches - ngồi 6 inches)	\$86.00		
Tấm Đà-La-Ni đắp người lăm chung (loại thường)	\$46.00	>>> (Loại Hoa Sen)	\$95.00

VÀI NÉT VỀ PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

Phật-Học-Viện Quốc-Tế thành lập trong tâm nguyện đào tạo nhân tài chân tu thật học để phụng sự chánh pháp, duy trì và phát triển văn hóa đạo đức truyền thống của tổ tiên dân tộc. Với mục đích trên, trong suốt hơn mười lăm năm qua cũng như hiện nay, dù gặp phải bao khó khăn, Phật-Học-Viện vẫn không ngừng thực hiện tâm nguyện của mình. Song song với việc đào tạo nhân tài, hoàng pháp lợi sanh, Phật-Học-Viện còn cố gắng in hàng trăm ngàn kinh sách giá trị để cung cấp khắp nơi, nhất là các trại ty nạn và gửi về tặng các chùa ở Việt-Nam.

Ngoài ra, giảng sư Phật-Học-Viện cũng đã liên tục đi hoàng pháp khắp đó đây, trong cũng như ngoài Hoa-Kỳ, nơi nào có chùa, có Hội Phật-giáo hay Cộng-đồng Phật-tử thỉnh mời thuyết pháp, thì giảng sư Phật-Học-Viện đến tận nơi, chân tình hướng dẫn tu tập đúng như chánh pháp. Nơi nào cần, chúng tôi đến ; hết cần, chúng tôi đi. Đến đi như gió thoảng cành trúc, nhận qua mặt hồ, không ý đồ thanh thế lợi danh, không vương bận ân tình thân sơ.

Cánh cửa Phật-Học-Viện luôn luôn rộng mở tiếp đón những người tâm thành chánh tín thuận chơn cầu tu học đạo giác ngộ. Kinh sách Phật-Học-Viện phổ cập khắp bốn phương. Con người Phật-Học-Viện lúc nào cũng trải rộng tình thương, kiên tâm vững chí với lý tưởng phục vụ văn hóa đạo pháp và dân tộc xứ sở.

Chương trình tu học của Phật-Học-Viện luôn luôn cập nhật hóa nhưng vẫn duy trì truyền thống thiển môn quy cũ. Tăng ni sinh sáng chiếu chuyên tâm kinh kệ, bá sám, tham thiền, phát nguyện sống đời thanh tịnh Lục-hòa, chan chứa tình huynh đệ, tạo nguồn an lạc để phục vụ nhân sinh.

Mỗi đầu tháng có tổ chức khóa tu Tịnh-Nghiệp cho những người nhiếp tâm chánh niệm cầu sanh Cực-Lạc. Hằng tháng Bồ-Tát hai lần. Đặc biệt mỗi sáng chủ nhật, từ lúc 6 giờ trời còn mờ sương, Phật-tử ở các phương vân tập về Phật-Học-Viện thành tâm lễ Sám-Hồng-Danh với sự hướng dẫn của chư Tăng, tiếp theo nghe thầy giảng kinh, sau đó ra vườn công quả. Đến 11 giờ cùng nhau quá đường thọ trai, kinh hành niệm Phật. Mỗi chiều chủ nhật vào lúc 2 giờ rưỡi, Phật-Học-Viện cử hành lễ cầu nguyện cho thập phương bá tánh, sau đó thuyết pháp và giải đáp tường tận những chỗ nghi ngờ của những Phật-tử có tâm thành cầu thấu hiểu đạo lý và pháp môn tu tập.

Từ năm 1991 đến nay, Phật-Học-Viện đã liên tục in kinh sách gửi cúng dường các chùa khắp ba miền Nam Trung Bắc Việt-Nam, gồm có : Mười ngàn bộ kinh Pháp-Hoa và hàng ngàn các kinh Địa-Tạng, Thủy-Sám, Lương-Hoàng-Sám, kinh Dược-Sư, kinh Nhật-Tụng, Nghi-Thức Tụng-Niệm và một ngàn bộ kinh Đại-Bảo-Tích bìa dày mạ vàng, mỗi bộ gồm 9 quyển, mỗi quyển khổ lớn như kinh Pháp-Hoa. Ngoài ra còn in bảy trăm bộ Phật-Học-Phổ-Thông bìa dày hiến tặng cho các Phật-Học-Viện để làm tư liệu tu học cho Tăng Ni sinh.

Thưa quý vị ! Khi tâm thần bất an, đọc kinh sách sẽ thấy lòng thanh thản an vui, cũng là dịp để gần gũi với tư tưởng thánh hiền. Đọc kinh sách là phương cách tốt nhất để an định tâm thần, khai thông trí tuệ, thánh thiện hóa thân tâm, sống gần đạo giác ngộ giải thoát. Thiết tưởng mỗi chùa viện, mỗi gia đình nên có tủ kinh sách để làm phương tiện khai triển trí huệ xây dựng hạnh phúc, thánh thiện đời mình và con cháu. Tiền bạc sẽ không còn mãi. Kinh sách chan chứa lời thánh hiền đạo đức còn đời đời.

Có dịp, xin mời quý vị hoan hỷ một lần quá bước đến Phật-Học-Viện, trước lễ Phật sau viếng cảnh thanh sơ, kết thiện duyên Bồ-Đề tình con Phật từ bi trong tình đồng hương viễn xứ, để lòng được thêm thanh thản trong những ngày còn sống tha hương.

- 1/. Quý vị hoan hỷ chuyển bản thư mục này đến thân quyến bạn hữu với lời khuyến khích, tức là quý vị góp phần công đức trong việc hoàng pháp lợi sanh.
- 2/. Ngoài bản thư mục này, Phật-Học-Viện không có ấn hành kinh sách nào khác.
- 3/. Phật-Học-Viện in kinh sách đều có sự chọn lọc kỹ và chỉ có khả năng in một lần mà thôi.

Thư từ ngân phiếu xin đề : **PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ**
9250 Columbus Ave.
North Hills, CA 91343 - U.S.A.
Tel. (818) 893-5317

HƯỚNG VỀ

PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

9250 Columbus Ave.

North Hills, CA 91343 - U.S.A.

Tel. (818) 893-5317

LỘ TRÌNH HƯỚNG DẪN ĐI FREEWAY

TỪ SAN FRANCISCO hay FRESNO:

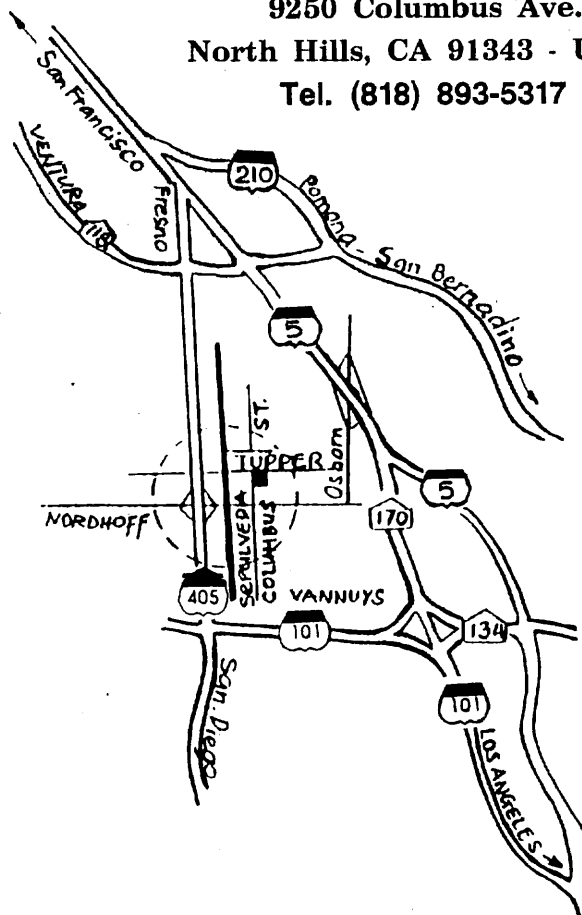
Lấy Free-way 5 South, - EXIT OS-BORN quẹo mặt - gặp NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo mặt - gặp TUPPER quẹo mặt - P.H.V. nằm ngay góc đường Tupper và Columbus. • (hoặc) lấy Fwy 405 S. - EXIT NORDHOFF quẹo trái - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - Phật-Học-Viện Quốc-Tế nằm ngay góc đường Tupper và Columbus.

TỪ SAN DIEGO:

Lấy Free-way 405 N. Bakersfield - EXIT NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - Phật-Học-Viện Quốc-Tế nằm ngay góc đường Tupper và Columbus.

TỪ DOWNTOWN LOS ANGELES:

Lấy Free-way 101 West - đổi 5 North Sacramento - EXIT OSBORN quẹo trái - gặp NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo mặt - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - P.H.V. nằm ngay góc đường Tupper và Columbus. • (hoặc) Fwy 101 W. đổi 101 N. đổi 405 N. Bakersfield - EXIT NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - Phật-Học-Viện Quốc-Tế nằm ngay góc đường Tupper và Columbus.

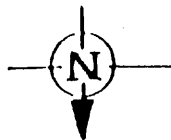


TỪ SANTA ANA:

Lấy Free-way 5 North Sacramento - EXIT OSBORN (theo lộ trình chỉ dẫn từ Downtown Los Angeles) • (hoặc) Lấy Fwy 405 N. Sacramento - EXIT NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - Phật-Học-Viện Quốc-Tế nằm ngay góc đường Tupper và Columbus.

TỪ SIMI VALLEY:

Lấy Fwy 118 East đổi 405 South EXIT NORDHOFF quẹo trái - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave. - P.H.V.Q.T. ngay góc đường Tupper và Columbus.





**TỦ SÁCH GIA ĐÌNH KHÔNG
THỂ THIẾU :**

**CÁC TÁC PHẨM CÓ GIÁ TRỊ, CÔNG PHU,
TRUNG THỰC VÀ KHOA HỌC DO
THÍCH TÂM QUANG SOẠN DỊCH :**

- 1. LÀM SAO THỰC HÀNH LỜI PHẬT DẠY VÀ MỤC ĐÍCH CỦA
CUỘC ĐỜI - \$5.00 + 1.50 C.P. (SONG NGŨ-ANH VIỆT)**
- 2. LÀM SAO ĐỂ TRÁNH SỢ HÃI VÀ LO LẮNG
\$5.00 + \$1.50 C.P. (SONG NGŨ - ANH VIỆT)**
- 3. PHẬT GIÁO DƯỚI MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC
\$\$5.00+ \$1.50 C.P. (SONG NGŨ - ANH VIỆT)**
- 4. PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI
\$5.00 + \$1.50 C.P. (SONG NGŨ - ANH VIỆT)**
- 5. 3000 NĂM MỘT KIẾP LUÂN HỒI
\$8.00 +\$1.50 C.P.**
- 6. NHỮNG CHUYỆN LUÂN HỒI HIỆN ĐẠI
\$9.00 + \$ 1.50 C.P.**
- 7. HẠNH PHÚC LỬA ĐÔI
(SONG NGŨ-ANH VIỆT)
#5.00 + \$1.50 C.P.**
- 8. NỀN TẢNG CỦA PHẬT GIÁO
(SONG NGŨ-ANH VIỆT)
Dày 360 Trang - giá \$10.00**

NƠI PHÁT HÀNH :

CHÙA TAM BẢO P.O. BOX 1903 FRESNO CA 93701

Đ.T.: 209-264-2728

PHVQT, 9250 COUMBUS AVENUE NORTH HILLS, CA 91343

Đ.T.: 818-893-5317

Bác Sĩ **TRẦN TIẾN SUM**

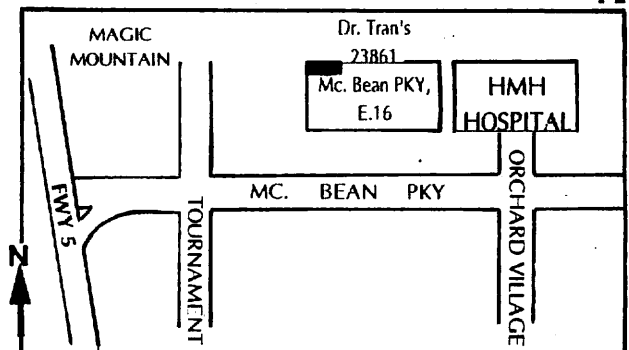
GIẢI PHẪU THẨM MỸ

- * Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt. Sinal Hospital New York, Hoa-Kỳ (1984)
- * Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á-Đông tại Viện Đại-Học Showa, Tokyo - Nhật-Bản (1983)
- * Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C. và Fresno V.M.C. (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu

- => Mắt hai mí Đông-phương và độn mũi
- => Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da, làm mờ sẹo rỗ
- => Sửa mí mắt, mũi, sửa và độn cằm, sửa tai vĩnh
- => Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ
- => Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser:
Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v...
- => Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn
- => Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ vì ung thư
- => Cắt bỏ các bướu ung thư của da
- => Tái tạo và sửa chữa các tật bẩm sinh ở mặt
- => Tẩy các vết sẹo
- => Tái tạo các chức phận của bàn tay, giầy thần kinh, gân và xương.

Nhận
Visa, Master Card,
American Express



THAM KHẢO VÀ LẤY HẸN Ở ĐỊA CHỈ MỚI:

23861 MC. BEAN PKY, SUITE # E.16
VALENCIA, CA 91355
Tel. (805) 253-2211 (24 hours)

Toll Free: 1-800-540-2340 1-805-253-3755

ĐỊA LÝ & TỬ VI THIÊN CƠ - Ông PHẠM-ĐÌNH-MAI

8742 Westminster Ave., Westminister, CA 92683

Tel: (714) 891-3429 * Fax: (714) 891-4584

• Nhận xem phương hướng nhà ở, cửa tiệm buôn bán, cơ sở làm ăn.

• Yểm trấn ác xa trong trường hợp cần thiết.

• Sắp xếp lại chỗ ở, nơi làm việc đem an lành cho nhà cửa và phát đạt cho cơ sở thương mại.

Người xưa nói : "Sống cái nhà, già cái mồ", phải chăng đã nhận chân được tầm quan trọng của khoa địa lý về dương cơ và âm phần ? "Già cái mồ", là nói về âm phần. Lúc chết cần có mồ yên mả đẹp. Phải "tiên tích đức, hậu támm long", sao cho "mồ" nhằm huyết kết để con cháu phát đạt, phú quý. Huyết kết ở đâu, ở đó phải có tả thanh long, hữu bạch hổ, thủy lưu, tiền án, minh đường. Minh đường phải sâu, thủy phải tu mới phú. Nhiều támm long hổ mới thành đại huyết quý. Ngày nay tại Mỹ, mọi người chết đều "bình đẳng" ở nghĩa địa với một diện tích bằng nhau, một mộ bia như nhau, có khi hỏa táng, hài cốt bỏ vào hũ sành... nên khoa địa lý âm phần mất chỗ đứng.

"Sống cái nhà" đó là lãnh vực dương cơ, thổ trạch của khoa địa lý. Chính vì "cái nhà" ảnh hưởng đến công cuộc làm ăn, thịnh suy, thành bại. An cư mới lạc nghiệp. Kinh đô gần liền với sự hưng phế của một quốc gia. Do đó Lý-Thái-Tổ mới dời đô ra Thăng-Long. Trạng-Trình Nguyễn Bình-Khiêm mới chỉ cho Nguyễn-Hoàng : "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân".

- Ngay tại Mỹ, biết bao cơ sở thương mại và nhà ở tọa lạc tại một vị trí mà khoa địa lý dương cơ tối kỵ. Do đó dù đổi bao nhiêu chủ rồi cũng lụn bại. Cho nên cần gấp **THIÊN CƠ** trước khi thuê, mua nhà cửa hay khai trương một cơ sở thương mại.

GIÁ BIỂU

* Xem địa lý nhà đất, cửa tiệm, từ \$100 đến \$200

* Đi các tiểu bang, tùy trường hợp.

* Cố vấn địa lý ở xa bằng má FAX \$30

* Tại Việt-Nam: Đến tận chỗ để xem xét nên cải táng hay xây mộ. Cố vấn cách thức xây mả cho hợp với thể đất..\$430

CHẤM LÁ SỐ BẰNG COMPUTER VÀ CÓ BĂNG CASSETTE THU LỜI GIẢI ĐOÁN

* Chấm giảng Tử Vi trọn đời, tiên đoán vận hạn thịnh suy, biến cố tốt xấu.

* Giải đáp về năng khiếu trẻ em để chọn môn học và ngành nghề thích hợp.

* Xem tình duyên gia đạo. Số tuổi vợ chồng tốt xấu. Cẩm nang lựa vợ, chồng theo tuổi tác.

* Coi ngày cưới hỏi, khai trương.

* Nói rõ số thọ yếu và năm lâm chung (nếu muốn).

1/. Đã đoán trước cho Chuẩn-tướng **LƯU-KIM-CƯƠNG** (không quân) về đại tiểu hạn trùng phùng năm Mậu Thân 1968 có :

"Tướng quân ngộ Triệt trước miên

Ra đi gặp giặc mình liền tan thân !"

Sau Chuẩn-tướng đã tử trận ở vòng đai phi trường Tân-Sơn-Nhất, trong biến cố Tết Mậu-Thân.

2/. Đã đoán cho ông **NGUYỄN-VĂN-BÔNG** (Viện-Trưởng QGHC) về nguyệt hạn xấu cho tuổi Kỷ Tỵ của ông, mà rồi vẫn không tránh khỏi tử nạn vì vụ gài bom trên xe, nổ ở đường Phan-Thạch-Giản Sài Gòn.

3/. Đã lưu ý Đại-tá **BÀU** về chức vụ phụ-tá quốc-phòng cho Trung-tướng Trần-Văn-Đôn vào năm 1975 là một chức vụ có tính cách phù du, nguy hiểm vì cách Không Kiếp đặc địa ở Tỵ của ông (qua ông L.V.L.)

4/. Đã tiên đoán cho Đại-tướng **DUYÊN-VĂN-MINH** với cách "Tham Vũ đồng hành" sẽ được chính quyền Cộng Sản cho xuất ngoại (qua ông HQP).

5/. Đã được ông Tổng Giám-Đốc Ngân-Hàng VNCT khen là giảng Tử Vi chi tiết, chính xác hơn nữ tiên tri Soleil (Pháp) đã xem cho ông, bằng khoa chiêm tinh Tây-phương.

6/. Đã được Đạo-trưởng Cao-Đài **ĐỖ-VĂN-LÝ** khen là "Có năng khiếu lớn về siêu hình học, chính xác trong việc dẫn chứng (qua Tử Vi của Giáo-Sư Lê-Như-Lễ, Đại-Học UCLA).

7/. Tại Sài Gòn năm 1982, Luật-sư **NGUYỄN-HỮU-ĐOÀN** nhờ tôi đoán Tử Vi cho bé gái 12 tuổi (1969) và anh cô ấy tên Việt, sinh năm 1962 về việc "xuất hành". Tôi cam kết cô bé 12 tuổi đi đến nơi an toàn, dù chuyến đi đầy gian khổ. Sau này là một bác sĩ giỏi nổi tiếng. Còn anh Việt thì bước xuống ghe nào là ghe ấy phải chìm ! Lời giải đoán nghe qua rất vô lý. Khi ông anh dẫn em nhỏ đi, mà em nhỏ tới, anh chìm ! Thế rồi họ xuống Cà-Mau. Cô bé được chủ ghe cho lên tàu trước làm chị nuôi (vì còn nhỏ). Chuyến đi ấy bị hải tặc Thái cướp 6 lần. Lần cuối cùng, bị bắt theo cùng với tất cả các phụ nữ, cô bé đã từ tàu Thái nhảy xuống và được cứu. Còn chiếc "taxi" đưa Việt ra ghe lớn bị chìm! Rất may, Việt thoát chết, nhưng kẹt lại đến năm 1987 mới đi ODP, nay định cư ở Maryland ĐT : (301) 779-8037. Còn cô bé 12 tuổi dùng cảm năm xưa, nay là **NGUYỄN-THỊ-CÁT-TƯỜNG** một sinh viên lỗi lạc năm thứ 5 được học bổng của Đại-Học Y-Khoa Massachusetts (Brandeis University), ĐT: (617) 736-5191.

8/. Năm 1986, Thiếu-tá **QUÁCH-NGỌC-LÂM** (thủy quân lục chiến) nhờ tôi chấm Tử Vi cho ông và 4 người con, xem có nên nhờ bà chị ở Mỹ bảo lãnh ODP hay không ? Tôi cam kết : "5 cha con ông sẽ ở nước ngoài trong năm 87. Đừng làm hồ sơ ODP mất công !" Thật vậy, 5 cha con ông Lâm vượt biên lọt qua Thái đúng năm 87 và định cư ở California, ĐT : (714) 897-8223.

9/. Vừa đây tháng Phương-Uyên năm 1977 ở Việt Nam, tôi đã đoán : "Tuổi Đinh-Tỵ này rất thông minh, học giỏi. Đặc biệt sinh cháu ra, làm gì cha mẹ cũng xuất ngoại và làm ăn phát đạt". Gia đình Phương-Uyên vượt biên

năm 1979, cha mẹ P.U. nay là REAL ESTATE KHÁI-HUYNH, một văn phòng địa ốc uy tín nhất OAKLAND, ĐT : (415) 763-9055. Còn bé Phương-Uyên năm nào cũng xếp hạng xuất sắc về học sinh giỏi của Mỹ tại trường Colonial Ecref, S.F.

10 - Ở Việt-Nam tôi đã cam kết với QUỲNH-DAO 2 điều : "Thế nào cô cũng xuất ngoại trong năm 1987 và định cư xong là lấy chồng liền". Dao cười : "Chồng ở mô mà sẵn rứa ?" (Vì lúc ấy cô chưa có ai). Năm 1987 trong khi đang lênh đênh trên bể thì Quỳnh Dao được tàu Nga cứu đưa vào hải phận Thái. Đến Texas, cô đã gửi vé máy bay khứ hồi để mời tôi từ CA qua dự đám cưới của cô vào ngày 6-5-89 vừa qua, ĐT: (713) 580-9401.

11/ ĐH KHANH - ĐT KHOA được một thầy Tử Vi nổi tiếng ở Sài Gòn tiên đoán: "Số phải bị gông cùm, xiềng xích, tù đầy..." Làm các cô chán nản bỏ học. Năm 1976, tôi đã viết rành mạch rằng số hai cô sẽ xuất dương du học (Đại học khoa danh chỉ số) với sự nghiệp rực rỡ, chứ hoàn toàn không có số tù tội. Nhờ đó, hai chị em đã can đảm vượt biên đến Mã-Lai năm 1978. Nay cô Khanh vừa tốt nghiệp Master tại Đại-Học Cal State LA năm 1988 và cô Khoa, tốt nghiệp BS cùng Đại-Học trên năm 1986, ĐT: (818) 287-7635.

12/ Năm 1977, đoán cho ĐỖ-T.H.-THANH "số xuất ngoại và học về Business Administration". Thanh vượt biên năm 79 và đã tốt nghiệp business năm 1990 ở Đại-Học Cal State Fullerton, đúng với "năng khiếu" tôi đã đoán 14 năm trước.

* Và hằng ngàn trường hợp ly kỳ khác với các đương sự ở Pháp, Úc, Anh, Canada, Mỹ... mà do vì lý do riêng tư không được phép tiết lộ, nên với khuôn khổ tờ giấy này, tôi chỉ đơn cử một số trường hợp cụ thể như trên mà thôi.

GIÁ BIẾU

- * Chấm giáng Tử Vi trọn đời (lấy hẹn đến xem) \$30
(Kèm lá số Tử Vi chấm bằng Computer và 1 cuốn băng Cassette thu lời giải đoán trọn đời).
- * Truy tầm năm tháng sanh trai gái theo ý muốn \$5
- * Coi ngày cưới hỏi, khai trương \$5
- * Giải Tử Vi gấp cho người ở xa \$42

Thân chủ ở xa gửi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương lịch, nam hay nữ. Kèm money order 42 Mỹ kim để tên Phạm-Dinh-Mai, 8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683 U.S.A.

Sẽ được gửi đến tận nhà một lá số Tử Vi chấm bằng computer, kèm băng cassette thu lời giải rõ nghĩa, dùng trọn đời.

Nếu gửi \$32 phải đăng ký vào sổ và chờ đợi theo thứ tự trước sau. Có khi 3 tháng sau mới tới phiên.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Ba - Thứ Sáu : Từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối.

Thứ Bảy - Chủ Nhật và ngày lễ : Từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối. (Xin lấy hẹn trước, và tuyệt đối không dặt theo trẻ em).

DỰ LUẬN TẠI HOA-KỲ NĂM 90

"Muốn trở thành ông thầy Tử Vi giỏi, nghĩa là phải xét đoán chính xác, người học cần có trình độ học vấn càng cao càng tốt. Học vấn cao chừng nào, khả năng hấp

thụ nhanh chừng ấy và độ lượng suy luận sẽ sắc bén hơn, nhờ đó sẽ hiểu được cái phức tạp của Tử-Vi hầu đạt được thành quả mau chóng và giảm mức độ sai lầm xuống con số thấp nhất. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI có đủ yếu tố đó : Tốt nghiệp Đại-Học Luật, thân phụ là thầy giỏi đất Quảng-Nam. PDM lại chịu khó học hỏi thêm ở nhiều thầy khác. Với bao nhiêu lý do, khiến cũng đủ để người đi xem Tử Vi dù khó tính đến đâu cũng phải hài lòng".

Ký-giả TRẦN-TỬ-CƠ - Báo NÀNG CALI số 151

(714) 893-0080

"Tôi đã từng tìm tòi và tham khảo với nhiều nhà Tử-Vi dấu-số và thầy địa-lý ; nhưng người khiến cho tôi ngưỡng mộ và khâm phục nhất là Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI. Tôi tìm đến ông sau nhiều rui ro cùng với những dấu hiệu cho thấy sẽ còn những thất bại nặng nề trong công việc kinh doanh hằng ngày. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI đã chỉ cho tôi biết nguyên cơ của những sụp sập ngoài trí tưởng tượng bình thường ; đồng thời giúp những phương thức hóa giải dựa trên kinh nghiệm bí truyền của khoa địa lý dương cơ từ thân phụ của ông và khoa học huyền bí do ông dày công nghiên cứu. Ông quả là thiên tài về địa lý và đầy đủ những kiến thức chuyên môn; cùng kinh nghiệm trong việc luận giải Tử Vi dấu số".

Ký giả NGUYỄN-HÀ - Westminster, CA

(714) 539-0319

"Ở Việt-Nam, tôi có đi coi vài ông thầy có tiếng tăm, nhưng tôi vẫn thấy chưa có ông nào coi hay hơn ông".

Cụ LÊ THÚY, 83 TUỔI - (Sinh năm Mậu-Thân 1908)

11301 Lockhaven Way, Garden Grove, CA 92640

* QUÀ : = Cưới = Sinh Nhật
= Thôi nôi = Đầy tháng

đem lại "surprise" nhất và được mọi người trân trọng gìn giữ suốt đời.

Đó là băng cassette giải đoán Tử-Vi trọn đời của Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI, được gửi tới địa chỉ của người nhận, theo yêu cầu của người tặng.

Ông THIÊN CƠ

PHẠM ĐÌNH MAI mới đến Mỹ, (trước ở Prairie, Hawthorne) nguyên là:

- * Cựu học sinh đệ nhất C, Phan-Chu-Trinh Đà-Nẵng 1966.
- * Cố vấn thương mại (bằng Tử-Vi) cho thương gia Chợ Lớn từ 1968.
- * Cử-Nhân Luật-Khoa Sài Gòn 1970.
- * Phó Giám Đốc Ngân Hàng VNCT, Chợ Lớn 1971.
- * Tốt-nghiệp Thủ-khoa Trung-Tâm Huấn-Luyện Chuyên Môn Ngân-Hàng Sài Gòn, 1973.
- * Học viên khóa Chuyên-Viên Thị-Trường Chứng-Khoán Việt-Nam 1974.
- * Phó Hiệu Trưởng ADRA SCHOOL, Thái-Lan 1987.
- * Assistant Teacher / International Catholic Migration Commission Philippines, 1988.

Đời sống con người chẳng khác nào một cuộc vượt biên trôi giạt lênh đênh trên biển Đông. Tử-Vi là tấm hải đồ (chart) rất hữu ích trong chuyến hải hành ấy. Hành trình đã, đang, hay sắp bắt đầu, đều còn dài. Mời quý vị đến gặp Thiên Cơ để xử dụng ngay hải đồ của chính mình.

VÙNG SAN FERNANDO VALLEY



Bác Sĩ PHAN TUYẾT MAI, M.D.

18625 SHERMAN WAY, Suite 104 - RESEDA, CA 91335

Tel. (818) 342-8171 ☺ (24/24 Hrs)



(*Nằm trong khu nhà hàng TUYẾT-ANH và bánh mì BA-LE*)

- * TỐT NGHIỆP NỘI THƯƠNG HOA-KỲ.
- * HẬU ĐẠI HỌC VỀ CÁC BỆNH NHIỄM TRÙNG VÀ BỆNH AIDS.
- * HỘI VIÊN HỘI Y SĨ ĐOÀN HOA-KỲ.
- * HỘI VIÊN HỘI Y SĨ CALIFORNIA.
- * BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN VALLEY PRESBYTERIAN, VÀ NORTHRIDGE HOSPITAL.

**Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ BỆNH NỘI THƯƠNG CHO
NGƯỜI GIÀ, NGƯỜI LỚN, ĐÀN BÀ VÀ TRẺ EM**

CHỮA TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH:

- **THẦN KINH:** Nhức Đầu, Chóng Mặt, Động Kinh, Phòng Ngừa Tai Biến Mạch Máu Não.
- **TIM MẠCH:** Cao Máu, Suy Tim, Hở Hẹp, Tức Ngực, Khó Thở.
- **HỒ HẤP:** Suyễn, Viêm Phổi, Ho Lao.
- **TIÊU HÓA:** Viêm Loét Bao Tử, Ăn Không Tiêu, Đi Cầu Ra Máu.
- **BỆNH VỀ MÁU:** Thiếu Máu, Ung Thư Máu.
- **TUYẾN NỘI TIẾT:** Tiểu Đường, Bướu Cổ.
- **THẬN:** Nhiễm Trùng Đường Tiểu, Viêm Thận, Tiểu Ra Máu.
- **DỊ ỨNG:** Viêm Mũi, Ngứa.
- **BỆNH HOA LIỄU:** Giang Mai, Lậu, AIDS.
- **CÁC BỆNH PHỤ NỮ:** Huyết Trắng, Đau Bụng Khi Hành Kinh, Rối Loạn Kinh Nguyệt và Thử PAP'S SMEAR.
- **BỆNH PHONG THẤP:** Đau Khớp, Sung Khớp.
- **BỆNH NGOÀI DA:** Các Loại Mụn, Ghẻ Ngứa.
- **TRUY TẮM UNG THƯ:** Ruột Già, Vú, Tử Cung, Nhiếp Hệ Tuyến.
- **THỬ MÁU TIỂU HÔN NHÂN - CHÍCH NGỪA TRƯỚC KHI ĐI DU LỊCH NƯỚC NGOÀI.**
- **ĐẶC BIỆT HƯỚNG DẪN NGĂN NGỪA, CHỮA TRỊ, THEO DÕI BỆNH HOA LIỄU, AIDS, HO LAO.**
- **NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH.**

**PHÒNG MẠCH KHANG TRANG VÀ TRANG BỊ ĐẦY ĐỦ DỤNG CỤ MÁY MÓC:
MÁY ĐO TIM, MÁY THỬ THÍNH THỊ, MÁY ĐO PHỔI VÀ NHIỀU MÁY CHỮA TRỊ ĐAU NHỨC**

DỊCH VỤ Y TẾ MIỄN PHÍ ☎ XIN GỌI LẤY HẸN TRƯỚC

Chích ngừa và khám sức khỏe tổng quát cho trẻ em dưới 19 tuổi
thuộc gia đình có lợi tức thấp. (CHDP)

Truy tầm UNG THƯ NGỰC cho quý bà trên 50 tuổi có lợi tức thấp (BCEDP)

GHỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI - THỨ SÁU: 9am - 7pm

THỨ BẢY: 9am - 3pm

CHỦ NHỰT: 9am - 2pm

NHẬN:

MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM - HMO

Giá đặc biệt cho những người trả tiền mặt.

T & K Realty / Mortgage

18546 Sherman Way, Suite 100A., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 344-5660 ; Fax. (818) 344-5877



LUYẾN TRẦN
(818) 372-5358 (Pager)

Chuyên môn:

- Mua bán nhà cửa
- Cơ sở thương mại.
- Vay tiền mua nhà
- Refinance



HẢI NGUYỄN
(818) 217-9461 (Pager)

➤ Văn phòng Địa Ốc uy tín bậc nhất. Chủ trương lấy kiến thức và lương tâm nghề nghiệp để giúp đỡ đồng lương và bảo vệ quyền lợi thân chủ tối đa. Gồm những nhân viên uy tín và đã phục vụ cộng đồng trong nhiều năm qua.

➤ Đặc biệt tìm nhà bằng computer: Nhanh chóng, chính xác, đầy đủ các loại nhà: Nhà Bank tích thu - Nhà chính phủ \$0 down - Nhà 3% down, 5% down v.v...

➤ Tùy theo hoàn cảnh của quý vị, chúng tôi sẽ tìm căn nhà vừa ý và chọn chương trình vay tiền thích hợp tiền lãi thấp, lệ phí nhẹ.

Hằng ngày văn phòng chúng tôi có những nhà mới đăng bán và tiền lãi mới nhất.

ĐẶC BIỆT: Tiền lãi đang hạ, giá nhà còn thấp, cơ hội tốt để mua nhà.

Nếu quý vị đang phân vân không biết mua nhà có lợi hay không.

Xin quý vị đừng ngần ngại, hãy gọi cho chúng tôi

KHÔNG ĐAU SẴN BẰNG

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

TAMIR OHEB

18570 Sherman Way, Suite - C
Reseda, CA 91335
Tel (818) 881-8814

21550 Oxnard Street
Woodland Hills, CA 91335
Tel (818) 993-3763

Điều hành:

VINAM LE

Pager:

(818) 204-0086

VICTOR PHẠM

Pager:

(818) 420-1336

THOMAS NGUYỄN

Pager:

(818) 499-9245

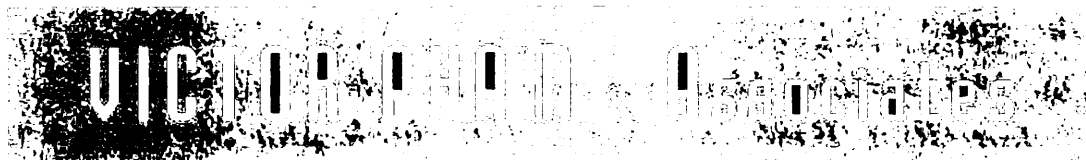
- Tai nạn xe cộ.
- Thương tích.

• • • • •

- ☞ Di trú.
- ☞ Khai phá sản.
- ☞ Ly dị.

★ UY TÍN ★ TẬN TÂM ★ NHANH CHÓNG ★

Văn phòng KẾ TOÁN & THUẾ VỤ



18570 Sherman Way, Suite A., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 705-8352 Page. (818) 420-1336

♦♦♦

- ☑ Hệ thống computer phục vụ quý vị quanh năm, chuyên nghiệp kín đáo, nhanh chóng.
- ☑ Đại diện thân chủ trước sở thuế.

- ✧ Khiếu nại bảo vệ quyền lợi.
- ✧ Điều đình giảm mức thuế.
- ✧ Thành lập công ty.
- ✧ Kế toán cơ sở thương mại.

Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 7PM

Thứ Bảy: 10AM - 5PM



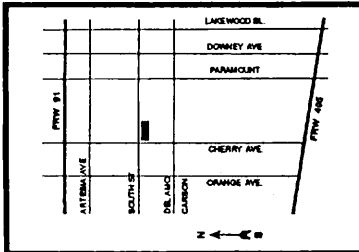
NỮ BÁC SĨ STEPHANIE THU LE, D.C.

- Nguyên sinh viên Y-khoa Sài Gòn
- Tốt nghiệp Bác-Sĩ chuyên khoa Chính xương tại Đại-Học Chiropractic of Los Angeles
- Diplomate National and States Boards of Chiropractic Examiners
- California State Radiography X Rays supervisor and Operator



CHUYÊN TRỊ:

- Đau lưng, cụp xương sống, đau thần kinh tọa, vẹo xương sống
- Đau cứng cổ, đau nhức bả vai, đau và tê tay chân
- Nhức đầu cấp tính và kinh niên, mỏi mệt, mất ngủ
- Đau nhức và sai trật khớp xương, phong thấp, bong gân, vẹo bẻ
- Các chứng bệnh đau nhức liên quan đến cột xương sống, hệ thống thần kinh và bắp thịt

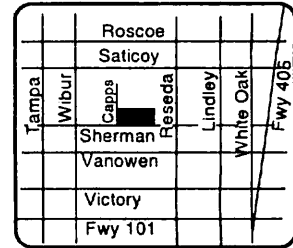


TRỊ LIỆU:

Xử dụng X-Ray và đẩy đủ các dụng cụ. Y-Khoa vật lý trị liệu tối tân nhất hiện nay. Điều chỉnh cột xương sống, bắp thịt, hệ thống thần kinh làm hết đau và phục hồi lại chức năng của cơ thể. Hướng dẫn về dinh dưỡng và thể dục.

NHÂN:

- ✓ Auto Accident
- ✓ Insurance
- ✓ Worker's Comp
- ✓ Medicare
- ✓ Có chương trình đặc biệt cho bệnh nhân có tài chánh khó khăn.



LONG BEACH CHIROPRACTIC CLINIC

1809 South St., Suite 104
Long Beach, CA 90805
Tel: (562) 790-8209
(Góc đường South St. & Food 4 Less)

RESEDA CHIROPRACTIC CLINIC

18625 Sherman Way, Suite 109, Reseda, CA 91334
(Trong khu Plaza Caleo, cạnh bank m)
Tel: (818) 345-0099

Y-Khoa chỉnh xương.

Giờ làm việc: Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10AM - 6PM

LƯU Ý: Từ nay quý đồng hương không phải đi xa để khám bệnh vì đã có Nữ Bác Sĩ Stephanie Thu Lê ở vùng San Fernando Valley

Giờ làm việc: Thứ Hai đến Thứ Bảy: 10AM - 7PM

THẦN DƯỢC TRỊ TIỂU ĐƯỜNG (DIABETES)

- Hiện nay, ngoài cách uống thuốc tây và chích Insulin để kềm chế tạm thời đường dư trong máu, chưa có thuốc nào đặc hiệu đối với bệnh TIỂU ĐƯỜNG (Diabetes Mellitus). Nhưng, xin báo tin mừng: Chúng tôi có THIÊN Y HỒI LỰC và Trà TAM THANH, đủ khả năng chặn đứng và đẩy lui bệnh Tiểu Đường một cách an toàn.
- THIÊN Y HỒI LỰC và Trà TAM THANH gồm toàn dược thảo thiên nhiên, rất bổ dưỡng, được Bác Sĩ ĐẶNG TRẦN HẢO nghiên cứu và thực nghiệm thành công nhiều năm qua. Nó vừa có công năng hạ đường huyết (như thuốc tây), vừa kích thích tế bào tụy tạng sản xuất đủ Insulin theo nhu cầu cần dùng (ưu điểm đặc biệt).
- THIÊN Y HỒI LỰC và Trà TAM THANH còn có tác dụng: - Giải độc cơ thể, làm hết tê, ngứa ngoài da. 2.- Giúp ổn định thần kinh, ngừa suy giảm trí nhớ, biến mất đau nhức. 3.- Làm giảm hiện tượng khát nước, giảm đói, giảm đi tiểu nhiều lần. Nếu bệnh đã biến chứng, tạng phủ bị nhiễm độc, thuốc có năng lực làm hồi phục dần dần cơ quan đã hư hoại.
- Nếu quý vị mắc bệnh lâu năm, đường huyết cao, nên dùng THIÊN Y HỒI LỰC. Nếu mới bị bệnh, chỉ cần uống Trà TAM THANH là đủ. Nếu đang xử dụng thuốc tây hoặc chích Insulin, nên uống kèm Trà TAM THANH một thời gian rồi bỏ dần thuốc tây. Hiện nay, đa số bệnh nhân ở Cali điều trị theo phương pháp này, đều đạt hiệu quả đến 80-85%.
- Hãy nhớ rằng, TIỂU ĐƯỜNG là một bệnh cực kỳ nguy hiểm, luôn luôn đe dọa sức khỏe và tính mạng của quý vị. Hãy mau mau điều trị trước khi quá muộn. Ở xa, xin phone cho chúng tôi để được chỉ dẫn tận tình. Ở gần, tạo sao còn chần chờ không tới xem mạch, chẩn bệnh (Miễn phí) ?

BÁC SĨ ĐẶNG TRẦN HẢO, OMD, CA TIÊN SĨ ĐÔNG Y

9561 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683 (trong khu Bolsa Mini Mall)

Tel: (714) 531-8229

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa Gia Đình Và Thẩm Mỹ

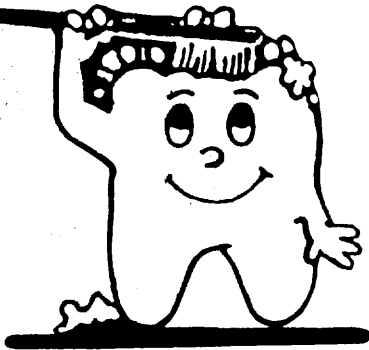
BÙI VÂN ANH, D.D.S.

LA PICO PLAZA - RESEDA

17709 Saticoy St., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 757-0017

Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA 1988,
Hội Viên American Dental Association,
California Dental Association,
Los Angeles Dental Societ.



ĐẶC BIỆT:

- => Phòng mạch trang bị đầy đủ máy móc nhất để theo dõi sự tiến triển của bệnh nhân.
- => Phòng mạch áp dụng kỹ thuật tân kỳ nhất để chống nhiễm trùng cho bệnh nhân.

*Tận Tâm và Thành Tín như một Bác Sĩ Gia Đình,
Nhẹ nhàng với những trẻ em khó tính.*

CHUYÊN VỀ:

Nha Khoa Thẩm Mỹ, chữa răng bằng Porcelain đẹp như răng thật.
Tẩy răng trắng.
Làm răng giả các loại.
Phòng ngừa sâu răng cho trẻ em bằng Sealants và Fluoride.
Trám, nhổ, lấy gân máu, chữa bệnh nướu răng.
Khám răng tổng quát và định kỳ.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ BA - TƯ - NĂM:

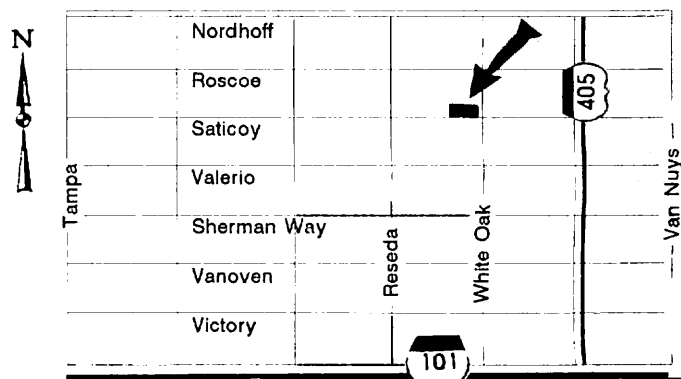
9:00am - 7:00pm

Thứ SÁU: 9:00am - 5:00pm

Thứ BẢY: 9:00am - 4:00pm

NGHỈ : CHỦ NHẬT - THỨ HAI

NHẬN MEDICAL - BẢO HIỂM



USA GENERAL AUTO REPAIR

Honda - Toyota - Mazda - Datsun

7444 Reseda Blvd. Suite D, Reseda, CA 91335

Tel: (818) 996-4926



Mở cửa 6 ngày trong tuần từ **THỨ HAI** đến **THỨ BẢY** : 8:30 AM - 6:00 PM

Chúng tôi có kinh nghiệm 18 năm tại Mỹ và ở Việt-Nam.
Chúng Tôi Nhận :

--> **REBUILT:**

- TRANSMISSION
- PISTON ENGINE
- ROTARY ENGINE
- DIFFERENTIAL



- > ENGINE TUNE-UP
- > FUEL INJECTION SERVICE
- > CARBURATOR SERVICE
- > AIR CONDITIONING SERVICE
- > STARTER SERVICE
- > ALTERNATOR SERVICE
- > RADIATOR SERVICE
- > BRAKE SYSTEM SERVICE
- > CLUTCH TRANS. SERVICE

Nhận VISA, MASTERCARD

	Nordhoff			
	Roscoe			
	Satiooy			
	Valerio		UNIT D	
Tampa	Sherman Way			
	Vanoven	Reseda		Fwy 405
	Victory			Van Nuys

REPLACE TIMING BELT

- => 4 cylinder s/cam shaft **\$110.00**
- => 6 cylinder s/cam shaft **\$150.00**

REPLACE FRONT BRAKE : \$49.00

- => Check front wheel bearing
- => Check front rotor for most car

REPLACE REAR BRAKE : \$49.00

- => Check rear wheel bearing
- => Check rear rotor for most car

OIL FILTER CHANGE : \$15.00

- => Include : 5Qt Oil + Oil Filter +
- Check Tire Pressure + All Fluid Levels

- Quý vị muốn biết thêm về **XE HƠI**, xin liên lạc **HUỖNH TRẦN & TOM**
- Chúng tôi sẵn sàng check xe cho quý bạn để quyết định trước khi mua, sau này khỏi gặp trở ngại.



NHÀ THUỐC TÂY

HADO PHARMACY

7241 RESEDA Blvd., RESEDA, CA 91335

(Cạnh chợ Bangluck Market, khu Phố Số 1)

NHÀ THUỐC GIA ĐÌNH TÍN NHIỆM NHẤT CỦA QUÝ ĐỒNG HƯƠNG

- Bán thuốc theo toa Bác-sĩ.
- Bán các loại thuốc bổ đặc biệt.
- Bán các loại thiệp, quà tặng.
- Bán các loại sách truyện Việt-Nam chọn lọc.
- Nhận MEDICAL và Bảo-Hiểm.
(Giá đặc biệt cho quý vị không có Bảo-Hiểm)

→ Ngoài ra chúng tôi hân hạnh phục vụ

Quý Đồng-Hương qua các dịch vụ:

- Điện thư (FAX)
- Gửi thuốc về Việt-Nam.

Với Phương Châm:

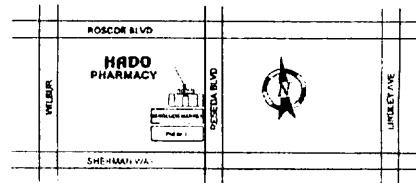
Thành Thật * Ân Cần * Tin cẩn

(818) 342-9333

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:30 PM

Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:30 PM



Bác Sĩ Nha Khoa

LÊ-THÀNH-HÒA

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

PHAN-THỊ-MỸ-HẠNH



- Khám răng tổng quát định kỳ.
- Trị các bệnh về răng miệng.
- Làm răng giả các loại.



ALHAMBRA

407 W. MAIN Street
ALHAMBRA, CA 91801
Tel. (818) 281-6642

Giờ làm việc:

Thứ Hai đến Thứ Bảy: 9am - 6pm

Nhận Medical & Bảo Hiểm

VAN NUYS

6900 VAN NUYS., Suite # 14
VAN NUYS, CA 91405
Tel. (818) 904-0224
(cùng Building với Phan Pharmacy)

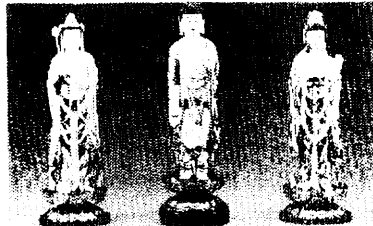
Giờ làm việc:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9am - 6pm
Thứ Bảy: 9am - 5pm

DAVICO INC. ĐẠI VIỆT CÔNG TY

Oriental Rosewood Furniture Art + Galleries
The Shop (in China Town)

861 N. Spring ST. # 204-205-206
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 626-1868



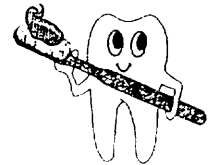
- * Bốn hiệu chúng tôi có bán đủ tất cả các loại đồ sứ, đồ gỗ từ Trung-Hoa, đẹp và quý.
- * Có đủ tất cả đồ thờ phượng: tượng Phật, bình hoa, chậu kiểng, lư hương, nhang đèn...

XIN MỜI QUÝ KHÁCH CHIẾU CỐ, GIÁ RẺ, ÂN CẦN TIẾP ĐÃI



BÁC SĨ NHÃ KHOA

胡文富牙醫博士




HỒ VĂN PHÚ, D.D.S. HỒ NHƯ MAI, D.D.S.

- ☺ Nha Khoa Gia Đình.
- ☺ Khám Răng Định Kỳ.
- ☺ Làm Răng Giả Đủ Loại.

- ☺ Trám, Nhổ, Chữa Tủy Răng.
- ☆ Nha Khoa Phòng Ngừa.
- ☆ Sửa Răng Thẩm Mỹ.

SOUTH BAY CENTER

15024 Prairie Ave.
Hawthorne, CA 90250


 TEL. (310) 978-8993

Giờ làm việc:

Thứ ba, năm: 9:00am = 6:00pm
Thứ bảy: 9:00am = 4:00pm

CHINATOWN CENTER

625 W. College St., # 104
Los Angeles, CA 90012

 TEL. (213) 617-0096

Giờ làm việc:

Thứ hai - Thứ tư, Thứ sáu
9:00am = 6:00pm

XIN VUI LÒNG ĐIỆN THOẠI LẤY HẸN TRƯỚC
Nhận MEDICAL và BẢO HIỂM

VAN'S TIỆM BÁNH BAKERY

121 E. Valley Blvd.
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 571-5845
(Cạnh siêu thị Hawaii)

140 W. Valley Blvd. #120
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 288-7272
(Trong khu chợ 99)

9211 Bolsa Ave. #125
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 898-7065
(Cạnh siêu thị 99 Market)

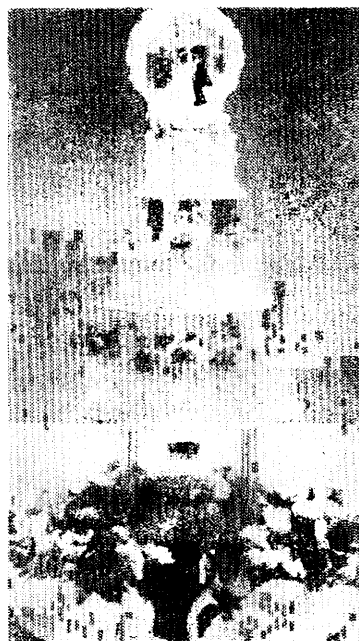
14346 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 839-1666

1824 E. Tully Rd.
San Jose, CA 95122
Tel. (408) 270-2222

**Tiệm Bánh Được Sự Ủng Hộ Của Quý Vị Đồng Hương Nhất Tại Cali.
CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI BÁNH PHÁP - VIỆT NAM - TRUNG HOA**



- Pâté CHAUD
- Croissant đủ loại
- Các loại bánh ngọt
- Bánh Trung Hoa
- Bánh bao
- Bánh gan
- Bánh khoai môn
- Quầy Food To Go hấp dẫn và tất cả các loại chè



*Bánh đặt tại
Van's Bakery
trình bày thật long lẫy
hương vị thơm ngon
sẽ làm tăng thêm
phần sang trọng trong
Tiệc Cưới
Sinh Nhật.*

PHÒNG MẠCH - CHÂM CỨU - THUỐC BẮC - TRẬT ĐÃ TOÀN KHOA

*"Tìm đâu chữa hết bệnh này
Khỏi lo đau đớn lòng đầy băng khuâng
Thiên Y diệu thủ hồi xuân
Đồng bào khen tặng, công huân cứu người"*

Bác Sĩ **NGUYỄN THIỆN Y, O.M.D., L.Ac., Ph.D.**

838 N. Broadway, Suite A, Los Angeles, CA 90012
(Chinatown, kế Bank of America, Trước Lido center)

Tel. (213) 680-0888

Bác sĩ Thiện-Y đã chữa bệnh tại Việt-Nam, chữa cho các đạo diễn, tài tử điện ảnh Hollywood, bệnh viện Mullikin, La Palma Hospital Hoa-Kỳ. Đã được rất nhiều người viết thư cảm tạ, báo chí khen ngợi và được đồng bào vùng Los Angeles khen tặng danh hiệu "Diệu Thủ Hồi Xuân". Đến với Bác-sĩ Nguyễn- Thiện-Y để được chẩn mạch chính xác, chữa trị hữu hiệu. Chỉ 1 hay 2 lần sẽ thấy kết quả và hết bệnh. Bác sĩ nhiều kinh nghiệm, tận tâm, chữa bệnh lâu năm.

**CHUYÊN TRỊ: NAM PHỤ LÃO ẤU, CÁC BỆNH ĐAU NHỨC, NAN Y, NỘI THƯƠNG, NGOẠI CẢM,
BAN SỎI TRẺ EM, BONG GÂN, TRẬT KHỚP XƯƠNG, BẰNG CHÂM CỨU,
TRẬT ĐÃ, ĐÃ THÔNG HUYẾT MẠCH VÀ THUỐC BẮC.**

* Đau lưng, đau cổ, nhức đầu kinh niên, nhức mắt, phong thấp, cảm cúm, đau khớp xương, đau nhức toàn thân, mỡ trong máu, thiếu máu, sốt rét, dễ bị cảm, ớn lạnh quanh năm, viêm mũi, dị ứng (allergy). Da mặt nám, mụn bọc, lang ben, lở miệng, bị dờn ăn, ngón tay khó co vô hay mở ra, vộp bẻ tay chân.

* Đàn ông di tinh, yếu sinh lý, xuất tinh sớm, các bệnh về thận. Đàn bà kinh nguyệt không đều, không có kinh, kinh ra lâu ngày không dứt, hành kinh đau bụng, bạch đới, đau dây chằng, bướt tử cung, thần kinh suy nhược, buồn phiền (stress), mất ngủ, rụng tóc, sạn thận, hiếm muộn.

* Đau tim hồi hộp, yếu tim, nghẹt van tim, đau gan, vi trùng gan (hepatitis), vàng da, khó thở, áp huyết cao, áp huyết thấp, hen suyễn, ho ra máu, đau bao tử, loét bao tử. Các trường hợp trúng gió méo miệng, tay chân tê bại, run rẩy tay chân (Parkinson's disease)

* Phong ngứa, ghẻ độc (psoriasis), giang mai, tiểu đường, tiêu chảy, táo bón, trĩ nội ngoại, sa con trê, sa tử cung, điếc tai, tai có mũ, ù tai. Cai thuốc lá (Stop smoking), lên cân và xuống cân (weight control), ra mồ hôi tay chân.

* Các chứng bong gân, cụp xương sống, trật khớp xương tay chân do thể thao, té ngã, võ thuật, trượt ski v.v... được chỉnh bằng phương pháp chỉnh xương Thiếu Lâm gia truyền.

Đặc biệt: Thuốc rượu và thuốc viên gia truyền, cường dương bổ thận, kết hợp trên 1,000 toa đáp ứng theo ý muốn của bệnh nhân, kết quả bảo đảm. Có thuốc thần dược trị hết bệnh siêu vi trùng gan, kết quả thử máu sẽ minh chứng. Có thuốc trị bệnh tiểu đường, rất nhiều người đã hết bệnh, kết quả rất mỹ mãn. Phòng ngừa và trị các bệnh ung thư. Dùng kim mới cho mỗi lần châm. Trang bị các máy tối tân không dùng kim. Đủ các loại thuốc viên, thuốc tễ, thuốc rượu, thuốc thang thượng hạng... Nhận gửi thuốc đi các tiểu bang Hoa-Kỳ và ngoại quốc.

Giờ làm việc: Thứ Hai đến Chủ Nhật - 10AM - 6PM = Nghỉ Thứ Sáu

Parking miễn phí, tiện lợi an toàn, quý khách, vui lòng đậu xe kế bên phải phòng mạch.

NHẬN MEDICAL, VISA, MASTER CARD

LONG BEACH

Bác Sĩ

MAI THANH HỒNG, M.D



CHUYÊN MÔN KHOA NHI ĐỒNG TẠI LONG BEACH

2146 E. ANAHEIM St., LONG BEACH, CA 90804

Tel. (310) 439-7227 • 24hrs.

→ American Board of Neonatology Diplomate American Board of Pediatrics

→ Cựu Nội Trú Bệnh Viện Nhi Đồng Sài Gòn. Bác Sĩ Điều Trị Bệnh Viện Nhi Đồng, Quảng Đông.

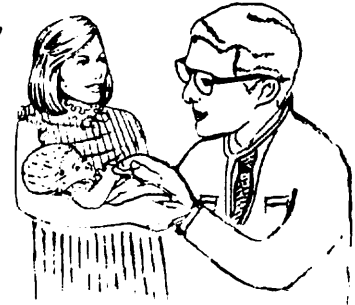
CHUYÊN MÔN BỆNH TRÉ SƠ SINH CẤP CỨU NEONATOLOGY & BỆNH NHI ĐỒNG (Pediatrics)

Bệnh Thanh Thiếu Niên

→ *Bác Sĩ Điều Trị Tại St. Mary Medical Center, Long Beach Memorial, Long Beach Community Hospital, Huntington Memorial Pasadena.*

⇒ Cộng tác chương trình bồng sữa WIC

⇒ Dịch thân sản sóc trẻ sơ sinh tại bệnh viện.



Giờ Làm Việc:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:00 PM

Thứ Tư đến Thứ Bảy: 10:00 AM - 1:00 PM

Bác Sĩ NHA KHOA

HUỖNH THỊ HẠNH, D.D.S.

LƯU HẠNH KHUÊ, D.D.S.

✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Saigon
✧ Nguyên Giảng Viên Đại-Học Nha-Khoa Minnesota Bộ môn Trám-Răng và làm Răng-Giá.

✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Minnesota từ năm 1989.

Giờ Làm Việc:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 10 AM - 6 PM

Xin Vui Lòng Lấy Hẹn Trước

14571 MAGNOLIA St., SUITE 202
WESTMINSTER, CA 92683

Tel. (714) 897-9985

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- ✧ Khám răng định kỳ
- ✧ Trám, Nhổ răng, lấy Gân máu
- ✧ Chuyên làm răng giả đủ các loại
- ✧ Chữa trị các loại bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.

NHA KHOA THẨM MỸ

- ✧ Tẩy răng trắng
- ✧ Làm khít răng thưa
- ✧ Vá răng sút mẻ ...

*Tân Tâm, Chu Đáo, Kỹ Lượng,
Chữa Răng Nhẹ Nhàng Theo Tiêu Chuẩn Hoa-Kỳ,
Trang Bị Hoàn Toàn Máy Móc Tối Tân.*

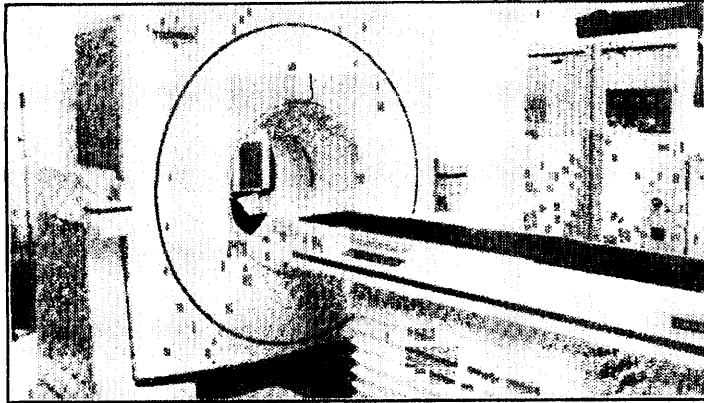
MAGNOLIA MEDICAL IMAGING CENTER, INC.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 MAGNOLIA St., Suite #101 ✪ WESTMINSTER, CA 92683

TEL. (714) 893-1915

Bác Sĩ **PHÙNG GIA THANH**



- X - RAY
- MRI
- CAT SCAN
- ULTRASOUND
- MAMMOGRAPHY
- NUCLEAR MEDICINE

**CÓ MÁY
CAT SCAN TẠI CHỖ**

GIỜ MỞ CỬA:

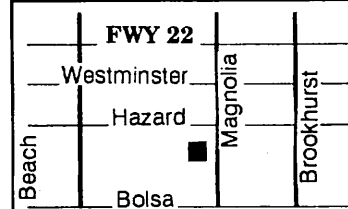
THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:00 AM - 6:00 PM

THỨ BẢY: 9:30 AM - 3:00 PM

ĐẶC BIỆT

CHỤP VÚ DO NỮ

CHUYÊN VIÊN ĐẢM NHIỆM



DISCOUNT

*Erotic
Fresh & Silk*



Kamala Flower And Music (Tiệm Bông Liên-Hoa)

Complete Floral Services • Original Quality Design
Live Classical Piano Music For Weddings & Parties

**Private & Group Piano Lessons
All Ages & Levels**

* *Phong lan - Cây kiểng - Bàn chông cắm hoa*

- *Cho vườn thềm hơi thổi bong bóng*

* *Trang trí bong bóng cho mọi dịp lễ*

- *Giao hoa khắp mọi nơi*

* *Bán bong bóng có in hình Phật Đản-Sanh cho lễ*

Phật-Đản và hình Mục-Kiền-Liên cho lễ Vu-Lan

- *Có hoa hồng cài áo cho lễ Vu-Lan.*



Professional
Instruction

14044 Magnolia * Suite 128

Westminster, CA 92683

(corner Westminster Blvd.)

Tel: (714) 891-8130 ** Pager: (714) 571-6483

Free: 1-800-700-4443

VISA
MASTER CARD

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**



Tài liệu Nha-Khoa do Bác-Sĩ Phương-Lan biên soạn, miễn tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

Vá răng sút mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER và các khu lân cận

(714) 893-6768

14044 Magnolia St., # 125

Westminster, CA 92683

(góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

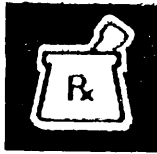
Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY

(310) 491-5529

906 E. Anaheim St.,

Long Beach, CA 90813

(đời điện Phở 79)



VINA PHARMACY

18541 Sherman Way # 103., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 345-6534

(Trong khu Donags Plaza, cạnh Cà-Phê Lục-Huyền-Cầm, sau lưng chợ BANGLUCK)

- * Bán thuốc theo toa Bác-Sĩ,
- * Bán đầy đủ các loại thuốc thông thường,
- * Dược-Sĩ đích thân chỉ dẫn cách dùng thuốc tường tận.

Mở cửa 7 ngày trong tuần

Mon = Friday: 9:30AM - 7:00PM

Saturday: 9:30AM - 3:00PM

COPIES \$.05

Nhận **MEDICAL** và **CÁC LOẠI BẢO HIỂM**

TÍN NHIỆM ★ AN CẢN ★ TẬN TÂM
NHANH CHÓNG ★ GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG

Dược Sĩ THÁI-QUANG-ĐOÀN

Express Bakery

Cafe and Bistro - French & Vietnamese Food

9035 Reseda Blvd., Northridge, CA 91324

Tel. (818) 349-9135

Giờ Mở Cửa:
6 ngày trong tuần
Chủ Nhật nghỉ

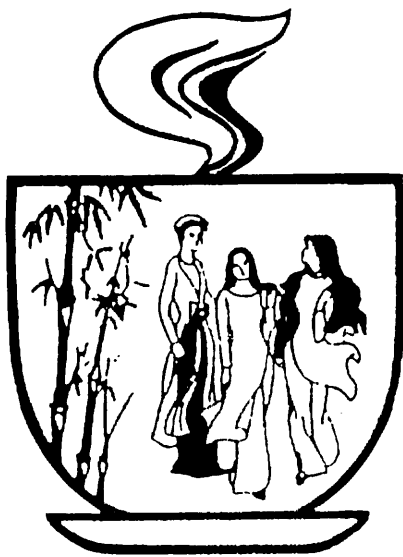
Đặc biệt các món ăn:

Mì - Bún riêu - Hủ tiếu - Cơm và nhiều món ăn khác nhau.

Ngoài ra lò còn có sản xuất:

Pâté chaud, Croissant, Choux crème v.v...

Đặc Biệt: - Bánh Sinh Nhật - Bánh Cưới - Bánh Ngọt.



NHÀ HÀNG SAIGON EXPRESS

ORIENTAL CUISINE

18515 Roscoe Blvd., Northridge, CA 91324

(Góc đường Reseda sau lưng El Pollo Roco)

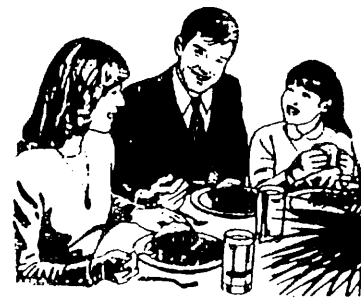
Tel. (818) 882-3028

Fax. (818) 882-3875

Các bạn sẽ được thưởng thức những món ăn thuần túy Việt-Nam như:

- Cơm Hến Đông Ba, Phở Bắc, Bún Bò Huế, Bún Măng Uýt,
- Bánh Xèo, Cháo Tôm, Nem Nướng, Bánh Hỏi...
- Bò Nướng Lá Nho (nước chấm đặc biệt của Saigon Express)
- Càng Cua Bách Hoa

Nhà hàng sẽ nhận đơn đặt tiệc cho nhóm bạn, tổ chức sinh nhật và Karaoke Party



SAIGON EXPRESS

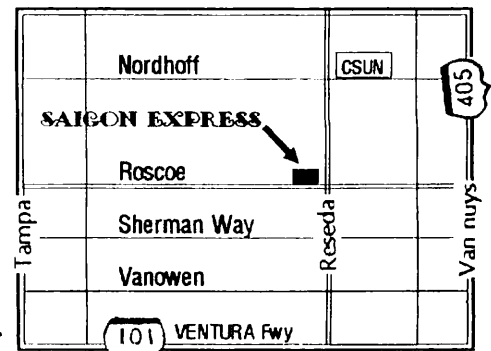
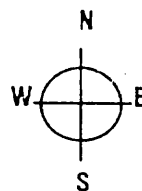
Kính Mời



MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai đến Chủ Nhật:

9 giờ sáng đến 9 giờ đêm



Á CHÂU TANG NGHI QUÁN

Á CHÂU FUNERAL HOME

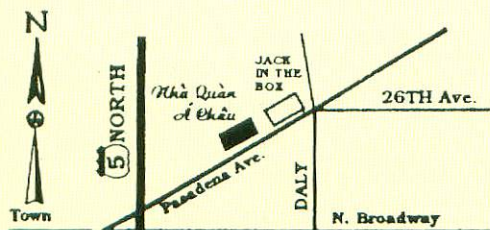
**Nhà Quàn Đầu Tiên
Do Người Việt Thành Lập
Và Đảm Trách**

CHÚNG TÔI CÓ DỊCH VỤ CHUYÊN CHỖ THI HẢI VỀ VIỆT-NAM

- Nhằm mục đích giúp đỡ đồng hương, không may có chuyện đau buồn xảy ra.
- Chỉ cần gọi điện thoại cho chúng tôi, quý vị sẽ được tận tình giúp đỡ.
- Sắp xếp mọi nghi thức an táng, hỏa táng và lo mọi thủ tục giấy tờ.
- Quan tài, mồ mả, bia mộ, tang phục đầy đủ.
- Lễ đường khang trang, parkinh rộng rãi, giao thông tiện lợi.
- Nhân viên tận tình phục vụ.
- Thông thạo các nghi lễ cổ truyền và mọi hình thức tôn giáo.

*Chuyên Gia Kinh Nghiệm Dời Dào,
Tận Tình Chăm Sóc Cho Người Quê Cổ.
Gặp Những Trường Hợp Khó Khăn,
Xin Đừng Ngần Ngại. Gọi Ngay Cho Chúng Tôi.*

**DIỆN THOẠI 24/24:
(213) 222-4868**



—> Từ Freeway 5, exit Broadway quẹo phải trên đường Broadway tới Daly quẹo trái sẽ gặp ngã 5 quẹo trái trên Pasadena. Á-Châu-Tang-Nghi-Quán ở bên phải, kế nhà hàng Jack In The Box (gần ngã 5 Pasadena & Daly).

—> Từ Monterey Park đi sang 10 West, sang 5 North, theo chỉ dẫn ở trên.

—> Từ Chinatown đi N. Broadway, vừa qua cầu xe lửa gặp Pasadena, cặp theo Pasadena chừng 1/2 mile, gặp Á-Châu-Tang-Nghi-Quán cạnh nhà hàng Jack In The Box.

**2517 Pasadena Ave, Los Angeles, CA 90031
(Trung Tâm Chinatown)**

(213) 222-4868 & (213) 222-4778

NORTH
LONG BEACH



TRUNG TÂM NHA KHOA

PHƯƠNG TRINH

2150 E. South St. # 116., Long Beach, CA 90805

(Đối diện chợ Ralph, góc Cherry & South)

(310) 531-9778 *** (310) 531-9779

DTT Dental Group

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN-PHƯƠNG-TRINH, D.D.S

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, bọc răng, làm các loại răng giả.
- * Chữa trị các bệnh về nướu răng, hơi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.
- * Lấy gân máu, nhổ răng.

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng mẻ, tái tạo men răng.
- * Làm khít răng thưa, sửa răng mọc lệch.
- * Tẩy răng (răng bị vàng ố, nám đen).

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch lạc, nhổ răng, trám răng.

- * Nhận làm Bác-Sĩ gia đình.
- * Nhận Medical - Medicare và bảo hiểm các loại.

**NHẬN TRẢ GÓP
KHÔNG TIỀN LỜI
Đặc Biệt Cho Quý Vị
H.O. và O.D.P**

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai tới Thứ Bảy:
10:00am đến 7:00pm
đau nhức khẩn cấp
không cần lấy hẹn trước.

PHÒNG MẠCH TRANG BỊ MÁY MÓC TỐI TÂN

CHU ĐÁO - TẬN TÂM - KỸ LƯỢNG



WU's Import & Export Corporation

Tiệm Phật Cụ BỒ-ĐỀ

BUDDHA STATUES SUPPLIES & GIFTS

1629 S. DEL MAR Ave., San Gabriel, CA 91776

(Đối diện chợ Hawaii, có parking phía sau)

CHUYÊN BÁN SĨ VÀ LỄ - NHẬN GỬI HÀNG KHẮP TIỂU BANG TRONG NƯỚC MỸ:

- Đầy đủ nhang đèn, kinh sách, giấy tiền vàng bạc, các lễ vật cúng tế v.v...
- Tượng Phật, Bồ-Tát bằng đồng mạ vàng. Đồ sứ do điêu khắc gia nổi tiếng ở Đài-Loan tạc.
- Chuông mõ lớn đủ cỡ, các loại Khánh dẫn lễ, Chuông đồng.
- Tràng-phang đủ cỡ, áo-tràng, áo Vạt-khách màu lam, mền Đà-la-ni v.v...
- Đèn Dược-Sư, chuông Đại-Hồng-Chung.

Có giá đặc biệt cho quý Thầy, Sư Cô và quý Chùa.

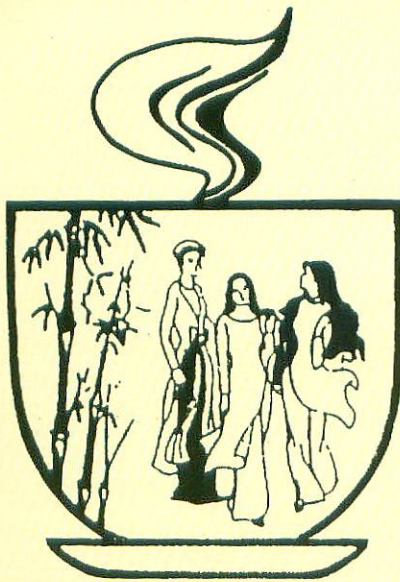
☆ Ngoài ra chúng tôi có bán sỉ và lẻ tất cả các loại tủ và bàn ghế kiểu Trung-Quốc bằng gỗ Cẩm-Lai, điêu khắc rất tinh vi. Giá cả rất phải chăng.

Giá cả nhẹ nhàng. Tiếp đãi ân cần. Chủ nhân thành tín kính mời.

Mở cửa 7 ngày từ : 10am - 7pm

Xin liên lạc: (Tiếng Việt) CÔ PHÓNG - Tel (818) 280-2598

(Tiếng Anh) MR. WU - Tel. (818) 280-7813 ; Fax. (818) 280-4752



NHÀ HÀNG SAIGON EXPRESS

ORIENTAL CUISINE

18515 Roscoe Blvd., Northridge, CA 91324
Tel. (818) 882-3028 ☎ Fax. (818) 882-3875

OPEN 7 DAYS: 10 AM - 9 PM



🍴 Stir Fried Tender Beef
In Oyster Sauce



🍴 Deluxe Stir Fried Vegetarian



🍴 Deep Fried Shrimps

AND MANY MANY MORE !!!!!

We provide catering for all occasions arrangement can be made for after hour **KARAOKE PARTY.**

VĂN PHÒNG CHUYÊN MÔN VỀ DỊCH VỤ DI TRÚ VÀ BẢO HIỂM



Ms. MAI BÙI
PAGER. (714) 445-8855

15751 Brookhurst St., Suite 112
Westminster, CA 92683
(góc Margo Ave)

Tel. (714) 418-0573
Fax. (714) 839-8384

DI TRÚ

Hơn 10 năm kinh nghiệm với các chương trình tỵ nạn Đông Dương từng cứu xét các hồ sơ Immigrant tại JVA / Hồng Kông.

■ BUSINESS & STUDENT VISAS

- Hoàn tất giấy tờ và thủ tục cho sinh viên sang du học tại Mỹ.
- Tổ chức các phái đoàn Thương-Mại Việt-Nam tham quan và nghiên cứu thị trường Hoa-Kỳ.
- Bảo lãnh cho vợ chồng không hôn thú bằng Fiance Visa.
- Chứng nhận độc thân công hàm ngoại giao.
- Có sự cộng tác của luật sư Việt-Nam để thủ tục được nhanh chóng.

Đại Diện Nhiều Hãng Bảo Hiểm Lớn

■ BẢO HIỂM SỨC KHỎE

Blue Cross, Blue Shields, Foundation Health

■ BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Với công-ty lớn và uy tín nhất nước Mỹ
Đầu tư MUTUAL FUNDS với phần lời cao

■ BẢO HIỂM TÀN TẬT

Được bồi thường khi không thể đi làm vì sức khỏe hay tai nạn.

■ BẢO HIỂM MỌI NGÀNH WORKER'S COMP.

■ BẢO HIỂM THƯƠNG MẠI = BẢO HIỂM NHÀ CỬA.

Imperial
Realty



Mr. Tony Toàn Bùi
Broker / Owner
PAGER (818) 420-4848

Công Ty Địa Ốc và Tài Trợ
tại
San Fernando Valley và Orange County

20201 Sherman Way, Ste. 106B
Canoga Park, CA 91306

Tel. (818) 700-1111

Fax. (818) 700-1517

Đặc Biệt

- Cần tiền gấp - mượn \$25,000 từ Home Equity trong vòng 2 tuần.**
- Chuyên lo giải quyết với nhà Bank những căn nhà giá trị thấp hơn mình đang vay.**
- Bán nhà đang bị tịch thu, nhà Bank đang làm chủ, giá dưới thị trường.**
- Đã từng được sự tín nhiệm của quý thân chủ từ hơn 13 năm qua trong khắp vùng **SAN FERNANDO VALLEY, SIMI VALLEY, THOUSAND OAKS**, và phụ cận.**
- Chỉ cần khoảng \$5,000 quý vị có thể làm chủ căn nhà. Tiền hàng tháng vẫn rẻ hơn mượn nhà.**
- Đặc biệt chuyên giải quyết với **LENDER** những căn nhà giá trị thấp hơn so với nợ mình đang trả, hoặc bán nhà không trả lệ phí.**
- Kinh nghiệm từ hơn 4 năm qua, thương lượng với **LENDER** trong các vấn đề mà hầu hết chúng ta đều gặp phải.**
- Có list **NHÀ TỊCH THU KHẮP SOUTHERN CALIFORNIA**, không những chỉ hưởng giá hạ mà còn hưởng phân lời đang xuống.**

GẶP TONY TOÀN BÙI LÀ GIẢI QUYẾT ĐƯỢC HẾT MỌI SỰ KHÓ KHĂN CỦA QUÝ VỊ.

NEWPORT INSTITUTE OF COSMETIC SURGERY &

THẨM MỸ VIỆN HOÀN - MỸ

Chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam

ĐẶC CHẾ KEM CHO TỪNG LOẠI DA

Đặc biệt: Có Bác-Sĩ Thẩm Mỹ chuyên môn cấy tóc tự nhiên và vĩnh viễn

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ Canada, Mỹ, Nhật có bằng thẩm mỹ, kinh nghiệm hơn 20 năm, từng giải phẫu trên 25.000 trường hợp.

DƯỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA BÁC SĨ

P. GIAMES VOLOSHIN

M.D., F.R.C.S. ©

Bà Dương Lan Nguyễn-Gia-Quỳnh

Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ, nhiều năm kinh nghiệm.

Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi cho hợp với khuôn mặt Á Đông.

CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ TRƯỚC KHI SỬA.

Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh để bạn chọn lựa theo ý muốn.

BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU VÀ KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ KỸ THUẬT TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÊ.

MAU LẺ, RA VỀ TRONG MỘT NGÀY.

Phương pháp mới nhất dùng chất sun trong cơ thể bạn để đắp lên mũi nên 100% tự nhiên và sẽ không sợ phản ứng sau khi sửa.

NHẬN TRẢ CẤP KÈ BẢO NIỂM
TẠI MỖI QUÂN

Ở 24 CỘT XE ĐUA ĐƯỜNG VÀ MỖI LẠI



Mrs. Dương Lan Nguyễn-Gia-Quỳnh

DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

360 SAN MIGUEL, SUITE 406 • NEWPORT BEACH, CA 92600

TEL: (714) 759-0995 - Res. 898-6514

1-800-367-9671